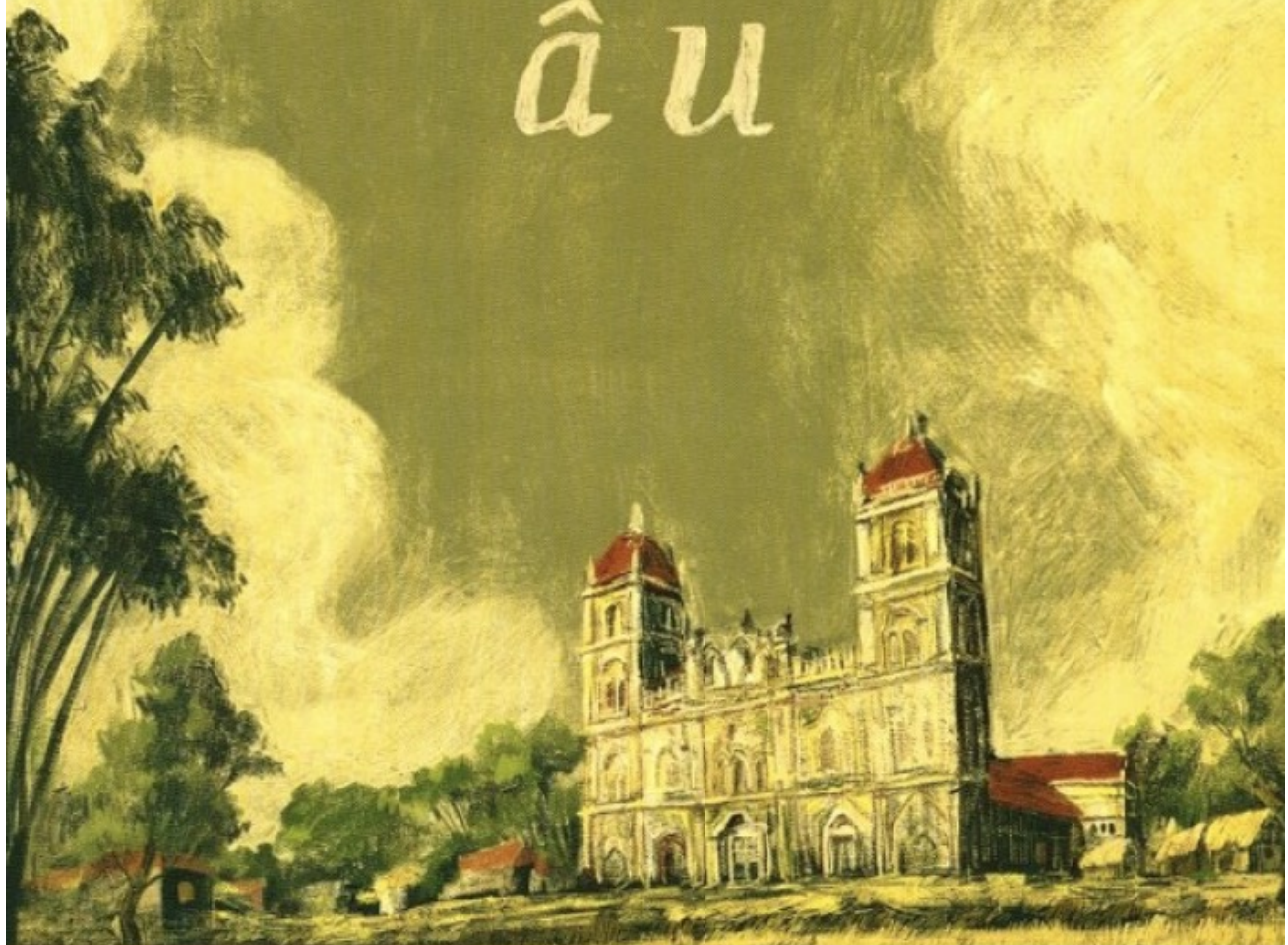


V Û T H Ư H I Ê N

*Miền
thơ
âu*



SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Miền Thơ Ấu

Vũ Thư Hiên



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

LỜI NÓI ĐẦU

Khi đặt bút viết những dòng đầu tiên của cuốn sách mà bạn đang cầm trong tay, tôi không dám tin rằng sẽ có ngày nó được thấy ánh sáng mặt trời.

Nó ra đời như một may mắn không ngờ, như nhờ một phép màu.

Đối với tôi, nó có ý nghĩa đặc biệt. Một thời, nó đã là người bạn tâm tình, là cái nạng cho tôi vịn vào mà đi trên con đường vô định.

Mùa đông năm 1967 là một mùa đông giá buốt, ít nhất là cho tôi, trong cái xà lim không có sưởi và không có quần áo ấm. Trong mùa đông ấy, không hiểu vì sao, tôi cảm thấy nhớ quê hương nhiều hơn bất cứ lúc nào. Cái đầu tiên gợi nhớ đến quê hương là mùi khói cay nồng từ những đống lá mà phu quét đường đốt lên để sưởi, ở bên kia bức tường đá của nhà tù. Ở quê tôi người ta thường đốt những đống rơm như thế để khói ngăn sương muối sà xuống những vườn rau. Mùi khói thoang thoảng lọt vào xà lim gây nên một nỗi nhớ cồn cào, da diết.

Gối đầu trên đôi tay, tôi nằm dài trên phản xi măng lạnh ngắt mà thả hồn về quá khứ, tự hứa thể nào rồi mình cũng phải viết một cuốn sách về cái làng bùn lầy nước đọng quê hương. Cái làng nhỏ nhoi và nghèo khổ ấy gắn liền với thời thơ ấu của tôi, cái thời không mấy hạnh phúc nếu đứng ngoài nhìn vào, nhưng tuyệt đẹp đối với tôi, mà cũng có thể đối với bất cứ ai từng có một cái quê để mà nhớ.

Lúc ấy tôi không nghĩ rằng cuốn sách tôi định viết sẽ được thực hiện không phải ở nơi nào khác, mà trong nhà tù. Ở Hỏa Lò tù nhân bị cấm đủ thứ, nhất là viết, hoặc đọc. Một mẫu giấy báo bị quản giáo phát hiện trong xà lim cũng là một cái tội, người tù giấu nó sẽ bị kỷ luật cùm chân, bị cắt "tiếp tế". Trong năm tù đầu tiên tôi chưa có đủ kinh nghiệm để biết rằng khi cần thiết người tù có thể làm được những việc anh ta không bao giờ ngờ tới.

Ở trại quân pháp Bất Bạt (Sơn Tây) sự sống trong xà lim còn tệ hơn ở Hỏa Lò. Tôi hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài. Nếu ở Hỏa Lò người tù xà lim còn có thể đoán biết được một sự kiện nào đó xảy ra bên kia những bức tường và hàng rào dây kẽm gai nhờ nghe ngóng được động thái của bạn đồng cảnh ở các xà lim cùng khu, thì ở Bất Bạt cái đó hoàn toàn không có. Những người bị giam ở đây, bên cạnh xà lim tôi, thường đã qua thời kỳ hỏi cung (thăm vấn). Họ yên tâm nằm chờ, tháng này qua tháng khác, mà cũng có thể năm này qua năm khác, nhưng họ có cái để mà chờ: đó là ngày chắc chắn sẽ được ra tòa lĩnh án. Án có thể ngắn, có thể dài, nhưng họ sẽ được trở về khi mãn hạn. Những người tù chính trị, lại là thứ có tên gọi mỹ miều là “xử lý nội bộ”, thì không thể có xử, cứ việc nằm đấy, không chờ.

May cho tôi, ở trại này trong một lần "tiếp tế" vợ tôi lén lút giúi cho tôi một cây bút bi Trung Quốc hai màu. Tôi có một đam mê khó hiểu đối với những cây bút. Vợ tôi biết người ta chẳng đời nào cho tù nhận thứ đồ quốc cấm ấy nhưng đã mang nó cho tôi, tôi sẽ có cách giấu. Tôi vờ xin đi vệ sinh, ở đó tôi kín đáo phá nát cây bút quý giá ấy, chôn những mảnh vỡ của nó xuống đất, rồi luồn hai cái ruột bút bi vào nẹp áo bông để mang vào xà lim.

Cuốn sách bắt đầu từ ấy, mùa thu năm 1969.

Tôi mãi mê viết những trang đầu tiên trên vỏ bao thuốc lá, trên giấy kẹo, trên những riềm báo cũ mà gia đình bọc đồ "tiếp tế" (đến lúc đó nhà cầm quyền đã rộng lượng cho phép chúng tôi được giữ lại một số tờ giấy có in chữ, nhưng phải là thứ cũ, hết sạch thời gian tính). Viết phải rất cẩn thận, không được lãng phí những mẫu giấy hiếm hoi, lại phải canh chừng lính gác năm phút mười phút một lần lượn lờ qua phòng giam để kiểm tra.

Những mẫu "bản thảo" lắt nhắt không thể xếp thành trang, phải đánh số rõ ràng để không lẫn lộn, được gom lại, được cất giấu bằng mọi cách trong cái xà lim nhỏ hẹp. Sau đó là

những ngày chờ đợi đến lần được gặp gia đình kế tiếp thì tuần cho mẹ tôi, vợ tôi mang ra. Khi viết được nhiều, bản thảo tích lại khá dày cũng gây ra mối lo. Mà những cuộc gặp lại không có kỳ có hạn, gia đình muốn gặp thì làm đơn, khi nào người ta rộng lượng cho gặp thì được gặp. Được cái từ năm tù thứ ba trở đi đám quản giáo coi nhà tiếp tế không còn khám xét kỹ mỗi lần tôi được gặp gia đình nữa. Vả lại, chẳng cần khám làm gì – chúng tôi đâu có biết ngày nào tháng nào được gặp vợ con đâu mà chuẩn bị. Tôi bao giờ cũng sẵn sàng, cho nên lần nào gặp gia đình cũng chuyển ra ngoài được một ít bản thảo.

Về sau này, trong xà lim trại Tân Lập (Phú Thọ), việc viết không còn khó như trước, mặc dầu vẫn phải canh chừng để không bị phát giác. Sau nhiều lần yêu cầu kiên trì, chúng tôi thậm chí còn được người ta chiếu cố cho phép gia đình mang cho giấy bút và vài cuốn tiểu thuyết ngoại quốc để đọc.

Cuốn sách hình thành dần dần, từng ít một.

Một lần các nhân viên công an nghi ngờ tôi chuyển gì ra, họ chặn mẹ tôi và vợ tôi lại để khám, nhưng hai người đã mang được những mẫu giấy của tôi ra ngoài trót lọt.

Khi những bản thảo đã gom được kha khá, các em tôi – Vũ Chí Dũng, Vũ Thu Hương và Vũ Thu Hòa – hì hục chép lại. Năm 1976, sau chín năm tù, tôi trở về thì đã có một bản thảo hoàn chỉnh. Các em tôi còn đánh máy ra làm mấy bản sạch sẽ để những người thân đọc.

Mẹ tôi đọc xong, bảo:

– Mẹ thích. Nhưng sách không in được đâu. Một là, tên của con bị cấm. Hai là, chuyện một nhà, một làng, liệu mấy ai quan tâm?

Bố tôi nhận xét:

– Dù sao thì nó cũng ghi lại dấu vết một thời kỳ của nông thôn Việt Nam vùng Thiên Chúa giáo. Cứ để đấy, nó sẽ có ích sau này. Cho những nhà nghiên cứu chẳng hạn.

Tôi không có ý định viết cho những nhà nghiên cứu. Họ chẳng cần đến tôi. Tôi cũng chẳng có ý định viết để in. Tôi viết vì đó là công việc duy nhất mà tôi có thể làm trong sự ăn không ngồi rồi bất đắc dĩ. Tôi viết vì tôi thèm được làm công việc mà tôi yêu thích. Tôi viết, ít nhất thì cũng để cho các con tôi, chúng không biết thời thơ ấu của tôi đã trôi qua thế nào. Mà chắc gì sẽ có ngày tôi kể được cho các con tôi nghe?

Hồi ở trại Bất Bạt tôi không nghĩ tới ngày về. Không ít người đã nằm lại trong các nghĩa trang nhà tù. Những nghĩa trang ấy, thường ở sườn đồi, nếu có đồi, hoặc ở một bãi hoang giữa rừng. Trong cái sự tù của chúng tôi nghĩ tới ngày về là ý nghĩ ngu ngốc.

Ý nghĩ viết cuốn sách để lại cho các con đã làm cho cuốn Miền Thơ Ấu có một sắc thái riêng. Nó là hồi ký, nhưng trong lần in đầu tiên nhà xuất bản đặt nó vào loại tiểu thuyết. Trên bìa sách cũng đề rõ Miền Thơ Ấu – tiểu thuyết. Hồi ấy ở Việt Nam chỉ có loại hồi ký là hồi ký cách mạng, do các lãnh tụ kể cho các nhà văn ghi. Người thường không ai viết hồi ký, không được viết hồi ký. Để nó vào dạng tiểu thuyết thì dễ in hơn.

Còn có một lẽ nữa, là cuốn sách có hình thức giống tiểu thuyết trong cách viết, trong cách miêu tả nhân vật, dựng lại đối thoại. Tuy nhiên, tên người, tên đất trong cuốn này được giữ nguyên, không thay đổi. Người trong họ ngoài làng sẽ nhận ngay ra người quen khi đọc. Mà người làng tôi thì không quan tâm đến chuyện cuốn sách mà họ đọc thuộc thể loại gì.

Tôi cho rằng có thể chép cuộc đời vào sách và tạo ra cho nó một dáng vẻ nghệ thuật, nếu ta nhìn đời theo cách nghệ thuật.

Cuốn sách nằm lâu trong đống giấy má vàng úa của một thời chữ nghĩa. Tôi cũng chẳng có thời giờ để ý tới nó vì còn bận đánh vật với những thí nghiệm, chạy đi chạy lại các cơ quan nhà nước kiếm hợp đồng làm hàng gia công, là việc có ích cho sự kiếm sống. Từ khi ra tù tôi làm đủ mọi thứ nghề tạp nham,

trong đó việc sản xuất hàng hoá liên quan tới hóa chất cho các tổ hợp thủ công nghiệp đem lại nhiều tiền hơn cả.

Mãi tới năm 1987, anh bạn Lê Phát, biên tập viên đài Tiếng nói Việt Nam, một người tò mò thích văn chương, đã khai nó ra trong đồng giấy má bừa bộn của tôi. Lê Phát đọc một lèo, anh thích nó, bèn đưa cho nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh, nơi nhà văn Hà Mậu Nhai làm giám đốc. Hà Mậu Nhai cũng đọc một lèo, rồi nhắn tôi đến chơi. Anh tỏ ý muốn in cuốn sách. Tôi ngăn anh:

- Anh không biết có một chỉ thị cấm in tôi sao?
- Tôi biết.
- Vậy mà anh vẫn quyết định in?

Hà Mậu Nhai nói:

- Chừng nào chưa có trước mặt tôi một văn bản pháp luật trong đó ghi rõ quyết định của tòa án cấm không được in Vũ Thư Hiên thì tôi vẫn in. Tôi không ngăn những lệnh miệng và những chỉ thị nội bộ. Tôi in, và còn in tên Vũ Thư Hiên to hơn bình thường nữa kia.

Tôi ngần ngừ. Tôi không muốn vì cuốn sách của mình mà bạn mình mang vạ. Hà Mậu Nhai nói chỉ cần tôi đồng ý cho in. Tôi miễn cưỡng đồng ý.

Cuốn sách được in ra. Tên tác giả được in to hơn bình thường, đúng như Hà Mậu Nhai nói. Hà Mậu Nhai là một nhà văn nhưng không có chân trong Hội Nhà Văn. Anh chỉ có chân trong Xã Hội Những Người Tử Tế.

Năm sau Miền Thơ Ấu được giải thưởng loại A của Hội nhà văn Việt Nam, tức là giải nhất, cho sách dành cho thiếu nhi, mặc dầu nhà xuất bản không đưa nó vào danh sách tác phẩm dự thi. Trong chuyện này Hà Mậu Nhai nghĩ như tôi, sách được in ra là tốt rồi, mong gì được giải. Việc trao giải thưởng năm ấy là sự kiện lớn. Đã nhiều năm chuyện xét và trao giải thưởng văn học bị xếp lại, vì chiến tranh, và vì văn chương là cái sự không ra gì, một thứ xướng ca vô loài, dưới mắt các

nhà lãnh đạo. Chủ tịch Hội đồng xét giải là nhà văn Tô Hoài. Phùng Quán cũng được giải thưởng, loại B, với tiểu thuyết ba tập Tuổi Thơ Dữ Dội. Hai tên tội đồ, một Xét Lại Hiện Đại, một Nhân văn-Giai phẩm, chiếm hai giải thưởng nhất nhì trong một cuộc thi văn chương, là quá lố. Nhưng đã là năm 1988, hai năm sau khi Đảng cộng sản tuyên bố "đổi mới" và "cởi trói". Nếu là những năm trước, việc làm ngang bướng của Hà Mậu Nhai ắt bị trừng trị. Anh vẫn ngồi yên trên ghế giám đốc cho tới khi qua đời, ba năm sau.

Giải thưởng này đối với tôi là bất ngờ, không kém gì việc nó được in ra. Khi mọi người cho tôi biết các báo đều đã đăng tin, tôi mới biết. Việc cuốn sách kể chuyện tầm phào về một làng quê khỉ ho cò gáy mà được giải, lại giải cao, là điều khó tin.

Tô Hoài hiển nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc trao giải lần này. Uy tín của nhà văn già đã thắng tính bảo thủ của các cơ quan lãnh đạo tư tưởng của đảng cộng sản.

Sau đó, đài phát thanh Sài Gòn đọc Miền Thơ Ấu trong chương trình "Đọc truyện đêm khuya", nhà xuất bản Kim Đồng ở Hà Nội tái bản một lần, rồi hai lần...

So với bản thảo, cuốn Miền Thơ Ấu trong lần in đầu tiên được rút gọn còn một nửa theo yêu cầu của nhà xuất bản. Vì không có giấy. Giấy vào những năm ấy đắt khiếp lắm.

Lần xuất bản sau ở hải ngoại không thiếu giấy nhưng lại thiếu những trang bản thảo bị bỏ ra nọ. Chúng nằm lại ở Việt Nam, cách tôi quá xa, không phải xa theo khoảng cách địa lý, mà bởi những khó khăn. Tôi cũng không tìm cách bổ khuyết. Cuốn sách đã có cuộc sống riêng của nó, diện mạo của nó. Chưa chắc gì một sự thay đổi sẽ làm cho nó đẹp hơn. Những gì bị bỏ ra ngoài trong lần xuất bản đầu tiên rồi sẽ được đặt vào một lần xuất bản khác, hoặc một chỗ khác.

Câu chuyện về một chú bé trong cuộc gặp gỡ với quê hương của chú đã tìm được độc giả của nó. Thì ra quê hương của một người, nếu nói về nó bằng tình yêu chân thật, từ trái tim

mình, thì cũng mang dáng dấp quê hương của bất kỳ ai khác, trong sự đồng điệu của tâm hồn.

Tôi bao giờ cũng nhớ về tuổi thơ của mình với tất cả niềm thương yêu dịu dàng, bởi vì tuổi thơ của ai cũng vậy, nó chứa đựng những tình cảm đẹp nhất mà cuộc đời có thể cho ta, khi nắng bao giờ cũng lấp lánh và gió bao giờ cũng ngát hương. Nơi miền đất tuổi thơ, mỗi đám mây bay ngang cũng gợi ta hình dung ra những xứ sở xa xôi từ đó nó bay đến, mặt trăng rằm nào cũng bắt ta phải ngẩng nhìn để tìm ra bóng dáng cây đa với chú Cuội cổ tích, thậm chí một con chuồn chuồn ngô cũng có phép màu làm cho ta biết bơi.

Bạn đã bao giờ cho chuồn chuồn ngô cắn rốn chưa? Nếu bạn đã được một con chuồn chuồn ngô cắn rốn một lần để được sạch sựa một lần trong dòng sông quê hương thì bạn là người hạnh phúc đấy.

Tôi đã đọc những dòng viết ấm áp và chân thành, và lạ thay, bao giờ cũng đầy nuối tiếc, về tuổi thơ trong sáng của mình nơi Lev Tolstoi, Maxim Gorky hay Paul Vaillant-Couturier.

Chúa Giê-su Ki-ri-xi-tô dạy: "Hãy như con trẻ!"

Tôi chưa được nghe lời nào thông thái hơn.

Nếu tất cả những con người sống trên mặt đất này biết nâng niu gìn giữ trái tim con trẻ trong mình thì chúng ta đã không phải chứng kiến những gì xấu xa mà chúng ta phải chứng kiến: chiến tranh, nhà tù, và mọi sự hành hạ mà con người hàng ngày gây ra cho đồng loại.

Bằng cuốn sách bé nhỏ này, tôi muốn chia sẻ với bạn đọc tình cảm triu mến đối với những gì quý báu nhất trong cuộc đời, những gì bạn và tôi đều có nhưng chóng quên, ở một miền thơ ấu của mỗi chúng ta.

VTH.

I

Tôi tỉnh giấc vì những tiếng động mạnh.

Quờ tay sang bên không thấy mẹ, tôi mắt nhắm mắt mở lồm cồm chui ra ngoài màn. Khi đã hết chói mắt vì ánh điện sáng choang từ phòng ngoài hắt vào, tôi nhìn thấy mẹ tôi đứng tựa lưng vào đố cửa nối liền hai phòng. Mặt mẹ tôi như hóa đá. Hai tay khoanh trước ngực, bà im lặng nhìn ra phòng ngoài, nơi thấp thoáng nhiều người lạ mặt. Tôi bước xuống đất, mãi mới xỏ được chân vào guốc. Loạng choạng vì ngái ngủ, tôi nem nép đi tới bên mẹ. Tưởng tôi định bước ra phòng ngoài, mẹ tôi giữ tôi lại, hai tay đặt nặng lên vai tôi

Bố tôi ngồi trên một chiếc ghế tựa được lôi khỏi bàn ăn, ở sát tường. Vẻ bất cần, ông bình thản hút thuốc, không buồn nhìn đến đám người lạ mặt nhằng nháo đi lại và lục tung mọi vật trong phòng. Tiếng động làm tôi thức giấc là tiếng sách bị quăng xuống sàn. Ngôi nhà gia đình chúng tôi thuê hồi đó có hai phòng thêm một ngăn nhỏ chứa đồ tạp nham và bếp. Phòng ngoài được dùng làm phòng ăn, cũng là phòng làm việc của bố tôi. Một tủ sách lớn chiếm gần trọn bức tường. Bên cạnh tủ sách là cái giường nhỏ, khi nào làm việc mệt, bố tôi có thể ngả lưng tại chỗ. Ông có thói quen đọc sách khuya. Chắc bố tôi bị bỏ dở công việc vì những người khách này. Trên bàn, một cuốn sách dày còn để mở.

Trong đám mật thám tới khám nhà tôi đêm đó có một người Pháp. Hắn ngồi ở bàn ăn, đối diện với bố tôi ở một khoảng cách xa, mặt dửng dưng như thể hắn không có ý muốn tham dự vào công việc của đám thuộc hạ. Nhìn thấy tôi, bố tôi mỉm cười. Cái nhìn triu mến, vỗ về. Tôi hiểu, bố muốn tôi đừng sợ. Không có gì đâu, cái nhìn nói: chuyện thường ấy mà, con đã biết thừa là chuyện gì rồi, phải thế không nào?

Tôi không sợ. Bọn mật thám tới khám nhà tôi không phải đây là lần đầu. Có lần chúng khám chán rồi bỏ đi, có lần chúng bắt bố tôi, mang đi. Ít lâu sau, chúng thả. Mật thám là loại

người kỳ cục. Chúng chẳng giống ai, nhưng nếu để ý một chút là có thể nhận ra chúng, ngay giữa đám đông. Nét đặc biệt của chúng là không bao giờ đường hoàng, lúc nào cũng thậm thụt, cũng lấm lét, dường như chúng cố giấu đi cái vẻ ăn không ngồi rồi nghề nghiệp in dấu trên mặt chúng, trên hình hài chúng, cái dáng vẻ phân biệt chúng với những người bình thường, những người thế nào cũng phải bận bịu với một công việc lương thiện hoặc không lương thiện nào đó. Vào thời kỳ bấy giờ mật thám thường khoác áo các thầy ký nghèo sở tư, các tay thầu khoán long đong, các gia sư trẻ rạc người lê gót đi kiếm việc. Tùy theo vai phải đóng, những tên mật thám học mặc áo chùng thâm, quần trắng, đi ô, hoặc vận âu phục tàu, giày tây tàng, mũ dạ. Cái chung của chúng là cặp kính râm đen kịt. Tại sao chúng cứ phải kè kè cái cặp kính tố cáo chúng ấy, tôi không hiểu.

Đạo ấy, trong nhà tôi thường xuyên có bè bạn của bố mẹ tôi đến ở. Có người chỉ đến vài ngày, có người ở lại hàng tháng, trở thành người trong nhà. Nhà chật, họ dọn dẹp bàn ghế lại, nằm la liệt trên sàn gạch hoa. Những con người hiếu động, vui vẻ này lúc nào cũng làm ầm ĩ ngôi nhà nhỏ bé của chúng tôi bằng những bữa ăn đông đúc, những cuộc tranh luận ầm ĩ, rất nhiều cãi vã, nhưng không có giận nhau. Đột nhiên, họ biến mất, hầu như tất cả. Ngôi nhà vắng hẳn. Mẹ tôi có vẻ lo âu. Đêm, nhiều lần tôi tỉnh giấc thấy mẹ tôi vẫn chưa ngủ, mắt chong chong.

Tuần trước, bố tôi sai tôi vẽ một con cò trên bức tường quét vôi vàng ở đầu phố, chỗ ngã tư. Tôi nắn nót vẽ bằng gạch non, rất rõ. Con cò khá đẹp, nhưng đáng tiếc, nó là con cò mù, bởi vì nó không có mắt. Tôi chỉ hiểu tại sao bố tôi lại bảo tôi vẽ con cò mà lại dặn kỹ không được vẽ nó có mắt khi chiều qua bố tôi sai tôi vẽ nốt cho nó con mắt còn thiếu. Thì ra con mắt báo cho những người đến nhà tôi biết có nguy hiểm, họ không được tới nữa, cần phải rẽ ngay sang đường khác. Mỗi nguy hiểm đó là số lượng mật thám quanh quần bên nhà

chúng tôi tăng lên đột ngột. Rất có thể chúng sẽ úp một mẻ tại đây. Nhưng chúng tới muộn và đã úp trượt.

Tên mật thám Pháp ngồi thẳng đuồn, hai tay thả dài trên bàn, mặt bất động, bên trong hai tròng mắt là hai hòn bi ve lạnh lẽo. Điều thuốc lá kẹp nơi bàn tay phải bốc khói, tàn đã dài nhưng hắn không vẩy đi, cũng không đưa lên hút. Hình như sau cái vẻ thờ ơ bề ngoài ấy, thính giác của hắn đang làm việc căng thẳng. Hắn chăm chú theo dõi tiếng dội lại của viên gạch hoa mỗi lần tên mật thám thắp, bé, mắt hấp háy, dùng ba-toong gõ vào đấy.

Những tên khác lặng lẽ tiến hành việc lục soát. Sách báo trong tủ bị rở tung tóe, quăng bừa xuống sàn. Chúng cẩn thận gõ vào từng vách tủ, hi vọng tìm thấy một ngăn bí mật. Một số lục soát quần áo của bố tôi. Chúng lộn tung các túi sờ nắn từng nẹp áo, nẹp quần. Mẹ tôi bĩu môi trong nụ cười khinh bỉ. Cái lũ bản thủ này ra điều sạch sẽ, chúng chỉ đụng tới quần áo bằng ba ngón tay – ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa, hai ngón còn lại vểnh ra, nhất là ngón út cong lên với vẻ ghê tởm, dường như chúng sợ những quần áo mà chúng buộc phải đụng đến sẽ dây bẩn ra tay chúng.

Sau phòng ngoài, bọn mật thám lần đến phòng trong. Tôi đọc thấy một thoáng lo ngại trong mắt mẹ tôi. Buổi chiều, có một nhà sư tới, ông đưa cho bố tôi một bức thư nhỏ xíu cuộn tròn như que tăm cài trong tấm khăn nâu quấn trên đầu. Bố tôi xem xong, cuộn bức thư lại như cũ và nhét vào kẽ nứt giữa đồ cửa và tường. Thường bố tôi đốt thư đi sau khi xem xong, nhưng lần này ông để lại, chắc còn phải chuyển tiếp đi nơi khác. Tôi thấy tim mình như ngừng đập khi một tên đeo kính trắng lấy tay gõ gõ vào đồ cửa. Nhưng ngón tay hắn đi lướt qua chỗ đó, chỗ giấu bức thư, rồi gõ tiếp trên những chỗ khác. Tôi thở phào, nhẹ nhõm. Bố tôi liếc mắt nhìn tôi, bình thản hút tiếp một hơi thuốc.

Bọn mật thám làm việc trong im lặng. Chúng chỉ trao đổi với nhau đôi câu, khi thật cần thiết.

Sau hai giờ lục soát từ trên nhà xuống bếp, chúng chẳng tìm được gì, ngoài mấy cuốn sách tiếng Pháp mà chúng thấy cần thu, coi như tang vật. Nhìn những cuốn sách của mình bị buộc lại, đặt lên bàn ăn, trước mặt tên mật thám Pháp, bố tôi nhún vai, nói bằng tiếng Pháp:

- Hình như các ông lầm, đó là mấy cuốn sách tôi mua ở hiệu, đều là sách do các ông cho phép bán.

- Rất có thể là như vậy. - tên mật thám Pháp trả lời, hắn cũng chẳng buồn nhìn đến những cuốn sách ấy - Những cuốn sách có bán ở hiệu trong thời kỳ Mặt Trận Bình dân đã trở thành không còn hợp pháp. Vào thời kỳ Mặt trận đó đã hết uy thế, ông hiểu chứ?

- Không, tôi không hiểu. Nói chung, nền văn minh Pháp ở thuộc địa trước nay vẫn là một nền văn minh khó hiểu.

Tên Pháp, đứng lên, hờ hững đỡ cái ba-toong từ hai tay tên thấp bé có cặp mắt hấp háy. Cuộc đối thoại ngắn ngủi đó tôi ghi lại theo lời mẹ, nhiều năm sau. Bà thường kể lại cho chúng tôi nghe những kỷ niệm vui buồn trong đời bà. Một tên mật thám trẻ nhất bọn, lực lưỡng, nước da đen sạm tiến về phía bố tôi, đôi mắt nhiều lòng trắng hắt ra những tia lạnh lẽo.

- Xin lỗi!

Tên Pháp nói, nhìn vào tay bố tôi. Bố tôi nhếch mép cười, đưa hai tay ra. Một tiếng cách khô khan, cái còng đã ngậm chặt hai cổ tay bố tôi.

Tên mật thám Pháp bước ra cửa, những tên còn lại lục tục theo sau.

Trong bóng đêm phấp phấp, tôi nhìn thấy bố tôi bị du mạnh vào trong chiếc xe hòm màu đen đã mở máy chờ sẵn. Tên mật thám Pháp bước lên theo. Lũ thuộc hạ leo lên một xe khác. Tiếng động cơ nổ vang trong đêm. ánh đèn đỏ ở sau xe xa dần rồi tắt ngấm.

Chị Tường, người trông chúng tôi, òa khóc. Mẹ tôi ôm lấy chị dìu vào trong nhà.

– Quân Luy-xi-phe!¹ Chúng nó làm tanh bành trong bếp, có vai dưa mới muối cũng làm đổ cả ra kia, mợ xuống mà xem!

Đáng lẽ phải nguyên rửa quân Luy-xi-phe đã bắt bố tôi mang đi, chị lại không nói ra điều đó, mà oán trách chúng làm lộn tung phèo cái bếp mà chị mất bao công phu giữ gìn cho nó luôn gọn gàng ngăn nắp.

Tội nghiệp, chị là người bạn thời thơ ấu của bố tôi, và chị thương bố tôi biết mấy. Chúng tôi gọi chị bằng chị theo thói đời bấy giờ, vì chị là người nhà nhưng ở vị trí người làm. Gần bằng tuổi bố tôi, mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở còn thơ, chị được ông bà nội tôi đón về nuôi, chị lớn lên trong nhà ông bà tôi như một đứa con, nhưng không hiểu sao vẫn không được coi như con nuôi. Khi tôi ra đời, bố tôi đưa chị lên Hà Nội, từ đó chị trông nom chúng tôi chẳng khác gì người mẹ thứ hai.

Mẹ tôi không khóc. Bà ngồi thần ra một lúc, như thể bà không tin việc vừa xảy ra là có thật, và giờ đây bà cần phải khẳng định với chính mình rằng việc đó đã xảy ra, rằng bố tôi đã bị bắt thật, rằng ông sẽ không được ngủ đêm nay ở nhà mà phải chịu thức trắng với những cực hình mà ông đã từng nếm trải tại Sở Liêm Phóng. Rồi bà tần ngần nhặt từng cuốn sách lên, vuốt lại cho khỏi quần mép và xếp vào chỗ cũ. Chị Tường ngồi bên cạnh, vừa khóc thút thít vừa giúp mẹ tôi thu dọn lại phòng ngoài. Hai người thức cho tới khi trời sáng.

Điều đáng ngạc nhiên là không hiểu vì lẽ gì bọn mật thám chỉ xem qua loa phòng ngủ chứ không khám kỹ như trong bếp và phòng khách. Vì thế các em tôi vẫn ngủ say. Chúng chẳng biết chút gì về việc xảy ra trong đêm. Sáng dậy, chúng vẫn nô đùa, vẫn vòi mẹ. Bố tôi thường vắng nhà, chúng đã quen, thậm chí cũng chẳng buồn hỏi bố đâu. Tôi khác, tôi có một trí nhớ đáng nguyên rửa. Những gì tôi chứng kiến tôi nhớ rất lâu, đến từng chi tiết. Có một trí nhớ như vậy thật chẳng hay ho gì.

Nó là một cái vạ.

II

Tin tức từ trong tù báo ra cho biết: bố tôi sẽ bị đi an trí.

Đó là số phận chung của những người bị tình nghi có dính líu tới những hoạt động chống lại Nhà nước Bảo hộ, nhưng là những người mà Nhà nước Bảo hộ không có đủ chứng cứ để có thể đem ra xử và kết án. Cách làm này thực dân Pháp học được của phát xít Đức. Trại an trí hay là "căng" (camp), theo cách gọi thời ấy, chẳng qua chỉ là một cái tên khác của trại tập trung (camp de concentration). Có nhiều "căng" cho tù chính trị, nhưng bố tôi sẽ bị đi "căng" nào thì chưa biết.

Tạm thời, ông bị giam tại Hỏa Lò.

Có nhiều người Hà Nội chính gốc không biết lai lịch của Hỏa Lò. Phần nhiều chỉ biết nó là nhà tù, nó ở đâu, và chỉ thế thôi. Tôi biết Hỏa Lò quá sớm. Nó để lại cho tôi một ấn tượng nặng nề.

Tên thật của Hỏa Lò là Lao Trung ương (Mai son Centrale). Cái công trình bằng đá hộc có bốn cạnh không đều này nằm lù lù giữa thành phố, bốn góc có tháp canh lính gác ngày đêm. Nằm sát bên nó là Tha Đại Hình, cách một con đường nhỏ. Tên Hỏa Lò là tên phố, đầu xưa kia ở phố này có nhiều cửa hàng bán Hỏa Lò đất. Nhưng cái tên phố được dành cho nhà tù lại gợi nghĩ đến một cái gì đó thiêu đốt, hành hạ bằng lửa, bằng sức nóng của thứ bếp rừng rục than hồng. Những người đã từng ở bên trong Hỏa Lò nói rằng bốn bức tường đá giăng quanh bị mặt trời hun nóng ban ngày, ban đêm tiếp tục nhả lửa vào các xà lim cá nhân tối tăm và ngột ngạt. Về mùa đông, Hỏa Lò tắt ngấm khí đá lạnh thấu xương. Nghe nói Hỏa Lò được xây dựng cùng thời với Nhà Bưu Điện, Đồn Thủy và các trại lính trong khu thành cổ. Nghĩa là khi có tín hiệu báo động, lính thủy và lính bộ của thực dân Pháp sẽ từ các trại lính xông ra đàn áp các cuộc nổi dậy, bắt được ai thì bỏ vào Hỏa Lò.

Thật là tiện.

Để được thăm bố tôi, mẹ tôi và tôi phải dậy sớm chiều chực ở chân tường bên phải cửa vào, sát đường Hàng Bông Thọ Nhuộm. Đến giờ vào thăm tù sẽ có một thầy ký ra gọi tên. Thầy ký này có vẻ mặt và dáng dấp trịnh trọng không lẫn vào đâu được, đến nay tôi còn nhớ rõ. Gầy và xanh, vận com-lê trắng, nếp là thẳng tắp, đeo kính trắng, đi đứng khụng khiêng, ông ta cao giọng gọi tên từng người được vào thăm tù theo cách riêng của ông ta:

- Le Đin Khoi!
- Tran Van Bik!
- Nguyen Thi Mai!

Cái lối gọi lơ lớ theo tiếng Pháp, không có dấu, của thầy ký làm cho nhiều người lầm lẫn. Đám đông lộn xộn hỏi nhau, quát gọi í ới, rồi bỗng ai đó chột nhận ra người ta gọi đích tên mình chứ không phải người khác, vội tất tưởi chạy về phía cổng.

Để vào tới chỗ thăm tù, chúng tôi phải qua ba lần cửa. Không kể lần cửa ngoài cùng, bên dưới vòng cung đắp nổi hai chữ MAISON CENTRALE, còn có một cửa sắt thưa, rồi một cửa sắt nữa, nhỏ hơn, dẫn vào một hành lang quét vôi xám. Rẽ sang trái, chúng tôi rơi vào một căn phòng tối mờ, ban ngày cũng phải tắt điện. Những người đi thăm tù ngồi đợi ngao ngán trên những ghế dài.

Chỗ gặp là một tấm lưới thép chạy dài ngăn căn phòng thành một phòng nữa nhỏ hơn. Bên tấm lưới ấy, những người nhà pha (người tù) nói chuyện chớ ra với người nhà. Những mẫu đối thoại ngắn ngủi, tiếng gắt gỏng của những viên giám thị, tiếng đàn bà khóc nức nở, tất cả làm thành một tiếng ồn không dứt. Nền xi măng giội lên trần cao một lần nữa tiếng chân người sần sật, tiếng thì thào tiếng ho bị bịt lại của những người đang nóng ruột chờ tới lượt mình. Tất cả những cái đó đè nặng lên tôi. Tôi chỉ muốn mau mau thoát ra khỏi căn phòng này để tới với khoảng không rực nắng và thoáng đảng ngoài kia. Thậm chí tôi quên cả nỗi nhớ thêm được gặp bố,

chỉ mong sao cho cuộc đi thăm này sớm kết thúc. Bầu không khí ngột ngạt làm cho đầu tôi váng vất.

Sau nửa giờ chờ đợi, tôi nghe thấy một giọng hách dịch và lạnh tanh kêu tên bố tôi.

Mẹ tôi đứng bật dậy, lật đật chạy tới tấm lưới thép, tôi chạy sau. Từ trong cửa ngách, bố tôi xuất hiện, mặt hốc hác, râu tua tủa nhiều ngày không cạo. Nhưng bố tôi cười. Trong những phút hiếm nghèo, những lúc khó khăn bao giờ bố tôi cũng cười, nụ cười làm cho người nhìn thấy yên lòng. Tôi đứng bên mẹ, ngẩng đầu lên nhìn bố. Nói chuyện với mẹ, bố thỉnh thoảng lại nháy mắt với tôi, có ý nói tôi đừng buồn, bố vẫn biết có tôi đứng đấy, nhưng vì có chuyện quan trọng phải nói với mẹ đã, cho nên bố chưa có thời giờ nói với tôi. Tôi hiểu, bố mẹ tôi dành những phút gặp gỡ hiếm hoi này để thông tin cho nhau những điều mà bên ngoài hoặc bên trong nhà tù cần phải biết, những chuyện khác chỉ là bề ngoài, để che giấu câu chuyện chính.

Viên giám thị già, tay chấp sau lưng, đầu hơi cúi, đi đi lại lại dọc theo tấm lưới thép. Bên trong, sát chỗ bố tôi đứng, một viên giám thị khác, mập lùn, vẻ mặt ngán ngẩm, ngồi trên ghế tựa, luôn đổi chân vắt lên nhau và ngáp vặt. Chung quanh, những người đến lượt gặp người nhà nói chuyện nhao nhao cùng một lúc. Phần lớn tù được ra gặp người nhà là thường phạm. Có thể phân biệt được hai loại tù: chính trị phạm có dáng trí thức, phong thái đĩnh đạc. Thường phạm không thế – trong họ dấu ấn nguồn gốc bình dân rất rõ. Ở góc xa có một chính trị phạm đang nói chuyện với mẹ. Tôi nhìn thấy bà cụ tóc bạc phơ này từ khi đứng đợi ở bên ngoài, rất sớm.

Rồi cũng đến lúc mẹ tôi nhắc tôi lên cho tôi nói chuyện với bố. Tôi nhìn thấy bố rất gần. Mặt hai bố con gần chạm nhau, chỉ cách có tấm lưới.

Bố tôi gầy quá, bây giờ tôi càng thấy rõ. Lưỡng quyền nhô cao, mắt trũng sâu, đôi môi khô, nứt nẻ.

Chắc chúng nó đã tra điện bố tôi. Và ông đã rút đứt cúc áo cắn chặt giữa hai hàm răng để khỏi cắn vào lưỡi. Những câu chuyện về mật thám tra điện thế nào tôi đã được nghe.

Chỉ cần nghiền chặt răng chịu đựng cho tới khi ngất đi là xong, những người từng bị tra điện nói thế.

– Mẹ sẽ vất vả lắm đấy, con hiểu không? – bố tôi nói, giọng xúc động.

– Con hiểu ạ.

– Con lên bảy rồi, con đã lớn.

Bố định nói tiếp điều gì, rồi lại ngập ngừng.

– Con sẽ chăm học. – tôi vội nói cho bố yên lòng.

– Ừ, con phải chăm học. Nếu con học dốt, bố sẽ buồn.

– Con sẽ không hành chọe với các em.

– Phải chiều các em, bởi vì chúng nó bé hơn con.

– Vâng.

Viên giám thị mập lùn đứng lên, ngáp một cái dài. Rút trong túi áo cái đồng hồ quả quít mạ bạc bóng loáng, ông ta bật nắp, nheo mắt lại để đọc giờ, rồi đập nắp lại đánh tách:

– Hết giờ!

Cánh cửa ghi-sê được mở ra cho mẹ tôi chuyển quà vào. Mẹ tôi đột ngột ôm chặt tôi, đứt vội tôi qua ghi-sê. Tôi chỉ giẫy mạnh chân một cái là đã nằm gọn trong vòng tay bố. Ông ôm ghì lấy tôi, hôn khắp mặt.

– Ê, bỏ ra, không được phép!

Bố tôi hôn tôi lần cuối, và đứt tôi trở lại. Viên giám thị già giằng bố tôi ra xa ghi-sê. Đôi lông mày rậm như hai con sâu róm của ông ta cau lại.

– Con về ở với cô Gái phải ngoan, con nhé!

Bố tôi dặn với. Đó là điều bố ngần ngừ mãi mới nói được với tôi.

Chắc chuyện này bố đã bàn với mẹ, nhưng tôi không nghe thấy. Mà cũng có thể ông chỉ nói quyết định của mình, đến lúc ấy mới nói ra. Không phải quyết định nào ông cũng bàn với vợ, tính ông thế.

Quyết định của bố làm tôi choáng váng. Mẹ tôi ôm chặt tôi, mắt đỏ hoe.

Bố tôi đi về phía cửa nách. Ông ngoảnh lại mắt lần, kiễng chân lên để nhìn chúng tôi cho rõ hơn. Ở cửa, ông dừng lại, đưa tay lên vẫy, gật đầu và mỉm cười.

Một giọng hách dịch vang lên gọi tên một người nào đó.

– Con về ở với cô Gái phải ngoan, con nhé?

Trong đầu tôi văng vẳng câu nói của bố.

Ngoài trời, nắng lóa mắt. Tôi bước theo mẹ, nhưng không còn thấy sung sướng được bước ra khỏi căn phòng tối mờ và ngọt ngào của Hỏa Lò như ít phút trước tôi còn ham muốn.

III

Cô Gái là chị cả của bố tôi.

Ở trong họ tôi có lối xưng hô như vậy, chị của bố được gọi bằng cô.

Đó là một người đàn bà dường như chưa bao giờ trẻ; đối với tôi, bà vĩnh viễn già kể từ khi tôi gặp. Vóc người cao lớn, xương xẩu, dáng đi thẳng đuột, bà có bộ mặt quàu quạu, cái nhìn chê bai và soi mói, giọng nói lạnh lùng. Bà ở nhà quê, thỉnh thoảng mới lên thăm các em trai ở Hà Nội. Một hai năm một lần, bà xuất hiện ở nhà tôi với thúng quà đội trên đầu, bao giờ cũng vẫn những thứ ấy: bột sắn dây, trứng cá, rượu bách nhật làm bằng nếp cẩm, gạo tám thơm, bánh quế, bánh đa khoai... Bà không mua một thứ gì trong những món quà cố hữu ấy, tất cả do bà làm lấy bằng sản vật thu hoạch từ ruộng nhà vườn nhà, là những thứ mà các em của bà đã quen hương quen vị từ thuở còn thơ. Những ông em đứng tuổi nem nếp trước bà chị xét nét, các bà vợ ra sức chiều chuộng bà chị chồng lạnh lùng không bao giờ bỏ lỡ dịp chứng tỏ cái quyền uy gia trưởng mà bà mang giữ.

Lũ cháu chúng tôi thích quà của bà, nhưng không yêu bà. Mà bà cũng chẳng quan tâm đến chuyện chúng tôi có yêu bà hay không. Đối với bà, con của các em là cháu bà, thế thôi. Một khái niệm không hàm cảm xúc. Ở quê lên bà vẫn chúng tôi lại, gọi to tên từng đứa như tự nhắc mình cho khỏi quên, lăm lăm học những tên mới của những đứa cháu mới ra đời, ban phát quà bánh rồi lập tức quên bẵng, chẳng ngó ngàng tới chúng tôi nữa. Bà không biết tin đứa em út của mình ở tù. Bà chỉ được tin sét đánh khi mẹ tôi dẫn tôi về quê.

– Giê-su, lạy Chúa tôi?

Bà kêu lên và từ trong hai hố mắt sâu của bà lặn ra hai giọt lệ đục. Bố tôi là đứa em trai mà bà yêu quý nhất.

Khi mẹ tôi nói lại quyết định của bố tôi cho tôi về ở với bà thì cô Gái tôi lau nước mắt và nhìn tôi bằng cặp mắt ráo hoảnh như thể bà không hề khóc một phút trước đó. Tôi đọc trong mắt bà sự do dự, sự suy tính. Rồi ánh mắt dịu đi, bà nói:

- Thím cứ để nó cho tôi.

Mẹ tôi kể cho bà nghe những tội của tôi ở Hà Nội. Bà nghe với cái nhìn xa vắng.

- Tôi sẽ trị cho nó bằng ngoan.

Bà vẫy tôi lại gần, đặt bàn tay xương xẩu và lạnh giá lên đầu tôi.

Mẹ tôi rơm rớm nước mắt từ biệt tôi.

Sự vắng mặt người đàn ông trụ cột trong gia đình buộc mẹ tôi phải tuân theo quyết định của bố tôi. Tôi là một đứa trẻ hiếu động, bướng bỉnh và tôi luôn luôn gây ra tội lỗi. Lúc thì chành chọe với em, lúc thì đánh nhau với trẻ con hàng xóm, đi học thì mãi chơi đánh mất cả dép lẫn cặp. Nói tóm lại, tôi làm mẹ tôi vất vả. Nhưng cái chính là đồng tiền trở nên khó kiếm, tôi cảm thấy điều đó qua những món ăn mỗi ngày một thêm đậm bạc, mà mẹ tôi thì ngoài việc kiếm sống nuôi các con còn có những công việc cách mạng của bà và những đồng tiền hiếm hoi chạy vào đó như chui vào một cái túi không đáy.

Cô tôi phải do dự rồi mới quyết định nuôi tôi vì nhiều lý do. Trước đó, bà chưa bao giờ yêu tôi. Tôi đã nói, tôi chỉ là đứa cháu khái niệm của bà. Nhưng tôi là con của bố tôi, là cháu ruột của ông bà tôi, cho nên, như mọi đứa cháu khác, tôi cũng có quyền dự phần vào những gì mà ông bà tôi để lại ở trong làng, tôi cũng có phần ruộng công điền như mọi suất đình khác và phần ruộng đó, tuy bé bỏng, nhưng đã nhiều năm cô tôi được hưởng. Vả lại, dù sao thì cũng còn dòng máu. Vì dòng máu đó, cô tôi phải nuôi tôi.

- Thằng kia, lại đây.

Cô Gái gọi tôi.

Tôi rụt rè lại gần bà. Tôi không lại với bà như cách tôi đã lại với bà ở Hà Nội, trong nhà tôi, khi bà lên thăm và cho quà. Còn bà, bà nhìn tôi xa lạ, soi mói, phán xét, như nhìn một con vật vừa mua.

- Mà đã đi lễ bao giờ chưa?

- Thưa cô, chưa ạ.

Tôi đáp lí nhí trong họng.

- Hồng! - bà đặt tay lên vai tôi, bàn tay như được đúc bằng chì - Hồng?

Tôi run lên. Tôi muốn tan biến đi để cặp mắt hoay hoáy như hai mũi dùi nhọn không còn nhìn thấy tôi nữa.

Bố mà bỏ đạo, - bà thở dài - mẹ mà là kẻ ngoại giáo. Lạy Chúa tôi, nhà đạo gốc mà con cháu giờ ra thế vậy. Mà có biết tên thánh của mà là gì không?

Tôi ngớ ra. Tên thánh, nó là cái gì?

- Không biết hả?

Tôi lắc đầu.

- Mà phải nói: thưa cô, cháu không biết ạ! Rõ con nhà mất dạy. Nghe tao nói đây, mà đã được làm lễ rửa tội, vậy mà là kẻ có đạo, hiểu chưa?

- Thưa cô cháu hiểu rồi ạ.

- Tên thánh của mà là Giu-se?

- Là Giu-se! - tôi nhắc lại, như máy.

- Giu-se là thánh quan thầy cầu bầu cho mà phần hồn cùng là phần xác.

- Thưa cô, vâng ạ.

- Ừ thế mới được chứ. Con nhà gia giáo, phải biết thưa gửi tử tế, khi nói với người trên phải khoanh tay lại (tôi vội vã khoanh tay), nhớ lấy, con nhà gia giáo chứ không phải con nhà cáo tha.

Tôi không biết con nhà cáo tha nó thế nào, nhưng không dám hỏi lại, tôi đáp vâng.

Người có đạo là con chiên của Chúa – bà nói, giọng đã dịu xuống, nếu để ý, bà sẽ thấy cả con chiên nữa tôi cũng không hiểu là con gì – Khi chết đi, Chúa sẽ rước lên Thiên Đàng ở cùng Chúa đời đời. Kẻ vô đạo sẽ sa Hỏa Ngục bị quỷ sứ móc mắt, cắt lưỡi, quay trên lửa, luộc chín trong vạc dầu, khổ nạn vô cùng. Mà ở đây với cô, cô dạy cho thuộc kinh bổn. Người có đạo phải siêng năng cầu nguyện cùng là xưng tội chịu lễ.

– Thưa cô, vâng ạ.

Đột nhiên, bà kéo tôi vào lòng.

– Giê-su Ma-ri-a! Tội nghiệp cháu tôi.

Tôi òa khóc.

Cuộc sống của tôi trong ngôi nhà của ông bà nội tôi bắt đầu.

IV

Ngôi nhà của ông bà nội tôi là của các cụ tôi để lại. Trong ngôi nhà đó, dấu vết của các thế hệ nối tiếp nhau được ghi lại khá rõ. Trước hết, phải kể một gian lớn và một gian nhỏ bằng lim đen bóng, rất chắc chắn, theo sự dẫn tích của cô tôi, là ngôi nhà có từ đời kị. Đến đời cụ, từ gian nhỏ lại nối dài thêm ra ba gian nữa, cửa, vách đều bằng gỗ, nhưng thuộc loại xấu hơn, chóng hỏng hơn. Khi tôi về ở với cô Gái, ba gian này đã mọt nhiều, có cột đã bị mọt ăn ruỗng phần dưới, phải vá lại. Ở bên ngoài vách, thời gian để lại một lượt mốc mỏng màu trắng xám, khi sờ vào nó để lại trên tay một thứ bột nham nháp. Ba gian này bây giờ không người ở, nhưng cô tôi vẫn giữ nếp sáng mở ra, tối đóng lại như khi ông bà tôi còn sống. Cô tôi có thói quen lên nhà trên (tức là ba gian tôi vừa nói tới) ngồi một lát trước khi trời tối.

Bà ngồi im phăng phắc như một pho tượng, thỉnh thoảng lại lẩm bầm khe khẽ, như thể bà tự nhắc mình điều gì đó, mà cũng có thể bà đang nói chuyện với những người vô hình, những người đã sống trong ngôi nhà này, nhưng không thể nào biết được bà nói gì và nói với ai.

Ngôi nhà (giờ đây chỉ là một phần nhà) của kị tôi có một cái giường rộng mà chiều dài của nó chạy suốt một gian nhà gọi là giường gian. Một cái màn nâu mắc trên cái giường đó. Nó dài và cao, xứng với giường, được gọi là màn gian. Vài năm một lần, cái màn được tháo xuống, đem ra ao nhúng nước, đập cho hết bụi bẩn rồi lại treo lên như cũ. Trước khi bước lên giường gian phải leo qua một cái giường giát nhỏ vừa dùng làm bàn ăn, vừa dùng làm nơi tiếp khách, còn tối đến thì trở thành nơi cầu nguyện. Cầm lòng cầm trí đọc kinh, – tối cầu nguyện bắt đầu bằng lời xưng cao giọng của cô tôi – Đức Chúa Lời thương cho chúng tôi...

Hai cô cháu tôi xếp bằng tròn trên giường giát, ngẩng mặt nhìn lên bức vách đối diện, trên đó có tượng Chúa Giê-su

Chịu Nạn bằng ngà gấn trên thập giá bằng gỗ mun, ảnh Trái Tim Đức Mẹ, ảnh ông thánh Giu-se ẵm Chúa Giê-su Hài Đồng, và cứ ngồi như thế đọc kinh cho tới khuya.

Những hình người im lìm làm tôi chán, vừa đọc kinh tôi vừa theo dõi cái con lắc bằng đồng đã han rỉ đưa qua đưa lại. Cái đồng hồ đã cổ lắm. Tuổi già làm cho nó luôn ngừng chạy. Muốn cho nó chạy lại phải nín thở nhẹ nhàng xê dịch nó một chút sang phải hoặc một chút sang trái, tùy theo thời tiết thay đổi, theo mùa và tùy theo cả sự trái tính trái nết của nó. Chỉ vì cái đồng hồ này mà cô Gái ngăn cấm mọi sự nô đùa của trẻ con, bà sợ bước chạy thành thịch của các cháu hoặc tiếng la hét của chúng sẽ làm cho cái đồng hồ bực mình mà đứng lại.

Từ ngôi nhà của kị còn mọc thêm một nhánh nữa, nhánh ngang, nên được gọi là nhà ngang hay nhà dưới. Nó gồm ba gian cột xoan, vách đất tênh toàng. ở đây, cô tôi đặt cối xay lúa. Công việc sàng sẩy được làm tại đây. Ngày mùa nó là kho chứa lúa, nơi vò lúa. Cối giã gạo cũng nằm tại nhà ngang nhưng ở ngoài hiên. Từ nhà ngang quặt sang trái có một gian tồi tàn hơn nữa là bếp, với những cột xoan cong queo. Bếp nổi dài thêm một chái dùng làm chuồng lợn, là một cái cũi lớn bằng thân cau ghép. Tôi tả dài dòng ngôi nhà để bạn đọc thấy kiến trúc nhà ở vào thế kỷ trước đầu thế kỷ này rất thực dụng và tùy tiện. Tất nhiên, trừ nhà giàu.

Ngày thứ hai của cuộc sống ở nhà quê của tôi, tôi được cô Gái dẫn đi xem nhà trên. Cuộc đi xem này, gọi là đi viếng thì đúng hơn, như về sau tôi được biết, là một nghi thức trang trọng và nhất thiết đối với con cháu. Ở chính giữa nhà trên là bàn thờ Đức Mẹ. Hai gian bên kê hai cái giường rất hiếm khi có người nằm. ở hai cột ngăn bàn thờ và hai giường là một đôi câu đối, bên trên bàn thờ là một bức hoành phi, những chữ nho mạ vàng đã mờ. Bên dưới bàn thờ là một cỗ hậu sự sơn thên. Trước bàn thờ là bộ tràng kỷ, trên mặt bàn còn để nguyên chiếc đĩa bát và bộ đồ trà của ông nội tôi.

Bàn thờ Đức Mẹ là một tủ nhỏ hình hộp có cửa kiểu "gô-tích" sơn son thếp vàng, che bằng một mảnh niêu đỏ. Dừng lại trước bàn thờ với nét mặt rất thành kính, cô tôi làm dấu thánh rồi mới trịnh trọng vén bức màn niêu lên. Từ bên trong hơi tối, một người đàn bà châu Âu tóc vàng, mắt xanh, vận áo dài thêu kim tuyến, ẵm đứa con trai kháu khỉnh nhìn xuống chúng tôi.

Cúi sát xuống mặt tôi, cô Gái thì thào:

– Cháu có biết ai đây không?

Không suy nghĩ, và cũng muốn vội vã khoe hiểu biết của mình để chiều lòng cô, tôi nói ngay, rất vui vẻ:

– Con mẹ đằm.

– Lạy Chúa tôi lòng lành vô cùng!

Như bị một cái tát thẳng cánh, cô tôi bật ngửa, bà kêu lên một tiếng gọi Chúa thảm thiết, mặt trắng nhợt, con người chực nhảy ra khỏi tròng.

Tôi lạnh toát người, run lấy bầy trước hậu quả của việc làm dại dột.

– Quân vô đạo! – cô Gái rít lên khi tỉnh trí lại, bà thẳng tay cốc cho tôi một cái trời giáng – Lu-xi-phe! Báng bổ!

Người đàn bà, chính là Đức Mẹ Ma-ri-a mà trước đó tôi chưa được hân hạnh làm quen, đứng đưng nhìn cuộc trừng phạt diễn ra dưới chân mình.

Cô tôi quỳ xuống, hai tay chắp trước ngực, thành kính và van nài nhìn lên Đức Mẹ.

– Xin Đức Mẹ lòng lành tha tội cho con trẻ. – bà khẩn khứa, giọng đẫm nước mắt – Nó không được dạy dỗ nên trót dại báng bổ. Con xin Đức Mẹ khoan thứ, con xin gìn giữ phần hồn cho nó để nó khỏi sa chước quỷ dữ. Chắp tay lại thẳng quỳ kia! Quỳ xuống. Nói: xin Đức Mẹ lòng lành tha tội cho con cùng?

– Xin Đức Mẹ lòng lành tha tội cho con cùng.

Tôi lí nhí lặp lại lời dạy của bà. Bà bắt tôi nói to hơn.

Tôi cố nói to hơn, nhưng vẫn chưa đủ to như bà muốn. Tôi phải nhắc lại tới lần thứ ba. Chưa nguôi giận, cô Gái hầm hầm túm tóc tôi đẩy tới trước bức vách ngăn với phòng bên, trên đó dán la liệt những bức tranh mộc bản lờ lợt.

– Nhìn vào đây này, quân vô đạo, con cháu của Lu-xi-phe, của Sa-tăng! Hỏa ngục đấy. Quỷ sứ đấy. Kẻ nào sống phạm nhiều tội trọng, chết sẽ sa Hỏa ngục, bị nấu trong vạc dầu, chịu cho quỷ sứ phân thân...

Những thằng quỷ sứ đen sì, mắt trắng dã nhìn tôi. Chúng có sừng như sừng dê, thay vào bàn chân, chúng có móng như móng ngựa. Với những chiếc đinh ba nhọn hoắt, chúng lôi xềnh xệch những con người trần truồng ném vào vạc dầu, chúng dùng mã tấu chặt chân tay những người nằm sấp trên mặt đất. Một thằng quỷ sứ hung tợn túm tóc một người nằm trên giường, miệng kẻ bất hạnh há hốc trong tiếng gào câm lặng.

– Đây là kẻ mắc tội trọng, lúc sống ăn ở bất nhân, đến giờ lâm tử bị quỷ đến kéo xuống Hỏa Ngục. – cô tôi, giọng hăm dọa giải thích – Còn đây là kẻ dối trá, lọc lừa, bị chúng quỷ lấy kim cặp lưỡi kéo ra, đoạn lấy dùi nung đỏ xiên vào.

Tôi rùng mình. Cô Gái tiếp tục dẫn tích một cách ngon lành.

– Mà đã thấy sợ chưa? – cô hỏi tôi sau khi kết thúc buổi đi thăm Hỏa ngục.

– Thưa cô, cháu sợ rồi – tôi vẫn còn run rẩy, đáp.

– Mà còn biết sợ là tốt – giọng cô Gái dịu xuống, mặt bà hiện lên vẻ hài lòng – Phải ăn ở như Chúa dạy "Hãy thương yêu người ta như mình vậy". Phải siêng năng cầu nguyện hàng ngày cùng là xưng tội, chịu lễ. Như vậy Đức Mẹ lòng lành chẳng cùng sẽ che chở cho. Người là thánh quan thầy của xứ đạo ta, trong nhà ta. Người là Rất thánh cầu bầu cho ta. Quỷ, chúng nó chẳng làm gì được người ngoan đạo sắt. Người

ngoan đạo là con chiên của Chúa, chết đi được Chúa rước lên nước Thiên Đàng sáng láng vô cùng...

Bài giảng bằng giọng đều đều của cô tôi kéo dài cả giờ. Tôi mệt rũ.

Tối đến, bà gọi tôi đi theo học cách đóng cửa nhà trên. Công việc này kể từ nay bà giao cho tôi.

Cùng với những cánh cửa đóng lại, căn nhà mỗi lúc một tối thêm, cái căn nhà lạnh lẽo và mốc thối trong đó có những con quỷ dữ tợn gớm ghiếc đang hành hình lũ người không còn sức chống cự và một con mẹ đầm hiên lành nhưng xa lạ mà tôi phải kính trọng tên là Đức Mẹ.

Tôi ngồi một mình ngoài thềm. Cô Gái thổi cơm ở dưới bếp. Những tàu cau in nét sắc như cắt lên nền trời hoàng hôn đang ngả dần sắc tím. Những cánh chim hối hả bay về Không biết tôi còn phải sống bao lâu nữa trong ngôi nhà hoang vắng này với bà cô cổ quái của tôi? Không ai có thể trả lời cho tôi câu hỏi đó. Tôi muốn khóc.

Sau bữa cơm, cô tôi thắp đèn lên, đặt tôi ngồi cạnh bà.

– Lạy Cha chúng tôi ở trên lời, chúng tôi nguyện danh cha cả sáng nước. Cha trị đến, vâng ý cha dưới đất bằng trên lời vậy...

– Thánh Ma-ri-a Đức Mẹ Chúa Trời cầu cho chúng tôi khi nay và trong giờ lâm tử. A-men.

Cô tôi dăm dăm nhìn lên tượng Chúa, đọc kinh cầu hàng ngày, tôi lẩm nhẩm đọc theo để học. Mỗi lần thấy tôi đọc quá khẽ, bà lấy đầu gối huých tôi một cái. Tôi xếp chậu bằng tròn nhìn lên cái quả lắc đung đưa phản chiếu lửa đèn nhọt nhạt, mắt díp lại từng chập, cố ngồi cho hết những bài kinh cầu nối nhau dài dằng dặc, tôi chìm vào trong tiếng rì rầm đều đều và buồn bã, đoạn đầu cao và rõ, đoạn sau thấp dần, mờ đi tới mức chẳng còn tiếng gì ra tiếng gì, trong tiếng tích tắc mệt mỏi của cái đồng hồ già lão, trong tiếng mọt nghiêng gổ cần cù.

Bóng tối dày đặc vây quanh căn nhà của hai cô cháu, nơi những con quỳ đen đang rón rén đi lại, rình mò. Một con cú thỉnh thoảng lại rúc lên một tiếng buồn thảm ở đâu đó rất gần và rất xa. Vẳng đến tiếng ken két của những thân tre cọ mình vào nhau.

Cô Gái tần tiện vặn nhỏ tim đèn xuống cho tới khi nó chỉ lớn không hơn con đom đóm. Ngọn đèn leo lét ngọn lửa xanh yếu ớt, không chiếu sáng được cho chính nó. Bóng tối lập tức luồn qua những khe cửa vào tới tận chân đèn. Tôi lẳng lặng theo cô tôi chui vào trong cái màn rộng và tối om.

V

Những ngày đầu ở quê hương, tôi nhớ mẹ thì ít mà nhớ bà thì nhiều. Bà đây là bà ngoại, tôi không biết mặt bà nội. Nói tới bà nội, tôi hình dung ra cô Gái.

Tôi nhớ bà ngoại nhiều như thế có lẽ vì bà là hình ảnh tương phản của cô tôi. Cô tôi trông ác bao nhiêu thì bà ngoại tôi trông hiền bấy nhiêu.

Bà ngoại ở với bác Cả, anh ruột mẹ tôi. Thỉnh thoảng, bà đến chơi với chúng tôi. Đối với chúng tôi những buổi bà đến chơi thực sự là những ngày hội. Bà vừa bước vào nhà là sự vui vẻ vào theo.

– Các cháu yêu của bà đâu nào? Lại đây với bà nào?

Bà ngân nga, giọng êm nhẹ và ấm, nếu sờ được giọng nói của bà chắc hẳn nó phải mượt như nhung

– Lại đây nào!

Chẳng cần bà gọi thêm, chúng tôi nhìn thấy bà đã chạy ùa lại, xô đẩy nhau ôm chặt lấy bà. Bà giang tay ôm chúng tôi vào lòng rồi lại đẩy chúng tôi ra xa hơn để ngắm nghía. Bà không hôn chúng tôi mà lấy đôi tay ấm áp vuốt ve chúng tôi, cười với chúng tôi, nụ cười hồn nhiên và phúc hậu, phô hàm răng đen nhưng nhúc. Rồi bà đứng lên đi những bước chậm chạp và lúng túng vì vướng chúng tôi, đến bên giường, ngồi xuống. Ngày hội của chúng tôi bắt đầu.

– Bà ơi bà, bà kể chuyện, bà nhá?

– Bà ơi bà, bà ở đây thật lâu, bà nhá?

– Bà đừng về, bà dẫn chúng cháu đi chơi với bà.

Chúng tôi nhao nhao. Chúng tôi vòi bà đủ thứ. Bà cười. Bà bằng lòng tất.

– Ừ, rồi bà kể chuyện, bà ở đây lâu với các cháu, rồi bà dẫn các cháu yêu của bà đi chơi.

Không có người lớn nào đến nhà chỉ cốt đến với chúng tôi, để chơi với chúng tôi. Thường những người lớn đến nhà chúng tôi vì họ có việc cần phải đến, họ đến với bố mẹ chúng tôi, và chỉ khi nào công việc đã xong xuôi họ mới xoa đầu chúng tôi vài cái, bông lơn vài câu ngô nghê mà họ tưởng là hợp với trẻ con lắm để tỏ ra mình yêu trẻ. Nhưng trẻ con tinh lắm, chúng tôi biết ai yêu chúng tôi thực lòng, ai làm ra vẻ yêu chúng tôi.

Người già có sắc đẹp của người già. Bà ngoại tôi là một bà già đẹp, theo cách đánh giá thời bấy giờ. Mặt bầu bĩnh, phốp pháp, hợp với tuổi, cổ cao ba ngón rõ rệt, đôi mắt hiền từ, tuy tuổi cao mà vẫn đen láy chứ không mờ đục, bà tôi có gương mặt mà người ta gọi là phúc hậu. Tôi yêu cái nhìn của bà ngoại, cái nhìn rất dịu dàng, rất âu yếm đối với tất cả Thậm chí con Ki-ki, bạn thời thơ ấu của tôi, con chó trắng và đen thấp bé, mỗi khi bà tôi đến cũng rít lên, vẫy vẹo cả thân, cả đuôi, như nhảy điệu chào mừng độc đáo của riêng nó, chen lấn chúng tôi để tới với bà, chờ được bà nhìn tới, hỏi nựng nó một câu, vuốt nó một cái. Bà ngồi trên giường với chúng tôi, con Ki-ki thì nằm dưới đất hóng lên bằng cặp mắt ganh tị.

Bà ngoại tôi có cả một kho chuyện để kể cho trẻ con, nhiều nhất là chuyện cổ tích. Một số truyện thơ bà kể ngân nga, câu chuyện trở thành một dòng sông thanh bình, những chữ trôi trên dòng sông đó dần dà gắn kết với nhau thành người, thành cảnh, thành cảm xúc.

Đàn kêu tích tịch tình tang

Ai đem công chúa dưới hang mà về

Đàn kêu hỡi Lý Thông mà

Cớ sao bội nghĩa lại rầy vong ân

Đàn kêu sao ở bất nhân

Đã ăn quả lại quên ơn người giống...

Những nhân vật trong chuyện cổ tích của bà tôi sống động đến nỗi tưởng chừng họ có thật, họ đang ở đâu đó, không xa nhà chúng tôi lắm, chúng tôi có thể đến chơi với họ nếu như

bà tôi hoặc mẹ tôi bằng lòng dẫn chúng tôi đi. Nhưng chúng tôi không gặp được họ, vì chúng tôi còn nhỏ quá, đi bộ nhiều chúng tôi sẽ mỏi chân. Tôi tin chắc rằng nếu chẳng may tôi có đụng con đại bàng hung dữ hoặc con chằn tinh gớm ghiếc thì anh Thạch Sanh dũng cảm và hồn hậu nọ sẽ chạy tới ngay để giải thoát cho tôi, chính cái anh Thạch Sanh nghèo khổ chỉ có manh khố che thân và cây cung thần kỳ. Cô Tấm tốt bụng mà gặp chúng tôi thì thế nào cô cũng dắt chúng tôi vào cung, nơi cô sống với chàng hoàng tử trung thành, ở đó cô sẽ cho chúng tôi xem các tòa lâu đài đẹp đẽ cho chúng tôi ăn rất nhiều mít và kẹo. Về khoản mít và kẹo thì bà tôi đoán chắc với chúng tôi rằng hoàng tử chẳng bao giờ thiếu.

Bác Cả tôi có thời làm viên chức bưu điện ở phủ Điện Biên, cái huyện miền núi xa lơ xa lắc sau này danh tiếng lẫy lừng. Tất nhiên, bà tôi phải theo con trai lên đó. Cũng tất nhiên, bà tôi mang theo về xuôi đủ các thứ chuyện miền ngược, chuyện nào theo cách bà kể cũng mang máng chuyện cổ tích.

– Nhà bà ở, chung quanh những núi là núi, các cháu ạ. – bà tôi bồm bẻm nhai trầu, đôi mắt vời vơi nhìn về quá khứ – Nhấp nha nhấp nhô, cơ man nào mà kể. Sáng ra thấy núi, tối đến thấy rừng, cộp kê à uôm, à uôm, buồn quá thế là buồn.

– Núi nó thế nào hả bà?

Em Phương tôi ngắt lời bà, hỏi. Nó chúa hay làm nũng, biết rồi vẫn cứ hỏi để bắt bà trả lời.

– Núi hả? Nó to bằng mấy trăm mấy nghìn cái nhà này này, cơ mà toàn đá, cây cối xanh lét um tùm.

– Còn con cộp? – Phương lại giật giật quần bà.

– Cộp là con mèo rồ to. Lông cộp vàng, lại có vằn đen.

– To hơn con Ki-ki nhà ta, bà nhỉ?

– Hơn con Ki-ki là thế nào? – bà trợn mắt – Nó to nhiều. Bằng con bò kéo xe ngoài đường kia kìa!

– Nó kêu thế nào hả bà?

- Thế này này: "à uôm, à uôm, à uô...ôm?!!"

Bà tôi nhại tiếng cạp. Phương cười ngặt nghẽo.

- Im bà kể nào?

Tôi quát Phương và thụi khế cho nó một quả.

- Đừng bắt nạt em, - bà kéo tôi lại gần - Để bà kể cho mà nghe chuyện cái máy hát nhà bác Cả.

Đó là cái máy hát chạy bằng cọt, ống loa như miệng kèn tây bằng đồng mạ, có hình con chó ngồi chầu hầu bên cái loa ấy, thứ máy bây giờ có lẽ chẳng còn ai biết tới. Để lên dây cọt cho máy chạy phải khỏe tay, khi nào cọt xoắn ra gần hết thì bài hát vui nhất cũng trở thành rên rỉ, y như thể ca sĩ trong máy bị kiệt lực.

- Dân ở trên Điện Biên ấy mà, các cháu ạ, họ không phải người Kinh ta. Gọi họ là người Thái. Có thứ Thái Đen, có thứ Thái Trắng, cơ mà không phải da họ đen hay da họ trắng đâu, gọi thế là gọi theo màu quần áo của họ. Họ nói cứ lú lú lường, nghe buồn cười lắm - bà tôi cười, hàm răng đen bóng lên; chúng tôi cười theo bà, mặc dầu câu chuyện chưa có gì đáng buồn cười

Ví thử họ nói "Chào bà, bà đi đâu đấy?" thì họ nói thế này (bà tôi nói một câu bằng thứ tiếng lạ tai làm chúng tôi lại cười khanh khách). Họ cũng nói được tiếng ta, cơ mà cứ lơ lơ lơ lơ, lắmlúc dỏng tai lên mà nghe chẳng hiểu được họ nói cái gì. Còn chuyện cái máy hát của bác Cả, nó thế này. Một hôm bác gái rồi, mới vặn máy hát lên nghe. Vừa đúng lúc có mấy người Thái trắng đi qua đường, nghe máy hát i eo, họ mới xin vào xem. Ờ thì cho họ xem, mình mất gì đâu Họ thì cái gì cũng lạ, cái gì cũng thích xem, cái gì cũng phải sờ mó, cũng phải hỏi. Mặc cho họ xem, bác gái mới chạy xuống bếp đun ấm nước, đang đun bỗng thấy cái máy hát câm tịt. Chạy lên thì thấy máy vẫn chạy, ờ a vẫn quay mà loa thì chỉ còn kêu ti ti ti ti. Quanh cái máy hát mấy người Thái, cả đàn ông lẫn đàn bà, đang há

hốc mồm ra nghe, một ông lão thì cứ gục đầu xuống mà khóc, nước mắt dòng dòng...

Bà tôi cười không thành tiếng, cả người run lên và một giọt nước mắt trong vắt chảy ra, lăn trên gò má hồng nhẵn nheo.

– Tại sao ông lão lại khóc hả bà? – chúng tôi chưa hiểu, nhao nhao hỏi bà.

– Thế này, các cháu ạ. Chẳng là ông lão nghe cái máy nó hát, chẳng hiểu tai nghe thế nào mà lại thấy tiếng nó giống in giọng con trai ông ta vừa mới chết, thế là thương con, ông lão mới bù lu bù loa lên, rầm rĩ cả nhà. Có nắm xôi mang theo, ông ta đút luôn vào miệng loa, tưởng thế là cho con ăn, cái máy mới không hát được nữa.

Đoạn cuối bà tôi kể bằng giọng đút đoạn xen lẫn với tiếng cười không thể nào giữ lại, như tiếng nấc. Chúng tôi cười sằng sặc theo bà. Bà móc túi lấy khăn lau nước mắt.

– Bà kể nữa đi bà! Xong rồi thì làm sao?

– Còn làm sao! Bác gái phải moi bằng hết xôi ra, cái máy mới hát lại được. Thôi bà chả kể nữa, bà kể bà cười mệt cả người rồi đây này.

Bà lạ thật, cười thì mệt thế nào được: chúng tôi cười cả ngày mà có bao giờ mệt đâu.

– Bà kể chuyện con rồng đi?

Tôi nhắc bà. Chuyện con rồng tôi đã nghe, nhưng lại muốn nghe bà kể nữa.

– Bà kể cho cháu rồi đấy. Phương xuống đi, tê hết chân bà rồi đây này.

Phương phụng phịu tụt xuống khỏi lòng bà. Nó ngồi thật sát vào bà, lấn cả chỗ của tôi. Tôi tức quá, chèn bật em ra để ngồi sát bà hơn nữa. Bà lờm tôi một cái rồi xếp chỗ cho cả hai anh em đều có phần. Tôi rất thích được bà cho ngồi lòng, nhưng bà bảo tôi lớn rồi, nặng bà.

Tôi rất thích mùi của bà – đó là mùi thơm của quần áo sạch, mùi trầu không và mùi dầu cù là, tất cả quyện vào nhau làm thành cái mùi đặc biệt của bà, thanh sạch mà nồng ấm.

– Bà kể nữa cơ, bà kể cho cả nhà! – tôi vùi, đưa tay lên sờ làn da nhăn nheo mát rượi nơi cổ bà.

– Ừ thì bà kể, – bà cầm tay tôi bỏ xuống – nhưng đừng sờ cổ bà làm bà buồn, bà có máu buồn. Đêm hôm ấy, các cháu ạ, trắng sáng như ban ngày. Trời thì nóng, ngọt lắ, có dể vào tháng bảy thì phải. Trên Điện Biên, các cháu ạ, mùa hè nóng ghê nóng gớm. Chỗ bà ở như cái lòng chảo, thành thử ắng gió lắ. Hôm ấy bà không làm sao ngủ được, tắm rồi mà vẫn như không, mồ hôi cứ túa ra lắ chắ, bà phải bắc chõng ra sân mà nằm cho mát. Nằm được một lúc thì thiu thiu ngủ. Bỗng tự đâu gió nổi lên ùng ùng, ngói trên mái nhà lạo xạo, lạo xạo, y như thể có con gì bò ở trên ấy. Bà mới mở mắt ra...

Đến đoạn này bà ngừng lại, buộc chúng tôi phải nôn nóng chờ đợi, phải chú ý hơn nữa.

– Bà ngỡ mình nằm mơ – bà ngả người ra, mắt chớp chớp nhìn lên, diễn tả lại – nhưng không phải, bà nhìn thấy bằng thật. Bà nhìn lên trời bà thấy... con rồng.

Bà mở to mắt, sững sờ, như thể trong phút đó bà lại thấy con rồng lần nữa. Chúng tôi nhìn theo. Nhưng trên trần chỉ có một con thạch sùng đang rón rén bò lại gần một con bướm đêm.

– Cha mẹ ơi, trông nó mới khiếp chứ, cái con rồng ấy. Tự thuở cha sinh mẹ đẻ, bà chớ hề nom thấy con gì giống cái con này, các cháu ạ. Mình nó to gấp mấy con trầu mọng, cơ mà dài, dài lắ, như thể con rắn, nhưng lại không phải là rắn hay là trăn, cũng chẳng có vẩy gì suấ, cứ nhắ thín thín. Nó bay tới đâu thì gió nổi lên tới đó, bụi mù mịt kín cả trời đất Mỗ nó dài, có chân hắ hoi mà chân lại lắ với cánh... Người ta bảo: nhất điểu, nhì ngư, tam xà, tứ tượng, nghĩa rằng to nhất là giống chim, con voi to là thế mà còn phải đứng hàng thứ tư, sau con cá, con rắn; cơ mà nhìn con rồng này bà chịu,

không biết nó là cái giống gì? Rõ hình con rắn mà lại có vây, hay vây ấy là cánh chẳng hiểu...

Chúng tôi há hốc mồm nghe bà kể. Tôi đã nhìn thấy con rồng bằng đá ở đền Hai Bà, nhưng con rồng của bà tôi, giọng bà tôi kể về nó, làm tôi sớn gai ốc. Tôi sợ con rồng bay trên bầu trời đêm ấy, và nhớ mãi câu chuyện về nó. Đoạn kết thúc câu chuyện về con vật bí ẩn bà tôi kể bằng giọng trang nghiêm như thể không phải bà đang kể cho mấy đứa cháu nhóc nhách của mình mà cho những người lớn.

Tôi yêu bà ngoại cả vì lẽ đó. Bà đối xử với chúng tôi bao giờ cũng vậy, rất ngang hàng, y như thể bà bé bằng chúng tôi, hoặc chúng tôi lớn bằng bà. Đây không phải là nghệ thuật kể chuyện, như sau này, khi đã trở thành người lớn, tôi rút ra kết luận bằng vào kinh nghiệm bản thân. Đây là chuyện cốt cách tâm hồn, không học được, không bắt chước được.

Mẹ tôi ngồi khâu, tùm tùm cười nghe bà kể. Đến khi bà kể xong, mẹ tôi đặt đồ khâu xuống, nói với bà:

– Làm gì có rồng, mẹ ơi? Mẹ kể thế các cháu chúng nó tưởng thật.

Bà nguyệt mẹ tôi một cái, bực bội:

– Thì chính mắt tôi trông thấy mà. Dễ tôi bịa chắc?

– Ấy là con nói vậy – mẹ tôi vui vẻ nói bằng giọng lấy lòng – Nó là con gì không biết, nhưng khoa học bây giờ chứng minh rằng không hề có rồng. Nếu có, ít ra người ta cũng còn tìm thấy xương của nó. Các nhà khảo cổ đào được xương mọi giống vật đã sống trên trái đất vào những thời xa xưa, nhưng rồng thì không. Rồng chẳng qua là do trí tưởng tượng của con người ta dựng nên, mẹ ạ!

– Khoa học! Vâng, các cô ngày nay tân thời lắm! – bà tôi sa sầm mặt – Các cô bây giờ ấy, các cô chẳng hơn mẹ mà thôi đâu, các cô còn hơn cả các cụ tổ nữa kia. Tôi về đây

– Gớm, hơi tí là mẹ dối. – mẹ tôi lẩm bẩm, nói cách khác, đúng hơn, mẹ tôi phụng phịu – Biết thế con chẳng nói nữa.

Bà tôi giận thật sự. Bà gỡ chúng tôi ra, hầm hầm vắn lại khăn, bỏ coi trầu vào làn, rồi lẳng lẳng bước ra cửa.

Chúng tôi len lét theo sau. Cái khổ của trẻ con là thế. Trẻ con không dám công nhiên đứng về bên nào khi giữa người lớn có chuyện đụng độ.

Mẹ tôi yêu bà tôi, sợ bà tôi, nhưng mẹ tôi tính bướng, đã thế cứ ngồi yên tại chỗ. Ở ngoài đường, chúng tôi mới nhao nhao:

– Bà ơi bà, bà đừng về, bà ở đây với chúng cháu.

Bà ơi bà, bà chưa dẫn chúng cháu đi chơi mà.

– Bà ơi bà, bà đừng đi, bà?

Đến lúc ấy mẹ tôi mới chịu chạy ra, luống cuống giữ bà tôi lại bằng những lời xin lỗi ấp úng. Nhưng bà đã quyết về là về bà phẩy tay xua mẹ tôi quay trở lại.

– Bỏ áo bà ra cho bà về nào. Mẹ các cháu hư, dám hỗn với bà, bà không ở nữa.

Bà xoa đầu chúng tôi, gỡ tay chúng tôi ra. Bà vẫn chưa nguôi giận.

– Bà đánh cho mẹ cháu một trận cho mẹ cháu ngoan, rồi bà ở lại với chúng cháu.

Lời khuyên nghiêm trang của Phương cuối cùng đã làm bà phì cười.

– Con ranh, ai lại đi xui bà đánh mẹ kia chứ? – bà véo yêu vào má Phương – Mẹ lớn rồi, bà không đánh nữa, bà đánh thì người ta cười. Mẹ mà còn bé ấy à, thế nào bà cũng cho một trận đáo để. Thôi, các cháu bỏ áo bà ra cho bà về.

– Rồi hôm khác bà lại với chúng cháu, bà nhá!

– Bao giờ mẹ các cháu ngoan thì bà lại.

– Nhưng bao giờ mẹ cháu mới ngoan, ừ ừ, bà phải lại ngay cơ.

– Hôm khác bà lại.

- Hôm khác là bao giờ hả bà?
- Mấy hôm nữa.
- Lâu thế, mai bà lại cơ, mai cơ.
- Ừ để bà còn xem, bà rồi thì bà mới lại được.
- Bà không được nói dối cơ, bà lại với chúng cháu, bà nhá?

Chúng tôi mếu máo.

Bà ngoại vẫy xe tay ngồi lên, tránh cái nhìn cầu khẩn của chúng tôi. Rõ ràng bà cũng chẳng muốn về, chỉ tại giận mẹ tôi nên bà mới về. Chúng tôi quay vào nhà, mặt nặng trĩu. Đến lượt mẹ tôi tránh cái nhìn trách móc của chúng tôi

Bà tôi lại đến với chúng tôi hôm sau. Bà không thể không đến, không đến thì bà nhớ.

Chúng tôi reo ầm lên, vây chặt lấy bà. Bà ôm lấy chúng tôi thơm mỗi đứa một cái.

- Bà dẫn các cháu bà đi chơi ngay bây giờ. Bằng lòng chưa nào?

Có đứa nào lại ngu ngốc để không bằng lòng.

Chị Tường mặc đồ diện cho chúng tôi. Mẹ tôi vui vẻ nhét vào túi bà một số tiền trinh, tiền xu. Đó là cái lệ.

Chúng tôi lũn cũn chạy trước bà, nắm tay bà, bám vạt áo bà y như một lũ gà con theo mẹ. Tôi không thấy mấy ai đi chơi thật là đi chơi như bà tôi. Bà đi thong dong, thư thái, không một nét suy nghĩ gợn trên mặt. Bà nhìn mọi vật bằng con mắt âu yếm, như thế cái nhà nào cái cây nào, đám mây nào cũng là thân thiết đối với bà. Mọi vật dường như cũng vui mừng được đón bà, chúng niềm nở chào bà và được bà hồ hởi đáp lại. Cả hình hài, gương mặt, dáng đi của bà nói rằng dù bà có bận gì, dù bà có bận đến mấy, thì trong lúc này bà cũng mặc, bà nghỉ.

Trong lúc chờ bà hàng bánh đa lật đi lật lại những tấm bánh mỏng lấm tấm vừng đang uốn éo phồng lên xẹp xuống trên những hòn than đỏ rực trong cái nồi đất vo, bà ngoại tôi tươi

cười hỏi thăm bà hàng chuyện sinh sống, chuyện làm ăn, như thể với một người bạn lâu ngày mới gặp. Bà hàng hồ hởi bắt chuyện, than phiền chuyện này chuyện khác trong gia cảnh, kêu ca về nỗi bây giờ làm ăn chật vật, khi trao hàng lại thêm cho bà tôi một tấm bánh đa đường. Những tấm bánh đa ròn tan, ngon tuyệt, nhưng chúng tôi mỗi đứa chỉ được ăn một tấm thôi. Số bánh còn lại sẽ được dùng vào việc khác.

Mấy bà cháu thủng thẳng đi từ phố Nhà Rượu qua Nghĩa địa Tây ra phố Huế.

Vào thời bấy giờ ở phố Huế cứ đi một quãng ngắn là lại gặp ăn mày. Họ ngồi hai bên lề đường, sát chân tường, dưới những tủ kính choáng lộn hàng hóa với những hình nhân mặc quần áo đủ màu đủ kiểu kên kiệu nhìn ra phố. Những người ăn mày quần áo tả tơi, có khi áo chỉ là một cái bao tải đục một lỗ thủng làm cổ với sợi dây chuoối thay thắt lưng, đờ đẫn nhìn ra những chuyến xe điện đi ngang. Phần lớn là những người mù với chiếc khăn đỏ bạc phếch rách rưới từ trên trán rủ xuống che cặp mắt toét nhèm, đỏ ngầu hoặc mờ đục. Đi ngang họ là những toa tàu sơn đỏ, xinh xắn như thể chúng là đồ chơi của người lớn, vừa chạy vừa reo chuông vui vẻ, từ trên cần điện lóe lên ánh chớp xanh giữa ban ngày. Mùi thịt nướng của một gánh bún chả thơm lừng quyện trong khói bay mù trên phố. Khách bộ hành dừng dừng đi qua những cánh tay khằng khiu xương xẩu chìa ra, chơi với như muốn bám níu, những ngón tay đen đui, cẩu ghét giơ những cái đầu gỗ đã lên nước bóng hươ qua hươ lại. Giọng khàn khàn, rè rè, nheo nhéo, giọng đứt hơi như tiếng mèo ốm, những người ăn mày đủ mọi tuổi chờ đón, nài nỉ, đuổi theo họ:

– Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại con cá nó sống vì nước, con sống vì ông vì bà...

– Giàu hai con mắt, khó đôi bàn tay, xin ông xin bà thương con mù lòà đói khát, rón tay làm phúc...

Nam mô A di đà Phật, cứu một mạng người phúc đẳng hà sa, ông tu nhân, bà tích đức, thương lấy chúng con đui mù què

quật...

Những bài bi ca của nổi cơ hàn được đặt ra không biết tự thuở nào, nhưng được bộ lạc ăn mày đông đảo thuộc lòng, vang lên khắp nơi. Ở bất cứ đâu những người ăn mày cũng gào lên đúng những bài ấy, cũng với những giọng ấy và tiết tấu ấy thỉnh thoảng mới thấy có đôi ba dị bản, mà những dị bản này cũng chỉ gặp được ở những người mới vào nghề hoặc trong lúc hết sức tuyệt vọng. Bà tôi dừng lại trước một người ăn mày. Móc túi lấy một trinh, hoặc một xu tùy theo cách mà bà cho là nên, bà tôi nhẹ nhàng đặt lên lòng bàn tay bần thủ của người đó.

Khi người ăn mày cảm ơn, bà tôi nói khẽ:

– Mô Phật?

Chúng tôi sung sướng nhận tiền của bà để đem đến cho những người ăn mày.

Chúng tôi tranh nhau làm việc đó. Bà tôi nheo mắt lại, sung sướng nhìn theo lũ cháu mình xằng xái làm việc thiện. Bà cấm chúng tôi không được ném tiền xuống đất để bắt người ăn mày mù sờ soạng tìm, mà phải đặt tiền vào tận tay hoặc bỏ vào đấu, bỏ chứ không được ném.

Bên cái chiếu rách của người ăn mày, thường có những đứa con của họ. Chúng bần thủ, rách rưới chẳng khác gì bố mẹ, có đứa ở truồng tồng ngồng. Khác với bố mẹ chúng, những đứa con lười kêu xin; chúng đứng lạng lẽ, ngón tay trở trong miệng, mắt giương lên nhìn người qua lại. Đã đến lúc dùng đến những tấm bánh đa đường. Bà tôi giao bánh cho chúng tôi đem đến cho những người bạn khốn khổ. Chúng giằng ngay lấy khi chúng tôi vừa vươn tay về phía chúng. Những đứa trẻ giành nhau, đánh nhau, làm tấm bánh vỡ tan. Chúng liền xô đẩy nhau vồ lấy những mẩu vụn trên hè đút vào miệng, không cần thổi bụi. Nhìn cảnh đó bà tôi thở dài, đưa tiền cho chúng tôi mua thêm bánh.

- A di đà Phật! Xin đức Phật đại từ đại bi phù hộ độ trì cho chúng sinh nơi bể khổ!

Bà tôi thở dài, nhìn đi nơi khác và dặt tay chúng tôi tiếp tục buổi đi chơi của bà cháu.

Mẹ tôi không đồng tình với lòng thương người của bà ngoại.

- Cần phải có một xã hội khác để mọi người được sung sướng. Lòng thương đối với một số người, một ít tiền bố thí, như bà các cháu thường làm, đúng là muối bỏ bể.

Đó là mẹ tôi nói với các bạn. Những người bạn mẹ tôi gặt đầu tán thưởng. Bà tôi không nghe thấy, nếu bà nghe thấy bà sẽ giận lắm.

Ở nhà, bà ngoại kể cho chúng tôi nghe chuyện xưa kia Phật Thích Ca đã có lần giả hình dạng ăn mày để thử lòng người. Trong câu chuyện thú vị của bà, những kẻ ác bị Phật trừng phạt bằng quả báo nhỡn tiền, còn người tốt thì rồi trước sau cũng được hưởng phúc lớn.

Câu chuyện của bà ngoại làm tôi nhìn những người ăn mày bằng cái nhìn e dè : biết đâu trong bọn họ lại chẳng lẫn vào một đức Phật Thích Ca trá hình.

VI

Thành phố, bà ngoại, ngôi nhà nhỏ ở phố Nhà Rượu, các em tôi mẹ tôi, cả con Ki ki nữa... đã ở lại đằng sau, xa lơ xa lắc.

Ở đây nơi quê tôi, chỉ có cô Gái và tôi, không kể một con chó đen tên là Mực và con mèo già tên là Mướp; cả hai đều lảng tránh tôi, chúng không thích gần người. Thay vào những bài học của mẹ tôi dạy tôi, cô Gái bắt đầu dạy tôi học kinh bổn. Chẳng mấy chốc tôi thuộc lòng (mà không hiểu được bao nhiêu) các kinh đọc hàng ngày, kinh ngắm các đường Thánh Giá. Những buổi rảnh rỗi, bà kể cho tôi nghe chuyện ông Nô-ê đóng tàu để sống qua nạn hồng thủy, chuyện Đức Chúa Giêsu bị sa vào tay quân Phi-la-tô và quân dữ, sự tích các thánh. Trong số các bà già theo đạo mà tôi gặp, có lẽ cô tôi đứng đầu về mặt am tường giáo lí, mặc dầu bà không biết chữ.

Cô Gái biết tôi nhớ nhà, bà thương, nhưng lại lúng túng không biết làm thế nào cho tôi khuây. Bà cố nhớ ra những trò chơi trong thuở ấu thơ của bà để bày cho tôi chơi. Tiếc nỗi, những trò chơi của bà đâu có nhiều. Bà đập ruồi làm mồi cho kiến tha, giả cách như kiến làm đám ma ruồi, hai cô cháu đánh trống miêng thay cho nhà đám. Bà bắt những con bọ ngựa non cho chúng đấu kiếm, gấp thuyền giấy cho tôi thả xuống ao. Thường hơn cả hai cô cháu chơi trò câu công cống.

Trên sân nhà tôi, sân đất, có vô vàn lỗ nhỏ. Nếu ta lấy nơm tre thả vào một lỗ rồi kiên nhẫn chờ thì sẽ thấy chiếc nơm tre động đập khe khẽ. Rút nơm tre lên thật nhanh ta sẽ tóm được một chú công cống. Đó là một thứ sâu đất rất nhỏ, chỉ nhỉnh hơn que tăm, trắng nơm và yếu ớt vô cùng. Công cống không bám chắc vào được nơm tre; ra khỏi tổ là nó rơi xuống đất, nằm đứ đừ. Nằm một lúc thấy không có động tĩnh gì, công cống liền giãy giụa bò đi cho tới khi gặp một lỗ khác. Nó bèn chui tọt xuống lập tức, bất kể lỗ đó là của ai. Đáng ngạc nhiên là con công cống trong lỗ nọ không đánh nhau với nó để đuổi nó lên. Tôi đã hoài công chờ nhiều lần nhưng cái lỗ vẫn im

phẳng phắc. Chắc hẳn giống công cống không có ý thức về tài sản tư hữu, hoặc giả chúng giàu tình thương yêu đồng loại.

Ngày xưa, – cô tôi vừa rầy cỏ trên sân vừa dẫn tích – hễ bố mày khóc là bà lại dẫn ra sân cho câu công cống, như hai cô cháu mình thế vậy. Bà ngồi đây, bố mày ngồi đây, hễ được con công cống nào là hai mẹ con lại cười rúc rích với nhau. Bố mày ngày xưa hay cười lắm, động tí là cười. Ai dè bây giờ khổ. Khốn nạn, không biết bao giờ em tôi mới được về?

Bà dừng tay, thở dài. Mắt bà nhìn vào một điểm nào đó rất xa, vượt qua hàng rào dâu, vượt qua những mái nhà lè tè bên cạnh, vượt qua cả cái làng nhỏ bé quê hương. Bà nội hiền. Ông nội cũng hiền. Ông chiều bố mày vô cùng. Thấy bố mày tha thẩn một mình, có dáng buồn, là gọi vào nhà mở vò kẹo vừng cho một cái. Kẹo vừng ngày xưa to chứ không như kẹo vừng bây giờ. Thiên hạ mỗi ngày một điêu – kẹo gì bây giờ cũng bé hơn kẹo ngày xưa. Kia, công cống nó cắn?

Nghe cô tôi nói thì cái gì ngày xưa cũng to hơn bây giờ, đẹp hơn bây giờ, tốt hơn bây giờ.

– Cháu được mấy con rồi?

– Tám, cô ạ.

– Chiều nay cô được có ba, cô không mát tay. Thôi, rầy cỏ với cô đi, tối rồi.

Tôi vất đi những nõn tre còn lại, cầm lấy chép mai. Những con công cống câu được đã tìm đường chui xuống đất. Trò chơi của hai cô cháu tôi hoàn toàn vô tư. Không một con công cống nào bị giết.

Cô tôi dạy tôi cách rầy cỏ của ông tôi – chỉ được đưa lưỡi chép mai lướt trên mặt đất chứ không được cày đất lên, có như vậy mới giữ được sân bằng phẳng. Trước khi đổ cỏ đi phải giữ đất cho bằng sạch, không được đổ đất đi cùng với cỏ.

Ngồi bên tôi, cô Gái chậm chạp nhích từng bước. Chỗ nào cô đi qua, chỗ đó không còn sót một ngọn cỏ.

- Khi ông còn sống - bà kể - nhà cửa cứ sạch như li như lau. Ai đi qua sân thấy cỏ mọc mà không cúi xuống nhổ lên, ông mắng.

- Khách ông cũng mắng hả cô?

- Bậy, ai lại mắng khách. Ấy là nói người trong nhà. Hồi ấy, chứ bây giờ mỗi mình cô, chẳng sao dọn xuể - xong được góc này, góc kia cỏ đã mọc xanh rồi.

- Bây giờ có cháu ở với cô, hai cô cháu dọn hàng ngày, cỏ chẳng mọc kịp đâu, cô nhỉ?

- Ừ bây giờ có thêm cháu, cũng đỡ... Hai cây hoa trà kia, cũng ông trồng đấy. Thấp thế mà hơn hai chục tuổi rồi. Cây trúc đào cũng ông trồng. Ông mang nó trên tỉnh về. Hồi ấy ông đi tỉnh luôn, chẳng ông phải đi cân thuốc mà. Ông chăm vườn tược lắm, cả nhà chẳng ai chăm bằng ông, đi đâu thì chớ, về đến nhà đã lụi hụi ngoài vườn. Vườn trước, vườn sau ông trồng đủ thứ: quít đấy, mít đấy, khế đấy một tay ông trồng ráo.

- Cây sung nữa, cũng ông trồng, cô nhỉ?

- Cây sung là cụ trồng. Ông còn sống, vườn trước này rặt hoa là hoa. Cả làng không nhà nào lắm hoa như nhà mình. Thế rồi ông mất, các bác, bố cháu đi ráo, chẳng còn ai chăm nom, cỏ mới át đi, hoa lụi sạch. Mình cô xoay xử, được vườn trước thì mất vườn sau...

Vườn sau cỏ mọc dày. Một vạt trúc giống sống được với cỏ cũng trở thành hoang dại. Tôi có thể nấp trong đó để trốn cô Gái hàng giờ mà cô không tìm ra.

Cô Gái đứng lên, quài tay ra sau đấm mấy cái vào lưng rồi đi vào thêm.

- Nghỉ thôi, cháu. Hôm nay đủ rồi, cô mới.

Tôi vào ngồi bên cạnh cô, hai cái chếp mai đặt trước mặt. Cô Gái nhìn tôi rồi nhìn cái cột tôi dựa lưng.

- Cái cột này ông tính thay mấy lần rồi mà chưa kiếm được cây gỗ nào ưng ý. Thế rồi ông mất, không kịp thay. Đó là cái

cột già lão nhất trong hàng cột quân ở thêm. Tiếng là cột quân, nhưng nó lớn bằng cột cái của những ngôi nhà bình thường. ở chỗ tiếp với tảng đá mỗi đã đục gần ruỗng hết chân cột.

Cô cũng tính thay nó đi, nhưng rồi lại thôi

- Thay làm gì cô chết đi, liệu có ai về quê trông nom nhà cửa thay cô? Các bác không, bố mày không, chúng mày nữa, lại càng không. Nghĩ mà chán, con cháu hàng đàn hàng đống mà không một mống nào muốn ở quê để giữ lấy điền thổ, trông nom mồ mả tổ tiên.

Bà kéo vạt áo lên lau nước mắt.

Những phút ấy, tôi thương cô tôi lắm. Thực vậy, bà vất vả nhiều trong việc trông nom ngôi nhà các cụ để lại, bằng mọi cách níu lấy nó, không cho nó trôi tuột vào quá khứ, không cho nó mất đi đáng vẻ bề ngoài lúc ông bà tôi còn sống, khi chung quanh cô còn cả một đàn em huyên náo. Bà tủi thân khi thấy một mình bà phải cáng đáng công việc mà sức một người không thể làm xuể. Ngôi nhà mỗi năm một già, một đục ruỗng nó dần dần, mưa nắng và thời tiết thay đổi làm nó trở nên tiêu tụy, rách rưới, còn bà thì cứ chạy tới chạy lui chống đỡ cho nó. Bà bưng bình lau quét, vá vùi sửa sang, trong khi ý thức nói với bà rằng đó là việc làm vô ích, rằng bà bất lực, sức bà không thể đảm đương gánh nặng đó. Như người lính già cô đơn nhưng trung thành quyết bảo vệ đến cùng cái đồn ọp ẹp chống lại kẻ thù, cô tôi nghiêng rặng lại làm việc quần quật, không hề tiếc sức để giữ bằng được ngôi nhà cũ kỹ đã không còn cần thiết cho một ai.

Đối với tôi ngôi nhà của ông bà là viện bảo tàng gia tộc. Những cuộc đời đã chìm ngấm trong dĩ vãng để lại dấu vết và bóng dáng của chúng trong mọi vật. Có những lúc tôi tưởng như tất cả những cái đã mất đi ấy sống dậy, thực sự sống dậy, nhưng đó là sự sống không tiếng động, mờ ảo, thấp thoáng, hệt như những câu chuyện của cô tôi. Những câu chuyện ấy

thấm vào tôi từ từ, từng mẩu một, dần dà, để rồi làm lẫn lộn trong tôi cái thật trước mắt với dư ảnh quá khứ.

Tôi nhìn thấy ông nội tôi, một ông già gầy gò nhưng quắc thước trong bộ quần áo trắng, đang nhàn tản dạo bước. Ông đi qua những bụi hồng, nhài, thược dược, qua mấy khóm hoa trà, ngắm cây trúc đào xanh tốt và dừng lại trước cây đại xương xẩu. Ông cúi xuống nhặt một bông đại rơi, đưa lên mũi ngửi mùi hương thanh sạch của nó. Trong nhà, các bác tôi ngồi gập mình trên những trang giấy bản, thỉnh thoảng lại chấm bút lông vào cái nghiên đá (giờ đây nó còn nằm lẫn lóc dưới chân bàn thờ Đức Mẹ) nắn nét từng chữ tượng hình rồi rấm. Bố tôi ngồi ngoài thềm, mặt ngẩng lên trời, ê a Tam thiên tự:

- "Thiên - trời, địa - đất, tử - cất, tồn - còn, tử - con, tôn - cháu, lục - sáu, tam - ba, gia - nhà, quốc - nước, tiền - trước, hậu - sau, ngư - trâu, mã - ngựa, cự - cựa, nha - răng, vô - chẳng, hữu - có...

Bà tôi ngồi gần bố tôi. Bà bồm bẻm nhai trầu, cạp lại chiếc rá rách.

Những cuốn vở giấy bản của các bác tôi vẫn còn. Chúng được xếp thành chồng, buộc lại thành bó và cất trong hòm gian.

- Bố mày chăm học, mà sáng dạ. - cô tôi kể - Kinh bốn cũng lâu lâu. Chẳng biết ma quỷ cám dỗ thế nào mà lại theo cộng sản? Giá như người ta, yên lành ở nhà giữ lấy cơ ngơi của các cụ có phải sung sướng không, đảng này...

Tôi nín lặng. Tôi chưa hiểu nhiều thế giới của người lớn, nhưng tôi biết chắc một điều: bố tôi sẽ không nghe lời bà chị. Ông bao giờ cũng làm theo ý mình.

Cô tôi thở dài, nhìn lên những đám mây. Chúng bay chậm chậm như bao năm trước chúng vẫn bay và chúng còn bay như thế khi bà không còn nữa.

- Cháu sẽ ở với cô - tôi nói.

Cô tôi mỉm cười buồn bã:

- Thế thì cô mừng.

VII

Làng tôi theo đạo Thiên Chúa, hay đạo Ki tô theo cách gọi bây giờ. Cả làng theo đạo này, không trừ nhà nào, nên gọi là làng toàn tòng công giáo, để phân biệt với những làng mà dân lương dân giáo ở lẫn lộn gọi là xôi đỗ. Người làng tôi gọi làng mình là toàn tòng với vẻ hãnh diện. Người ta kể lại rằng vào đời cụ tôi, tức là khoảng nửa đầu thế kỷ thứ Mười Chín, vùng đất này đã chứng kiến cuộc tranh chấp dữ dội giữa hai thứ đạo: Thiên Chúa giáo và lương. Lương là từ chung chỉ cả người theo đạo Phật lẫn người chỉ biết thờ cúng tổ tiên. Khẩu mút-cơ-tông và hệ thống hành chính do thực dân Pháp lập nên đã giúp Thiên Chúa giáo thắng. Các nhà thờ gỗ-tích mọc lên như nấm trên châu thổ sông Hồng. Những kẻ chiến bại dè dặt gọi những kẻ theo đạo là bọn "đi đạo kiếm gạo mà ăn".

Trong một làng, những sự kiện lịch sử bao giờ cũng nhuộm màu truyền thuyết, còn những truyền thuyết thì lại tìm sự minh chứng cho tính hiện hữu của nó nơi các sự kiện lịch sử. Cũng theo các cụ già khom trong làng kể lại thì cho tới đời ông tôi làng mới trở thành toàn tòng. Số đông người nhất định không chịu thỏa hiệp với tôn giáo mới lần lượt bỏ làng ra đi. Số yếu lòng ở lại, chịu theo đạo. Tuy nhiên, trong làng vẫn cứ còn Văn Chỉ, tức là miếu thờ Khổng Tử. Khi các bậc chức sắc tôn giáo đòi san bằng Văn Chỉ, nhiều bô lão đã chống lại. Ông tôi cũng ở trong số bô lão đó. Họ kéo nhau ra ngồi trước Văn Chỉ ngăn không cho những kẻ cuồng tín của đạo mới phá miếu. Nhưng họ chiếm số ít và yếu thế. Văn Chỉ bị san bằng. Chỉ còn lại mảnh đất ở ngã ba mang tên Ngã ba Văn Chỉ. Truyền thuyết nói rằng ngày Văn Chỉ bị đập phá và đốt trụi, trời u ám. Từ trong khói bay lên một hình người mang cân đai bối tử. Tiếp đó, mưa xuống rào rào rồi kéo dài tầm tã ba ngày. Trong ba ngày đó, người khởi xướng việc phá Văn Chỉ ngã bệnh, rồi chết, da xám ngắt như người thất cố.

Ông tôi dạy chữ thánh hiền, xem mạch bốc thuốc, làm kẻ hàn sĩ cứu nhân độ thế. Ông gọi mọi người hợp sức làm lại những

con đường lầy lội trong làng bằng cách lát những phiến đá hình chữ nhật, cái nọ nối với cái kia làm thành những con đường đá hẹp, đỡ hẳn cái nạn lội bùn. Ông khởi xướng việc lập hai nghĩa trang, gọi là Vườn Thánh. Trong hòm gian của cô tôi vẫn còn hai tấm bản đồ nghĩa trang với nét bút của ông tôi.

Thế hệ ông tôi còn dính dấp nhiều với quá khứ lương. Quả chuông mà ông cùng các bô lão thuê thợ đúc để cúng vào nhà thờ giống hệt chuông chùa. Bây giờ quả chuông này được đặt trong nhà chung. Nó hiếm khi được lên tiếng. Người ta nói rằng tiếng của nó dài hai chục sải, nghĩa là nếu đánh chuông lên thì tiếng ngân của nó chỉ dứt khi hai chục người kịp dang tay đứng nối tiếp nhau lần lượt. Trên gác chuông nhà thờ bây giờ treo bộ chuông tây, gồm nhiều quả chuông to nhỏ khác nhau, khi kéo chuông chúng tạo thành một hòa âm giống giã.

Cô Gái tôi thì giáo hoàn toàn. Bà luôn khoe cái tính chất đạo gốc của gia đình, giữ kín việc bố tôi theo cộng sản và đang ở tù, là điều mà cả làng đều biết, nhưng cũng tỏ vẻ như không, vì lòng kính trọng đối với ông bà tôi và các bác tôi "làm quan" trên tỉnh, một ông làm thư ký tòa sứ, một ông làm thư ký cho luật sư Trần Văn Chương.

Trên bàn thờ Đức Mẹ ở hai bên tòa có mấy cái hộp gỗ sơn son thếp vàng, mỗi cái to bằng cái gối mây. Một hôm, để thưởng công tôi chịu khó học kinh và thuộc những bài kinh dài, cô Gái dẫn tôi tới trước tòa Đức Mẹ. Sau khi trịnh trọng làm dấu thánh, bà hạ mấy cái hộp xuống, đặt chúng lên tràng kỷ.

- Trong này là xương thánh, máu thánh. Cháu làm dấu

Tôi làm dấu.

- Giờ mở hộp này ra!

Tôi ngạc nhiên nhìn bà, rồi thận trọng nâng nắp hộp lên. Trong hộp chỉ có mấy tờ giấy bản. Mở một tờ giấy bản ra, tôi thấy trên tờ giấy có một vòng tròn không rõ nét màu nâu thẫm và những đốm lấm tấm cùng màu ở bên cạnh.

- Đây là máu các thánh tử vì đạo - cô Gái nói, giọng thành kính, gần như thì thào - Có máu bốn ông thánh cả thấy. Tên các thánh là gì cô không nhớ, ông còn sống, thì ông nhớ. Thánh tử vì đạo là thánh dốc lòng tin Chúa, vua quan cấm đạo đòi chém đầu, thánh không sợ, vẫn làm dấu, vẫn kêu tên Chúa. Chúng bèn chém.

- Từ bao giờ, hả cô?

- Lâu lắm rồi, từ đời cụ đời kị kia, ông có dẫn tích cơ mà cô quên. Khi quân dữ chém đầu các thánh, bốn đạo ta mới xông vào lấy giấy bản thắm nơi cổ các người, giữ lấy hình tích làm vật thờ phượng. Còn đây là tóc thánh.

Bên dưới những tờ giấy bản, trong hộp, là một gói giấy. Trong gói giấy là một món tóc dài như tóc đàn bà. Tôi gói những sợi tóc khô xác ấy. Nhưng cô tôi gói lại, bỏ vào hộp.

- Trong hộp này có cả răng thánh. Chả là quân dữ có tra khảo mấy, người vưỡn cầm lòng cầm trí đọc kinh. Quân dữ lấy kim nhổ từng cái răng một, cho tới khi hết ráo. Bốn đạo mới nhặt lấy, đem về thờ, cháu xem nhá?

Tôi rùng mình, lắc đầu.

- Thánh ngẩng mặt lên trời mà rằng: "Tôi tin thật Chúa ba Ngôi, Ngôi thứ nhất là Cha, Ngôi thứ hai là con. Ngôi thứ ba là Thánh thần". Chúng nó bèn cắt lưỡi.

- Chết, cô nhỉ?

Cô Gái giảng giải:

- Phần xác thì chết, phần hồn Chúa rước lên Thiên Đàng ở cùng Người, hiển vinh sáng láng. Thời bấy giờ vua quan giết giáo dân không biết cơ man nào mà kể, vậy mà sự đạo chỉ có rộng thêm chứ không hẹp đi, còn lại cho tới giờ. Những giáo dân có công tích trong việc bảo vệ đạo, lúc sinh thì được tôn lên làm thánh.

- Sinh thì là gì hả cô?

– Sinh thì là chết. Như khi Đức Chúa Giêsu hay là các thánh qua đời thì gọi là sinh thì.

Cô tôi đứng lên, kính cẩn đặt từng chiếc hộp lại chỗ cũ.

– Cả xứ này, chỉ mỗi nhà ta giữ được xương thánh, máu thánh thôi đấy, cháu ạ.

Cô tôi kết luận với vẻ tự hào.

Làng tôi thừa nhận niềm tự hào đó, bởi vì không nhà nào có xương thánh, máu thánh. Những ngày lễ cực trọng cha xứ vào tận nhà tôi để làm lễ trước tòa Đức Mẹ và trước bốn linh vật trên bàn thờ. Vào những phút trang trọng đó cô Gái tôi cứ đứng ngây như tượng, mặt đanh lại niềm tự hào hóa đá.

Ngoài nhà thờ chính xứ, làng tôi còn có bốn nhà thờ họ lẻ. Những ngôi nhà thờ nhỏ nhoi với gác chuông thấp lè tè này, ít khi được cha đến làm lễ, trừ những ngày thánh quan thầy Vào những ngày lễ cực trọng, khi có rước lễ, các nhà thờ họ lẻ cũng trang hoàng long lẫy, cắm cờ hội thánh; đám rước lễ khi đi qua đều rẽ vào. Ngày thường, chúng giống như những ngôi nhà bỏ hoang, chim sẻ làm tổ trên mái kêu rộn rã. Chim sẻ đậu cả lên đầu ông thánh Phê-rô lẫn ông thánh Vi-xăn-tê và làm bậy trên đó không bị ai xua đuổi. Sân nhà thờ họ lẻ được dùng làm sân phơi rơm, phơi lúa, nơi quạt thóc... Nghe nói trước đây các chánh trưởng, trùm trưởng các họ đạo ganh nhau dựng nên các nhà thờ này, không cần nghĩ tới chuyện chúng được sử dụng bao nhiêu lần một năm, bởi lẽ làng tôi chẳng lớn, giáo dân chỉ đi lễ ở nhà thờ chính xứ. Ngay cả việc đọc kinh cho kẻ chết, cũng không tiến hành trong nhà thờ họ lẻ. Việc đó người ta làm tại nhà.

– Ngày mai giỗ cụ nội.

Cô Gái, cuốn lịch sống trong họ, nói.

Tôi ra vườn trước hái chè.

Tối hôm sau, nhà trên chật ních người. Người đến ngồi tràn ra cả sàn gạch (phần sân còn lại là sân đất).

Đó là những người đến đọc kinh, phần lớn là họ hàng. Cái mở rối rắm những quan hệ họ tộc ấy chỉ có mình cô Gái tôi biết. Cứ ngồi nghe bà dẫn tích thì hầu như trong làng ai cũng có họ với tôi và ở ngoài đường, tôi nhất thiết phải chào họ hoặc họ nhất thiết phải chào tôi chứ không thể hờ hững đi qua mặt nhau như những người xa lạ. Nhưng trong làng tôi chẳng ai thuộc họ hàng như cô tôi và vì thế chỉ những người họ gần mới chào nhau.

Những ngày đọc kinh ngôi nhà sống hắt lại. Những cây tọa đăng bằng đồng được cô tôi đánh cát, đánh tro cho tới bóng loáng, tỏa ánh sáng rục rờ khắp ba gian nhà trên. Bàn thờ Đức Mẹ rục rờ ánh nến lung linh. Bức màn nhiều điều được bỏ đi. Từ trên tòa Đức Mẹ và Chúa Giêsu Hải Đồng mắt xanh tóc vàng độ lượng nhìn xuống đám con chiên da vàng mũi tẹt trong những bộ cánh màu thẫm. Trong làng tôi, người lớn trẻ con thường mặc áo vải thẫm trong những ngày trang trọng.

Tiếng cầu nguyện rì rầm nổi lên theo sau một giọng lĩnh xướng trong trẻo của một trung binh. Rồi, như những đợt sóng dồi lên, hạ xuống, tiếng đàn ông người bay cao, vang xa trong đêm tối:

- Xin Chúa thương xót chúng tôi!
- Chúa Ki-ri-xi-tô cầu cho chúng tôi.
- Cầu cho chúng tôi!

Những người đàn ông đội khăn xếp, áo chùng thẫm, lác đác có người mặc áo trắng, đôi guốc mộc đẽo lấy đặt bên cạnh, ngồi xếp bằng tròn, nghiêm nghị.

Những người đàn bà chít khăn đen, tóc cắt ngang trán, tràng hạt trong tay, người hơi lắc lư theo điệu đọc kinh của riêng vùng tôi:

- Lạy Chúa tôi, tôi ở dưới vực sâu kêu lên Chúa tôi, xin chúa hãy thăm nhận nhờ tôi kêu van, hãy lắng nghe tiếng tôi cầu xin...

Họ nấc lên khi tới đoạn "Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng!" Những nắm tay đồng loạt đập vào ngực thùm thụp.

Tiếng thở dài tập thể của những nỗi niềm không nói được thành lời thực, đành mượn kinh cầu để bộc bạch làm tôi ớn lạnh. Mới sống trong làng ít ngày, tôi đã mơ hồ cảm thấy rằng những kiếp người sống trong vòng vây của những lũy tre làng thực khốn khổ. Tôi nhìn những người đến đọc kinh cho cụ tôi và ngạc nhiên thấy họ có chung một gương mặt, gương mặt cam chịu kỳ lạ, không thấy ở bất cứ nơi nào. Những con người này sống yên phận trong một nỗi buồn heo hút, hiếm khi lóe sáng một niềm vui. Họ sống, họ phạm tội, rồi họ đọc kinh ăn năn tội, cứ thế cho tới hết đời. Con cháu của họ cũng sẽ như họ, nhưng vì có đạo, chúng sẽ đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn họ, chừng nào chính chúng chưa trở thành những linh hồn. Về sau này, tôi biết tôi lầm. Mỗi kiếp người có niềm vui của nó, dù cho niềm vui đó có bé nhỏ tới mấy.

- Đêm ông về - Sáng ngày ra, cô Gái nói với tôi - Cô nghe ông lẹp lẹp dép ở nhà trên. Lúc ấy, cháu cựa mình. Mà có nghe ông ho húng hắng không?

- Thưa cô, không - Tôi đáp và nép chặt vào cô. Tôi sợ.

Ăn sáng xong, cô Gái lấy ra hai cái cuốc đã mòn vẹt. Chúng cũng có một số tuổi đáng kính trọng như mọi vật trong nhà. Và như mọi vật trong nhà, chúng gắn liền với những kỷ niệm.

- Cô chiêm bao thấy ông giục đi sửa mộ cho hai cụ; cỏ mọc quá sức lẽ mình.

Hai cô cháu dắt nhau ra cánh đồng Ngàn Giũa, nơi an nghỉ đời đời của hai cụ tôi.

VIII

Ngay trước sân nhà ông bà nội tôi là một ngôi nhà dài tới bảy gian, nếu tính cả cái chái làm chuồng lợn. Nó quay cái lưng bằng đất nhồi rơm đã xơ xác, nhiều chỗ đã bục, về ba gian nhà trên. Đó là nhà bác Hai Thực.

Cụ nội tôi sinh được ba con trai. Ông thứ hai sinh ra bác Hai Thực. Trái với vẻ tĩnh mịch và hoang vắng của ngôi nhà ông bà nội tôi, ngôi nhà rách đàng trước mặt ồn ào sự sống. Cối xay ù ù suốt ngày, cối giã gạo nện thành thịch cho tới tận đêm khuya. Khi tiếng giã gạo lắng xuống, tiếng xa quay lại nổi lên vè vè như tiếng ve sầu. Bác Hai Thực thuộc lớp nhà nho cuối cùng. Như mọi nhà nho thất thế, bác tôi không động tay động chân đến việc gì. Mọi việc bác phó mặc vợ con.

Bác Hai Thực nghèo, thứ nghèo được gọi là "rót mỏng toi. Rau mỏng toi nhót (rót), nhưng tại sao cái nghèo lại liên quan tới cái nhót đó, tôi không hiểu. Chắc hẳn, người nghèo thường chỉ được ăn rau mỏng toi nên có câu ví đó. Nhưng nếu vậy thì nó cũng chẳng hoàn toàn đúng với nhà bác tôi. Bát canh mỏng toi nấu cua đồng cũng vẫn còn sang. Hèn nhất có lẽ là canh sung nấu muối, món này là thường xuyên trong nhà bác, cũng như món sung muối vậy (người ta muối quả sung như muối cà).

Không một thước tư điền, cả nhà trông vào mấy sào công điền bé bỏng, chẳng bao giờ đúng với kích thước được ghi trong sổ địa bạ, lại toàn là chân chuột với chân trũng. Như mọi nhà trong làng, nhà bác Hai Thực làm nghề hàng xáo và nghề dệt vải. Giữa nghề nông và hai nghề nói trên không có sự phân biệt chính phụ. Về sau này, cái sự nhập nhằng ấy còn làm khổ mấy ông cán bộ kinh tế của nhà nước quen nếp nghĩ rạch ròi, ưa bắt mọi sự chui vào trong những khuôn khổ do mình đặt ra. Họ ngăn người: "Cái làng này là làng gì? Nông nghiệp hay thủ công nghiệp?". Hai nghề này, lúc cái này lên, lúc cái kia xuống, nhưng cả hai cộng lại cũng đủ nuôi sống con người

vào lúc kinh tế ổn định. Nhưng kinh tế luôn luôn không ổn định. Bác gái đổ cho "kinh tế khủng hoảng", bác gái cam chịu "một sợi tóc rơi xuống cũng không ngoài ý Chúa".

Ngày ngày hôm sau khi tôi về quê, anh Cu Nhớn đã mở cửa nách sang rủ tôi:

- Chú Thư! Đi chơi đi!

Anh Cu Nhớn hơn tôi một tuổi, nhưng chỉ cao bằng tôi, suốt ngày cởi trần, trên bộ ngực lép kẹp lủng lẳng một cây thánh giá mạ kẽm đeo vào một sợi tơ se cáu ghét.

- Chơi gì!

Tôi hỏi trống không, chăm chú nhìn bộ mặt đen đũi, lấm tấm rỗ hoa.

- Trốn tìm. Chơi không?

Tôi lắc đầu.

- Ô ăn quan?

Tôi lắc đầu.

- Giải gianh?

Tôi lại lắc. Nói chung, trò chơi của trẻ con nhà quê chẳng có gì thú vị. Thậm chí, chúng trầm trồ ngắm nghía một hòn bi ve, không biết thế nào là đồng xèng.

Anh Cu Nhớn cắn móng tay một lúc rồi rủ tôi đi câu. Tôi gật đầu.

Hóa ra cái trò chơi này thực là thú vị. Nhưng nó lại chẳng thú vị gì đối với anh Cu Nhớn. Anh đứng đưng. Anh rủ tôi là vì anh nghĩ đối với tôi nó là trò chơi, còn với anh nó là bổn phận. Anh phải kiếm cá cho bữa ăn của cả nhà. Nhà bác Hai Thực không phải hôm nào cũng có cơm. Có khi hàng mấy ngày liền cả nhà sống bằng hạt sắn rang. Thứ cây này có lá giống lá me, hoa hình cầu trắng y hệt núp bông trong bộ đồ lấy ráy tai của thợ cạo, quả dài như quả bồ kết, hạt tựa hạt đậu. Hạt sắn rang lên có mùi thơm giống cám rang nhưng vị

đắng, khó ăn. Tôi cho rằng hạt sạn độc. Có người nói nó trị được giun sán. Chỉ biết trong nhà bác Hai Thực chẳng có ai béo. Hết thảy đều rất gầy, bác gái thì chẳng khác gì một bộ xương biết đi. Thế nhưng, khi bác giai ra khỏi nhà, bao giờ bác cũng vận áo dài trắng, quần trắng, che ô trắng. Ông đi những bước chững chạc, tay giương thẳng ô, nghiêm trang đáp lễ những ai chào hỏi ông:

– Đa tạ. Chúng tôi vẫn được bằng an trong tay Chúa.

Cái sự bằng an sao mà khủng khiếp!

Anh Cu Nhón đi câu trong sự bằng an ấy. Cầu Chúa cho cá cắn, nếu không anh sẽ bị quở mắng, và tôi đi với anh cũng cảm thấy mình có lỗi; tôi len lét tránh mắt mọi người. Anh Cu Nhón có cái nhìn thương xót đối với tôi. Anh thương tôi không được ở với bố mẹ mà phải ở với cô Gái. Cô Gái là người thế nào thì anh còn biết rõ hơn tôi nhiều.

– Không được rủ nó đi nghịch đất, Cu Nhón?

– Thằng Cu Nhón, tao cấm không cho mày rủ nó bơi ở ao, chết đuối có ngày!

– Tao cấm tiệt...

Lúc nào cô Gái cũng có một cái cấm nào đó dành cho anh mỗi khi anh muốn rủ tôi chơi cùng. Anh Cu Nhón giương cặp mắt ngây thơ nhìn bà, hai tay khoanh lại, hứa đủ điều và xin phép bà cho tôi sang chơi bên bác Hai.

Tôi có thể ngồi cả buổi bên anh Cu Nhón để xem anh câu cá. Bờ ao nhà bác Cố Tuyển (người đứng đầu ngành cá) là cả một thế giới lạ mắt và thú vị. Những con chuồn chuồn ngô nhàn tản lang thang tìm chỗ nghỉ chân nhẹ nhàng hạ cánh xuống đậu nơi đầu cần câu của chúng tôi. Những con chuồn chuồn lửa lúc lắc hai con mắt to như hai hạt đỗ tương trầm ngâm trên những ngọn ý rĩ, thỉnh thoảng lại lấy chân lau mắt cho sáng thêm để thưởng ngoạn. Mấy bông súng trắng xinh xắn đứng đưa gân mép ao. Những chiếc lá tre rơi lênh bênh trên mặt nước khẽ rùng mình mỗi khi có gió thoảng. Lũ thồn bơn

với cặp mắt đen láy ngo ngoe trên mặt nước. Trên cao, một con bói cá xanh biếc ngồi yên lặng như một nhà hiền triết. Thỉnh thoảng, nó rời cành cây khô lao vút xuống nước như một mũi tên vừa rời cây cung, rồi lộn trở về đầu vào chỗ cũ, hai cánh xòe ra phơi gió. Trên làn nước gần như bất động, những con kéo vó lênh khênh nhẹ nhàng trượt qua trượt lại trong một điệu vũ khó hiểu. Tất cả thụ hút tôi, còn anh Cu Nhón thì thờ ơ, anh chỉ gắn chặt mắt vào những cái phao trắng muốt làm bằng cuống tỏi.

– Kìa, một cái phao bắt đầu động đấy; nó chúi xuống rồi từ từ cắm đầu đi sâu vào làn nước xanh.

– Nó cắn kìa?

Tôi nhắc anh. Nhưng anh Cu Nhón không vội vã nhắc cần câu. Ở lưỡi câu là một con tôm to, đen xì.

– Để làm mồi.

Anh nói và tàn nhẫn ngắt luôn đầu con tôm. Những cái chân tí xíu vô vàn dưới bụng nó còn chuyển động hồi lâu.

– Cái giống tôm chúa hay quấy. – Anh cần nhẩn – Mình định câu cá, y như rằng nó mò đến.

Một cái phao khác động đấy. Nó nhấp nhấp khe khẽ.

– Giếc! – Anh Cu Nhón nháy mắt với tôi.

Bất thần, cái phao hơi chúi xuống. Anh Cu Nhón giật mạnh, giật ngang từ trái sang phải, bằng cánh tay, chứ người anh không hề chuyển. Ở đầu dây, đúng như anh nói trước, lủng lẳng một chú giếc lực lưỡng. Nó giận dữ thở rốc bằng cả miệng và mang, dữ tợn quật qua quật lại cái đuôi cá kính.

– Mồi tôm thì ngỗng thích. – Anh nhẩn nha giảng giải – Còn anh giếc này chỉ nghiện độc thứ mồi giun.

Cuối buổi, anh được một xâu cá, phần lớn là giếc. Anh cuộn cần câu lại, hài lòng.

Cái anh này kho khô ngon đáo để, cơ mà nấu canh sung bùi không chê được – anh nhúng cành tre non có những con giếc

và ngỗng bị xâu từ mang ra miệng xuống ao cho sạch hết kiến lửa.

- Nhưng tôi giao hẹn với chú, đi câu với tôi là phải im như thóc. Nói chuyện, cá nó nghe thấy đấy.

Chẳng bao lâu sau anh Cu Nhón đã chiếm được cảm tình của tôi hơn tất cả những người mà tôi gặp ở nhà quê cộng lại. Con người nhỏ bé này cư xử đĩnh đạc như một người lớn. Anh gọi tôi một điều chú hai điều chú với giọng tự nhiên và nghiêm trang của một người anh. Trong quan hệ đối với tôi, anh độ lượng và nhường nhịn. Anh cũng thuộc số những người rành lẽ đạo, nghĩa là thuộc kinh bốn, biết các sự tích trong Sấm truyền, cùng là các thứ linh tinh khác mà một con chiên lành không thể không biết.

Nhưng cái mà anh am hiểu hơn cả là nghề câu, nếu ta coi việc đi câu những con cá chép về cho bữa ăn gia đình cũng là một nghề. Với loài cá nước ngọt, theo thứ bậc to nhỏ tính những con bản to chỉ ở mức từ ba ngón tay trở xuống, anh hiểu biết các thói quen và tính nết chúng như thể anh sống với chúng vài đời người.

- Kỳ khu là anh chàng trôi - ta hãy nghe anh kể chuyện thế giới cá của anh - hẳn ta thích lắm lắm vô cùng. Làm mồi cho hẳn ta công phu nhất hạng. Phải giã gạo cho thật tơi bột, luyện bột với mắm tôm cho tới khi dẻo kẹo mới viên vào đầu lưỡi câu. Trôi không ăn mà cá khác đến rửa là tan mất cái mồi, mồi bột không bền. Đại phàm ăn là anh giếc. Tôm ươn ư, mai cua ư, giun ư, tuốt tuốt. Nhưng tôi đã nói với chú rồi đấy, nhất hạng đối với hẳn ta vẫn là anh giun đỏ. Câu giếc chú phải có ý. Thấy phao mới nhấp nhấp hoặc chưa chúí sâu là giếc mới rửa chứ chưa ngậm mồi... Nhìn phao biết cá gì cắn đã tài, nhưng anh Cu Nhón của tôi còn thuộc cả tầm cá nữa. Nhìn tầm nổi lên mặt ao, anh biết ngay con cá nào đang đi dưới kia, dấu mình sau làn nước.

- Tầm nhiều mà dày, bột to bằng đầu mũ đánh ghim là tầm giếc. Tầm chép to bằng đầu đũa, thưa, mà không nhiều. Tôm

cũng thi thoảng đùn tằm, làm ta nhâm, đẩy nó đẩy, cái thằng phá đám.

Tôi phục lãn.

Mấy cái ao của họ hàng ở gần nhà hiếm cá dần. Chúng tôi rủ nhau đi câu trộm.

Câu trộm, hãy gạt bỏ tính chất phi đạo đức của nó, có cái thú đặc biệt. Nó giống như sự mạo hiểm, rất lôi cuốn đối với tuổi thơ. Để câu được kín đáo, có khi chúng tôi phải chui tọt vào một cái hang bằng rễ tre xúm xuê tua tua trở ra bờ ao (nước đã làm trôi đi, làm lở đi đất dưới chân bụi tre, nhưng những cây tre vẫn bám được nhờ sự quấn quít với những bụi khác) rồi thò cần ra mà câu. Khi giật được con cá to chúng tôi chỉ im lặng nhìn vào gương mặt rạng rỡ với đôi mắt sáng rực niềm vui của nhau mà biểu lộ sự khoái trá trong lòng. Ấy thế mà, mặc dầu đã có nghệ thuật ẩn nấp cao, nhiều lần chúng tôi đã phải vác cần câu mà chạy như ma đuổi qua những vườn sau và ngõ hẻm giữa các nhà, trong tiếng chửi rửa té tát đuổi theo. May ở làng tôi người ta không chửi rửa quá chua ngoa, với những bài bản kinh khủng như ở phố Nhà Rượu. Người ta tránh không dùng những cách nói quá nặng nề hoặc dựng dậy những thế hệ cha ông đã nằm yên dưới mộ để bắt họ ăn những thứ không có bán ở chợ. Tôi đồ rằng họ sợ tội, họ sợ chết sa hỏa ngục nhưng họ phải chửi, bởi lẽ không chửi thì tức không chịu được. Mà cũng rất có thể đó là do trong làng ngoài xóm với nhau, tính kỹ ra thì cũng họ hàng hang hốc cả lượt, chửi tổ tiên thằng câu trộm chửi biết chừng lại nhè đúng đầu tổ tiên mình. Lại có người đoán già đoán non biết kẻ câu trộm là ai, nhưng họ chỉ hét toáng lên, răn đe cho chúng tôi sợ, cho chúng tôi chừa. Vả lại, con cá mất bao giờ cũng là con cá to.

Anh Cu Nhớn không hề khoe khoang tài câu cá của mình. Nhưng trong bọn trẻ con chúng tôi, anh cứ nổi tiếng sát cá.

– Cái đứa sát cá là đứa nghèo suốt đời.

Cô Gái nói như vậy.

Hình như cô tôi đúng. Tôi chưa gặp ai sát cá mà giàu. Người đã sát cá thì không câu được cái khác trong cuộc đời.

Tôi không thể dừng được mà không kể các bạn nghe về cái thú đi câu đêm.

Tôi và anh Cu Nhón, hai chúng tôi ngồi sát nhau, chăm chú căng mắt nhìn đốm lửa lân tinh của con đom đóm mắc vào phao. Mặt ao đen kịt như một hồ thuốc nhuộm. Những vì sao im lặng, khẽ xao động trong bầu trời thứ hai nằm dưới chân chúng tôi. Quanh chúng tôi, những con đom đóm sáng lên từng nhíp như mạch đập, bay vờ vẩn. Gió xào xạc trong những bụi tre.

- Suyt!

Anh Cu Nhón nhắc tôi khi tôi phát mạnh vào chân để giết một con muỗi.

Bóng đêm ôm lấy chúng tôi. Chúng tôi không bao giờ câu vào đêm có trăng. Trong tuần trăng cá không cắn, thảng hoặc có thì cũng lười biếng. Theo anh Cu Nhón, khi trăng lên, cá đi nhớn.

Chúng tôi im lặng giật lên những con cá trê đen như bóng đêm. Chỉ có thể nghe thấy tiếng ộp ộp giần giữ của chúng khi chúng quật mình trên cỏ. Trong đêm tối, phải sờ soạng để tháo chúng khỏi lưỡi câu. Công việc này đòi hỏi sự cẩn thận và thói quen của người câu đêm - những con cá trê điên cuồng có thể nẻ cho những cái đầu điếng và vết đòn thù này có thể sưng tấy lên nhiều ngày.

Anh Cu Nhón không phải chỉ giỏi câu. Anh có những cần câu tuyệt vời, tự làm lấy. Hóa ra nghệ thuật làm cần câu chẳng đơn giản chút nào. Anh phải ngắm nghía, chọn lựa những cành tre đực thẳng và đẹp từ khi chúng còn ở trên cây, xanh rờn và mềm oặt. Phải chờ cho đúng đủ già, anh mới bắt, hơ lửa uốn cho thẳng rồi sau đó mới lấy dao thật bén mà gọt mấu. Gọt cũng phải nhẹ nhàng, không được phạm, nghĩa là vô ý để lưỡi dao ăn quá sâu vào thịt tre. Rồi gác cái cần câu đã

được chế tạo lên ránh để cho khói và thời gian làm cho nó lên nước, sau đó hạ xuống đánh bóng bằng xơ tre, rồi ngâm xuống ao cho cần câu dẻo lại, khi ấy mới dùng được. Một cái cần câu như thế sẽ dẻo đến nỗi gặp cá to nó sẽ uốn mình cong vút tới tận cán nhưng không chịu gãy.

Dây câu làm bằng tơ mảnh chập lại rồi se cho thật săn ngâm nước nâu chát xít vài lần. Lưỡi câu uốn bằng dây thép các cỡ tùy theo loại cá. Nghệ thuật uốn lưỡi câu của anh Cu Nhớn cũng hết chê luôn. Tôi không hề phóng đại, đường cong của lưỡi câu có cái đẹp riêng của nó mà chỉ những người đã từng tự tay uốn lưỡi câu hoặc những người mê câu nhiều năm mới biết. Thành thử, bây giờ tôi nghi ngại nhìn những người câu bằng dây cước cong queo với cái lưỡi câu thô kệch sơn đen – con cá ngốc nào sẽ đâm đầu vào ăn mồi của một tay câu như thế?

Tôi không thể tự tay làm lấy bộ đồ nghề tuyệt vời như thế. Tôi có thể mượn anh Cu Nhớn vài lần, nhưng nhường tôi như vậy, số cá câu được hụt đi tỉ lệ thuận với số cần câu bị giảm sút. Tôi nóng được làm chủ vài cái cần câu như của anh Cu Nhớn. Tôi không dám xin anh, bởi vì tôi hiểu làm ra một cái cần câu tuyệt như thế anh phải tốn công thế nào. Tôi đưa cho anh hào bạc mà mẹ tôi gửi cho khi chia tay. Anh ngần ngừ đưa cho tôi cần câu đẹp nhất của anh. Cô Gái phát hiện ra việc mua bán đó. Bà hầm hừ:

– Thằng Cu Nhớn thế mà hỏng, ăn dở của em.

Anh Cu Nhớn trả lại tiền cho tôi. Tôi phải trả lại anh cần câu. Tôi tiếc hai cái cần câu đến phát khóc.

Nỗi đau khổ của tôi làm cho cô Gái tủi lòng. Bà hạ lệnh cho anh chỉ được lấy tôi năm xu:

– Năm xu là đắt rồi. Đáng lẽ mày phải cho em, nó bé. Đồ tồi!

Anh Cu Nhớn bậm môi lại, nghe lời cô.

Người lớn thường có cái tật là can thiệp vào lẽ công bằng của trẻ con. Năm xu hai cái cần câu như thế là quá rẻ.

Bon trẻ trong làng vẫn bán cần câu cho nhau và giá một cái cần câu bằng cái anh Cu Nhớn chế tạo ít nhất cũng phải một hào.

Tôi lén lút đưa nốt năm xu cho anh Cu Nhớn. Anh không lấy. Nói thế nào cũng không lấy. Ít lâu sau, anh còn cho tôi hai cái cần câu tôm nữa. Chắc anh nghĩ rằng cô Gái nói phải, nhưng có lẽ anh sợ cô thì đúng hơn.

Có nhiều người không tin có sự câu tôm. Vậy mà nó có đấy. Cần câu tôm vót bằng mảnh tre đực già, cật nhiều, thịt ít hoặc giả bằng nửa ngâm loại tốt. Đầu cần phải vót rất mảnh, chỉ nhỉnh hơn đầu que tăm một chút. Vậy mà khi gập cá lớn quá sức chịu của cần câu, nó hay gãy ở phần dưới chứ không gãy ở đầu.

Dây câu tôm là thứ dây đặc biệt. Đó là một sợi tóc nguyên vẹn, rất dài, không được phép nối. Vào thời bấy giờ, tóc dài là một trong những vẻ đẹp của nữ giới. Có người tóc dài đến nỗi mỗi khi gội đầu phải đứng lên ghế để thả tóc mình vào chậu nước bồ kết. Thứ tóc tốt nhất là tóc đen, óng và mượt. Tóc rẽ tre bề ngoài có vẻ mập hơn, chắc hơn, nhưng lại dễ đứt. Để có những dây câu tốt cho những cần câu tôm của mình, chúng tôi phải thuộc hết tóc của các cô gái làng. Trong việc đi sưu tầm tóc tôi quan sát nhiều loại tóc khác nhau và có một phát hiện lý thú là tóc người cũng nói về chủ nó chẳng kém gì đôi mắt, giọng nói, gương mặt hoặc dáng đi. Nhưng nói về phát hiện này thì quá dài, đành phải để dịp khác.

Tôi ngạc nhiên về độ bền dai của tóc người. Nó mảnh mai là vậy, nhưng không hiếm lần tôi đã giải lên khỏi mặt nước những con mương bản lớn bằng hai ngón tay bằng thứ dây câu kỳ lạ ấy. Gập cá to, tất nhiên là so với con tôm, tim tôi nháy lên trong lồng ngực, tay tôi run lên, cái cần câu uốn cong tới tận cán, sợi tóc căng như dây đàn, tưởng chừng nó đứt đến nơi, rồi vụt một cái, con mương đã vật mình trên cỏ lấp lánh ánh bạc.

Nhưng thú nhất đối với người câu hay sốt ruột như tôi là câu cá rô ron. Anh Cu Nhớn có cái nhìn khinh khỉnh đối với những ai thích câu dễ dãi. Tôi đành câu một mình. Mùa hè, ao nào cũng đầy cá rô ron. Chúng to bằng ngón tay cái, bằng ngón chân, màu vàng ngả sang xanh, với một chấm đen ở đuôi. Đó là lũ cá trẻ con, rất hiếu động và rất ngây thơ. Từ dưới đáy ao chúng ve vẩy cái đuôi tí xíu phóng vút lên mặt nước, đớp một ngụm không khí rồi khoái trá lặn xuống tung tăng đi chơi trong nước xanh. Những con rô mẹ vô tư, tưởng con mình đã lớn chúng mặc cho con cái vui chơi, không hề chăm sóc, không cần bảo vệ.

Tôi vớ một con ruồi đậu ở chân, mắc vào lưỡi câu rồi quăng xuống nước. Con ruồi nhẹ bỗng cộng với cái lưỡi câu bé nhỏ bằng thép go nổi trên mặt nước, cả sợi dây câu bằng tóc cũng xếp ngoằn ngoèo bên cạnh. Tôi quên không nói, để câu cá rô ron tôi dùng cần câu tôm. Con ruồi không chết ngay, tôi cố ý vớ nhẹ để cho nó chỉ bị ngất đi, nó vẩy cánh loạn xạ trên mặt nước. Cái vật động đập liên hồi đó kích thích tính tò mò của một con cá rô ron, có khi cả hai ba con một lúc. Một con dạn nhất, hoặc tham ăn nhất, ve vẩy đôi vây mỏng tang, bơi bỗng lên, lưỡng lự vài giây rồi lao tới con ruồi như một làn chớp vàng. Con ruồi đã bị đớp gọn; nó lao ngược trở lại, cũng nhanh như thế. Cái cung cách kiếm ăn như một tên cướp giật chẳng bao giờ cứu nó thoát cái giật nhẹ nhàng của tôi. Chỉ một lát ngòi câu tôi đã được vài xâu cá rô ron.

- Chúng nó là trẻ con, chưa có trí khôn..

Anh Cu Nhớn không khen khi tôi câu được nhiều những con cá nhóc nhách ấy.

- Được bữa rán đấy - tôi chống chế.

- Ra cái gì? - anh nói.

Tôi còn thích câu cá mương. Giống cá này có nhiều ở con ngòi chạy quanh co từ chợ vào sâu trong làng. Cá mương cũng thích mỗi nổi như cá rô ron, nhưng mỗi mỡ sống được chúng ưa nhất. Thứ mỗi này tiện, bắt hàng chục con mà vẫn không

phải thay. Cá mương cũng ham mỗi, nhưng chúng đùa bỡn chung quanh mỗi nhiều hơn ăn.

- Câu mương làm gì, chú. Thịt nó nhão, mà tanh. - Anh Cu Nhớn nhận xét.

Anh Cu Nhớn chê cá mương tanh, chứ nấu canh sung cũng ngọt. Anh không thích câu mương là vì anh chê cái sự câu dễ dàng, như anh chê câu cá rô ron vậy.

Cá tanh nhất phải kể cá lẩn đất. Nó to bằng cá ngão, hình dạng tựa cá ngão, nhưng dẹt mình, lưng có ánh xanh. Anh Cu Nhớn ghét thậm tệ cá lẩn đất. Buổi câu nào mà giật phải hai con lẩn đất là anh cuốn câu, đi về.

- Cái giống này xúi quẩy nhất hạng. - anh giải thích - Nó cắn đầu buổi là đùng hòng câu, tôi nghiệm như vậy.

Tôi trở mắt nhìn anh. Anh Cu Nhớn của tôi thực uyên bác, thực từng trải, thực sành sỏi.

Trái với điều tôi chờ đợi, cô Gái tỏ ra hài lòng khi thấy tôi mang cá về nhà. Bà lẳng xẵng làm cá, rán ròn cá rô ron trong cái xanh đất, ăn béo ngậy. Nhưng rán thì tốn mỡ, bà kho khô trong niêu đất, vùi tro cho tới khi cá khô cong, xương mọc ra, ăn bùi và ngọt lịm.

Thế rồi, một hôm cô Gái bảo tôi ở nhà câu với bà. Hóa ra cô Gái cũng có một cái cần câu giắt ở chái chuồng lợn. Thế mà tôi không hề biết. Cô Gái câu rất vụng. Bà luôn làm vướng dây câu vào các cành cây ở bờ ao. Chốc chốc tôi lại phải lấy sào gỡ cho bà, có khi phải trèo lên để gỡ. Một lần bà giật quá mạnh, lưỡi câu mắc phải gộc tre hay cành củi nằm dưới ao, dây câu đứt luôn. Tôi đành bấm bụng hy sinh, lấy cho bà cái lưỡi câu dự trữ mà anh Cu Nhớn tự tay uốn cho tôi. Mà ao nhà tôi nào có cá. Đó là một ao tù phủ đầy bèo Nhật bản, cá cũng có nhưng chỉ có mấy con chuối, mấy con cá rô cụt. Thành thử sự hy sinh của tôi cũng bằng thừa. Bà câu được mấy con săn sắt. Tôi chỉ thích những con săn sắt trong lọ được vài buổi. Trong bộ cánh sắc sỡ, chúng bơi qua bơi lại trong phễu đựng

đường sút miệng, ra cái điều hãnh diện, nhưng rõ ràng là những con cá háu ăn, ngu ngốc và đoảng vị. Có thể câu săn sắt bằng thứ dây câu tồi tệ nhất, tầm thường nhất, bằng chỉ trắng cũng xong, cả lưỡi câu cũng vậy, một cái đinh ghim uốn cong là đủ, chúng vẫn cắn như thường. Chẳng bù với những con cá rô cạ. Khi đã ở tuổi già, cá rô có đức tính thận trọng đáng kính phục.

Cô Gái ghen tị nhìn tôi mang những con cá từ nơi khác về Bà biết tôi không muốn câu với bà. Mà bà thì muốn câu. Vì buồn, chứ không phải vì muốn được cá.

Tôi vẫn lang thang với anh Cu Nhớn. Nếu biết tôi đi câu cô Gái chẳng cho tôi ngồi lâu. Có khi vừa tìm được một chỗ nấp kín đáo, cái phao đầu tiên vừa động đậy, anh Cu Nhớn đã huých tôi:

– Cô Gái gọi chú kìa?

Tôi lắng nghe. Từ phía nhà tôi vẳng lại tiếng réo của bà. Đã không gọi thì thôi, chứ đã gọi thì bà làm như hò dò sông cái:

– Thư ơi, ơ Thư? Thuuu ơơơ!!!

Tôi cuốn cần câu lại, thở dài.

Cô Gái chờ tôi ở thêm, sừng sững như một cái phát trần:

– Đi đâu mà tao réo hết hơi mới chịu dẫn xác về, thằng kia? – bà hét lên – Ngủ mày rồi hông, tao truyền đời báo danh cho mà biết. Bé đi câu, nhớn đi hầu, già đi làm khách nợ.

Tôi cúi mặt xuống, nước mắt trào ra trước câu tiên tri tàn nhẫn về cuộc đời mình.

IX

Cuối cùng rồi tôi cũng tuột khỏi bàn tay xương xẩu và rắn chắc của cô tôi, dù bà không hề muốn điều đó. Bà không thể cứ giữ rịt tôi ở nhà suốt ngày suốt tháng. Thực ra, cô Gái tôi không phải là người ác. Bên trong vẻ ngoài khắc khổ, nghiệt ngã, ẩn náu một trái tim tốt lành. Nhưng bà chỉ tốt vậy thôi, nghĩa là bà chẳng làm hại ai, chứ bà không hướng tới những việc làm tốt, cái đó quá sức bà. Hồi đó tôi không ưa bà, thậm chí ghét bà, hoàn toàn không ngờ rồi đây mình sẽ có lúc phải cay đắng mà nghĩ rằng được sống với những người không hại mình đã là một sự may mắn.

Tôi bắt đầu lang thang trong cái làng quê nhỏ bé của tôi, vào sâu trong các xóm, làm quen với những người mà sau này trở nên thân thiết bởi một lẽ đơn giản – họ cùng chung với tôi một mảnh đất của tổ tiên. Tôi cũng bắt đầu yêu những mái tranh lè tè sau những hàng rào găng, hàng rào ruối, hàng rào dâm bụt, hàng rào xương rồng và biết bao loại cây khác có thể dùng làm địa giới của gia đình. Tôi thích nghe tiếng hát ru từ trong những mái tranh ấy bay ra cùng với tiếng xa quay riu rít, tiếng khung cửi kéo kẹt. Tôi thích ngắm nhìn đồng lúa với những cánh cò trắng muốt bay lên đậu xuống nhẹ nhàng như những mảnh lụa rơi. Tôi nhớ tiếng ru của mẹ:

À ơi

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao...

Buổi sáng, làng tôi rộn lên tiếng chày đập vải ở mọi ao to ao nhỏ, dọc theo ngòi. Trong các nhà những cái khung cửi bưng tỉnh đưa thoi tanh tách. Càng về trưa những tiếng động càng lắng dần, lắng dần, cho tới đêm thì tắt ngấm. Trong bóng tối lạnh lẽo, những con chó nhát gan tru lên từng hồi dài để tự trấn tĩnh. Lang thang trong các xóm một giọng khàn khàn kéo dài, theo sau từng hồi mõ khô khắc:

Triềng... quan... viên... làng nước... Ai nấy... im... lặng... mà... nghe... ơ... ơ... ơ...

Đó là tiếng của ông Bổng, ông mỗ già, người bị khinh rẻ nhất trong làng, tuy cũng chẳng phải là người nghèo nhất. Ông bị khinh bởi nghề mỗ. Ông là dân ngụ cư, tức là người từ nơi khác đến kiếm ăn. Trong làng tôi những người nghèo hơn ông nhiều cũng không chịu làm mỗ.

Thỉnh thoảng, lâu lắm, mới bùng lên một đám khao, một đám cưới, một đám ăn mừng nhà mới rồi cả làng lại ngủ lịm đi trong tiếng cầu nguyện không bao giờ dứt, trong tiếng chuông nhà thờ gióng giả gọi đàn chiên Chúa sáng đi lễ tối đi chầu.

Những người con gái ít khi ra khỏi nhà. Một số làm hàng xáo. Số đông ngồi suốt ngày dưới con chim gỗ gặt gù không biết mệt và luôn tay đưa thoi. Từ tấm bé đám con gái đã thạo nghề quay xa, đánh suốt, giáo vải, hồ vải, dệt vải đi lấy chồng, họ chuyển từ cái khung cửi nhà mình sang ngồi ở khung cửi nhà chồng, trong khi những người chồng đi biển biệt hàng năm.

Những người chồng lên rừng, làm nghề sơn tràng. Số may mắn trong bọn họ dần trở nên giàu có, đủ tiền của và nhờ tiền của mà có những lối gỗ riêng, trở thành ông lái. Nhà gạch của họ mọc lên san sát trong làng. Bè gỗ của họ đổ kín con ngòi từ sông cái vào tới làng. Tên của họ được đệm thêm chữ lái, mà danh giá của nó có thể sánh bằng những chữ chánh, lý, phó, cửu... Những người số đen vận rủi, không được trở thành lái ngậm ngùi làm thuê cho những người anh em cùng nghề mỗi ngày một trở nên xa cách. Họ đổ mồ hôi, có khi đổ cả máu, ngã cây, đưa gỗ ra sông, cốn thành bè. Bè xuôi, họ đứng chân áp giang. Trong khi các lái – ngày hôm qua còn là bạn họ – sát phạt nhau trong nhà bè (một căn nhà nhỏ làm ngay trên bè gỗ, bên trong thậm chí có cả sập gụ, tủ chè), họ thức thâu đêm đưa bè qua ghềnh qua thác. Có trường hợp một lái thua cháy túi qua một đêm lại rơi xuống hàng áp giang, phải ra đứng đầu bè cùng với người làm công cho mình

hôm trước. Ở làng tôi, khi người ta có tiền thì người ta đánh bạc. Hầu như đó là trò tiêu khiển duy nhất mà họ biết.

Những người đi rừng cứ đi mãi, hết ngược lại xuôi, chạy theo cái mộng trở thành ông lái, theo không được thì trở về khi kiệt lực, tha theo cái bụng báng kỷ niệm của rừng thiêng. Những người đàn ông bị báng có nước da bủng beo, cái nhìn đờ đẫn, cái bụng to như bụng đàn bà chửa đi trước họ, lặc lè. Đã bị báng là chắc chết, họ buồn bã đi lang thang trong làng như để lạng lẽ chia tay với quê hương. Khi không đi được nữa, họ nằm xuống, trút hơi thở cuối cùng vào một ngày nào đó, cũng lạng lẽ như thế, để lại người vợ bị cột chặt vào cái khung cửi và lũ con đói khát. So với phụ nữ các làng trong vùng, làng tôi có nhiều người chít khăn trắng hơn cả. Đến nỗi, có thể nhận ra người làng mình trong chợ căn cứ vào những chiếc khăn trắng.

Những người lớn gặp nhau chung quanh những câu chuyện làm ăn và nỗi khốn khổ trong chuyện làm ăn gợi nên trong tôi cảm giác chán ngán.

Tôi tìm đủ cách để khỏi phải ở nhà với cô tôi. Tôi bám chặt anh Cu Nhớn. Nhưng anh bận nhiều công việc. Có khi anh phải xay thóc giã gạo cả ngày để cả nhà có nồi cháo cám. Cháo cám dù sao cũng còn hơn hạt sạn rang.

Những khi thấy tôi lang thang một mình, chị Phương, con gái đầu lòng của bác Hai Thực, rủ tôi đi cất vó tép với chị.

Những ngày con nước và những ngày gió bắc thổi, cá ít chịu cắn. Ngồi cả buổi cũng chỉ lôi lên được vài con cá bò nhỏ xíu, tròn lẳn với làn da vàng loang lổ và nhẵn thín, hoặc đôi con bống nâu rộng miệng, là thứ cá ít cắn câu nhưng lại chịu khó kiếm ăn trong mọi thời tiết. Những ngày ấy, cả đến tôm tép cũng không chịu vào vó. Nhưng chị Phương tôi là người nhẫn nại hiếm có. Khi tất cả những người cất vó tép ngồi nhà, thì chị vẫn lang thang bên các bờ ao với cây sào và cái rá. Đi cất vó tép rất thông dong, các chủ ao không bao giờ xua đuổi cái sự kiếm ăn lèm nhèm ấy.

Hơn tôi chừng chục tuổi, chị gầy tới mức có đem cân cũng chỉ nhỉnh hơn tôi chút ít. Đen nhẻm, xương xẩu, chị có gương mặt dễ mến, hiền lành tới mức cam chịu, đôi mắt mở to không chớp, mắt của loài thỏ, ngây thơ và tin cậy. Tôi căng vó giúp chị, chị lấy sào móc vó đặt nhẹ nhàng xuống chỗ nước nông bên bờ ao, gõ vào đầu vó mấy cái cho nó khỏi nổi bênh lên rồi lấy mỗi cám rang giấp nước ném vào giữa vó một mẩu nhỏ. Mẩu cám tan ra thành bụi nâu trong nước, chìm dần.

– Tôm nó không có mũi, vậy mà ngửi được, tài ra quỷ (tức là tài lắm, theo cách nói ở làng tôi).

Chị Phương nhỏ nhẹ nhận xét. Chị nói bằng giọng rụt rè, nâng niu từng chữ, như thể chị sợ chị sẽ đánh rơi chúng xuống đất cứng và chúng sẽ vỡ tan thành từng mảnh.

– Tôm nó cũng có mũi chứ.

– Làm gì có. Đây này – chị đưa cho tôi một con tôm đang bật đuôi tanh tách – Mũi đâu nào? Mắt có, mồm có, mà mũi thì tịnh không.

Tôi soi mói nhìn con tôm.

– Có khi mũi nó liền với mồm, chị ạ.

– Dễ vậy.

Chị không sợ tôm nghe tiếng, vì thế đi cất vó tép với chị tôi có thể nói chuyện thoải mái. Chị hay đặt ra những câu hỏi, rồi lại tự trả lời. Rõ ràng đằng sau những câu hỏi lẩn thẩn ấy, chị Phương tôi muốn tìm kiếm một cái gì đó, một cái gì rất có ý nghĩa đối với chị.

– Giá mà người ta có cánh như các thánh Thiên thần! – đột nhiên chị rẽ sang chuyện khác – Chú tính, nếu lấy lông ngỗng mà đan lại thực khéo làm cánh rồi buộc vào tay, mình có bay được không?

– Lông ngỗng chắc không được. Ngỗng có biết bay đâu.

– Ờ nhỉ.

Chị sực nhớ đến con ngỗng không biết bay, gật đầu.

Một lát sau, chị lại sang chuyện khác.

– Ở Hà nội có bà sờ không chú?

– Bà sờ là cái gì?

– Là người nữ đi tu ấy.

– Thế thì là bà sơ, chị lại gọi là bà sờ. Bà sơ mặc áo đen lưng thụng, có cổ áo trắng, phải không?

– Phải.

– Bà sơ ở Hà nội có mà ối. Họ đeo tràng hạt dài đến bụng, mà hạt to thế này này.

Cái nhìn của chị trở nên xa vắng.

– Tôi cũng muốn làm bà sơ.

– Chị định đi Hà nội à?

– Không. Ở làng ta cũng có nhà sơ, gọi là nhà mụ. Tôi muốn vào trong nhà mụ.

– Chị vào đấy làm gì?

– Đi tu chứ còn làm gì. Có điều vào ở nhà mụ thì sướng cái phận mình, nhưng tôi lại thương thầy mẹ. Vào ở nhà mụ rồi thì không được về nhà mình nữa.

– Thế thì đừng vào đấy, chị ạ.

Tôi nghiêm trang khuyên chị. Chị đồng ý, dễ dàng như bất cứ lúc nào.

Ở nhà bác Hai Thực mọi người đồng tình trút mọi việc có thể trút được lên đôi vai gầy của chị Phương. Chị lẳng lặng hứng lấy, không phàn nàn, không oán thán, lúc nào cũng bị ai đó sai làm việc gì đó, suốt từ tinh mơ cho tới khuya. Chị tát nước, nhổ mạ, đi cấy, cắt cỏ cho trâu thuê, đưa cơm cho thợ cày, làm cỏ ruộng, xới vườn, xay thóc, giã gạo, đánh ống, đánh suốt, dệt vải, cắt vó, đi chợ, làm cơm... Tưởng chừng một con người không thể nào cáng đáng nổi từng ấy công việc, ấy thế mà chị Phương làm được tốt, lúc ở chỗ này thoát cái đã ở chỗ khác.

- Tội nghiệp con cái Phương? - cô Nhung, chị gái bác Hai Thực phải kêu lên - Làm nhiều quá, quất cả người. Chẳng ai thương nó trong cái nhà này.

Bác Hai Thực gái nguyệt cô:

- Bà thương nó thì bà đỡ cho nó. Con cái lớn thì phải làm. Không có cái phép ngồi giải đãi ra mà hốc.

Tôi đổ mặt thay cho cô Nhung. Bà già rồi, lại yếu, mắt kèm nhèm, chẳng làm được gì, hôm nào khỏe bà cũng chỉ đánh mấy cái suốt, hoặc giã cối một cối gạo, tất nhiên là với sự giúp đỡ của lũ trẻ chúng tôi.

Cô Nhung tủi thân, ra thêm ngồi khóc.

Bác Hai Thực ở nhà trên nghe tiếng, đập mạnh tay xuống giát giường

- Các bà. Có để cho người ta yên một tí không nào!

Cảnh Cô Nhung là thế. Vậy mà chị Phương tôi không sợ Chị nói với tôi:

- Tôi rồi sống trọn đời đồng trinh như các cô.

Các cô đây là cô Oanh, cô Nhung và cô Gái. Ba người con gái ở ba ngành không lấy chồng, trở thành ba bà cô. Ngành cả giàu có nhất, xây được một cái nhà tây hai tầng và có một nhà ngang bằng gỗ tứ thiết chạy suốt chiều ngang cái sân nhà ông bà nội tôi. Đứng ở thềm nhà ông bà nội nhìn ra tôi có thể thấy cả cái nghèo nàn của ngành thứ với cái giàu sang của ngành cả. Nếu cửa liếp của ngành thứ thông sang nhà tôi thì cái cổng gỗ của ngành cả lúc nào cũng đóng chặt. Có lẽ ngành cả chỉ giữ lại làm phép cái cổng này để linh hồn tổ tiên khỏi đau lòng khi thấy con cháu mình rào dậu ngăn sân.

Người thấp bé, lấm lì, cô Oanh không mấy khi sang chơi với hai bà em. Bà sợ bẩn. Là người sạch rớm, mỗi khi có khách tới nhà, bà vội vã bưng ghế ra cho khách ngồi kéo họ suông sẽ ngồi vào giường bà. Nếu họ vô tâm cứ ngồi vào đó thì bà

nhấn nhó như người bị đau răng trong suốt buổi tiếp khách, khách vừa về là bà vội cuốn chiếu đem ra cầu ao giặt ngay.

Khi cô Gái đưa tôi sang chào cô Oanh, bà nhìn tôi từ đầu đến chân, cái nhìn xa lạ:

- Vậy nó là con ông Tư?
- Dạ, nó về ở với em, em cho nó sang chào cô.
- Nó sạch sẽ đấy. - cô Oanh nhận xét.

Quên ngay tôi, cô Oanh quay sang hỏi chuyện với cô Gái câu chuyện tầm phào thủng thẳng.

Cùng ở với cô Oanh còn có cô Nhất. Cô Nhất già khom thấp tè, xấu xí một cách dữ tợn. Suốt đời bà bực dọc với một cái gì đó không ai biết, sống lặng lẽ như một cái bóng. Bà không mặc quần áo nào khác ngoài vài bộ đồ đen, bao giờ cũng vận áo dài, dù ở trong nhà. Bà sống gằn như trọn đời đồng trinh. Chồng chết sớm, bà ở vậy cho tới khi trở thành bà lão. Cô Nhất không quát mắng chúng tôi, lũ cháu của bà, nhưng chúng tôi sợ bà, hết như bà là một con ma sông.

Cái nhà xây thường bỏ không. Người ăn thừa tự của ngành cả là bác cố Tuyển, nhưng ông đã qua đời, bà vợ và các con, những ông anh bà chị của tôi ít khi trở về quê. Họ đều thành đạt, trở thành những ông tham, ông phán. Con của những ông anh bà chị tôi cũng chỉ về quê vào dịp hè, ăn vận sang trọng hơn hẳn lẽ trẻ chúng tôi ở nhà quê. Chúng tôi chơi với nhau như bạn bè, và tôi có niềm hãnh diện nho nhỏ vì những đứa cháu bằng và hơn tuổi mình. Theo truyền thống gia tộc sự ngang hàng trong xưng hô bị coi như sự mất nét.

Tôi cũng chỉ gặp bác cố Tuyển gái vài ba lần. Bác trai đã mất từ lâu, bà là người có quyền cao nhất trong ngành cả. Bà bác giàu có không lạnh nhạt với tôi, nhưng cũng chẳng mặn mà. Dường như bà chẳng cần biết đến những đứa cháu họ bên chồng. Bà tiếp tôi như trong lễ triều kiến khi theo khuôn phép, tôi phải tới trình diện để chào bà. Bà hỏi tôi mấy câu lấy lệ, rồi hạch cô Gái:

- Nó đã xưng tội lần đầu chưa?

Thưa chị, chưa. - cô Gái đáp lễ phép.

- Cô phải lo cho nó sớm việc này.

- Thưa chị, vâng ạ..

Căn phòng rộng trên gác nhà tây với đủ thứ đồ đạc sang trọng - sa lông, tủ chè, sập gụ, mấy tấm gương lớn, hoành phi, câu đối, ảnh tượng Chúa, thứ nào thứ nấy bóng loáng và lạnh lẽo. Tôi mong cho buổi triều kiến mau kết thúc. May cho tôi, nó kết thúc sớm hơn dự kiến. Vẫn ngồi nguyên trên sập, bác cố Tuyển gái phán:

- Cô cho cháu về.

Tôi khoanh tay chào từ biệt bà. Cô Gái khép nép dắt tôi xuống thang. Bàn tay khô xác của cô tôi lúc đó sao mà ấm áp.

Cô Oanh riết róng chẳng kém cô Gái. Bà ca cẩm chuyện anh Cu Nhớn câu hết cá ở ao nhà bà.

- Cô Oanh rõ dở hơi - anh Cu Nhớn chẳng mảy may quan tâm tới những lời phàn nàn hoặc mắng mỏ của cô Oanh - Ông bà bên ấy để của lại là cho con giai, ao là của bác cố Tuyển chứ đâu của cô mà cô giữ.

Cô Oanh đối với tôi nhẹ nhàng hơn, cũng như đối với các cháu khác trong ngành út. Dù sao các ông em của bà ở ngành này cũng giàu có và danh giá hơn bác Hai Thục.

Thậm chí, bà cho phép tôi được câu cá ở cầu ao nhà bà. Cái cầu ao mấy bậc bằng đá phiến xanh và nhẵn là chỗ ngồi câu thú vị. Không hiểu vì sao ở đây cá rất chịu cắn. Anh Cu Nhớn phát ghen với tôi, anh coi đó là chỗ câu lý tưởng. Có lẽ cô Oanh cho tôi câu vì cô biết tôi không sát cá. Vài con giếc không làm cho bà đau xót. Tôi cũng khôn ngoan dành cho bà vài con cá nhép cho con mèo tam thể béo tốt và lười biếng của bà.

Ngồi ở cầu ao nhà bác cố Tuyển, tôi có thể vừa chờ cá cắn vừa ngắm người qua lại. Những người đàn bà đội cả chồng thúng,

ngất ngẫu từ chợ về, hai tay ve vẩy bên hông như múa. Vài con trâu đen nháy, béo mập đi những bước chậm chạp và lười biếng, thỉnh thoảng mới cúi xuống vật một nắm cỏ non nơi vệ đường. Chiếc võng của cha xứ đung đưa trên vai hai người khiêng lực lưỡng. Họ choãi chân, đi lặc lè; cha xứ nằm trên, tay cầm cuốn kinh bìa đen thò ra ngoài màn che. Cha xứ chúng tôi nổi tiếng về đức siêng năng trong việc chăm lo phần hồn cho bốn đạo.

Cô Oanh ngồi bên tôi thắc mắc:

– Không biết cha đi đâu vậy? Dễ đến nhà ông lái Tòng. Ông ấy Chúa rước đến nơi. Mà có khi, cha đến ông trùm Thịnh. Nghe nói, ông ấy mấy bữa rày chẳng cơm cháo gì suốt.

Làng tôi nhỏ, mỗi sự kiện đều được truyền đi cho nhau biết, bằng đường báo tin chính thức thì ít mà qua sự ngồi lê đôi mách thì nhiều.

Cô Gái vẫn dạy kinh cho cháu đấy chứ?

– Dạ, vẫn dạy.

– Cháu thuộc nhiều chưa?

– Thưa cô, chưa nhiều ạ.

– Phải học cho thuộc. Nhà ta đạo gốc.

– Thưa cô vâng ạ.

– Cháu nhớ sự tích bà thánh Ve-rô-ni-ca lộ mặt Đức Chúa Giêsu không?

– Không ạ.

– Để cô dẫn tích cho mà nghe.

Trời hỡi, thế này thì cá còn cần gì nữa?

Cô Oanh kể. Những cái phao ì ra, bất động. Tôi cuốn cần câu lại, lễ phép xin cô cho về.

– Hôm nay dễ trở gò, cá không cần. – cô Oanh ái ngại cho tôi

– Để hôm khác vậy, cháu lại sang.

Bà đóng hai cánh cổng hậu lại khi chân tôi vừa bước qua ngưỡng. Tôi ghét cay ghét đắng cái tiếng cài then hấp tấp sau lưng khách của cô Oanh. Và nói chung, tôi không thể ưa được những người vừa tiễn khách ra về là sập ngay cửa lại.

Những ngày lễ, ngày tết, cô Oanh có cái thú gói bánh. Bao giờ bà cũng chỉ gói ba thứ: bánh gai, bánh gấc và bánh trắng. Nhà chỉ có hai chị em, gói bánh là chuyện xa xỉ. Bà gói bánh có lẽ chỉ vì muốn cho cuộc sống cô quạnh và đơn điệu của mình có cái gì giống như ở mọi người. Bánh bà gói được bao nhiêu cũng đem biếu cha xứ gần hết, số còn lại là dành thết khách, hy vọng sau khi ăn xong khách sẽ thết lại một lời khen. Mà có khen bánh của bà cũng không ngoa, bởi vì chúng ngon tuyệt. Lần gói bánh nào bà cũng dành cho tôi mấy chiếc. Bà gọi tôi sang, chỉ cho tôi cái ngưỡng cửa để mà ngồi, rồi đưa cho tôi tấm bánh.

– Bóc đi cháu, cô cho đấy.

Tôi bóc những lần lá chuối khô rồi cắn ngập răng vào cái màu đen ngọt lịm và béo ngậy của tấm bánh gai. Cô Oanh nhìn tôi với vẻ thèm thuồng như chính bà cũng muốn được ăn.

Ngon không cháu?

– Thưa cô, ngon lắm ạ.

– Cô Gái làm cũng ngon vậy chứ?

Tôi lúng búng trong miệng.

– Thưa cô, không ngon bằng ạ.

Đó là sự thật. Nhưng tôi không muốn nói sự thật ấy. Nó có gì giống như sự phản bội đối với cô Gái.

Cô Oanh cười. Vẻ hài lòng thơ ngây hiện trên gương mặt già lão. Về bánh gói, cô Gái là địch thủ đáng gờm của bà.

– Cô Oanh vừa cho mày ăn bánh phải không?

Tôi bất giác đưa tay lên chùi miệng. Cử chỉ đó tố cáo tôi. Và lại, tuy ngồi ở nhà mình, cô Gái biết mọi việc xảy ra bên nhà chị họ.

- Thưa cô, vâng.

- Đồ ăn chực! - cô Gái ném vào mặt tôi câu mắng tàn nhẫn. Tao cấm, hiểu chưa, tao cấm. Từ rày, không được sang bên ấy mà ăn chực. Cô Oanh cho mỳ thì cô ấy đem sang đây mà cho. Cứ cho dấm cho dúi, như thế tao bỏ đói mỳ không bằng. Vào đây.

Tôi run lên. Thế giới thu nhỏ lại trong cái phất trần, mà tôi đã biết độ rắn của cái cán. Nhưng cô Gái không vớ lấy phất trần. Và ra hiệu cho tôi theo bà vào buồng. Cô Gái mở hòm gian, lấy cho tôi một cái bánh gấc.

- Năm nay cô không gói bánh. Nhà mụ nhờ cô gói, nhân tiện cô gói cho nhà ta cả thế. - bà nói hiền lành - ăn đi?

Tôi ăn chiếc bánh gấc của cô Gái.

- Thế nào, ngon không?

Cô Gái đợi tôi ăn xong, hỏi bằng giọng lo sợ và hy vọng.

- Thưa cô, ngon ạ.

- Ngon thế nào? Hơn hay bằng bánh của cô Oanh?

- Thưa cô, ngon hơn ạ.

Tôi nói dối. Tôi hiểu giữa hai bà có sự ganh đua ngấm ngầm và cả hai không bỏ lỡ dịp để hạ uy tín của nhau trước mặt con cháu.

Cô Nhung là người khác hẳn cô Oanh và cô Gái. Người cao, to, ngọc nghếch ở tuổi già bà teo hết thịt, trở thành cái mắc áo. Mặt bà đầy nếp nhăn, làn da như một mảnh vải nhàu nát, nhưng trên gương mặt bị tàn phá đó luôn luôn có một nụ cười hiền hậu và trù mẫn.

Cô Nhung thương tôi. Bà thương bố tôi ở nhà pha phải giao con cho cô Gái nuôi, mà cô Gái là người hà tiện thế nào thì bà biết rõ.

Kể ra, cô Nhung thương tôi vì cô nghĩ rằng tôi lẽ ra có thể được sung sướng hơn, chứ bữa ăn ở nhà bác Hai Thực còn tồi

tàn hơn bữa ăn của cô Gái và tôi nhiều lắm.

Cô Gái ăn khổ là do nếp nhà, như chính bà thường nói, cái nếp qui định không được vung tay quá trán. Cơm phải đủ no, nhưng nhất thiết không thừa. Vườn nhà đủ thứ rau, trứng gà do gà nhà đẻ, với cái cần câu của tôi, cá ròi cũng chẳng phải mua nữa; mười con mương cũng đủ nồi canh cá nấu sung, vài chục con vừ rô con vừ bống là xong hai bữa có cá kho, tóm lại mùa nào thức ấy. Thỉnh thoảng cô cháu tôi đào một bụi trúc giông (giông riềng) hoặc rang vài lẻ thóc nếp cắn chặt những buổi tối ngót dạ. Tôi không phàn nàn về chuyện ăn uống. Vào tuổi tôi hồi ấy ăn gì cũng ngon. Cơm nguội rang bằng nồi đất, rắc vài hạt muối, nắm lại thành mấy nắm chim chim đã ngon tuyệt, chẳng cần phải có mỡ. Mỡ là của hiếm, cô Gái chỉ mua thịt ngoài chợ đôi ba lần một tháng, mỗi lần một hai lạng tây.

Cô Gái bực bội khi biết cô Nhung, thỉnh thoảng lại dấm dúi cho tôi khi củ khoai lùi, khi bắp ngô nướng. Bà coi đó là sự phỉ báng lạng lẽ đối với bà. Nhưng tôi biết, khi cho tôi những món quà nhỏ bé đó cô Nhung chẳng nghĩ gì tới tác động của chúng tới bà em họ giàu trí tưởng tượng.

Tối đến, thấy vắng mặt tôi, cô Gái biết ngay tôi ở bên nhà bác Hai Thực. Bà gọi tôi ối ối. Cô Nhung phải ra cửa nách nói chỗ sang, giọng nịnh nọt:

– Cô cho cháu nó đọc kinh bên này với tôi.

Sau buổi đọc kinh tối, cô Nhung còn cà rầm cà rì kể chuyện cho lũ cháu tới khi chúng tôi lần lượt lăn ra ngủ khi trên ổ rơm của bà.

Cô Nhung kể chuyện về những người đã chết trong ngôi nhà của bố mẹ bà. Cô Nhung kể dài dòng hơn cô Gái, kém mạch lạc hơn. Những người mà giọng nói hụt hơi của bà nhắc tới vừa sinh động, vừa đáng ngán. Họ là những người vui vẻ tinh nghịch, nhưng đáng ngán vì họ làm toàn những việc không đâu, chẳng nhằm mục đích gì, rồi biến mất khỏi thế giới này không để lại cái gì.

Sáng ra, tôi trở về nhà với nhiều nốt muỗi đốt trên mặt.

– Có màn không nằm, thích nằm ổ rơm – cô Gái lắc đầu – Mà rồi đi ăn mà, cháu ạ, mà không biết chọn cái sướng.

Nhưng tôi vẫn bị cuốn hút sang nhà bác Hai Thực.

Về mùa Đông, những buổi sáng có nắng ấm, cô Nhung gọi tôi sang:

– Cháu đưa áo đây, cô bắt rận cho.

– Để cháu bắt lấy.

– Ừ, ngồi đây mà bắt với cô. Gớm, chúng nó cắn quá sức lẽ mình, làm cả đêm cô không chợp mắt.

Tôi cởi áo, ngồi xuống thêm. Cả nhà bác Hai Thực đã ngồi sẵn ở đấy thành một hàng. Chúng tôi chăm chú và say mê lùng bắt những con rận cụt đen như râu, những chú rận nhép trắng trong với một chấm máu tí xíu giữa bụng. Chúng nép mình trong những nếp áo, nếp quần, bấu chặt vào các đường chỉ khâu sẵn sùi. Túm được một con là anh Cu Bé reo âm lên:

– Một anh kênh.

– Lại một nhép.

Tiếng reo của anh Cu Bé làm cô Nhung sốt ruột. Cô ngừng bắt, hướng cặp mắt mờ đục lúc nào cũng rỉ nước về phía Cu Bé:

– Mà được bằng nào rồi, Cu Bé?

– Tính cả con này nữa là hai mươi bảy, cô ạ.

– Vậy mà cô được có tám con.

Cô Nhung thở dài, đặt cái áo xuống, quài tay ra sau đấm lưng

Cô Nhung bắt rận chậm lắm. Đôi tay nhăn nheo như những đốt xương bọc trong chiếc găng da mềm màu vàng xỉn dò dẫm theo nếp áo, chốc chốc lại chìa cái áo rách cho tôi:

– Cháu tinh mắt, nom hộ cô có phải con nhép không?

– Không phải đâu, cô ạ! Cái sợi chỉ lồi nó gồ lên đấy.

- Cô cứ ngỡ con nhép, gậy mãi gậy mãi không được. Anh Cu Nhớn được bằng nào rồi?

- Ba mươi hai, cô ạ.

- Còn cái Phương?

- Cháu không đếm. Mà lẩm lẩm.

- Cái tang rét năm nay rận ra nhiều quá thể. Năm ngoái năm kia ít hơn nhiều.

Cô Nhung kết luận. Sự kiện này rồi sau sẽ nhảy vào trong những chuyện kể của bà.

Bác Hai Thực giai sốt ruột, quay vào trong nhà lấy ra một cái chai, trải chiếc áo trắng đã hoàn toàn trở thành cháo lòng lên nền gạch, rồi dùng sức mạnh của đôi tay gầy guộc lăn qua lăn lại trên từng nếp áo. Ngồi gẩn, tôi nghe thấy tiếng rận và trứng rận bị đè bẹp, nổ lép bẹp. Những người đàn bà đưa nếp áo, nếp quần lên nhằn từng đoạn một.

- Thầy kể cái đoạn Triệu Tử Long đi thầy.

Chị Phương cầm lấy cái chai bác Hai vừa đặt xuống, làm theo bố.

Bác Hai Thực dang hắng lấy giọng, để mọi người chú ý, rồi thủng thủng:

- Lúc bấy giờ Triệu Tử Long mới một mình một ngựa, tả xung hữu đột quay lại tìm A Đẩu...

- A Đẩu là con Lưu Bị, thầy nhẩy?

- Lặng nghe thầy kể nào. Thằng Cu Bé, cứ cắt ngang.

- Ủ, A Đẩu là hoàng tử, con trai của Lưu Bị - bác Hai Thực chiều cậu út, giảng giải - Cứu được A Đẩu rồi, Triệu Tử Long lại phải phá vỡ bảy lần trùng vi mới đưa được cậu cả nhà ta ra ngoài. Các người phải biết, vậy là khó vô cùng là khó. Thử ngẫm mà xem, phải cắp một thằng bé vào nách, lại vừa phải đánh nhau chí mạng.

- Lạy Chúa tôi? - bác Hai Thực gái kêu lên - Kẹp vào nách thế thì có mà chết tiệt.

- Bà rõ dở hơi? - bác giai bực bội - Kẹp phải có ý chứ, kẹp mà chết con người ta thì còn nói chuyện gì.

Không có ý thì nằm ngủ với con cũng đề chết con. - cô Nhung bình phẩm - Như con dâu nhà Tám ở xóm Cổ Hương đấy, ngủ say thế nào mà đề chết con bé thứ hai.

- Triệu Tử Long mang được A Đẩu về dinh. - bác Hai Thực vội ngắt lời, biết rằng nếu ông không tiếp tục câu chuyện ngay lập tức, thì bà chị sẽ rẽ nó sang nẻo khác - Các người bảo rồi sao? Lưu Bị cảm ơn rồi rít, ban ân, ban tứ chưởng? Thăng chức cho Triệu Tử Long chưởng? Đừng hòng nhá. Lưu Bị mới tóm luôn lấy cẳng thằng bé, phùng má trợn mắt quăng đi?

- Lạy Chúa, chết tươi thằng bé chứ còn gì?

Bác Hai Thực giai nguýt bà chị gái nói "Các người sao mà tối dạ làm vậy!". Rồi bác hạ cổ giảng giải:.

- Chết thế nào được mà chết. Các người chẳng có hiểu gì suất. Thế vậy: ở đời này, phàm đã có vua là phải có nịnh thần. Lưu Bị tính chán rồi, ném con đi, khắc có khối thằng đỡ.

- Nhưng ném con đi như vậy để làm gì, thầy?

- Lưu Bị ném con đi rồi mới giậm chân mà rằng: "Chẳng há vì một thằng bé này mà ta mất đi một tướng tài ru!". Để làm gương cho các tướng, Bị ta sai tả hữu lôi Triệu Tử Long ra chém.

- Ngử ấy có đem trôi sông cũng đáng - bác gái chép miệng - Làm vua mà bất nhân quá. - Tội nghiệp cái anh chàng gì Long ấy. Rõ làm ân nên oán, làm bạn thiệt mình, đại ơ là đại.

Bác Hai Thực giai lừ mắt nhìn bà chị.

- Kể chuyện cho các người tức anh ách. Đang kể thì đâm ngang, đang kể thì đâm ngang.

- Thầy kể nốt đi thầy - anh Cu Nhớn giật giật quần bố.

– Thôi, chẳng kể nữa. Nói với các người bằng vạch đầu gối ra mà nói còn hơn. Rõ chán chuyện. Người ta ném con là để ra cái điều quý tướng. Người ta ra lệnh chém tướng cũng là để phô cái sự quý ấy. Quý thì thương, thương quá hóa giận, có vậy, chứ ai định chém thật. Ốc các người rõ bằng ốc đất.

Bác Hai Thực đứng lên, mặc áo rồi đi vào nhà. Giọng bác nói rằng bác không thềm kể thêm chuyện gì cho bọn ốc đất nữa.

– Vậy, cái giống vua nó thâm ra quý, chúng bay ạ. Cô Nhung nói to để ông em có thể nghe rõ lời khen của bà.

Ở trong nhà vang lên tiếng điệu ống tanh tách rồi một làn khói lam nhạt bay ra ngoài như một đám mây nhỏ, từ từ trườn vào trong nắng.

Hồi ấy, những con rận chẳng làm phiền tôi bao nhiêu. Tất nhiên, chúng có làm tôi ngứa ngứa. Nhưng tôi ngứa đâu có phải chỉ vì rận. Tôi còn có cả chấy và đôi lần còn bị ghẻ nữa. Được cái ở làng tôi, người ta không coi cái đó là điều hệ trọng. Danh giá nhất trong làng có lẽ là cha xứ. Vậy mà tôi đã thấy trong lúc đi làm phúc cho kẻ liệt, cha đã gãi sồn sột, và kín đáo thả xuống đất một con gì ông túm được.

Bác Hai Thực trong mắt tôi là một người có học vấn uyên thâm. Hứng lên, bác có thể kể chuyện Tam Quốc hoặc Thủy Hử hàng tháng liền, mỗi tối một ít. Chúng tôi ngồi quanh bác, miệng há ra, thán phục và thích thú. Tôi chỉ bớt phục bác khi bắt đầu đọc những cuốn truyện được đóng lại từ những mảnh cắt ra trong các tờ báo, mà lúc bấy giờ người ta gọi là nhật trình.

Bác Hai Thực cho tôi mượn những cuốn sách bìa giấy bản phát cật với lời dặn:

– Chớ có làm rách. Sách này còn quý hơn vàng.

Tôi leo lên cây sung ở vườn sau, đọc trốn cô Gái. Cô Gái không biết chữ, nhưng đủ thông minh để phân biệt sách kinh với các thứ sách khác mà cô coi tuốt là nhảm nhí. Khi tôi đọc xong một cuốn, tôi trả bác Hai Thực để mượn cuốn tiếp. Bác

tôi trân trọng và trù mến quét những tờ bì dày cộm mà nhựa cây đã làm cho nó cứng như mo, nhẹ nhàng đặt chúng vào trong tráp rồi đậy nắp lại. Cái tráp của bác lúc nào cũng ở trên giường, kể cả lúc bác buông màn đi ngủ.

– Cái anh Tiểu Cái với lại cái anh Tống Giang nào có ra quái gì! Bác bình phẩm – Việc gì cũng toàn đàn em làm ráo, vậy mà lại nghiêm nhiên hưởng tiếng thơm anh hùng. Ngẫm ra, thiên hạ nói cấm có sai: thần thiêng nhờ bộ hạ. ở đời này, thế mới biết, ít cái sự công bằng lắm thay!

Bác rít một hơi thuốc lào cho tới khi viên thuốc cháy đỏ tụt hẳn vào trong nõ. Bác nhìn khói thuốc vờ vờ trước mặt, không nhìn tôi. Bác không nói chuyện với tôi mà nói to ý nghĩ của bác.

– Lưu Bị cũng vậy. Trương Phi mới thực là người giỏi, chúng bay ạ, phải cái nóng tính quá?

Rồi thở dài, bác lắc đầu thương Trương Phi.

X

Nhà thờ làng tôi là một trong những nhà thờ đẹp thuộc địa phận Bùi Chu. Người ta đánh giá nó đẹp có lẽ vì bề thế của nó, vì sự sang trọng bên trong của nó, nhưng quyết không phải vì kiến trúc. Đó là một ngôi nhà kiểu nhà ở nông thôn rất lớn và rất cao, chia thành nhiều gian, mỗi gian trở ra một cửa gô tích. Hai đầu hồi phẳng lỳ dăng cao hẳn lên với những phù điêu, họa tiết đặc trưng cho Thiên Chúa Giáo, chót vót trên cùng là cây thánh giá rườm rà bằng xi măng cốt sắt. Riêng gác chuông mang cốt cách châu Âu. Châu á không có thứ gác chuông nào giống thế. Trước lối vào nhà thờ, lối sau, có một ngôi nhà xây lớn, thêm cao, lúc nào cũng đóng im ỉm, gọi là hội quán. Bên phải hội quán là một ngôi nhà dài, cũng là nhà xây nhưng không có thêm cao, gọi là trường học. Nhưng nó không phải là trường học theo nghĩa thế tục. Ở đây người ta dạy kinh bốn, đồng thời là nơi hội họp của một tổ chức thiếu nhi trong bốn đạo, gọi là nghĩa binh.

Chao ơi, sao mà tôi thềm được trở thành một nghĩa binh đến thế? Nhưng tôi không thể vào nghĩa binh được chỉ vì một lẽ đơn giản: tôi không có áo dài trắng, quần trắng, mũ trắng đằng trước có một chữ thập đỏ. Những thứ đó là tiền cả. Cô Gái tôi muốn tôi trở thành một đứa trẻ ngoan đạo, nhưng phải bỏ tiền ra cho ý muốn đó thì bà tiếc. Tôi đành đứng nhìn đoàn nghĩa binh trong đám rước, những đứa trẻ cùng lứa vừa đi vừa nhảy nhót theo một điệu vui mắt vung những chiếc gậy ngắn và gõ chúng vào nhau theo nhịp trống, gọi là đánh rắc. Hoặc tôi phải đứng ở xa nghe những nghĩa binh đứng thành nhóm trong nhà thờ ngân nga trầm bổng những bản thánh ca êm dịu. Để mau chóng trở thành con chiên lành của Chúa mà không tốn kém, cô Gái gửi tôi đến nhà trường để học kinh.

Thầy dạy kinh tôi là một thầy già. Thầy già không hề già chút nào, đó là một cách gọi những học sinh lớp cao của chủng viện giúp việc cha. Thầy già này, một thanh niên xanh rớt và

đạo mạo, chộp lấy tôi, đúng như cách người ta bắt những con vật lạc đàn.

– Bà cứ để cậu ấy cho tôi. Tôi khảo kinh xong, cậu tự về.

Hóa ra tôi thuộc kinh vào loại giỏi. Tôi giỏi là nhờ cô Gái và cái phất trần của cô. Thầy già chỉ dạy tôi thêm một số kinh dài và khó. Một thời gian ngắn sau đó tôi đã có thể đi thi kinh toàn xứ.

Ngày đi thi kinh là một ngày trọng đại. Tôi được mặc quần áo đẹp, được cô Gái nấu xôi cho ăn sáng và dẫn tới tận hội quán.

Chủ khảo là một thầy già khác, một ông già thật sự, nhạc sĩ duy nhất của cả xứ đạo. Thầy già thường chơi đàn ác-mô-ni-um trong nhà thờ. Mặt ngửa lên trần, ông nhả nha thả những ngón tay xương xẩu nhưng lại rất mềm mại xuống dải phím ngà, và cả nhà thờ tràn ngập âm thanh du dương của khúc nhạc ngợi ca Chúa.

Thầy già chủ khảo hoàn toàn không khe khắt. Ông nghe tôi đọc kinh, đầu cúi thấp, mắt lim dim như buồn ngủ. Chỉ có một lần ông choàng tỉnh, nhắc tôi:

– Vườn Giêtximani chứ không phải Dệtximani!

Đó là lỗi của nhà in, không phải lỗi của tôi. Và lỗi của thầy dạy kinh, ông đã không chú ý tới lỗi đó.

Tôi đỗ cao trong lần thi kinh đó.

Thầy chủ khảo trình trọng trao cho tôi mấy quyển kinh và bốn bìa mỏng, một cuốn Phúc âm bìa da. Đó là phần thưởng của xứ đạo cho những đứa trẻ thuộc kinh nhất. Thi kinh chỉ có thưởng chứ không có phạt. Ai thi trượt thì học lại rồi thi lần khác. Mà để thuộc kinh chẳng cần trường lớp gì hết. Bằng chứng là cô Gái tôi thuộc lâu lâu mọi kinh, nhưng bà lại không biết chữ.

Cô Gái cầm mấy cuốn sách tôi được thưởng, cảm động như chính bà là người được hưởng vinh dự đó. Trong khi tôi thi kinh, bà đi loanh quanh đâu đó và quay lại hội quán chờ tôi.

Cô Gái không dắt tôi về lối cổng nhà chúng tôi mà đi lối nhà bác Hai Thực. Bà không đành lòng được để không khoe với ông anh họ, người đàn ông duy nhất của cả ba ngành còn ở lại trên đất đai của các cụ tổ.

- Nhà đạo gốc, con trẻ trước nhất phải am tường lễ đạo. Cháu nó thuộc kinh bốn được vậy là tốt lắm - bác nghiêm trang nói với bà em họ - Bao giờ cô tính cho cháu xưng tội lần đầu?

- Em định đến mùa chay, được không bác?

- Được

Bác Hai Thực phán. Được phán là một cơ hội hiếm hoi, nhất là đối với bà em khinh khỉnh.

Cô Gái tỏ ra xởi lởi. Cô cho tôi năm xu ăn quà. Tôi tự thưởng cho mình cái công học đến rất hòng những bài kinh đáng ngán bằng cách đem cả năm xu mua sâu bà Cơ. Sâu là một thứ bánh rất độc đáo, có lẽ chỉ ở làng tôi mới có. Nó là cái bánh rán tí xíu bằng quả trám hoặc củ ấu, làm bằng bột tẻ pha muối và rán trong chảo ngập mỡ. Sâu rất cứng, phải có bộ răng thật khỏe mới có thể nhai vỡ, sâu vỡ rồi phải nhai lâu mới tận hưởng được vị bùi và béo ngậy của nó. Nó là thứ quà rẻ tiền và là thứ quà tôi thích nhất trong quãng đời ở nhà quê của tôi. Bà Cơ, người sản xuất ra thứ sâu nổi tiếng đó là một bà lão nghèo, có căn nhà tí xíu ở sát cổng nhà bác Hai Thực. Mỗi khi chúng tôi đến mua, bà Cơ mở nút chĩnh, giốc vào lòng bàn tay nhăn nheo đến biến dạng của mình những con sâu vàng nhầy mỡ. Tôi không hiểu chính bà lão hay ai đó đã đặt tên cho thứ bánh nọ là sâu. Nó chỉ là tên gọi quy ước, bởi lẽ nó chẳng giống một con sâu nào. Bà lão đã lắm cảm, tôi hy vọng bà sẽ lắm lần khi đếm sâu cho tôi, nhưng cho tới khi tôi trở về Hà Nội bà lão chưa đếm nhầm tới một lần.

Cô Gái tỏ ra yêu tôi hơn hẳn sau khi tôi thi kinh. Bà còn tự hào về tôi nữa.

- Cháu nó thi kinh nhất xứ đấy? - bà khoe với họ hàng và những người mà bà quen, có thể khoe mà không trở thành lỗ

bịch.

Bây giờ sáng chủ nhật nào hai cô cháu cũng đi lễ cùng nhau. Trước đó, tôi hay đi với các anh Cu Nhớn, Cu Bé hoặc Chị Phương. Chúng tôi bao giờ cũng đi lễ sớm, từ khi còn tối đất, để còn về kịp buổi chợ. Cô tôi bán thuốc viên ở chợ làng.

Tôi thích những buổi lễ sớm ấy, khi trong bóng đêm đang nhạt dần, con đường trước cổng nhà tôi bỗng nườm nượp bóng người và vang lên những lời chào hỏi niềm nở. Vào giờ ấy, thật đáng tiếc là chỉ vào giờ ấy, làng tôi bỗng trở thành một gia đình. Mọi người đều bộc lộ lòng yêu thương đối với nhau, và trong thâm tâm có lẽ người ta chỉ mong cho nhau sự tốt lành. Chuông nhà thờ đổ hồi, vang vang, xua đuổi những mảng đêm cuối cùng còn cố thủ trong những ngõ hẻm, những tán lá rậm, những bụi cây thấp um tùm đầy gai góc. Nghe chuông gọi, ánh ban mai nhợt nhạt bay lên từ phương Đông, tô xanh dần bầu trời mỗi phút một mất đi màu tím. Những vì sao muộn chìm vào trong ánh sáng của một ngày mới. Trước gác chuông cao lồng lộng, những người đi lễ rẽ xuống những bậc đá rộng thênh thang dẫn tới mặt nước còn u tối của cái ao nhỏ để khóa chân cho sạch trước khi bước vào ngôi nhà của Chúa. Mặt nước âm thầm nuốt chửng những bóng đen đi xuống với nó rồi lại nhả ra cho con đường lát gạch đang sáng dần lên dưới gác chuông. Bước mấy bậc lên thêm cao của nhà thờ, tôi thành kính khụy gối, đưa tay lên làm dấu. Bên mỗi cửa vào có một bông hoa đá trong đựng nước mát, có lẽ là nước mưa, gọi là nước thánh. Nhúng mấy đầu ngón tay chum lại vào đó, tôi đưa mấy ngón tay ướt lên trán, làm dấu lần nữa rồi bước theo cô tôi vào bên trong ngôi nhà của Chúa ở đó đàn chiên của Người đang rì rầm cầu nguyện.

Cô Gái bỏ tôi đi tới khu vực dành cho các bà, còn tôi thì tìm tới khu vực trẻ con. Anh Cu Nhớn và anh Cu Bé đã ngồi đấy; hai anh không bao giờ đi muộn hơn tôi. Tôi ngồi xuống bên anh Cu Nhớn, chấp hai tay lại, ngược mắt nhìn lên ban thờ Chúa.

Bóng tối mờ mờ ngự trị trong nhà thờ. Ít phút sau một thầy già cầm cây sào dài trên có mỗi lửa chậm chạp đi thắp từng cây bạch lạp lớn trên bàn thờ, dưới chân các bức tượng, rồi đến các bức tượng trong các tòa gắn trên các cột, các ảnh thánh treo dọc nhà thờ, nhà thờ sáng dần lên cùng với mỗi ngọn bạch lạp được thắp và tiếng cầu nguyện cũng to dần khi đèn chiên Chúa đông thêm. Chuông nhà thờ lại đổ hồi báo tin lễ sớm bắt đầu.

Trên bàn thờ to lớn chiếm gần hết đầu hồi của ngôi nhà Chúa, lộng lẫy ánh vàng của các tòa như nhẹ bỗng bởi ánh sáng lung linh của lửa bạch lạp. Ở chính giữa là Chúa Giê-su Ki-ri-xi-tô khắc khổ và ưu tư. Đức Mẹ hiền hậu và khoan dung đứng bên dưới, kể đến các thánh tông đồ: ông thánh Phê-rô với chiếc chìa khóa mở cửa Thiên đàng đeo trước bụng, ông thánh Giu-se đầu hói, người cầu bầu cho bộ lạc thợ mộc và chồng của Đức Mẹ, ông thánh Gia-cô-bê, ông thánh Gio-an Bao-ti-xi-ta, ông thánh Ba-tô-lô-mê-ô... Các thánh tông đồ ngày một đông đảo, vì vậy ngoài vị trí trên bàn thờ chính, các vị còn phải đứng trong các tòa nhỏ hơn được đóng vào cột, được treo trên tường. Với vẻ mặt nghiêm trang đầy suy tư, các thánh có vẻ như không chú ý tới những lời nguyện cầu nhao nhao của đám con chiên đen đặc phía dưới. Các con chiên thì, để bắt các vị phải nghe cho rõ những lời van xin của mình, mỗi lúc một la to hơn nữa những bài kinh cầu của họ.

Lễ bắt đầu với hai cậu (hai đứa con trai làm công việc giúp cha hành lễ) trong bộ áo đen thùng thình và áo khoác trắng viền dăng tèn bao bọc cả ngực và lưng, kính cẩn bưng bình hương và chén lễ, từ bên trong cửa nách ở đầu hồi bước ra. Theo sau hai cậu là cha già, hoặc cha xứ, trong bộ áo lễ màu tím lấp lánh kim tuyến với hình thêu thánh giá vàng óng rất lớn ở lưng. Hai cậu đặt bình hương và chén lễ lên bàn thờ rồi lùi lại quỳ xuống trong khi cha tiến lên làm dấu thánh. Ông ngẩng cao mái đầu đội mũ lễ cũng thêu kim tuyến, giơ hai tay hướng về tượng Chúa Giêsu và các thánh, nói một tràng dài bằng tiếng la-tinh rồi quay lại đám con chiên, làm dấu ban phước

lành cho họ. Những từ la-tinh lạ tai nhưng rất trang trọng sang sảng bay lướt trên đầu đám đông lúc này im phăng phắc, đập vào mái nhà thờ, rơi xuống và lập tức chìm ngấm trong tiếng cầu nguyện một lần nữa lại nổi lên như sóng cồn.

Trong tuổi thơ, tôi đã say mê những buổi đi lễ. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một đứa trẻ siêng năng sự đạo đúng như lòng cô tôi nguyện ước.

- Thôi thì bố mày hồng, nhà này còn được mày, cháu ạ.

Bà ôm tôi vào lòng, nói với tôi. Đó là khi nào bà yêu tôi lắm. Bình thường bà không ôm tôi vào lòng. Giữa hai cô cháu bao giờ cũng có một bức tường lạnh lẽo.

Về sau này, tôi hiểu ra rằng tôi đã say mê đạo Chúa và trở thành đứa trẻ ngoan đạo chính là vì cái gì.

Lễ diễn ra trong cảnh bài trí uy nghi lộng lẫy, trong tiếng ác-mô-ni-um trầm bổng, trong tiếng hát trong trẻo của những giọng đồng ấu ngân nga ngợi ca Chúa của muôn loài. Nhà thờ hơi mờ tối với vòm mái âm u được chiếu sáng bởi rất nhiều ngọn nến lung linh lửa ấm làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm và huyền bí của ngôi nhà Chúa Cứu Thế, nơi hoàn toàn chẳng có gì dính dấp với cuộc sống trần tục, với những bận rộn không đâu, những niềm vui nho nhỏ và những đau khổ vắn vờ so với cái hạnh phúc vĩnh hằng trên nước Thiên Đàng mà Chúa hứa.

Tôi mê tính chất sân khấu của đạo Thiên Chúa đến nỗi lập tức biến nó thành trò chơi.

Cùng với anh Cu Nhớn và anh Cu Bé, tôi bày một bàn thờ ở góc nhà, trên cái bàn con, rồi đặt lên đó tượng Đức Chúa Giêsu Trái Tim cao bằng cút rượu mà tôi mua ngoài chợ làng. Đế tượng là một viên gạch, còn vật trang trí là đủ thứ hoa mà chúng tôi có thể kiếm được, dâm bụt hái ngoài hàng rào, hoa tróc giống từ vườn sau, hoa đại ở vườn trước và cả hoa cút lợn ở vạt cỏ ven bờ ao. Là kẻ khởi xướng trò chơi, tôi được đóng vai quan trọng nhất và được biểu diễn nhiều nhất: vai cha đạo. Anh Cu Nhớn và anh Cu Bé quét nước bọt nhường

cho tôi vai đó. Để trở thành cha, tôi lấy tấm chăn sợi đỏ có sọc đen ở hai đầu của cô Gái, khoác lên mình; anh Cu Nhón khéo tay dán lên đó cây thánh giá bằng giấy báo xát nghệ. Mũ của cha là cái đầu đong gạo được dán lên trên đủ mọi thứ giấy màu lòe loẹt trông rất ngoạn mục. Hai cậu giúp lễ – anh Cu Nhón và anh Cu Bé – cũng trong những quần áo tự tạo như thế, hai tay thành kính chấp trước ngực, cầm hai cây bấc trắng muốt giả làm bạch lạp. Y hệt như ở trong nhà thờ, thoát đầu hai cậu trang nghiêm từ trong buồng cô Gái bước ra. Tôi theo sau, vừa đi vừa túm góc cái chăn sợi bướng bỉnh cứ nhất định xoắn xuống lê lét trên mặt đất. Đứng trước bàn thờ, tôi trịnh trọng làm dấu thánh, hai cậu lui lại phía sau, quỳ xuống. Rồi quay lại với đàn chiên tưởng tượng, tôi giơ hai tay chĩa về Chúa trên trời, như một cha chính cống.

– Miễn tôm kho càkhoo... cákhoo...! Miễn miho mihen mi chết bỏ kê nhà miii... A-me.e.e.n.n...!

Tôi lấy giọng nghiêm trang trầm bổng để đọc câu kinh giả Latinh mà tôi học mót ở những kẻ bán đồ đạo Chúa. Buổi lễ cũng kết thúc ở đó. Chúng tôi chưa kịp chia xẻ với nhau niềm vui thành công thì cô Gái không biết từ đâu đã nhảy bổ vào, cái phất trần lăm lăm trong tay. Chúng tôi không nghe thấy tiếng bà gọi cổng. Hoặc chúng tôi quá mải mê nên không nghe thấy, hoặc bà tự mở được cổng (bà biết cách tự mở nó), nhưng bà đã vào được nhà đúng vào lúc chúng tôi hành lễ.

Giêsu Maria? – nữ thần trừng phạt của chúng tôi hét lên, lạc giọng – Chúng mày chết với tao, quân bán đồ!

Hai cậu giúp lễ rúm người lại, run như cây sậy.

Tôi lúng túng trong chiếc áo lễ định co cẳng chạy thì giẫm phải góc chăn, ngã lăn chiêng. Lập tức trận mưa phất trần đỏ rào rào xuống người chúng tôi.

Trận đòn của con chiên mẫu mực đánh con chiên ghẻ thực là khủng khiếp.

Anh Cu Nhớn và anh Cu Bé cũng bị, nhưng nhẹ hơn tôi. Cô Gái còn để phần cho bác Hai Thực. Với tôi, bà đánh thẳng cánh. Khấp người tôi đầy lằn roi. Cửa đáng tội ở đoạn đầu trận đòn, cái áo lễ đã tỏ ra phép lạ của nó. Cán phất trần của cô Gái giáng xuống chỉ gây ra những tiếng bồm bộp. Nó giảm nhẹ rất nhiều hiệu quả của hình phạt. Nhưng cô Gái rồi cũng hiểu ra phép lạ của tấm chăn. Bà lột phăng nó ra và tiện thể cả cái quần của tôi. May cho tôi, cô Gái đã thấm mệt và những đòn giáng xuống mông cũng không còn được nặng tay.

Cô Nhung nghe tiếng chúng tôi khóc, lật đật chạy sang. Đến khi bà giang cả hai tay ôm ba đứa cháu vào lòng để đỡ đòn và cũng khóc ré lên cùng với chúng tôi, cô Gái mới ngừng tay.

Cô Nhung dắt chúng tôi về nhà bác Hai Thực. Cô Gái sang theo, mặt hầm hầm mách bác Hai Thực. Bác Hai Thực đỏ mặt lên, vợ lấy cái roi mây tiếp tục quần thảo với hai anh tôi.

– Giêsu? Tội nghiệp cháu tôi! – cô Nhung thều thào, cái miệng không còn răng của bà trể ra, mắt bà đỏ hoe – Ai lại dại vậy, cháu? Sao lại dám báng bổ như vậy? Cô Gái đánh cháu là phải, cháu hư thì phải đánh, nhưng đánh thế này thì quá sức lẽ mình. Yên, yên cô xoa cho nào.

Bàn tay nhăn nheo của bà xoa đều trên người tôi. Mùi dầu quất thần hắc đến cay mũi. Một giọt nước mắt đục lặn ra khỏi con ngươi mờ tối của cô Nhung, rơi trên ngực tôi, làm dịu đi rất nhiều cảm giác đau đớn. Tôi thổn thức, ôm chặt lấy bà.

– Lúc cô bé, cô có bị đánh không cô?

Tôi hỏi bà khi cơn đau lắng xuống.

– Có chứ! – cô Nhung chép miệng, tay vẫn không ngừng xoa cho tôi – Trẻ con bao giờ chả bị đòn. Bà sinh ra cô ấy, bà đánh luôn. Ông ít đánh, nhưng đã đánh thì đánh rất dữ.

– Ông có đánh bác Hai không?

– Bác cũng bị ông đánh. Có lần, ông đánh bác từ giường trên lăn xuống giường dưới. Lạy ông, ông cũng không tha.

Lạy Chúa tôi, cái trận ấy ông đánh mới dữ làm sao!

Giọng đều đều, như khi bà đọc kinh, cô Nhung dẫn tích về trận đòn mà bác Hai Thực phải chịu khi còn là trẻ con. Như mọi câu chuyện của bà, nó nhạt nhẽo, không có sinh khí, nhưng nó xoa dịu những vết đau, cả ngoài da và trong lòng.

Tôi giận Đức Chúa Giêsu vô cùng.

Trong trận đòn ghê gớm của cô Gái đổ xuống đầu chúng tôi ông có mặt ở đó, ông nhìn thấy hết, nhưng ông chỉ đứng ỳ ra, lặng lẽ và khoe khoang chỉ vào trái tim đỏ chói đang bốc lửa trên ngực ông mà chẳng hề làm lấy một nửa phép lạ nào để cứu tôi. Mà tôi đã tin tưởng ở ông biết mấy, tôi đã cầu nguyện biết bao nhiêu để xin được ông che chở phần hồn cũng là phần xác.

Tôi giang thẳng cánh đập Đức Chúa Giêsu Trái Tim vào lưng vách. Bức tượng đất nung vỡ tan, để lại những vệt bụi đỏ trên vách và nhiều mảnh vỡ dưới đất.

Mặc dầu tượng Chúa Giêsu là tượng chưa được cha làm phép, nhưng vì quá sợ hãi, anh Cu Nhón đã làm một hành động phản bội đối với tôi – anh mách cô Gái. Nhưng trái với sự chờ đợi của anh Cu Nhón, cô Gái khiếp sợ đến thất sắc, đến rụng rời chân tay. Bà ngồi bệt xuống ngay chỗ nghe được tin dữ, úp mặt vào đầu gối mà khóc hu hu.

Anh Cu Nhón trốn biệt. Nhưng cô Gái tìm ra anh. Không hề hỏi những chi tiết của vụ phạm tội, bà cởi hầu bao cho anh hẳn một hào.

– Cháu chớ nói với ai nhá! – bà năn nỉ – Cả thầy mẹ cháu, cả cô Nhung. Chớ. Im tắp, nghe chưa?

– Thưa cô, vâng ạ.

– Vậy cháu kêu tên Chúa mà thề đi!

Trong mười điều răn có một điều cấm kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ. Nhưng đây là một cớ lớn, trọng đại, chẳng thế mà cô

Gái đã hành động khác hẳn thường ngày, anh Cu Nhớn liền làm dấu thánh mà thể sẽ giữ kín điều bí mật khủng khiếp nọ.

Sau khi dàn xếp với anh Cu Nhớn, cô Gái cũng không quên cho tôi một trận. Trận này so với trận trước còn dữ hơn rất nhiều, nhưng cô Gái cẩn thận đã đánh tôi ở gần chuồng lợn, cách xa tai hàng xóm. Tôi không được phép ra khỏi nhà cả tuần.

– Tao sẽ giả mẹ mày! – cô Gái rít lên, đay nghiến tôi – Thằng vô đạo đốn đời, thằng chết sa Hỏa Ngục, tao sẽ tống mày đi cho khuất mắt để khỏi ô danh nhà đạo gốc. Ôi, thằng quý, con cháu của Satăng, của Luyxiphe!

Bà đến quỳ hàng nửa buổi trước tòa Đức Mẹ để tạ tội vì trong nhà bà có một thằng cháu hư đốn đến thế. Vì chuyện đó, việc xưng tội lần đầu của tôi phải hoãn lại. Mặc dầu luật đạo cấm không được giấu giếm điều gì khi xưng tội, nhưng tội của tôi quá ứ gớm ghiếc, nên cô Gái quyết định để nó chìm vào quá khứ. Bà tin rằng mặc dầu cha có nghĩa vụ giữ kín tội lỗi mà con chiên xưng với mình, nhưng rất có thể ông sẽ nổi nóng đến mức ông sẽ lên tòa giảng mà rao to cho cả làng biết cháu bà Gái đã làm việc gì. Cô tôi không chịu đựng nổi mối nhục lớn đến như vậy. Anh Cu Nhớn đã giữ lời thể với cô Gái. Nhưng anh bắn khoăn.

– Chú phạm tội trọng. – anh nói, giọng đùng đắc, hệt như một người lớn – Cô Gái cho tôi một hào là để tôi đừng nói tội của chú cho ai biết. Tôi nể cô, nhưng như vậy là tôi cũng phạm tội. Khốn cô bắt tôi kêu tên Chúa mà thể rồi, tôi sẽ không nói ra đâu. Có điều, chú cầm lấy đồng hào cô đưa cho tôi đi. Tôi cầm, tội tôi nặng thêm.

Anh đưa cho tôi đồng hào. Rõ ràng, anh Cu Nhớn đã phải trải qua một cuộc đánh nhau dữ dội với bản thân. Tôi nhìn thấy trong mắt anh nỗi buồn và sự tiếc rẻ. Nhưng anh cương quyết đưa nó cho tôi. Tôi rất thích đồng hào, nhưng cử chỉ của anh Cu Nhớn làm tôi lây cái sợ của anh.

Sau một hồi lâu nhùng nhằng, cái đầu bị thịt của tôi đã cho ra một sáng kiến. Tôi rủ anh Cu Nhón dùng một hào đó mua sấu bà Cơ và hai chúng tôi sẽ ăn chung. Tội thì đã tội rồi, không có cách nào gỡ lại được, anh Cu Nhón cũng phải nhận như vậy, nhưng nếu chia nó làm hai thì hiển nhiên tội sẽ nhẹ hơn. Chúng tôi thết cả anh Cu Bé lẫn chị Phương số sấu bà Cơ, họ cũng sẽ gánh đỡ chúng tôi một phần tội cũng nên.

Anh Cu Nhón ngần ngừ. Nhưng rồi anh xiêu lòng trước lý lẽ của tôi. Và tất nhiên, trước cả sự cám dỗ của sấu bà Cơ

Thời gian trôi qua, tôi không thấy mình bị Đức Chúa Giêsu trừng phạt. Hoặc giả ông độ lượng, không thềm chấp trẻ con, hoặc giả ông cũng không linh thiêng như người ta khẳng định. Dù sao thì sau vụ này, quan hệ giữa tôi và Chúa cũng đã bị rạn nứt.

XI

Theo cách phân chia của tôi, về đại thể tôi chia những người nịnh thành hai loại.

Loại thứ nhất là lũ người xảo trá, quỷ quyệt, những kẻ coi sự nịnh là cái thang chắc, là con ngựa hay, dùng nó có thể trèo được cao và đi được xa. Những kẻ này hoàn toàn ý thức được sự nịnh bợ là xấu, nhưng vẫn dùng nó một cách khéo léo như thể sự nịnh của họ là rất tự nhiên, đúng lúc và đúng chỗ, hợp từng đối tượng, để rồi bao giờ họ cũng thu được lợi cho mình. Bên cạnh sự nịnh trên, họ đòi dưới phải nịnh lại, coi đó là sự bù trừ hợp lý. Loại này đông đảo, chỗ nào ta cũng có thể gặp.

Loại thứ hai ít hơn nhiều, gồm những người khiếm nhược đến tột độ trong cuộc sống chung với đồng loại. Những người này sử dụng sự nịnh nọt ở bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, thường khi chẳng phải vì cần thiết mà chỉ để phòng xa, cho cẩn thận. Đó thường là những người số đen vận rủi, những người liên tiếp chịu những đòn số mệnh giáng xuống tấp tểp làm cho họ tối tăm mặt mũi, đến nỗi bò lê bò càng, thế là họ vội vã dùng sự nịnh nọt làm cái mộc để che, cái nệm để đỡ, để giảm nhẹ đòn kế tiếp sắp sửa giáng xuống, không chừng lúc nào. Những người này trông thấy ai cũng sợ, gặp cái gì cũng khiếm; trên đường đời họ đi những bước dò dẫm sau cái nhìn lăm lét, họ niềm nở, vồn vã chào bên phải, chào bên trái, sẵn sàng vâng lời, sẵn sàng nhận lỗi nếu ai đó đòi họ phải nhận lỗi, họ làm tốt tuyệt mọi việc miễn sao gợi được lòng thương, hoặc ít nhất thì cũng sự lãng quên của đồng loại, để được yên thân, để khỏi có ai động tới mình.

Cô Thiệp tôi thuộc loại thứ hai.

Bà là em bà Gái, nhưng là chị bố tôi. Tại sao bà cũng bị gọi bằng "cô", tôi không hiểu. Có lẽ một khi bà Gái đã là "cô" thì các bà đều bị gọi bằng cô tốt."

Người thấp bé, đậm chừ không gầy, cô Thiệp có gương mặt hiền tới mức không thể hiền hơn được. Trên mặt cô tô nét gì cũng mềm mại, cũng yếu đuối, cũng nhẫn nhục, cũng đáng thương, cùng với năm tháng chúng chỉ ngày càng mờ nhạt chứ không đổi khác. Bà nhìn bất cứ ai, bất cứ cái gì cũng như cầu khẩn, van nài, sợ sệt; giọng nói cũng tội nghiệp, nó nhỏ nhỏ, run run, đứt quãng như bị chứng hụt hơi.

Cô Thiệp tôi lấy chồng xa, cách làng quê nửa ngày đi bộ. Như mọi người con gái thời ấy, cô đi lấy chồng là cánh cửa gia đình lập tức khép lại sau lưng, trở thành người ngoài đối với chính gia đình mình. Lấy chồng, cô mất đi cái tên thời con gái, nhận tên chồng làm tên mình, đồng thời nhận luôn cả cái thân phận nô lệ cho chồng, cho nhà chồng, theo đúng câu "xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Tôi không nhớ rõ bác Thiệp, chồng cô tôi. Người lớn kể lại rằng ông là con một gia đình giàu có, do đánh bạc mà bán hết gia tư điền sản. Tôi có gặp ông đôi lần, một con người mờ nhạt, không có chân dung. Ông thoáng qua cuộc đời tôi như một nhân vật quần chúng trong phim, có xem mà không thể nhớ.

Vào năm đầu tôi về ở với cô Gái, cô Thiệp từ quê chồng về thăm chị. Cô đứng ngoài cổng, đội thúng nặng trên đầu, một người con gái rụt rè đứng phía sau. Nghe tiếng gọi, tôi ra mở cổng thì cô Nhung đã cọt kẹt cửa nách gọi sang:

- Ai như tiếng cô Thiệp? Phải cô Thiệp không vậy?

Cô Nhung nặng tai nhưng lại rất thính trong tĩnh mịch.

- Vâng, thưa chị, em chị về đây ạ?

- Cô với các cháu vẫn được bằng an trong tay Chúa đấy chứ?

Bác Thực giai cũng chào vọng bà em họ.

- Thưa anh, ơn Chúa thương, em với các cháu vưỡn thường ạ. Tôi mở cổng.

- Chao ôi, cháu tôi! - cô Thiệp của tôi ngồi thụp xuống, nhắc đôi thúng khỏi đầu, đặt xuống bên cạnh rồi kéo tôi lại gần,

nhìn chăm chăm vào mặt tôi – Cháu về ở với cô Gái từ bao giờ vậy, cháu? Cái Liễu, nom em nó lớn nhanh không này?

Chị Liễu vận áo dài thâm bên ngoài áo cánh trắng, hai vạt buộc chéo trước bụng, trên ngực lủng lẳng cây thánh giá bằng đồng nằm giữa cổ tràng hạt bằng cườm xanh.

– Chú còn nhớ chị không?

Tôi lắc đầu. Tôi chỉ mang máng đã gặp đôi mắt ấy, nụ cười ấy, đã lâu lắm rồi.

Cô Thiệp nhìn về phía trong nhà, cái nhìn lấm lét, sợ sệt:

– Cô Gái không có nhà, hả cháu?

– Cô đang ở bên cô Oanh ạ.

Cô Thiệp đứng lên, lay lay cánh cổng gỗ, rồi chăm chú nhìn xuống dưới:

– Cái chân quay này hỏng lâu rồi mà bà Gái chẳng bảo thợ chữa đi, nhớ nhắc cô Gái, nghe không cháu?

Tôi nói vâng, nhưng biết trước rằng dù tôi có nhắc cô Gái cũng sẽ không gọi thợ. Cô sẽ chờ một người họ hàng nào biết nghề mộc sửa giúp, biết chắc rằng người đó không lấy tiền công. Tôi khấp cổng. Cô Thiệp đội thúng lên đầu, đi cùng với chị Liễu vào nhà.

Nghe tiếng lao xao, cô Gái trở về.

– Lạy chị ạ! – cô Thiệp tôi cúi thấp, đon đả – Em chị về đây ạ Em về thăm chị nhân đọc kinh cho thầy. Em cho cả cái Liễu về...

– Lạy cô ạ!

Chị Liễu lí nhí, mặt cúi gằm. Gương mặt bầu bĩnh, trắng hồng của chị ửng đỏ.

– Phải!

Cô Gái đáp. Bà nhìn soi mói vào mặt người em gái và đứa cháu. Bà muốn tìm ý nghĩa của sự xuất hiện không báo trước của hai người.

- Chị vưỡn được bằng an chứ ạ?

Cô Thiệp lúng túng trước cái nhìn lạnh lùng của bà chị.

- Ơn Chúa thương, tôi thường. - cô Gái nói, giọng bình thản - Hai mẹ con xếp thúng mủng vào nhà rồi ra ao rửa tay chân.

Sau thủ tục chào hỏi, cô Gái dẫn hai người lên nhà trên viếng tòa Đức Mẹ. Việc đó là nhất thiết đối với bất cứ thành viên nào trong gia đình khi trở về thăm ngôi nhà của ông cha. Cô Thiệp làm dấu thánh, đôi mắt đỏ hoe.

Rồi hai chị em lững thững đi bên nhau, hai đứa cháu theo sau, thăm các kỷ niệm xưa, thủng thẳng nhắc lại với nhau những mối ràng buộc máu thịt nay đã lỏng lẻo dần:

- Chỗ này chị em mình thường ngồi bắt chí (chấy) cho nhau đây, chị nhẩy? Cái Liễu không biết chứ, chị em tao thương nhau lắm kia, không như chúng mày bây giờ, động thì là chành chọc.

Cô Thiệp nói với chị Liễu nhưng không nhìn chị, mà nhìn cô Gái. Giọng cô run run, như thể cô đang nói về điều gì đó khó tin là có thật mà giờ đây cô phải khẳng định với chính mình.

- Chị còn nhớ cái đận em bị mẹ cho một trận ở chỗ này không? Lạy Chúa tôi, cái đận ấy mẹ mới dữ làm sao! Không có chị, mẹ đánh em chết, chị nhẩy?

- Đào, đứa nào mẹ chẳng cho ăn đòn, nhớ sao được. - cô Gái lững thững bước, giọng dửng dưng.

Lại còn cái đận em đánh vỡ cốc thủy tiên của thầy nữa chứ. Thầy sai em đi rửa, lóng ngóng thế nào, em để rơi cái cốc xuống bậc đá ngoài cầu ao. Chị cứ lăn xả vào chị xin, mẹ mới tha, mẹ vục cả cán phất trần vào chị.

- Cô cũng hậu đậu lắm kia. Cái cốc đựng thủy tiên của thầy bây giờ bạc chục không tìm ra.

Giọng cô Gái trở nên dịu. Kỷ niệm đánh thức tình cảm chị em ở trong bà, có dễ vậy.

Lúc bấy giờ bố cháu mới lên bốn lên năm. – cô Thiệp nói với tôi, nhưng là nói với cô Gái – Thấy bà đánh cô rất dữ, bố cháu khóc âm lên, bà xót cậu út, bà mới nhẹ tay cho cô nhưng vẫn còn đánh, cô Gái lăn vào che đòn cho cô, bà mới tha hẳn. Cháu ở với chị có ngoan không, chị?

– Giêsu, thằng quỷ sứ đấy, dì ạ. Bảo không được, thích gì làm nấy, chẳng có trí khôn, đến khổ với nó.

Môi bữu ra, cô Gái nói về tôi, cô Thiệp nhìn xuống nháy mắt với tôi một cái.

– Thôi không hóng chuyện nữa. – cô Gái bảo tôi – Đi lấy gạo cho chị Liễu thổi cơm, hai mẹ con cô đi đường mệt, chắc đói rồi.

Tôi dẫn chị Liễu vào trong buồng cô Gái, vắt người lên miệng chum cao rồi thả đầu xuống cái vục tối om của nó, vốc gạo vào rá.

Chị Liễu ước lượng số gạo bằng mắt, ném trả cho cái chum hai lẻ.

– Ngân này đủ rồi. Nấu nhiều gạo cô Gái mắng đấy.

– Cơm mà thiếu thì sao?

– Ăn ngon ngọt bụng được rồi. Ở với cô Gái chú có buồn không?

– Cô hay mắng.

– Cô có đánh không?

– Ít thôi. Thỉnh thoảng cô mới đánh.

– Dữ không?

– Dữ lắm. Chị Liễu ơi, chị về có lâu không?

– Mấy hôm thôi. Đọc kinh cho ông xong, chị về nhà chị.

– Ừ ừ, chị ở lại với em.

– Cô Gái có cho ở mới được ở chứ.

Thì ra chị không có quyền ở lại ngôi nhà của ông bà nếu cô Gái không cho phép.

Chị Liễu đem rá ra cầu ao vo gạo. Tôi xuống bếp. Hai chị em cô Gái và cô Thiệp vẫn nhẩn nha kể cho nhau chuyện cũ ở nhà trên.

Tôi giúi một chét rơm nhỏ vào đồng rấm, kiên nhẫn đợi cho lửa bén. Cô Gái ít dùng đến diêm. Thường cô để lửa bằng đồng rấm. Nếu đồng rấm tắt thì phải đi xin lửa. Tôi sang nhà bác Hai Thực hoặc nhà cô Oanh gấp lấy một hòn than củi tí xíu hoặc khều một ít than trấu còn đỏ bỏ vào búi rơm, túm lại cho khéo, rồi cầm búi rơm chạy về nhà. Có khi rơm nhỏ, lại gặp trời hanh, chưa chạy về tới bếp búi rơm đã cháy đùng đùng. Ba nhà thường xin lửa của nhau, và đó là mối liên hệ thường xuyên, hàng ngày, cuối cùng, của đám cháu con cùng chung cụ kị. Ở quê tôi mọi người đều tiết kiệm. Một que diêm cô Gái chỉ làm đôi. Bác Hai Thực tài hơn, khéo tay hơn, bác chỉ làm bốn. Đánh những que diêm chỉ mỏng manh ấy phải rất thận trọng, với tài nghệ của diễn viên xiếc. Bác Hai Thực nghiện thuốc lào, vì thế để tiết kiệm diêm bác còn phải dùng những đóm nửa rất mảnh, chặt vát, đầu nhọn được nhúng một chút diêm sinh. Châm đầu nhọn ấy vào than hoặc đồng rấm âm ỉ nó sẽ cháy lên một ngọn lửa xanh leo lét.

Tôi đang phùng má thổi lửa thì cô Thiệp xuống bếp, ngồi bên tôi. Vớ lấy que cời, bà vừa chạm tới đồng rấm là rơm đã cháy lem lém.

– Thầy cháu đi nhà pha bao giờ thì về? – vừa đun bếp bà vừa thủ thỉ hỏi tôi.

Tôi không thích những câu hỏi thăm bố tôi có dính tới cái nhà pha.

– Thiên hạ đồn thầy cháu đi cộng sản, phải không?

– Cháu không biết.

– Ờ cháu biết thế nào được. Người ta bảo cộng sản là quân dữ, mà bố cháu thì lành, chắc người ta nói điều ra vậy. Cô Gái

có yêu cháu không?

Tôi một lần nữa không trả lời câu hỏi của cô Thiệp. Tôi cảm thấy tình thương thực trong câu hỏi của cô, nhưng bản thân câu hỏi làm cho tôi buồn.

Cô Thiệp lặp lại câu hỏi, như thể việc cô Gái có yêu tôi hay không là điều rất quan trọng đối với bà.

– Cô Gái yêu cháu ít thôi – tôi đáp, miễn cưỡng.

Cô Thiệp ôm lấy tôi, ôm chặt và một giọt nước mắt nóng hổi của bà rơi xuống má tôi. Mắt tôi cay cay, tôi tủi thân.

– Chịu khó vậy, cháu ơi, cô Gái yêu ai cũng ít, chẳng ai được cô yêu nhiều đâu, – cô Thiệp sụt sùi – Rõ máu mủ, mà lắm lúc hoá ra người dưng.

Cô Thiệp kê lại mấy ông dầu rau cho thoáng bếp, bà làm vậy chẳng phải vì cần thiết, nổi cơm cho cả nhà chỉ nhỉnh hơn cái niêu của hai cô cháu chút ít.

– Người ta bảo giá cô Gái lấy chồng, có khi tính nết người mát mẻ ra cũng nên. Ngày xưa khối đám hỏi đấy, nhưng cô Gái thích ở trọn đời đồng trinh. – cô Thiệp nói với tôi nhưng như nói một mình – Trong họ nhà mình, cháu ạ, riết róng nhất hạng là cô Gái, khó tính nhất hạng cũng là cô Gái. Mà này, chớ có nói lại với cô nhà?

– Cháu chả nói lại đâu.

Lửa rơm cháy phào phào.

Vẳng tới tiếng cô Gái dặn chị Liễu hái rau giữa bè, rau quanh bè để cô hái, mà đừng có hái nhiều, hái vừa đủ ăn thôi, kẻo phí của trời.

– Ai nghèo cô Gái khinh, ai giàu cô Gái trọng, vậy đấy, cháu ạ. Thầy cháu tiếng rằng lên tỉnh làm ăn, nhưng cũng rút mỏng toi, cô Gái không yêu cháu như yêu các anh đảng các bác được, các bác giàu – cô Thiệp kể lể điều tôi đã biết, giọng bà buồn rượi – Cô còn nghèo nữa, nghèo nhất họ đấy cháu. Thành thử mọi người rẻ cô.

- Cháu không rẻ cô đâu.
- Cháu của cô thì khác họ rồi, cháu giống tính thầy cháu, giống tính mẹ cháu, thầy mẹ cháu đối ai cũng như ai, không khinh người nghèo. Các bác cũng thương cô, được mấy người ấy.
- Cô đi buôn cho giàu cô ạ - tôi sốt sắng khuyên bà- Làng ta, các ông lái giàu lắm.
- Việc đàn ông, cô làm sao được.
- Cô bảo bác đi.

Bà cười méo mó rồi thở dài, tránh nhìn vào mắt tôi. Tôi không biết rằng thời kỳ bấy giờ cô Thiệp tôi đang lâm vào cảnh túng quẫn nhất. Bác Thiệp trai đánh bạc cháy túi nhà đã bán đợ, và trong ngôi nhà đã không còn là của mình đó, cô tôi và các anh các chị tôi ăn bữa đói bữa no.

- Chúa đã định thì ai tránh được cháu ơi. Cô cũng muốn giàu, nhưng Chúa định cô phải nghèo thì phải chịu vậy. Cô tôi lắm bầm. Tôi ân hận vì lời khuyên của mình. Chúa của chúng tôi thực khó hiểu, tôi nghĩ. Dường như Chúa định cho người này dư dật, kẻ kia bần cùng, người này hạnh phúc, kẻ nọ khổ đau chẳng vì mục đích gì hết, chỉ để chơi thế thôi, trong cái trò chơi một mình của Chúa. Chúa bắt người ta nghèo, rồi lại nói rằng Chúa thương kẻ khốn cùng. Chúa định cho người ta giàu rồi dè bủ "kẻ giàu vào nước Thiên Đàng còn khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim". Y như một ông già lắm cẩm vậy.

Bữa cơm chiều, cô Gái sởi lời bỏ ra cả niêu cá rô kho tương mà hai cô cháu vẫn ăn dè. Thay vào món rau luộc thường nhật, có cả một mớ rau xào lớn, tuy mỡ chỉ nhuếnh nhoáng, thêm nữa, còn hai quả trứng gà nhà mới để bác mặn với tôi, nó là bữa thịnh soạn. Tiếc nổi, nồi cơm hết quá nhanh. Giá chị Liễu đừng bớt gạo lại thì tôi có thể ăn thêm hai bát nữa.

Để bù đắp cho sự lỏng lẻo của dạ dày, cô Thiệp bỏ quà trong thúng ra: mía và bưởi, kẹo bột và bánh đa. Tất cả cũng từ vườn nhà cô, trừ kẹo bột. Cô Thiệp muốn bà chị thưởng thức

mía của mình phải róc mía bóc dầy và chẻ thành những mảnh nhỏ. Cô Gái rụng gầu hết răng, bà chỉ có thể trệu trạo vài mảnh và nhả ra những bã đỏ quết trầu. Kể cả trầu, tôi cũng phải giã nhỏ cho bà trong một cái cối tí xíu màu vàng có vân nâu bằng răng voi, như bà thường khoe.

- Chị thấy giống mía này ngon không, thịt nó mềm mà ngọt. Để hôm nào em mang ngọn về nhà ta trồng lấy vài khóm để chị ăn.

- Đào, chị còn sống được mấy nả mà chờ ăn mía của dì - Cô Gái trưng ra số tuổi cao của bà, nhưng đó là bà khỏe, chứ bà biết chắc bà còn sống lâu - Biết Chúa rước đi lúc nào?

- Chị đừng nói đại, Chúa còn thương chúng em, Chúa chưa rước chị đi đâu, Chúa còn để chị sống chị trông nom chúng em.

Cô Thiệp nói như thế cô còn là một đứa bé tí tẹo, mắt thành kính nhìn người chị cả, cây cột cái chống đỡ cả ngôi nhà.

Cô Gái lặng lẽ cho phép người em gái tội nghiệp được ở lại ngôi nhà của bố mẹ tới ngày đọc kinh. Cho tới hôm ấy còn một tuần lễ. Suốt tuần lễ ấy tôi bỏ đi câu, bỏ bẫy chim, bỏ cất vó, lăng nhăng theo cô Thiệp rong chơi trong làng.

Cô Thiệp, ngoài họ hàng phải tới chào, có rất nhiều bạn gái. Giờ đây, họ cũng như cô tôi, con cái lít nhít hàng đàn, giàu nghèo khác nhau nhưng không có ai quá xấu số như cô. Mà trong làng mọi người đều biết rõ nhau như trong một nhà lớn. Những người bạn gái của cô Thiệp tiếp cô Thiệp vui vẻ như thể họ không biết gì về nỗi khốn khó của cô, họ chọn lời nhẹ nhàng để khỏi chạm vào vết thương của cô, nói chung họ đối với cô bằng niềm thương ý tứ như đối với người bị tật nguyền. Nhiều người dấm dúi cho cô quà

- Dì đừng có bêu xấu thầy mẹ, bêu xấu tôi - cô Gái nổi trận lôi đình khi cô Thiệp khoe với chị chiếc khăn vuông đen mà một người bạn gái cho cô - Ngần ấy tuổi đầu, con cái đầy đàn

mà chẳng ý tứ. Nhà này không phải nhà ăn mày, nhà này là nhà gia giáo, tao không cho phép mày đi ăn xin.

- Em lạy chị - cô Thiệp rúm người lại, môi cô run lên và nước mắt cô ứa ra - em có xin nó đâu, cái Thìn với em thế nào thì chị biết, chỗ bạn bè ngày xưa, nó cứ dúi vào tay em bắt em phải cầm, nó nói chổng nó mua cho nó những ba cái, nó cho em, thật đấy.

- Cho cũng không được lấy.

- Chị đã dạy vậy thì để em mang trả nó. - cô Thiệp thốn thức
- Nhưng chị mắng em thế thì chị rẻ em quá...

- Tùỵ!

Cô Gái buông xõng, hằm hằm bỏ đi.

Cái khăn vuông rồi vẫn ở lại với cô Thiệp. Cô không trả lại bạn như cô nói với bà chị gái đành hanh.

Cô Thiệp tốt nhện. Hơn nữa, cô biết lấy lòng bà chị. Bằng cách kể cho tôi nghe những mẩu chuyện về ông nội bà nội, các cô, các bác và những kỷ niệm xa lắc xa lơ của họ khi họ còn là đàn con quây quần quanh bố mẹ, cô Thiệp làm cho cô Gái xúc động. Cô Gái nghe thêm vào những chỗ thiếu, nhắc cô Thiệp những gì cô đã kịp quên, dần dà câu chuyện kể cho cháu trở thành câu chuyện chung của hai người kể cho nhau về những kỷ niệm đầm ấm ngày xưa, rồi những giọt nước mắt chân thành bỗng ứa ra, chảy trên đôi gò má già lão và đang trở thành già lão. Hai bà quệt nước mắt, âu yếm nhìn nhau, lắc đầu nuối tiếc cái tuổi thơ đẹp đẽ và không được coi trọng đã biến mất từ lúc nào, đã mất tằm mất tích trong dòng thời gian, không cách nào giữ lại. Tôi muốn ôm chầm lấy cô Gái và cô Thiệp để nói với hai bà rằng tôi rất thích được nhìn thấy hai bà trong cảnh này, rằng tôi muốn hai bà yêu thương nhau như lúc này mãi mãi. Trong lòng tôi xốn xang một nỗi buồn không rõ nét. Rất có thể, chính vào lúc ấy, tôi đã mơ hồ cảm thấy rằng sẽ có một lúc nào đó, tôi cũng như các bà, sẽ nuối tiếc khóc tuổi ấu thơ của chính mình.

- Để em kể cho cháu nó nghe chuyện con Vàng nhà ta - Cô Thiệp ngồi, hai tay khoanh hai đầu gối, người lắc lư, mắt chớp chớp liên liên như thể sắp khóc - Con Vàng ấy, cô cũng chẳng nhớ ông bà nuôi nó từ hồi nào. Nó ở nhà ta cho đến già, đến lúc bạc ráo cả lông, cả mi mắt cũng bạc nốt.

- Răng rụng sạch, - cô Gái tiếp lời - không nhai được nữa, nó độc ăn cháo.

- Ông không cho bán, không cho thịt, ông bảo con vật ở với người lâu thành cái nghĩa với nhau, thôi thì cứ để nó đấy cho đến khi nó chết. Con Vàng dễ phải hơn chục tuổi, chị nhỉ?

- Hơn chứ. Phải đến mười lăm mười sáu ấy chứ không kém. Về sau nó có sữa được nữa đâu.

- Cứ ư ư ư ư như người mất tiếng.

- Vậy mà động dạng là nó khàn khàn nó kêu cho người nhà biết, trộm vẫn sợ.

- Cô đã đi lấy chồng, - cô Thiệp kể tiếp - nhưng vừa về tới nhà là nó ra tận cổng nó đón, vắn cả người mà mừng, rồi chạy vào nhà cắn quần mọi người lôi ra, đòi mở cổng cho cô. Hồi ấy cô về luôn, chốc lại về, nhát lại về, nhớ lắm không chịu được, mà nhà thì xa chứ có gần gửi gì cho cam, bước rảo cũng gần ngày đường, cô về nhiều làm bà phải mắng cơ mà.

- Nó cứ giật gấu quần cô là cô biết cô Thiệp về, khôn vậy - cô Gái cười móm mém.

- Cô về bao giờ cũng mang quà cho nó, khi nắm bông, khi đồng bánh đa, ấy là hồi nó chưa phải ăn cháo kia, cháu ạ. Con Vàng nằm, hai chân trước kẹp nắm bông, nhai rau rầu. Nó thích quà y như trẻ con vậy.

- Về sau, lúc ông gần mất, thì nó lẫn cấn, cứ tha thẩn nơi vườn trước như thể ông lão ngắm cảnh. Tai nặng, gọi không nghe, phải đụng vào đầu làm hiệu mới biết, nó nhìn miệng mình lấp bắp thì hiểu mình gọi về ăn cơm, mới lững thững về.

- Ăn cũng cảnh giả, chỉ một hai miếng rồi bỏ. Ông phải bốc thuốc cho uống, thuốc bổ chi nhẩy?

- Quy, thực, sâm - thôi thì đủ. - cô Gái xác nhận - ông đỡ mãi nó mới chịu uống. Uống được mấy thang, cũng khỏe lên được một tí. Nhưng vẫn ho.

Ho thì không dứt. Mùa đông, nó cứ húng háng như ông lão. Nửa đêm, cô thức giấc, lắng tai nghe mà không biết ông ho hay là con Vàng ho.

Tôi nhìn cô Gái, nghĩ rằng bà sẽ mắng cô Thiệp vô tâm dám đặt ngang hàng con chó với ông nội tôi. Nhưng hai bà cùng cười, mắt ướt lệ. Tôi hình dung con chó già của ông tôi đang ho. Nó chống hai chân trước, vật đầu xuống từng hồi cùng với tiếng khục khặc trong cuống họng. - Ngày ông mất, nó khóc. - cô Gái kể tiếp, giọng bùi ngùi - Nó phủ phục dưới chân quan tài ông, hai hàng nước mắt cứ thế rỉ ra. Ai đến cũng lắc đầu, thương thay cho nó.

- Nó cũng đi đưa ma ông - cô Thiệp lấy vật hầu bao thắm vào đuôi mắt - Từ nhà ta ra đến Vườn Thánh (nghĩa trang lớn của làng tôi), nó cứ lẻo đẻo bên cạnh cô. Mệt quá, nó nằm bệt xuống một tí rồi lại lật đật chạy theo, vừa chạy vừa thè lưỡi ra mà thở. Đến khi hạ huyệt, nó cứ ngồi bên trên mà tru lên từng hồi...

Cô Gái quệt nước mắt bằng mu bàn tay nhăn nheo:

- Đưa ông rồi, mọi người về ráo, còn mỗi nó không về, gọi mấy cũng chẳng chịu về. Nó nằm phục trên mộ ông, mồm rúc sâu vào đất.

- Ba ngày liền nó không ăn một miếng gọi là có. Thỉnh thoảng nó cũng đảo về nhà, ngửi ngửi hít hít chỗ này chỗ khác rồi chui vào gầm giường ông mà nằm. Nằm chán lại đi

Lại ra mộ. - cô Gái giải thích cho tôi - Lạ vậy. - Được bốn ngày, nó chết, không phải, cô quên, ngày thứ năm chi nhẩy?

- Ngày thứ năm - cô Gái gật đầu - Mả nó ở vườn sau. Chỗ nắm đất sau bãi tróc giông ấy, hôm nào cô chỉ cho mà xem.

Năm nay mưa nhiều quá thế, mà nó lún, bằng địa cả. Một nỗi buồn mênh mang tràn ngập ngôi nhà. Trong yên tĩnh, vang lên tiếng mọt nghiến gỗ. Những con mọt vô hình kiên nhẫn làm việc ngày và đêm, không bao giờ nghỉ, như thể bằng công việc cần cù và liên tục của chúng, chúng quyết phá bằng hết chẳng những ngôi nhà mà cả kỷ niệm về nó. Nhiều lần cô Gái sai tôi lấy đất sét trét mọi lỗ mọt mà mắt có thể nhìn thấy để cho chúng chết ngạt, nhưng những con mọt bất tử không chịu thua bà, vẫn tiếp tục nghiến kèn kẹt, cay độc, dai hoi và lì lợm. Cô Gái chịu thua, bà phẩy tay, mặc cho lũ mọt muốn làm gì thì làm.

Sau khi đọc kinh cho ông nội tôi xong, cô Thiệp về. Ngày cô về trùng với phiên chợ làng. Cô Gái đã bỏ một phiên để ở nhà với em gái, nay phải bỏ phiên nữa bà tiếc. Bà bán thuốc viên ở chợ, nhưng không phải chỉ có mình bà bán, nghỉ hai phiên liền, khách sẽ chạy sang hàng khác.

Sáng sớm, bà gọi tôi ra đóng cổng. Ở ngoài cổng, bà đặt thúng xuống đất, cởi nút ruột tượng, thọc tay vào lấy cho tôi hai xu.

– Hôm nay cháu không đi chợ với cô. ở nhà phải tỉnh mắt coi cô Thiệp đấy nhé? – cô Gái dặn khế – Coi nhà cho kỹ, cô Thiệp đi một bước là phải theo một bước, kéo cô tắt mắt, nghe chưa?

Tôi cầm hai xu, đáp khế:

– Vâng ạ.

Bóng bà nhòe vào trong bóng tối của hàng rào dâm bụt bên vách nhà bác Hai Thực. Chợ làng tôi họp rất sớm, phải đi từ lúc nhọ mặt người.

Tôi trở vào nhà. Cô Thiệp đã thức giấc, ôm lấy tôi:

– Cô Gái dặn cháu ở nhà trông cô, phải không?

Tôi yêu cô Thiệp hơn cô Gái, tôi thương cô Thiệp hơn cô Gái, vì thế tôi không nỡ nói dối bà.

Nghe tôi nói xong, cô Thiệp ngồi phịch xuống giường, úp mặt vào hai bàn tay, nức nở.

– Giêsu! – cô ảo não rên rỉ – Chị em ruột thịt mà giờ thế này, lay Chúa tôi! Thầy mẹ ơi, chị con khinh rẻ con quá chừng, ới thầy mẹ ơi!

Tôi ngồi len lét bên cô Thiệp, choáng váng vì những sự việc xảy ra trong thế giới người lớn.

Bỗng cô Thiệp ngừng khóc. Cô đứng lên, mắt quắc nhìn xung quanh:

– Cô Gái có quyền gì mà khinh rẻ cô? Ông bà có cho cô Gái tự quyền vậy đâu? Cô cũng là con ông bà, phải không nào? Của cải đây ông bà để lại cho tất cả các con hay để riêng cho một mình cô Gái? Tại sao cô Gái dám vơ tất cả về tay mình? Mà cô hỏi cháu: cô Gái có ai? Chồng không, con không. Giữ khư khư của nả làm gì? Có phải cô Gái giữ cho cháu không?

Tôi lắc đầu. Tôi sửng sốt trước một cô Thiệp khác hẳn.

– Không hả? Hay cho anh Hiếu, anh Mai? Hay cho anh Túy, anh Trinh, anh Minh? Các anh ấy thì cần gì đến những thứ này. Các bác giàu có, các bác cũng chẳng để mắt tới những đồ ông bà để lại. Nhưng cô thì cô cần.

Cô Thiệp nói đúng. Các anh con các bác tôi không cần tới những đồ vật cổ lỗ trong ngôi nhà này. Cái bút máy ở trên tủ đã từ lâu thay thế cho cả bút lông và nghiên mực rồi.

Tôi ôm lấy cô Thiệp, thì thào:

– Cô cần thì cô lấy đi, cô ạ.

Cô Thiệp xiết chặt tôi trong tay, cũng thì thào:

– Cháu không mách cô Gái chứ?

– Cháu không mách đâu.

– Cháu kêu tên Chúa mà thề đi.

Tôi kêu tên Chúa mà thề rằng tôi sẽ không nói gì hết. ở vùng tôi, Chúa rất tiện lợi, người ta dùng Chúa vào bất cứ việc gì.

Cô Thiệp nhanh nhẹn hẳn lên. Cô nhanh nhẩu chạy ra ngoài sân trước nghe ngóng động tĩnh một lát rồi chạy vào nhà, thấp thoáng trong ánh bình minh mới rạng.

Tôi đi ra cổng, ngồi vắt vẻo trên cái thanh ngang nối liền hai cột. Tôi buồn rầu hình dung cô Thiệp tôi đang lục lọi, đang lấy đồ của cô Gái. Khi cô Gái phát hiện vụ mất, cô Gái sẽ đánh tôi. Nhưng tôi không còn sợ những trận đòn của cô Gái như trước. Tôi đã dạn. Nếu cô đánh dữ, tôi sẽ vò lá dâm bụt xoa vào những lằn roi, chúng sẽ dịu đau mau chóng và lặn dần sau vài ngày. Tôi buồn vì tôi không thích hai bà đối xử với nhau như vậy.

Một lát sau, cô Thiệp tất tưởi chạy ra.

– Cô chẳng lấy được gì – bà hỗn hển – Cô Gái khóa tuốt tuốt trong hòm gian. Chỉ được mấy cái chai ở gầm giường.

– Thế thì cô Gái biết ngay.

– Cô xếp lại cẩn thận, cô có ý chứ.

Trong gầm giường cô Gái đầy chai. Đó là một bộ sưu tập gồm đủ loại chai lọ mà bà nhặt nhanh được ở nhà các ông em trong những chuyến đi Hà nội – những chai rượu tây với nhãn hiệu sặc sỡ, những chai bia ô-men màu nâu thẫm, những lọ sứ đựng chè Chính Thái, những lọ nước thơm, nước hoa lớn và bé, cao và gầy và vô số chai lọ khác không thể biết hết trước kia chúng dùng để đựng gì. Nhặt nhanh là thú chơi của cô Gái, cô chỉ khác các nhà sưu tầm ở chỗ họ phải chọn lọc, còn cô tôi thì xô bồ, cốt lấy số nhiều. Thỉnh thoảng bà mới bán đi một số trong đồng chai tạp nham, phải là những chai sút miệng, nứt trôn hoặc quá xấu xí. Số còn lại, mỗi ngày một nhiều thêm, bà xếp ở gầm giường như trẻ con giữ đồ chơi, năm thì mười họa lại đem ra ao cọ rửa sạch sẽ rồi ngồi say sưa ngắm lũ chai lọ sạch bong, bóng nhẫy phơi mình trong nắng. Số chai nhiều, tôi không nhớ xuể, nhưng cô Gái có thể biết mình đã mất gì, bà tinh lắm.

Tôi hiểu tôi đã liều lĩnh. Tôi quyết định liều thêm nữa.

- Để cháu mở hòm gian cho cô.
- Sao? Cháu mở được?
- Chẳng khó đâu, cô ạ.

Hai cô cháu vào buồng cô Gái. Trong nháy mắt tôi đã mở được chiếc khóa chuông nặng chịch trước cặp mắt ngạc nhiên của cô Thiệp.

Cái hòm lớn có chiều dài vừa đúng một gian nhà với bốn chân gỗ cao này được gọi là hòm gian. Cô Gái cất trong hòm các đồ quý giá của ông bà tôi để lại - những xống áo bằng lụa tốt vải tốt, những bát đĩa cổ đất tiền và đủ mọi thứ được gọi là của rả. Để bảo vệ kho báu này, bà dùng một cái khóa chuông, là thứ khóa bây giờ chẳng còn thấy ở đâu nữa vì nó quá sơ sài. Tôi đã mấy mò mở được khóa vì ngoài cửa rả mà cô tôi quý, cái hòm gian còn là nơi cất giấu hoa quả thu được của vườn. Ông tôi để lại một cây quít rất sai quả và quả của nó ngọt lịm. Khi quít chín, cô Gái hái tuốt bỏ vào hòm gian. Bà cho tôi ăn những quả xấu xí - những quả bị sần, vẹo tròn hoặc sâu đục. Những quả đẹp bà xếp vào trong một cái quả sơn son chờ ngày đi biếu Cha. Những quả quít vàng ươm, mọng nước được xếp vào thúng cùng với chuối tiêu, trứng gà, rượu bách nhật, bánh quế (tất cả đều của nhà) và cô tôi đội thúng lên đầu, mặt kiêu hãnh tới nhà Cha. Cha xức tiếp cô tôi rất niềm nở, xoa đầu tôi, cảm ơn cô tôi rồi cho phép chúng tôi ra về với cái thúng đã rỗng không.

Không thích để những quả quít đáng yêu rơi vào bàn tay mũm mĩm của cha xứ, tôi đã mở được khóa hòm. Tin ở cái khóa, cô Gái không ngờ thằng cháu bà đã chui hẳn vào trong đó lấy quít của bà. Tôi vụng trộm ăn ở vườn sau, vớt hạt ra đấy và cô Gái ngạc nhiên:

- Ma quỷ, sao ở đây mọc lên lắm quít thế vậy?

Cô Thiệp lục lục trong hòm gian hồi lâu. Chui ra, cô giơ lên cho tôi thấy những thứ cô lấy:

- Cô không lấy tiền đâu. Lấy tiền cô Gái biết, cô đánh cháu chết mất. Mấy cái này từ khi ông bà mất chẳng ai nhìn nhỡm đến, cô Gái chẳng để ý đâu. Cô mang về bán đi đong gạo cho các anh các chị ăn, cháu nhá?

Đó là cái màn gió màu đỏ lấm tẩm hoa, vài bộ quần áo cũ của ông bà nội, chính tôi cũng chưa thấy bao giờ. Tôi không nói gì. Tôi thích cô Thiệp lấy tiền hơn. Đồ vật của ông bà gắn liền với những gì là kỷ niệm về những người đã sống trong ngôi nhà này.

Tôi khóa hòm lại. Cô Thiệp mang thúng chai lọ sang giấu bên nhà bác Hai Thực. Cái đầu cô Nhung ló ra ở cửa nách. Nhìn thấy tôi, cô Nhung thụt đầu vào. Tôi hiểu, ai đó trong nhà bác Hai Thực sẽ đưa cái thúng giúp cô Thiệp tới đầu làng.

Tôi tiễn cô Thiệp tới chợ. Cô Thiệp rơm rớm nước mắt chào bà chị cả đang ngồi xỏm trước thúng thuốc viên:

- Em xin phép chị, em về. Sang năm em lại lên.

- Ờ, dì về. Chăm lấy hai đồng về đong gạo cho các cháu. Nhớ mua cho chúng nó thí quà - cô Gái tháo ruột tượng, thọc tay sâu vào trong rồi tần ngần lôi ra cuộn giấy bạc - Chị cũng chẳng có nhiều. Một mình trông nom nhà cửa cho thầy mẹ, nay sửa cái vách ruồng, mai giặm lại chỗ mái dột, tốn kém lắm.

- Thưa chị, em biết thế chứ ạ.

- Các chú ấy có gửi tiền về cho chị thật, nhưng tiền ấy chị để dành đấy, lỡ gặp cơn bão to tốc hết mái, hay nói đại cái nhà xiêu phải thay cột mà bán lại... Thôi, dì về kéo nặng. Liệu mà khuyên chồng tu chí làm ăn, cờ bạc thế mãi núi cũng lở.

Em xin vâng lời chị dạy, em biết chị thương em...

- Ừ, về đi, trưa rồi.

Cô Gái nhìn đi chỗ khác để giấu nước mắt. Cô Thiệp đội thúng lên, sục sục, rồi đi lẩn vào đám đông ngày chợ.

Tôi ngồi xuống bên cô Gái, nhìn theo cái thúng của cô Thiệp cho tới khi nó chìm lẫn trong đám thúng mủng đông đúc của những người đi chợ.

Chị Liễu được cô Gái thuận cho ở lại. Ngôi nhà của chúng tôi đông thêm một người.

XII

Tôi có cảm giác ngôi nhà của chúng tôi biết mừng khi có ai đó trong số chủ cũ của nó trở về. Nó rạng rỡ hẳn lên, tươi tỉnh hẳn lên trong những ngày người đó lưu lại. Còn khi người đó vừa đi là nó lại nhắm mắt, ủ rũ ngủ gà ngủ gật. Những tiếng động nhỏ và hiem hoi lập tức bị yên lặng nuốt chửng và lắm lúc tôi không nghe thấy cả tiếng của cô Gái lẫn tiếng của chính mình.

Chẳng riêng gì nhà chúng tôi. Những câu chuyện vui vẻ bùng lên trong ba nhà kể từ hôm cô Thiệp về, nay tắt ngấm.

Chị Liễu lẳng lặng như một cái bóng. Cả ngày, chị chả nói một câu, trừ những lời vâng dạ với cô Gái.

Cô Gái cân thuốc. Tôi ngồi trên bậu cửa, gò lưng đẩy chiếc bánh xe gang lăn qua lăn lại trong thuyền tán. Nếu tôi hỏi cô Gái về chiếc thuyền tán, chắc chắn cô sẽ kể cho nghe một câu chuyện dài dòng về lai lịch của nó. Những chuyện như vậy nghe riết rồi cũng chán. Khi hai tay đã mỏi, tôi đặt hai bàn chân lên tay nắm của bánh xe mà đập tới đập lui. Thoạt đầu, thấy tôi làm như vậy, cô Gái mắng tôi là đồ đại lãn. Sau thấy tôi có ý rửa chân sạch sẽ, đi guốc cho khỏi bẩn chân để làm việc đó, bà mới coi là sáng kiến.

Tôi thích làm thuốc với cô Gái. Dưới đôi tay già lão nhưng khoẻ mạnh mẽ của bà, những tảng thuốc được nhào luyện thành một khối dẻo thơm phức, khối dẻo ấy được chia nhỏ thành những hòn, rồi vê thành giun, rồi ngắt từng mẩu vê tiếp thành viên. Trên mặt bên cô tôi chẳng mấy chốc đã xếp đầy những viên thuốc màu đen bóng, màu xám, hoặc nâu. Vừa làm, cô Gái vừa nhẩn nha kể chuyện:

– Cháu phải biết, ông nội làm thuốc mát tay lắm. Cả vùng này biết tiếng ông. Nhưng ông không bằng cụ, cụ mới giỏi. Có người ốm sắp chết, tay đã bắt chuồn chuồn, vậy mà cụ bốc cho một thang đã đánh rấm được, rồi khỏi. Phàm người nào ốm nặng mà đánh rấm được là y như rằng khỏi, cháu ạ...

- Cô ơi cô, - tôi ngắt lời - tại sao người sắp chết lại còn đi bắt chuồn chuồn hả cô?

Cô Gái bật cười, rồi cười sằng sặc. Khi cười, bà ngửa mặt lên, cái yết hầu cứ chạy lên chạy xuống nơi cổ, trông thật kỳ. Bà quài tay ra sau lưng, đấm mấy cái cho đỡ mỏi. Tôi nhanh nhẩu đứng lên đấm cho bà. Như thế bà sẽ hứng thú kể chuyện.

- Đấm mạnh hai bả vai cho cô, thế, mạnh nữa vào! - bà vẫn còn cười, mặt bà hiện hẳn đi và trở nên đáng yêu - Thằng ngốc ạ, bắt chuồn chuồn tức là hức, tức là không phải, hức, con chuồn chuồn thật, hức, mà tức là lúc con người ta sắp chết, hức, hai tay người ta mới thế vầy thế vầy.

Bà ngả người ra, mắt nhắm nghiền giả chết, những ngón tay xương xẩu động đậy, duỗi ra bóp vào.

Đến khi cụ nội mất thì ông nổi nghiệp - cười xong, cô Gái thủng thẳng kể tiếp câu chuyện về nghiệp nhà - Nhưng ông chuyên về thuốc viên. Ông bảo, thuốc viên là thuốc của người nghèo, người giàu đã có thuốc chén, mà thuốc chén thì đắt, mặc dầu có nhiều vị tốt. Thuốc viên của ông bán rẻ mà công hiệu, làm không kịp bán. Cảm mạo, nhức đầu, trúng phong hay là nhức nhối tay chân, đầu gối sưng phồng... cứ tới mua ít viên thuốc của cụ bá Tứ là dứt... Đang kể, cô Gái bỗng ngừng bật. Rồi lẳng lẳng tiếp tục viên thuốc, như thể bà chưa kể điều gì. Thường như vậy, bà đang kể, đang kể, bỗng im bật, tựa bà đang đi thì bước hẫng, rơi xuống hố sâu kỷ niệm rồi không trèo lên được. Để nhắc bà, tôi cố ý cho bánh xe gang chạm vào thuyền tán gậy nên một tiếng keng lớn. Cô Gái sực tỉnh.

- Rồi sao nữa, hả cô?

- Ờ, cô kể đến đoạn nào rồi nhẩy? Ờ, ông làm thuốc viên. Nhà ta có mấy bài thuốc quý lắm, gọi là gia truyền. Kì truyền lại cho cụ, cụ truyền lại cho ông, ông truyền lại cho bác Linh, nhưng bác Linh lên tỉnh, bỏ nghề thuốc. Cô tiếc, cô làm.

- Thế cô cũng học nghề thuốc à?

- Không, nghề thuốc ông chỉ truyền cho con trai thôi. Nhưng hồi xưa, cô phải làm giúp ông nên cô nhớ.

- Cô có nhớ hết không?

- Nhớ sao hết được. Nghề thuốc như rừng, cô chỉ nhớ những bài thuốc viên gia truyền mà cô làm nhiều, đã thuộc lòng. Ông có chép vào sách để lại đấy.

Tôi đã thấy những cuốn sách thuốc bìa phát cật để trong hòm gian. Sách viết bằng chữ nho. Cô Gái thì không biết cả chữ nho lẫn quốc ngữ.

Cô Gái thở dài, ngừng tay vê, nhìn tôi:

- Các cháu đông, nhưng chẳng có đứa nào chịu ở với cô để cô truyền lại cho nghề nhà... Cô chết đi, nghề thuốc nhà này vậy là hết.

- Cô bảo anh Hiếu học làm thuốc đi.

Anh Hiếu là con thứ của bác Cả Linh, đứa cháu mà bà yêu nhất. Tại sao bà yêu anh Hiếu chứ không yêu anh Mai, con cả của bác, không ai hiểu.

- Thằng Hiếu không thích ở nhà quê - cô tôi trầm ngâm - chẳng đứa nào thích ở nhà quê suốt. Thành thử nghề có mà chẳng truyền được cho đứa nào, hoài. Chẳng lẽ truyền cho người ngoài? Người năm bảy hạng, biết ai tốt ai xấu? Mình làm việc phúc đức, có lấy lãi cũng chỉ đủ độ thân, chứ không cốt làm giàu. Phải người xấu, nó lấy nghề mình bắt chẹt làng nước thiên hạ, mình hóa ra có tội.

Trong chuyện này cô Gái không nói sai. Cô tôi không ăn lãi bao nhiêu trong những viên thuốc của bà. Đối với những người bệnh nghèo khổ, bà thậm chí cho không.

- Như cháu đấy, cháu cũng chỉ về quê ở ít lâu rồi cháu đi. Bố cháu ở nhà pha về là đón cháu lên tỉnh ngay, cô biết. Nghe cô Gái nói bùi ngùi, tôi thương bà lắm. Tôi bỏ thuyên tán, ôm lấy bà:

- Cháu không đi đâu, cháu ở lại với cô.

- Thật nhá? - bà hỏi, ngờ vực, nhưng tội nghiệp thay, trong giọng bà có lẫn một chút hi vọng nhỏ bé.

- Thật, cô ạ.

Bà vòng tay ôm lấy tôi vào lòng, bàn tay xương xẩu vụng về vuốt trên lưng tôi. Rồi đột ngột bà đẩy tôi ra:

- Tán đi, trưa mất rồi - giọng bà duồn duồn - Mà cũng chỉ nói mép thôi, tao biết thừa, cả lũ chúng mày chẳng đứa nào muốn ở với tao đâu.

Nhưng rồi dần dần bà cũng truyền cho tôi cái nghề phức tạp của bà. Bà bắt tôi nhận mặt các thứ lá, các thứ củ, các thứ rễ và các thứ linh tinh khác. Những tên gọi lạ tai quen dần với tôi: bạch linh, bạch truật, ý dĩ, sinh, địa, qui, thực, hồng hoàng, đảng sâm, liên nhục, quy bản, miết giáp... Tôi không hiểu tại sao người ta cứ phải cầu kỳ gọi gùng là sinh nhượng, lá tía tô là tử tô điệp, táo tàu là đại táo...? Nhưng thôi, đã phải gọi như thế thì cứ thế mà gọi, thắc mắc làm gì. Tôi máy móc làm theo lời cô tôi chỉ dẫn: sao, tẩm, cứu chưng cứu sái, khử hỏa độc, tán, luyện rồi bỏ những viên thuốc đã phơi khô vào lọ vào chai đem ra chợ bán. Trong tất cả các thứ thuốc cô Gái làm, tôi thích nhất thuốc tễ. Chẳng những tôi thích, nhiều người thích, mà cả cha xứ cũng thích nữa. Được luyện bằng mật ong rừng, thuốc tễ của cô Gái có vị ngọt và hương thơm đặc biệt. Cha xứ phải trả tiền hẳn hoi khi mua thuốc tễ. Cô Gái coi quít vườn nhà, trứng gà nhà để dường như không phải là tiền, còn thuốc thì bà phải mua bằng tiền rút từ trong ruột tượng ra, thì không thể biểu không cha, mặc dầu bà có quí trọng ông đến mấy. Đối với những người đặt loại thuốc tễ giá rẻ, luyện bằng mật mía, cô Gái vừa luyện vừa căn nhắc: Quân tối dạ, mật ong cũng là thuốc bổ, có mật ong thuốc tễ mới ra thuốc tễ, rẻ nhiều bổ ít, có vậy mà không hiểu!

Khi nào viên thuốc tễ, cô Gái không rời mắt khỏi tôi.

Nhưng bà không thể ngồi cả buổi mà không chạy đi đâu đó ít phút. Tôi không bỏ phí khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng quí báu đó. Cô tôi trở về, nạt tôi:

- Đã lại ăn vụng hả? Giờ hôn.

Bà chưa bao giờ bắt được quả tang tôi ăn vụng. Chỉ tới bữa cơm, thấy tôi ăn uể oải bà mới ngừng nhai, ngò vực nhìn vào mặt tôi:

- Đúng mà ăn vụng thuốc rồi. Hụt của người ta, tao lấy gì tao đền?

Nhưng thuốc giao cho khách chẳng bao giờ hụt. Phải công nhận rằng thuốc tễ của cô Gái thật tốt. Trong đám các cháu chỉ có tôi và anh Hiếu con bác Linh ở lâu với bà hơn cả và vì thế được ăn nhiều thuốc tễ hơn cả. Hai chúng tôi lớn lên dai sức hơn hẳn các anh em khác trong cuộc đời không phẳng lặng của mình có lẽ nhờ những viên thuốc đen bóng và ngọt lịm đó.

Cô Gái chẳng mất riêng thuốc tễ. Cô còn mất cam thảo, quế chi và táo tàu. Tôi cần phải xin lỗi muện các vị khách hàng đã đặt thuốc tễ ở cô tôi: trong thuốc của họ vị táo tàu còn lại rất ít. Cái hòm gian được khóa cẩn mật đã không giữ nổi vị thuốc quý đó, cũng như nó đã không giữ được quít.

Nhưng đó là khi tôi đã quen với ngôi nhà cô tịch nhưng đông đúc những linh hồn câm lặng. Chứ khi tôi mới ở Hà Nội về, gian buồng của cô Gái đã một thời gian làm tôi chết khiếp.

Gian buồng nhỏ, tối om của cô Gái, chỉ có một cửa sổ lúc nào cũng đóng kín. Cửa sổ này làm bằng những thanh gỗ xếp so le. Khi nào mở nó, tức là kéo cánh cửa cho những thanh gỗ chồng lên nhau, thì ánh sáng mới lọt vào, nhưng cũng chỉ lờ mờ. Trong ánh sáng lờ mờ đó, người bước vào buồng sẽ giật bắn mình nhìn thấy ở vách trong cùng có một ông lão mặt xanh lè đang quắc mắt nhìn mình. Định thần lại, ta thấy đó là hình một ông già cao bằng người thật bận áo the xanh, đội khăn xếp xanh, đang lom khom bước, tay giơ cao một cái chai nhỏ. Cái bức tranh quảng cáo dầu quất thần dữ dằn như thế chỉ có được trong những năm xa xưa ấy. Bây giờ tranh quảng cáo nhỏ nhắn và khiêm tốn hơn nhiều. Ông lão bán dầu quất thần đã gây nên một nỗi sợ hãi thật sự chẳng riêng ở trẻ con

mà cả ở người lớn trong xóm ba nhà. Bộ mặt đần độn nhưng nham hiểm của người trong tranh, đôi mắt nhìn chăm chăm soi mói đầy thù hận và hiểm độc, tạo ra ảo giác về một con người ghê gớm đang chăm chú theo dõi từng bước chân kẻ nào dám cả gan bước vào lãnh địa của hắn. Người làng đồn đại với nhau rằng ở nhà bà Gái có ông lão bán dầu quất thần trong tranh đã thành tinh.

Cô Nhung, người có trí tưởng tượng chẳng lấy gì làm phong phú, quả quyết rằng cô đã nom thấy, bằng chính mắt mình, ông lão bán dầu quất thần đi lại trên thềm trong một đêm sáng trăng suông:

- Giêsu, tôi hãi quá là hãi. - cô Nhung trợn mắt kể - Người tôi lạnh toát, chân muốn khụy xuống, tay run lẩy bẩy thế này này, cầm cái đèn hoa kỳ không vững, rơi tuột, may là đèn đồng, chỉ mất mồn cái thông phong..

- Lão ta chỉ đi đi lại lại thôi hả cô? - lũ trẻ chúng tôi nổi da gà, hỏi bà.

- Nào hắn ta có đi mà thôi. Thấy động, ấy là lúc cái thông phong vỡ, hắn ta mới quay lại nhìn cô, mắt xanh lè. Cô mới làm dấu, hắn ta bỏ chạy rồi biến mất.

Trong các chuyện ma ở làng tôi, khi nào người gặp ma làm dấu thánh là y như rằng ma phải biến mất.

- Tôi cũng vậy, cô có nói ra tôi mới nói, chính tôi cũng đã gặp hắn ta - cô Oanh ngập ngừng chêm vào.

- Chị cũng thấy?

- Như thật vậy. Sẩm tối hôm ấy, tôi sang tìm cô Gái hỏi vay chút dầu, không thấy cô Gái đâu, tôi mới vén màn gió dòm vào buồng thì... Giêsu lạ Chúa tôi.

- Chị thấy làm sao? - bác Hai Thực gái hỏi dồn - Làm sao, hả chị?

- Hắn ta đứng giữa buồng, loay hoay cầm cái chai như thể ta cầm đèn soi tìm vật gì. Thấy tôi định bước vào, hắn ta quay

phất ra, mắt cứ hoay hoáy xía vào tôi.

- Lạy Chúa, rồi chị làm thế nào?

- Tôi hãi quá, lú cả lưỡi lại, muốn gọi bà Gái mà không được, tôi ù té chạy về nhà, nằm bệt mấy ngày liền.

- Vậy mà hôm ấy em cứ ngỡ chị bị cảm, - trúng gió - cô Nhung lắc đầu, chép miệng - Mới tháng trước chứ lâu lai gì đâu.

Bác Hai Thực giai không bao giờ kể chuyện ma, cũng không nói tin hay không tin, phàn nàn:

- Chẳng hiểu cô Gái để hình lão bán dầu ấy trong buồng cô làm gì? Ích lợi đâu chẳng thấy, chỉ tổ để người ta xì xào.

Đúng là việc cô Gái để bức tranh quảng cáo trong buồng cô là điều không nên thật, tôi nghĩ. Người ta đồn con ma ở nhà bà Gái tuy chưa nát ai, chưa làm hại ai, nhưng nó làm người ta hãi. Những đêm mưa thâm tối trời nó lang thang trên mái nhà, tay cầm cái chai. Có lần, nó mò ra đến đầu ngõ, người đi trên đường làng trông tỏ mồn mọt.

Những lời xầm xì vốn không bao giờ là của hiếm trong làng, cuối cùng rồi cũng đến tai cô Gái. Nhưng cô bỏ ngoài tai. Ai chiều được miệng thế gian. Hơn nữa, bà không đành lòng từ bỏ người gác nhà độc đáo và trung thành của mình. Tiếng đồn về ông lão bán dầu quất thần đến tai cha xứ. Ông đến tận nhà để xem. Vừa vén bức màn gió để ngó vào buồng, ông đã giật mình, lùi lại, tay bắt giác đưa lên làm dấu thánh.

- Bà nên bỏ bức tranh này đi kéo bổn đạo hãi. - cha xứ khuyên cô Gái - Người ta nói đến tai tôi nhiều lắm.

Cô Gái ngoan đạo lần này đã ngoan cố không làm theo lời cha xứ. Ông lão bán dầu quất thần còn ở lâu trong ngôi nhà ông bà tôi, cho tới khi ngôi nhà bị dỡ đi, làm lại. Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy ông lão ghê gớm nọ dưới ánh sáng ban ngày. Mặt ông ta bệch ra, áo quần cũng bạc phếch, khắp người đầy những vết thủng lỗ chỗ không rõ do mọt đục hay gián nhấm. Bức tranh bị đốt đi trước sự hiện diện của mọi người trong

xóm ba nhà. Mặt ông lão nhăn nhúm lại trong vẻ đau đớn và căm giận khi những lưỡi lửa liếm tới.

Tôi nói ông lão bán dầu quất thân là người gác nhà độc đáo vì trong làng tôi, luôn luôn xảy ra trộm đạo, không trừ cả nhà cha, vậy mà ngôi nhà không thể gọi là nghèo nàn của cô cháu tôi trộm chớ hề bần mản. Bác Hai Thực quả quyết rằng các chú chích sợ ông lão bán dầu.

XIII

Chợ, ấy là cái mặt của một vùng. Tới đâu tôi cũng thích rẽ vào chợ, bởi vì chợ kể cho tôi nhiều hơn bất cứ nhà thông thái nào về vùng đất tôi vừa tới, từ sản vật bản địa, mức sống của dân cho đến cung cách chèo lái của những người cầm trịch. Thêm nữa, chợ chính là nơi mà hoạt động của loài người được phơi bày, cái hoạt động của tồn tại, thực và mạnh ở đó không có đất sống cho tâm trạng buồn. Chợ bao giờ cũng vui vẻ, tấp nập, bận rộn, bao giờ cũng mang sắc thái hội hè. Có thể ví chợ như một đống ong ở đó người truyền hơi ấm cho người. Thành thử, nhiều khi tôi đi chợ chẳng để mua sắm gì, chỉ cốt được lây nhiễm cái tâm trạng náo nhiệt mà chợ bao giờ cũng sẵn. Nhưng đó là khi tôi đã trở thành người lớn. Trong tuổi thơ, tôi đơn giản đắm mình trong cái sôi động của quần thể người, sung sướng và háo hức thưởng ngoạn những gì chợ có thể cho thấy. Mà ở chợ thì có thể thấy rất nhiều.

Chợ Lao – chợ làng tôi – là một chợ lớn ở trong vùng. Lớn về bãi chợ rộng, hàng hóa nhiều, người đi chợ, cả người mua người bán, đông.

Ngày phiên chợ, cô Gái dậy rất sớm. ăn cơm xong, bà đội thúng thuốc viên lên đầu, ra khỏi ngõ khi còn tối đất, tới chợ trước khi mặt trời mọc. Cái thúng được hạ xuống đất trở thành hiệu thuốc của bà lang.

Trong khi cô Gái bán hàng, tôi được phép đi chơi chợ. Tôi nói đi chơi, bởi vì tôi chẳng mua gì, mà chỉ lang thang hết dãy này tới dãy khác giữa người bán người mua trong quán và ngoài trời, dưới bóng cây và giữa nắng. Những chuyến đi chơi như thế thực thú vị.

Chẳng hạn, tôi có thể ngắm hàng giờ những tác phẩm nghệ thuật dân gian bày ngổn ngang trên một manh chiếu rách. Hàng chục con hổ, không con nào giống con nào, nhe nanh múa vuốt; chúng thậm chí chẳng cần có vằn hổ để xưng mình là hổ, trên thân chúng chỉ có những vệt men nâu quệt cầu thả.

Mấy ông lão chài chống tay xuống nơm, gương mặt không góc cạnh ngửa lên trời như đang lắng nghe tiếng cá đụng bên trong nơm mình. Những cái miếu nhỏ chẳng bao giờ được hưởng đủ men, men được đổ từ trên mái dáo dạt chảy xuống chân miếu làm thành những vệt dài không đều cho ta cảm giác vừa có một trận mưa rào đi qua. Những ông Lã Vọng trầm tư với chiếc cần câu vô hình. Những ông tiên bé nhỏ không mắt mũi chăm chú với nước cờ hóc hiểm, đầu hơi cúi xuống trên cái bàn cờ tí tẹo không có quân...

Tất cả những thứ đó đều có trên hòn non bộ nhà bác cố Tuyền. Thời gian làm cho chúng cũ đi, già đi, và càng già, càng cũ chúng càng kích thích trí tưởng tượng. Nghệ thuật dân gian của ta là thế: bao giờ người sáng tạo cũng dành chỗ cho trí tưởng tượng của người thưởng thức.

Thu hút tôi mạnh mẽ không kém là hàng nan. Đó là dãy bán đồ đan bằng tre nứa. Những nan tre đều tằm tấp đủ cỡ được tay người đan theo đủ các nống khác nhau, gò theo các khuôn khác nhau thành rá to rá nhỏ, rổ cái rổ con, thúng đại thúng tiểu, gàu sòng, gàu dai, lờ ống, lờ thả, dậm to, dậm bé...

Cô Gái tôi không bao giờ mua đồ nan. Bà đan rổ rá rất khéo, đã chẳng kém gì đồ chợ, mà lại còn chắc chắn hơn nhiều. Một cái rá hoặc một cái rổ bà dùng hàng năm. Khi nó tuột cặp thì bà cặp lại, rồi cặp lại nữa, cho tới khi nó trở thành bé tí, nhưng vẫn cứ đủ dùng cho bữa ăn chỉ có hai cô cháu. Mỗi lần đốn tre già thể nào cô tôi cũng để giành mấy cây đực thật chắc để đan một số rổ rá bỏ lên ránh. Chẳng bao lâu sau chúng lên nước đen nhánh và trở thành bền vững kỳ lạ.

Nhưng lôi cuốn tôi hơn hết có lẽ là khu bán gà lợn. Tôi thích ngắm những chú gà con xinh như những nắm bông vàng tíu tít lẳng xẳng dưới chân một mẹ gà đầy cảnh giác luôn luôn xù lông ra bảo vệ đàn con trước kẻ thù tưởng tượng. Những chú vịt con mướt mà nhón nhác trong những cái quây tròn đan thưa. Những con vịt thiếu niên không ngót nhô lên thụt xuống những cái đầu bóng và to mồm kêu văng lên khi có một bàn

tay người mua thò vào lồng tóm lấy cổ để nhấc bổng lên ước tính nặng nhẹ. Trước mặt những người chủ không phải lái buôn là những con gà nhà, vịt nhà bị trói chân giương những cặp mắt thơ ngây lên hỏi nhau quàng quạc: "Thế này là thế nào? Tại sao bà chủ lại đưa chúng ta ra đây? Họ muốn làm gì chúng ta?". Nhưng những câu hỏi lập tức tắt ngấm trong mắt chúng khi người chủ rắc xuống trước mặt chúng một nắm thóc. Thế là, quên hết mọi sự, chúng mổ lấy mổ để và giành nhau chí chóc.

Dãy hàng lợn, người mua người bán phát vào tay nhau bèn bẹt để trả giá. Những con lợn nằm trong rọ, bị trói chặt bốn chân nằm tơ hơ trên mặt đất bẩn thỉu, những con nái xề phơi hai hàng vú như hai hàng khuy trên chiếc áo nhem nhuốc, những chú lợn con kêu ré lên như sợ bị chọc tiết, tất cả cái đám súc vật thảm hại ấy chẳng phù hợp chút nào với không khí mua bán hừng hực, ồn ào những giọng quát tháo, thấp thoáng những bộ mặt đỏ gay với những đôi mắt lác lác. Thói quen mua bán lợn như vậy đã có hàng trăm năm nay rồi ở chợ làng tôi cũng như ở các chợ khác trong toàn vùng đồng bằng. Thành thử người ta cứ vậy mà theo, chẳng bao giờ nghĩ xem nó có cần thiết hay không. Con lợn, dù cho nó có nhiều hơn con gà con vịt những hai chân, cũng không phải là lý do để người mua người bán phải quát tháo nhau như thế. Thử nhìn đôi mua bán kia mà xem. Nếu tách họ ra khỏi chợ, ta sẽ nghĩ rằng họ sắp sửa đánh nhau. Người mua giận dữ vì người bán không chịu giá, thẳng tay phát đen đét vào lòng bàn tay ngửa ra của đối phương, mỗi lần phát lại nhích thêm một giá nhỏ nhoi. Hai bàn tay trở thành đũa ửng. Hai cặp mắt long lanh rồi thẳng vào mặt nhau dò hỏi, thách thức. Sau nhiều lần lờm nguýt, bỏ đi, quay lại, phát vào tay nhau đen đét kèm theo những tiếng quát lác, cuối cùng hai bên cũng ngã giá được với nhau. Người mua hể hả. Người bán cũng hể hả. Con lợn được khiêng đi. Bỏ tiền bán lợn vào túi, người bán một phút sau đã trở thành người mua ở dãy hàng khác, có khi ở chính ngay khu chợ lợn. Đến lượt mình, anh ta lại mà cả riết róng,

lại chịu đựng cái nhìn miệt thị của người bán mà giá trả của người mua bao giờ cũng là quá rẻ, chỉ có ngó ngẩn mới trả giá như vậy. Tôi ngắm nhìn không biết bao nhiêu cuộc mua bán nơi chợ làng và thấy rằng người đi chợ, cả người mua lẫn người bán, thực là ngộ. Dường như khi bước vào cuộc mua bán, hai bên liền đeo lên cho mình một cái mặt nạ. Nhưng khi cuộc mà cả chấm dứt thì họ liền quẳng ngay cái mặt nạ xuống đất và cười với nhau một cách hồn nhiên như những đứa trẻ. Thì ra, phàm là mặt nạ thì cái nào cũng vướng víu.

Cô Gái tôi có một cửa hàng thuốc ở chợ làng. Cửa hàng của cô tôi là cái thúng, trong đựng đủ các thứ chai lọ với những viên thuốc các màu. Bà ngồi dưới gốc cây đề ngay lối vào chợ, tách hẳn khỏi các dãy hàng. Người mua thường là khách quen. Họ từ các làng khác tới khi chợ vào phiên. Người làng thì không cần đợi tới phiên chợ, họ vào tận nhà để mua.

Cô Gái ngồi, mặt nghiêm trang, lắng nghe khách hàng kể lể dài dòng về một ông chồng trúng phong, một đứa con bị sài, một bà mẹ bị tê thấp... rồi giốc vào lòng bàn tay nhăn nheo của bà những viên thuốc to hoặc nhỏ, màu đen hoặc nâu, xám, đếm cẩn thận từng viên rồi gói gọn gàng vào trong những trang giấy vở học trò mà bà tha về sau mỗi chuyến lên thăm các cháu ở Hà nội. Bà dặn kỹ càng cách dùng thuốc, uống một lần mấy viên, ngày mấy lần, chiêu bằng gì. Khách hàng được thuốc rồi vẫn còn dùng dằng dặc đi ngay, và giữa cô tôi và khách lại có câu chuyện thăm hỏi như thể họ là những người quen lâu ngày:

- Thằng cháu bị cái nhọt bọc hồi nào, giờ chơi chưa?
- Dạ, thưa bà, cháu chơi ạ. Nó ăn khỏe quá sức lẽ mình.
- Trẻ con ăn khỏe là tốt, nó không chịu ăn chịu chơi mới khổ.
- Khốn nỗi, gạo hồi này kém quá.
- Tháng sau mới hơn được. Mùa năm nay tốt. Này, sao lâu không thấy ông Khán Dậu đi chợ?
- Ông Khán bị ngã tẹo chân bà không biết sao?

- Lạy Chúa tôi có nặng không?
- Bây giờ đi phải chống gậy. Ông Khán bị ngã đúng vào hôm cưới vợ cho thằng nhớn.
- Vậy là thằng nhớn đã lấy vợ rồi kia đấy, nhanh thật. Nó lấy con nhà ai vậy?

Cái quan hệ thân tình với khách hàng làm cho cô Gái mát lòng mát ruột. Tôi đã nói về cô tôi như một người riết róng, bủn xỉn, coi trọng đồng tiền. Tôi thấy cần phải nói thêm rằng mặc dầu vậy bà là người sỏi lỏi đối với khách hàng nghèo; nhiều bận tôi thấy bà cho thuốc không lấy tiền. Tại sao bà lại xử sự như vậy, tôi không hiểu. Có thể, bà vẫn nhớ lời khuyên của ông tôi về chuyện nghề thuốc là nghề phúc đức, có thể, bà là người có lòng tốt được giấu kín mà cũng có thể, bà thích được mọi người ca ngợi. Khía cạnh có lợi cho bà trong việc làm phúc này là ở chỗ những người được cho thuốc ca tụng bà lên tận mây xanh và hằng nài giới thiệu những khách hàng có tiền đến cho bà. Những khách hàng mới bao giờ cũng viện đến sự quen biết với người giới thiệu, chẳng bao lâu sau họ lại trở thành khách quen, và câu chuyện của cô tôi với khách lại thân tình như với người khách cũ, chỉ khác là thay vào ông Khán Đậu bây giờ là mẹ thằng cu Tễu.

Cuối buổi chợ, cô tôi giao "cửa hàng" cho tôi để bà đi mua bán thức ăn. Tôi đã thuộc hết mặt hàng, biết rõ công dụng và liều lượng từng loại thuốc, cho nên sắm vai ông chủ hiệu thuốc không mấy khó khăn. Nhưng những người mua thì lại nhìn tôi bằng cặp mắt nghi ngại, tẻ thế. Người thì cứ ngồi ì ra đấy đợi cho đến cô Gái về. Người còn trắng trợn chỉ vào lọ thuốc và ra lệnh cho tôi bán cho họ bao nhiêu viên. Thỉnh thoảng mới có người dám tin ở tôi:

- Cậu bán cho tôi chục gói thuốc cam cho cháu.

Tôi trịnh trọng đưa cho họ chục gói thuốc, dặn kỹ cách dùng, rồi nhận tiền bỏ vào dưới vỉ buồm.

- Uống xong chục gói này, nếu hợp thuốc, bà đến lấy thêm.

Tôi dặn với, cảm thấy mình lớn bổng hẳn lên trong lúc ấy.

Khi chuông nhà thờ gióng giả đổ hồi báo mười hai giờ trưa, cô cháu tôi ra về. Trong thúng thuốc của cô Gái giờ đây ngẫu nhiên trên đầu tôi (dấu hiệu của sự tin cậy ở mức cao) thế nào cũng có miếng thịt (cô Gái chỉ mua thịt vào ngày phiên chợ), mấy đồng bánh đa, gói kẹo đắng (để làm nước hàng), vài con cá (chúng bao giờ cũng xúc phạm lòng tự ái của tôi).

Cô Gái móm mém cũng thích bánh đa nướng chẳng kém gì tôi. Chiều xuống, tôi đốt than, nướng bánh lại cho giòn rồi hai cô cháu ngồi ngoài thềm, vừa ăn bánh vừa nói chuyện. Những trầu cau đung đưa theo gió. Tiếng sáo diều vi vu. Từ bên nhà bác Hai Thực, tiếng xa quay ve ve.

Cô Gái hài lòng về buổi chợ. Bà giở tiền ra đếm. Những đồng tiền mới được để sang một bên, dù là tiền xu hay tiền giấy. Những đồng tiền cũ được tiêu trước, những đồng mới được tiêu sau, nếu như có lúc cô tôi phải tiêu đến chúng. Cô Gái thích những đồng bạc mới tinh còn thơm mùi mực mang hình người đàn ông gánh dừa đến nỗi nhiều khi bà sẵn sàng bán rẻ hơn cho người khách nào có đồng tiền như thế.

- Tiền nào chả là tiền, bà lão rõ lắm cảm.

Khách nói khi thấy cô tôi nằn nì đòi bạc mới. Nhưng tôi thấy chính họ cũng tiếc rẻ chia tay với đồng bạc mới của mình.

Những đồng bạc mới mỗi ngày một nhiều thêm ở chợ. Đồng tiền mất giá dần. Giá hàng lên. Nhưng cô Gái tôi không vì thế mà kém yêu những đồng bạc mới. Có điều tình yêu đối với những đồng bạc hoa xòe, bạc thật, thì tăng lên rõ rệt. Cô tôi cất cả chồng bạc hoa xòe trong hòm gian. Thứ bạc đồng có hình con đằm mặc váy rộng lúc ấy không còn lưu hành trên thị trường nhưng lại rất có giá. Người ta cất giữ bạc hoa xòe như cất giữ của cải. Thỉnh thoảng cô Gái mới giở chồng bạc hoa xòe ra, đếm lại từng đồng, ngắm nghía lấy vạt áo lau từng đồng cho sáng bóng, xếp thành cọc rồi mới bọc lại vào trong miếng nhiễu đỏ, bỏ vào chỗ cũ

Sau khi đã kiểm tiền chợ, để các đồng mới sang một lên, cô Gái bảo tôi:

- Cháu tinh mắt, cháu nom hộ cô xem có tờ giả nào không.

Tôi cẩn thận soi từng tờ giấy bạc lên nền trời hoàng hôn rồi đưa lại cho cô tôi từng tờ một:

- Cái này thật, cái này cũng thật đấy, cô ạ.

Một lần cô Gái đã lấy nhầm một đồng bạc giả và buồn xịu mấy ngày. Rồi bằng cách nào đó bà đã tổng đi được đồng bạc khốn kiếp, và tất nhiên, cả nỗi buồn của bà cho người khác.

Bà xếp thật ngay ngắn những đồng bạc mới đã được thẩm tra thành từng xếp rồi gói tất cả vào trong một miếng vải cột chặt lại bằng dây gai. Chọn trong đám xu, hào một đồng xu xấu xí nhất, cô Gái cho tôi để mua sấu bà Cơ.

- Ở đời này, cháu ạ, phàm thứ gì quý là y như rằng có của giả - cô Gái trầm ngâm nói với tôi - Con người ta, ai cũng coi của mình là nhất, của thiên hạ như cái rơm cái rác. Đến nỗi, Đức Chúa Giêsu phải nói "Hãy thương yêu người ta như mình vậy". Nghĩa là thế nào, cháu hiểu không? Nghĩa rằng thế này: Chúa biết con người ta ai cũng yêu mình nhất hạng, bảo người ta yêu người khác hơn yêu mình là điều không có được, thôi thì yêu bằng, yêu bằng cũng là khó lắm rồi. Con người ta thích cái lợi cho mình lắm lắm. Thế nên mới có người đi làm giả cái quý để thu lợi, mới có của giả.

Tôi ngồi yên, nhưng không lắng nghe. Tôi thích nghe cô Gái kể chuyện, nhưng không thích nghe cô Gái triết lý. Cô triết lý chững chảng, không cái gì ăn nhập với cái gì.

- Người ta cũng vậy, người thật có, mà người giả cũng có. Thiêng liêng như các thánh tông đồ của Chúa, vậy mà cũng còn có tông đồ giả đấy thôi. Như cái thằng Giu-đa, được làm tông đồ của Chúa mà nó còn nở tâm bán Chúa cho quân dữ để lấy ba mươi đồng Đi-na - cô Gái rẽ sang Kinh Thánh - Vậy cho nên Chúa mới bị quân Phi-la-tô bắt, mới bị chúng đóng

đanh câu rút, đau đớn không biết là nhường nào. Cô hỏi cháu:
vậy thì còn có thể tin ai được?

Tôi không trả lời. Một lát sau, cô Gái nói:

- Chỉ có tin mình, chỉ có tin được mình mà thôi.

XIV

Có chị Liễu lên ở cùng, cô tôi cho thợ sửa lại cái khung cửa từ lâu xếp xó. Trên cái khung cửa này bà tôi và các cô tôi đã ngồi dệt trong những năm xa xưa. Ngoài việc dệt vải ra, chị Liễu còn làm hàng xáo. Cô Gái đóng thóc về, chị Liễu xay, hai chúng tôi giã, chị Liễu và cô Gái sàng sảy, rồi đem ra chợ bán. Cô Gái không thích ai ngồi không trong ngôi nhà của bà. Thế vẫn chưa đủ, bà quyết định nuôi tầm.

– Một nong tầm là năm nong kén, một nong kén là chín nén tơ – bà khuyến dụ chúng tôi – nhà mình bao nhiêu là dâu, bán cho người ta, rõ hoài, tơ thì lại đang có giá.

Ngôi nhà chúng tôi có một hàng rào bao quanh, trừ vài khóm tre lưu cữu còn toàn là dâu. Những người hàng bồ ít lời và cần mẫn quấy những đôi bồ lớn có quây cót cho cao thêm lang thang trên đường làng, rẽ vào những nhà hẻo lánh nhất thậm chí chỉ có một hai cây dâu để mua lá. Không đáng trả tiền thì họ đổi kẹo mạch nha cho trẻ con, ấy thế mà đến khi ra khỏi làng họ đã có những gánh lá dâu nặng trĩu. Cô Gái thu tiền bán dâu, tiếc rẻ nhìn đống lá được trút vào bồ:

– Có điều, nuôi tầm bận như chăm con mọn, các cháu ạ. Cái Liễu thấy thế nào?

– Bận là mấy, ta cứ nuôi cô ạ!

Chị Liễu vui vẻ tán thưởng, như bất cứ lần nào cô Gái trao thêm việc cho chị.

Cô Gái mài mấy con dao bài cho thật sắc (bà mài dao tài nhất nhà) và rửa sạch những nong nia gác trên ránh. Những con sâu đen xì, bé tí tẹo và đầy lông lá, chui ra khỏi những lá trứng tròn vành vạnh trên giấy bản, chẳng mấy chốc đã trở thành những con tầm mịn màng, tròn lẳn. Chúng bò lổm ngổm, trèo cả lên nhau, tràn đầy những nia nhỏ rồi những nong lớn kê trên các giá cao ở nhà trên. Đứng bên ngoài

những bức màn tre ngăn ruồi nhặng có thể nghe tiếng chúng ăn lá rào rào như một trận mưa xa.

Chị Liễu và tôi đều bận. Rời khung cửa là chị đi hái dâu, thái dâu, thay nia, thay nong. Tôi phụ chị. Công việc nhà làm tôi hiếm có thời giờ để đi câu với anh Cu Nhớn. Ngôi nhà cô cháu tôi đã đỡ vắng vẻ khi có chị Liễu, nhưng lòng tôi vẫn hướng sang nhà bác Hai Thực ở đó bao giờ cũng vui vẻ hơn, vô tư lự hơn. ở nhà chúng tôi, cô Gái luôn kêu ca về chuyện thóc cao gạo kém. Những lời kêu ca của bà làm chị Liễu suy nghĩ. Chị chỉ biết đáp lại bằng cách ăn ít đi và làm nhiều thêm.

Rồi tầm chín. Chúng thôi không ăn lá dâu nữa, mình chúng đỏ dần, một màu đỏ trong trẻo pha ánh vàng rất đẹp. Từ miệng chúng những sợi tơ đầu tiên rút ra, dính vào nong. Cô Gái và chị Liễu tất bật dựng những giá tre nhồi rơm ở ngoài sân, nhặt những con tầm chín bỏ lên đó. Thoạt đầu, những con tầm cất cao đầu lắc lư như say rượu, sau đó chúng múa đầu theo một nhịp đều đặn qua phải rồi qua trái để nhả tơ đan kén. Tơ càng trút ra ngoài được nhiều bao nhiêu thì tầm càng bớt ì ạch bấy nhiêu, thân nó trở nên thanh thoát hơn, cử chỉ cũng nhanh nhẹn hơn. Những con tầm chín yếu ớt không chịu làm kén bị cô Gái nhặt riêng ra, bỏ vào xanh đem rán.

- Ăn giống này nhẹ mình, đỡ nhức đầu - cô Gái giảng giải - Nhưng nhớ phải để cho nó là hết cút đã. Cút nó độc.

Những con tầm dai ngoạch vì bó tơ không nhả ra được của chúng. Tôi lén cô Gái nhả bã cho con Mực. Con Mướp chề, không thèm ăn.

Không bằng lòng với giá trả của các lái tơ đi mua gom, cô tôi và chị Liễu đội tơ nhà làm ra đi bán mãi chợ Lương, một trong hai chợ nổi tiếng của đất Nam Định: "chợ Cồn muối trắng, chợ Lương tơ vàng". Tôi cũng được đi theo cô Gái, chẳng gì tôi cũng đã góp tay vào việc làm ra những bó tơ dựng trong cái thúng lớn trên đầu chị Liễu.

Chợ Lương là một chợ tôi chưa từng gặp ở bất cứ đâu. Cả khu chợ rộng cả chục mẫu đất (mẫu ta) vàng óng lên một màu tơ

và kén. Màu vàng rộm của những kiếp tầm viên mãn trùm lên tất cả, át hết tất cả, nhuộm lên tất cả chung quanh, làm cho những cô gái bán tơ ngồi san sát thành từng dãy giữa đám mây màu vàng tươi óng ả bỗng bênh đó tự nhiên phảng phất một cái gì của cổ tích. Cũng là chợ, nhưng ở đây người ta mua bán từ tốn, ăn nói nhỏ nhẹ. Mọi sự khúc mắc ở đây thường chỉ do cái cân. Người mua cân đi người bán cân lại, chưa đủ tin nhau thì người ta mượn cân của hàng bên để tìm một cân lý trung bình có thể chấp nhận được cho cả hai. Không mấy ai cãi vã về phẩm chất tơ. Vào thời ấy vùng tôi chỉ có một giống tầm và chúng nhả ra những sợi tơ cùng loại.

Cô Gái mua cho chị Liễu một số vuông lụa đủ may áo cánh. Chị Liễu cầm cụi mấy ngày liền khâu chiếc áo đẹp của mình. Chị tôi khéo tay, chiếc áo vừa như in. Nhưng khâu xong, chị không mặc mà xếp lại ngay ngắn vào trong thúng quần áo của chị.

– Sao chị lại cất đi? – tôi hỏi.

– Tôi để dành. – chị đáp.

– Để dành làm gì? – tôi gặng.

Mặt chị Liễu của tôi vụt đỏ như. Đôi mắt tươi rói, long lanh, chị ghé sát vào tai tôi:

– Bao giờ đi lấy chồng, tôi mới mặc, chú ạ.

Chị Liễu ngồi vào khung cửi, hai tay đều đặn ném con thoi qua lại. Con chim gõ gặt gù trên đầu chị. Tôi hình dung chị sẽ dệt vải ở một nhà khác, một nhà xa lạ, không phải nhà chị mà cũng chẳng phải nhà họ hàng thân thích, gọi là nhà chồng.

Từ ngày chị Liễu về ở với cô Gái, chị xinh hẳn ra. Mỗi khi đi lễ với chị, từ trong nhà thờ bước ra, tôi bắt gặp nhiều cái nhìn ngưỡng mộ và triu mến hướng về chị em tôi, tức là phía chị. Cô Gái không bằng lòng những cái nhìn như thế. Cô cho rằng lỗi tại chị Liễu.

– Đi đứng, nhìn ngó phải đoan trang – cô lạnh lùng nhắc chị – Con gái con đũa, nhớn rồi, phải biết giữ ý tứ. Ở với tao, phải

giữ phép nhà, không được buông tuồng, bả lả.

Chị Liễu rơm rớm nước mắt. Đôi mắt bồ câu sụp xuống trên gương mặt bầu bĩnh, trắng hồng. Tôi cho rằng cô Gái mắng oan chị. Chị không hề buông tuồng, bả lả, còn như đi đứng thì không thể nào đoan trang hơn nữa – mặt chị nghiêm nghị và thành kính, như thể chị vẫn tiếp tục cầu nguyện sau buổi lễ.

Hôm sau, chị ra đường với bộ quần áo bạc màu, xấu xí. Chị tưởng làm như vậy thì đẹp lòng cô Gái, nhưng không phải. Cô lại mắng:

– Con gái lớn phải ăn vận gọn gàng, sạch sẽ, mặt mũi phải tươi như đóa hoa. Ăn vận lôi thôi lếch thếch, mặt đánh chữ nãi, lúc nào cũng khó đăm đăm thì có ma nó nhìn.

Gặp dịp lễ trọng, cô Gái bắt chị Liễu mặc diện để đi với cô. Bộ diện nhất của chị là tẩm áo tứ thân bên ngoài áo lụa mỡ gà và dải thắt lưng màu hoa lý. Miếng trầu làm môi chị thêm tươi và má chị thêm hồng. Cô Gái hài lòng. – Cháu rồi chỉ ở với cô vài năm thôi, còn đi lấy chồng chứ. – cô Gái nói, giọng tự nhiên bồi hồi – ở với cô, cô lắm lúc cũng hay mắng mỏ, là tại cô thương cháu. Có bắt ne bắt nét cũng là muốn cho cháu nên người, chứ chẳng phải cô ác nghiệt. Cô có phải là người ác nghiệt không nào?

– Thưa cô, không ạ – mặt đỏ bừng, chị Liễu lí nhí.

– Vậy cho nên đừng có giận cô.

– Thưa cô, vâng ạ.

Chị Phương bằng tuổi chị Liễu, nhưng gầy đét và dài ngoẵng. Khác với chị Liễu, chị hoàn toàn không nghĩ tới chuyện lấy chồng.

– Cô Liễu ạ, tôi tính xin phép thầy mẹ tôi, tôi đi tu. – chị thỏ thẻ bàn với chị Liễu

– Hôm gặp Bà Nhất trong nhà mụ, tôi đã ướm hỏi. Bà bảo: "Kẻ dốc lòng thờ phượng Chúa thì sẽ được Chúa nhận vào lòng".

Chị Liễu nín lặng. Nín lặng là không tán thành, nhưng cũng không phải là phản đối. Phản đối việc đi tu để dốc lòng thờ phượng Chúa thì chẳng ai dám.

– Ở nhà mụ rồi rãi phần hồn, mà phần xác cũng đỡ vất vả – chị Phương lập luận – Các cô mụ cũng phải đi làm đồng, nhưng làm gọi là thôi. Ruộng nhà mụ, ruộng nhà xứ phát canh cho cấy rẽ cũng khối của rồi. Các cô mụ làm nửa ngày, nửa ngày cầu nguyện, mưa chẳng tới mặt, nắng chẳng tới đầu, còn đi lấy chồng ấy à... Tôi ngẫm chưa có ai đi lấy chồng mà sướng, cô ạ.

– Em tính, thà cứ ở vậy trọn đời đồng trinh như cô Gái còn hơn. Chứ ở nhà mụ dễ chịu thật, nhưng chẳng sao bằng ở nhà mình.

– Giá tôi được như cô thì tôi cũng đi lấy chồng, đàng này mình xấu như ma, gầy như que củi...

– Làm lụng vất vả quá thì nó thế. – chị Liễu an ủi – Nhân rồi là béo ra liền.

– Cô cũng quần quật cả ngày đấy thôi, mà có gầy đâu.

– Tại em ăn nhiều cám đấy. Thầy em bảo cám bổ lắm. Có dạo mẹ em cho chúng em ăn cứ một bữa cơm lại một bữa cám.

Chị Phương trở nên tư lự:

– Có dễ tại tôi ăn nhiều hạt sạn quá. Người ta bảo hạt sạn độc.

Hai bà chị vừa sàng gạo vừa tâm sự. Tôi nằm trên ổ rơm gần đấy. Câu chuyện của họ lọt đến tai tôi cùng với tiếng gạo rơi rào rào xuống nia.

– Dễ vậy thật. Cám tốt hơn nhiều. Bây giờ thỉnh thoảng em vẫn ăn cám đấy, chị ạ.

– Nhà cô Gái có bao giờ ăn cám.

– Em làm cám sạch, thỉnh thoảng nấu cho lợn, em bót ra một bát.

- Cô Gái biết thì chết.
- Em giấu cô.

Tôi bàng hoàng. Lại một bí mật trong ngôi nhà lọt đến tai tôi. Cô Gái của tôi thật quá đáng. Bà đong gạo riết róng, bữa cơm lại tự tay xới từng bát cho chúng tôi. Tôi được ăn no, nhưng chị tôi giữ ý, nên bị đói.

Sáng hôm sau, tôi rủ rỉ với chị Liễu:

- Chị đừng đi tu, chị ạ.

Chị Liễu trở mắt nhìn tôi.

- Chú nói gì vậy?
- Em nghe thấy hết rồi. Chị đừng có nghe chị Phương đi tu, chị nhé. Chị đi lấy chồng rồi em đến em ở với chị, em nói thật đấy.
- Tối qua chú nghe trộm hả?
- Em nằm em nghe thấy hết. Nghe trộm đâu mà nghe trộm.
- Đừng nói gì với cô Gái nhé! Cô biết tôi ăn cám phần lợn cô mắng đấy.

Thì ra chị Liễu sợ tôi nói lộ ra chuyện chị ăn vụng cám lợn. Tôi thì lại nghĩ rằng chị sợ cô biết chị Phương rủ rê chị đi tu.

Chị Phương định đi tu thật. Ý định của chị làm cho cả hai bác tôi buồn. Chị đi tu, nhà bác Hai Thực sẽ thiếu một người làm, lại là người làm chính. Chị gầy còm, nhưng không việc gì trong nhà không đến tay chị. Thậm chí giậm lại cái mái nhà là việc của đàn ông, nhưng khi bác Hai Thực không làm việc đó thì chị làm. Tôi đã nói, với mấy chục vó tép, chị Phương kiếm thức ăn cho cả nhà (tất nhiên, những xâu cá của anh Cu Nhớn cũng là phần quan trọng), nhưng việc trong một gia đình bao giờ cũng là trăm thứ ba dằn, thứ gì cũng cần đến bàn tay chị Phương. Ba ông anh lớn đã lên tỉnh làm ăn, nhưng không được trời chiều, họ chỉ đủ nuôi miệng, thỉnh thoảng mới gửi về nhà chút ít gọi là quà.

- Em không hiểu tại sao con cái Phương nhà em lại muốn vào nhà mụ? - bác Hai Thực gái phàn nàn với các bà chị nhà chồng? - Thầy nó với em quặt quẹo luôn, không có nó rồi thì biết xoay xử thế nào? Các chị khuyên cháu cho em một tiếng.

Cô Oanh ngẫm nghĩ rồi thở dài:

- Biết khuyên nó thế nào, thím? Bên chú thím kể cũng bấn thật, nhưng nó nghĩ thế cũng chẳng phải quấy. Ai chẳng muốn giốc lòng thờ phượng Chúa? Mà kể ra họ nhà mình có một người vào ở nhà mụ, hoặc làm cha để cầu nguyện cho cả họ cũng rất nên.

Cô Gái hừm một tiếng:

- Thím chớ can ngăn cái Phương. Mọi sự là do Chúa sắp đặt Chúa muốn thế thì nó mới ra thế. Cái Phương rồi nên Bà Nhất ở làng này thì chỉ có đẹp mặt cả họ thôi.

Bác Hai Thực gái sụt sịt khóc. Cô Nhung không dám nói gì. Cô là người lép vế trong nhà ông em trai, lép vế trong cả chi họ, cô thường im lặng, hoặc nói sau một câu tán thành. Bác Hai Thực giai tảng lờ như không biết đến sự kiện đang làm cho cả nhà quan tâm. Nhưng bác ít nói hẳn đi và hút thuốc ào nhiều hơn.

Cô Gái nhiệt tình với việc chị Phương đi tư hơn cả. Trong cả chi họ không có ai đi tu, đối với bà đó là một thiếu sót, gần như một khuyết điểm. Bà đã xúi giục cô Mỹ, em gái của bà và chị gái của bố tôi, cho hai con trai đi học trường Trung Linh. Nhưng hai anh tôi mãi đá bóng quá nên không thấy cái tiền đồ làm cha hấp dẫn, họ bỏ học nửa chừng. Mà trường Trung Linh là một tiểu chủng viện không ngặt nghèo lắm. Người nào theo được thì lên đại chủng viện, thi bảy chức thánh, người nào giữa đường đứt gánh thì thôi. Với tôi, cô Gái cũng không phải là không có chút kỳ vọng cho tôi học làm cha, nhất là sau khi tôi đi thi kinh được đỗ loại đầu của xứ đạo. Bà nói xa nói gần để dụ dỗ tôi, nhưng tôi chẳng hiểu cho bà điều bà muốn, thêm nữa cái tính ngỗ nghịch của tôi ngày một bộc lộ dần dà bà cũng không còn nghĩ tới cái tương lai làm cha của tôi nữa...

Tôi không hiểu cô Gái. Tôi đã thấy những bà mẹ có con đỗ cha ở trong làng. Khi người con trở về với chiếc áo chùng thâm tượng trưng cho bảy chức thánh của con đường tu hành, người mẹ khấp nép "Xin phép lạ cha..." Họ đã xưng hô đúng như vậy đấy, người mẹ đối với đứa con do mình đẻ ra. Nhưng rồi chị Phương không đi tu. Những giọt nước mắt của bác Hai Thực gái đã ngăn chị.

Tôi hỏi Bà Nhất, bà bảo rằng đã vào nhà mù thời không thể về nhà luôn luôn được. – chị Phương thủ thỉ với chị Liễu – Tôi vào nhà mù, cô ạ, thì nhẹ phần mình thật, nhưng suy đi tính lại tôi thương thầy mẹ tôi...

- Chị vào nhà mù đúng là hai bác chẳng biết trông cậy vào ai.
- Ấy vậy cho nên tôi mới thôi.
- Giá chị lấy chồng, mà lại là chồng ở rể thì hai bác thích lắm.
- Ma nó lấy tôi. Tôi cũng chẳng thích lấy chồng. Chồng tôi chả thiết, nhưng giá có đứa con để mà trông nom rửa ráy cho nó, cho nó ăn, thấy nó lớn, cũng hay... Lấy chồng thì mình rồi cũng có nhà cửa của mình, tay hòm chìa khóa, tự quyền mình... muốn gì làm nấy. Tôi sẽ trồng thật nhiều cam, quít, nhãn, bưởi...
- Na nữa, chị ạ.
- Ừ na nữa, mà phải xin được giống na dai mới ngon.
- Mít nữa.
- Cả mít, mùa nào thức ấy. Nhưng tôi không thích giống mít mật. Ăn nhẽo nhèo.
- Cũng phải có, già rồi rụng hết răng, ăn mít dai không được nữa, lúc ấy mới thấy mít mật ngon. Trồng càng nhiều thứ càng tốt.
- Còn phải tùy cái vườn rộng hay là hẹp. Tôi sẽ nuôi gà, thật nhiều gà. Tôi không thích nuôi lợn.
- Em cũng vậy, nuôi lợn vất vả lắm. À, chị ăn cháo cám nhá?

- Cô biết thì chết.

- Cô đi châu lượt rồi.

Hai chị tôi ăn cháo cám. Ăn xong chị Liễu bằm bèo, thái thân chuối bỏ vào nồi cháo cám ấy làm thành thức ăn cho lợn.

Tôi lăn ra ngủ, không nghe tiếp những câu chuyện nhạt phèo nhảy từ đề tài này sang đề tài khác của hai chị. Chẳng bao giờ hai người nói với nhau được chuyện gì thú vị hơn.

Chị Phương rồi cũng chẳng đi lấy chồng. Chị ở trọn đời đồng trinh.

Họ nhà tôi thêm được một bà cô.

XV

Cũng từ khi có chị Liễu, mấy gian bếp nhà chúng tôi mới đỡ hiu quạnh. Nghề hàng xáo phát triển. Lái gạo trên tỉnh đổ về các chợ quê đông ầm ầm.

Bên nhà bác Hai Thực cũng xoay ra làm hàng xáo. Anh Cu Nhớn, anh Cu Bé suốt ngày xay thóc. Tối đến, cái cối giã ở nhà tôi làm việc không nghỉ. Không phải tại cối nhà tôi tốt hơn, nhưng vì cô Gái không thích chị Liễu và tôi qua nhà bác Hai Thực giã gạo, nên các anh chị bên bác Hai phải sang bên tôi. Giã gạo mà vui thì cối gạo trắng hơn, giã cũng nhẹ nhàng hơn. Bên cối gạo, chuyện nở như pháo ran. Anh Cu Nhớn và chị Phương thuộc rất nhiều câu đố theo vần lục bát. Chị Liễu cũng thỉnh thoảng ra được một câu. Những câu đố thường nhiều người đã biết, nhưng với một đứa trẻ ở tỉnh về như tôi thì vẫn khó giải. Chẳng hạn:

Một mẹ đẻ chín nghìn con

Đến mai chết hết chẳng còn một ai

Còn một ông lão chín hai

Nhăn nhăn nhó nhó chẳng ai muốn nhìn

Tôi, tất nhiên, không giải được và lấy làm thú vị khi hiểu ra rằng đó là trăng, sao và mặt trời.

Chẳng bù với trước đây khi tôi phải giã gạo với cô Gái. Hai cô cháu giã rất chậm. Một cối gạo giã hết cả buổi tối tới khuya mới xong. Những hôm cô Gái bận khách thì còn chậm hơn nữa. Giã một mình thì tôi cứ phải đi từ từ tới đuôi chày, cố dùng sức nặng của tấm thân bé bỏng dẫn đuôi chày xuống, cái đầu chày mới chịu run rẩy ngồng lên rồi rơi xuống với một tiếng thịch nặng nề. Bây giờ cái chày kêu vui vẻ "lịch kịch - xình!" dưới năm cái chân nhịp nhàng của chị em tôi. Đôi khi, cô Gái nghe tiếng chày nhảy lên quá mạnh, có thể bung khỏi hõng, quát xuống:

- Lũ quý, nhẹ chân chứ!

Chúng tôi bấi nhau cười, dậi nhẹ hơn, nhưng chỉ đượi một lúc. Cái đầi, cái nhíp lại lồi cuối chúng tôi, cô Gái lại phải quấi. Bà thích những cối gạo xong nhanh, nhưng lại lo lắng cho sức khỏe của cái cối. Nó cũng già lầi lầi rồi. Mũi chà đã vệt một bên phơi những vậi gỗ bóng loắi, tai chà cũng mòn gắi hết tòn ten trong hống.

Khi sàng gạo thì bậi mắi cô Gái cũng xuối với chúng tôi. Chúng tôi cần đén cái đén, nếu cô ở trên nhà thì phải thắi thêm cái nửa dưới bếp và như thế thì tổn dầi. Cô Gái sàng gạo cùng chúng tôi. Nhưng chúng tôi không cho bà sàng lầi. Trong những buổi tối như thế chúng tôi đòi bà kể chuyệi.

Cô Gái ngòi xếp chân bằng tròn trên giười giấi, chúng tôi ngòi dưới sàng gạo và bà kể chuyệi cái nát cho chúng tôi nghe. Cái nát, theo lối nói của người quê tôi, là ma.

Chuyệi ma thì cô tôi không bao giờ cạn: nào ma trời, ma bình vôi, ma gà, ma cà rồng, ma cụt đầi, ma đưa với, quỷ nhập tràng, thần trùng, yêu tinh...

- Chúng mài muốn nghe chuyệi cái nát thì phải bảo cô Nhung kể cho, mới hay. - bà từ chối, bắt chúng tôi phải nài nỉ
- Cô Oanh cũng vậy, cô biết nhiều chuyệi cái nát lầi.

- Cô Nhung kể chuyệi chán chết, thôi, cô kể đi cô.

- Cô Oanh có mắi chuyệi đầi, kể đi kể lại, chúng cháu thích nghe cô kể cơ.

Cô Gái đé:

- Đừi có nói thế, cô Oanh giậi.

- Chúng cháu chả cần, cô Oanh không kể thì chúng cháu sang đầi nghe cô kể.

Cô Gái hời lòng hời dạ. Bà ưa nịnh như trẻ con và buồn bực nếu thiếu những lời tắi bắi của lũ cháu. Bà mỉm cười sung sưới, những nếp nhăn dắi ra trên mặt. Hai đối thủ về tài kể chuyệi của bà đã nằi sới sưới dưới chân bà rồi, bà hài lòng, và bà bắt đầi kể.

Cô kể chuyện Hai Tuất nhá? – bà chớp chớp mắt, tìm câu mở đầu cho một trong những câu chuyện thú vị về cái nát ở trong làng – chúng mày biết chuyện Hai Tuất chưa nhẩy? Chưa hả? Vậy, Hai Tuất là người xóm Cối Hương, người ngụ cư chứ không phải người gốc vùng ta.

– Ông Hai Tuất quét chợ, phải không cô?

– Chính hấn ta đấy. Ngày trước, Hai Tuất có một cái lều vó trên đê Vàng. Cái lều vó ấy, hấn ta giữ có tới chục năm, vậy mà hấn ta bỏ. Tại sao hấn ta bỏ, thì chúng mày nghe cô dẫn tích đây. Muốn nghe không?

– Thưa cô, có ạ. – chúng tôi nhao nhao.

Cô Gái không kể vội. Cô đưa cho tôi cái cối rặng voi và cối trầu bảo tôi giã cho bà một cối. Có miếng trầu rồi bà mới nhẩn nha dẫn tích:

– Hấn ta bỏ cái lều vó là tại ma trời. Ma trời là thứ ma hiền nhất hạng trong các thứ ma. Nó không hay nát người, không thích làm người ta hãi, mà lại còn hay giúp người nữa. Nhưng thiên hạ vẫn sợ – ma gì cũng là ma, ma tốt mấy vẫn là ma. Hai Tuất thì không, hấn ta tợn nhất cái làng này. Hồi còn con trai, hấn ta còn nghịch đến nước thế vầy: ở cây gạo cuối làng có con ma cụt đầu, ai cũng hãi, hấn ta mới khoác tấm màn trắng đến vai, trông ban đêm đúng là cụt đầu đi đi lại lại dọa mọi người.

– Eo ơi, khiếp quá? – chị Phương kêu lên.

– Ông Lý Cự một bạn đi hội tổ tôm về gặp hấn ta, rông cả xuống ao nhà ông Trùm Tịnh, lội bì bõm dưới ấy, lười lười cả lại mãi mới lần về tới làng được. Người ta biết được, mới vớt lên, đốt lửa, xoa dầu đến sáng ông ấy mới hoàn hồn. Rồi ốm liệt cả tháng. Sau, mới biết là Hai Tuất.

Chúng tôi cười bò ra, nhưng vẫn sồn da gà. Cô Gái tùm tùm. Bà hài lòng nhìn thấy hiệu quả câu chuyện, đợi chúng tôi giục thêm mới thủng thẳng:

- Ông Lý Cựu sai tuần nọc Hai Tuất ra giữa đình quất cho năm chục roi. Ông Lý Đương cầm triện e hấn ta lại giở trò nát mình, cho thêm năm chục roi nữa để đe trước. Hai Tuất cạch từ đấy. Lại nói chuyện cái lều vó của hấn ta trên đê Vàng. Ở đấy nhiều cái nát đến nỗi những lều vó khác chỉ cất ngày, đêm bỏ, người ta hãi. Nhưng Hai Tuất thì cất cả đêm, đã bảo hấn không biết sợ là gì mà. Lũ cái nát ở đấy thường kéo đi hàng đàn, vừa đi vừa hát véo von như thể thợ gặt hay thợ cấy, vậy mà hấn mặc. Chúng nhảy xuống ngòi quấy thì thùm ở dưới ấy, hấn cũng kệ thây. Có lần cái nát hiện thành người chết trôi, cứ nằm dưới chân lều vó mà khóc ti tỉ nhưng Hai Tuất mặc, hấn ta cứ kéo vó như thường.

- Giêsu, người đâu mà tợn làm vậy - chị Phương lại kêu lên, làm dấu thánh.

- Con mà gặp cái nát vậy thì con chết ngất. - chị Liễu nói.

Hai Tuất hồi ấy không tin Chúa, bố mẹ hấn ta đi lương cả mãi mới đây hấn ta mới trở lại đạo. - cô Gái nói - Giờ giàu nhân đức tin lắm lắm.

- Chắc hấn Chúa đã soi đường cho hấn?

- Dễ vậy. Lại nói chuyện cái nát hiện thành người chết trôi. Thấy hấn ta không sợ, nó mới đứng lên, đi trên mặt nước, thè cái lưỡi dài bằng đòn gánh mà đỏ lừ ra nát hấn ta. Hấn ta cầm cây sào đâm luôn. Thấy hấn ta tợn quá, cái nát cũng chán, nó bỏ. Chỉ có ma trôi là vẫn đến lều vó của Hai Tuất.

- Ma trôi đến làm gì, hả cô? - anh Cu Bé hỏi, câu hỏi cần thiết cho người kể chuyện.

- Vậy mới ra chuyện. Ma trôi đến là để giúp Hai Tuất mới lạ chứ. Chẳng là từ lâu rồi, Hai Tuất đánh bạn với giống ma này. Ma trôi giúp là giúp thế này: chúng nó cứ chập chờn suốt đêm trên mặt nước giữa bốn gọng vó, rủ cá vào cho Hai Tuất cất - cá ăn đêm chả thích ánh sáng mà. Vào hồi ấy, hấn đã nghe lời bề trên, đã học kinh để xưng tội chịu lễ. Biết chuyện hấn đánh bạn với ma, cha xứ, lúc ấy là cha Thịnh chứ không phải cha

Trên bây giờ, mới gọi hấn ta vào tra hỏi. Hai Tuất có thấy ma trời tới, nhưng chớ hề có nói chuyện với chúng. Cha làm phép trên đầu hấn ta rồi xua ve.

– Cha cũng hãi, cô nhẩy? – chị Phương thắc mắc.

– Cha thì việc gì mà hãi. Có lần cha Thịnh gặp cái nát hiện thành người đàn bà mặc quần áo trắng vừa đi vừa hát, giọng nó nghe lạnh thấu xương, nhưng cha có hãi đâu. Nó cứ lẻo đẻo theo cha, còn cha thì cầu nguyện "Nhân danh Cha và Con..." Nó khóc ti tỉ xin cha tha tội, xin cha cho tiền.

Cha mới quăng cho nó mấy xu, nó lúi húi nhặt, còn cha thì vén áo đi một mạch về nhà xứ.

– Mấy xu hả cô? – anh cu Bé hỏi.

– Biết là mấy xu? Cha kể vậy.

– Cô kể chuyện Hai Tuất đi kìa? – tôi giục, biết rằng nếu không hãm bà lại, bà sẽ rẽ sang chuyện con ma trẻ con ở cổng nhà chung, mà chuyện này bà kể nhiều lần rồi. – Một hôm Hai Tuất uống rượu say. Được ma trời giúp hấn ta cất một loáng đã đầy giỏ. Hấn ta gác vó, ra về, ma trời đi trước soi đường cho hấn ta.

– Chắc ma trời lo cho Hai Tuất ngã xuống ao. – chị Liễu bình luận – Rõ là ma mà lại tử tế quá, chu đáo quá, cô nhẩy?

– Lần này Hai Tuất đỡ chứng. Lẽ ra, như mọi khi, ma trời đưa hấn ta về tới nhà thì thế nào cũng được hấn ta đãi trầu cau tử tế (ma trời, chúng nó thích trầu cau lắm, hay vậy), nhưng lần này Hai Tuất, chẳng biết có phải tại say quá không, lại gọi chó mực ra. Ma trời kị nhất là chó mực, chúng bèn ù té bay đi. Đêm hôm sau, Hai Tuất vừa ra tới lều vó thì bị lũ ma trời bu lại đất trụi đầu. Đấy, đến bây giờ tóc hấn ta vẫn chẳng mọc lại được, mọc được sợi nào thì sợi ấy xoắn tít như bụt ốc.

Tôi đã gặp ông Hai Tuất quét chợ và đã nhìn thấy cái đầu lơ thơ những sợi tóc loăn xoăn của ông. Ngoài việc quét chợ, ông làm thuê cho mọi nhà, khi họ có việc. Ông ta có bộ mặt xám xịt, bất động. Rất ít khi có người gọi chuyện được ông.

Sau câu chuyện của cô Gái, một hôm ông đến đánh đồng rơm giúp cô Gái, tôi đã đánh bạo hỏi ông về ma trời. Ông Hai Tuất cười sáng sặc, đưa hai bàn tay nháp như đá mài xoa má tôi.

– Ma trời ấy à? ở ngoài đồng, có khối ma trời.

Ông Hai Tuất không nói thêm điều gì về câu chuyện ma trời mà cả làng đều biết, ông cũng không cãi chính, cũng chẳng xác nhận.

Một đêm sàng gạo khác, cô Gái đã kể câu chuyện ma ở cầu Vô Tình, câu chuyện làm tôi nhớ rất lâu.

– Một hôm, có người con trai bên Thái Bình sang vùng ta làm thợ gặt. – cô Gái kể, tất nhiên, sau khi chúng tôi đã vật nài chán chê – Đến chỗ cầu Vô Tình bây giờ, anh ta mới ngồi nghỉ chân. Hồi xưa, cầu Vô Tình còn là cầu tre, mà đường cái quan đi huyện cũng chưa phải đường đá đâu, vẫn là đường đất, lồi lổm. Anh con trai nghỉ chân, chả là ban đêm mà, nghe thấy dưới chân cầu có ai khóc ti tỉ. Mới bước xuống, thì thấy một người con gái ngồi úp mặt vào đầu gối mà khóc. Anh con trai hỏi mới biết cô này đi ở cho một nhà giàu từ lúc còn bé. Lớn lên, chủ ức hiếp quá, chịu không nổi, bèn cấp xống áo bỏ đi. Cô ta quyết đi là đi, chứ nào có biết đi đâu. Thân gái dặm trường, tới đây trời tối, ngồi mà khóc cho thân phận mình, vậy. Anh con trai động lòng thương, nhìn kỹ dưới ánh trăng, thấy cô ta cũng xinh gái, mới ướm nhời hỏi làm vợ. Cô con gái lúc đầu không chịu.

– Đúng cô ta là cái nát rồi – anh Cu Bé nhận định – Thế nào anh chàng cũng bị với nó.

– Đừng có cắt ngang, để cô kể. – chị Phương lờm em. – Nhưng rồi nghe anh chàng kể cũng chỉ có một thân một mình, cha mẹ đã chết sớm, cũng nghèo khổ như mình, cô con gái mới thuận tình lấy anh ta. Mà cũng chẳng biết đi đâu nữa bây giờ, thôi thì hai người nghèo dựa dẫm vào nhau, âu cũng là cái duyên, cái số. Ngày anh chồng đi gặt thuê, chị vợ đi mót lúa, xin cây tre, bó rơm thay tiền công, rồi kiếm coi trâu xin với làng dựng tạm túp lều ở với nhau.

- Vậy mà cô bảo chuyện ma? - anh Cu Bé càu nhàu - Cô kể chuyện khác đi, cô!

- Gượng, nghe cô kể tiếp. Hai người ăn ở với nhau đã lâu anh chàng mới vỡ lẽ rằng mình ở với em gái. Chả là, nhà bố mẹ anh ta nghèo, năm đói phải dứt lòng bán đứa con gái. Bố mẹ thương nhớ con bé, lúc lâm chung một hai dặn anh ta nhớ mà tìm lấy em, nó có cái nốt ruồi sau dái tai, người mua con bé ở tỉnh Nam Định. Anh ta lần này đi gặt thuê ở Nam Định cũng có ý tìm em đấy, nhưng tìm mãi không thấy, nào ngờ người con gái mình lấy lại chính là em mình, khổ thế. Người con gái thấy một hôm chồng xem kỹ tai mình rồi sau cứ buồn phiền sâu não, dùng một cái nhảy xuống sông tự vẫn. Lúc ấy người con gái đã hồ nghi, sau rồi cũng đoán ra. Chả là, lúc bị bán đi, chị ta tuy vẫn còn nhỏ, nhưng vẫn nhớ mình còn một người anh trai. Giờ nghĩ lại lúc vợ chồng ăn ở với nhau, nhìn xác chồng, càng thấy đúng. Bèn nhảy xuống sông theo chồng. Đến lúc hai cái xác nổi lên, người ta thấy hai đứa quặp chặt lấy nhau không rời. Cái cầu chỗ hai vợ chồng nhà ấy nhảy xuống tự bấy giờ mới được đặt là cầu Vô Tình nghĩa rằng là họ vô tình mà gặp nhau, vô tình mà lấy nhau...

- Chuyện ấy chỉ có hai người biết với nhau, sao người khác biết được mà đặt tên cho cái cầu, hả cô? - chị Liễu hỏi.

Cô Gái lúng túng. Nhưng rồi bà cũng tìm được câu trả lời:

- Chắc trước khi chết, anh chồng đã kể lại chuyện nhà cho ai nghe, nên mới có người biết mà nói lại. Ai mà chả có bạn bè...

- Dễ vậy. - chị Liễu thấy không nên đòi cô Gái giải thích hơn, chị bằng lòng với câu chuyện được nghe - Sau, hai con ma cầu Vô Tình có hay hiện lên không, cô?

Từ bấy đến nay - cô Gái kể tiếp - những đêm mưa thâm tối trời hay là sáng trăng suông hai vợ chồng lại hiện lên, người ta gặp luôn. Nhưng đôi ma này là ma hiền, hiền lắm, chúng nó chẳng nát ai, ma chồng đi trước thở dài thườn thượt ma vợ theo sau, níu áo chồng mà khóc ti tỉ. Người nào thấy, cứ lảng

lặng mà đi, có đi sát ngay bên cạnh, đôi vợ chồng ma cũng chẳng làm gì.

– Chẳng làm gì cũng làm người ta hết vía? – anh Cu Nhón rùng mình.

– Những người chết oan ức hoặc giả bất đắc kỳ tử thường hóa thành cái nát. – cô Gái kết luận – Nhưng cái nát cũng dăm bảy thứ. Dữ nhất là loại chết trẻ, chúng chả ghen với người sống mà. Nói ví thử như những người chết đuối, sau hóa thành con nam.

– Con nam là con gì, cô? – anh Cu Bé hỏi.

– Con nam tức thị là người chết đuối hóa ra. Hình thù nó cũng như người, cơ mà nhầy nhụa trơn tuồn tuột. Con nam thường ở nơi mà nó chết đuối, rình người sống bước xuống chỗ ấy để mà dìm. Dìm chết được người khác, nó mới được đầu thai làm người, sống kiếp khác.

Vậy là nó cũng chẳng xuống địa ngục mà cũng không lên Thiên Đàng? – tôi thắc mắc – Sao trong kinh bản hay là sấm truyền chẳng nói đến con nam, mà cũng chẳng thấy nói đến cái nát, hả cô?

– Trong kinh sách đâu có những chuyện ấy, mà chỉ hay nghĩ vớ vẩn.

Chúng tôi im lặng. Đêm đã khuya. Làng xóm chìm đắm trong giấc ngủ. ở đâu đó, xa lắm, vẳng lại tiếng xay thóc ù của một nhà tham công tiếc việc.

– Thôi đi ngủ. – cô Gái hạ lệnh.

– Kể cũng lạ, – chị Phương nói, giọng ưu tư – cuộc đời con người ta ngẫm cũng chẳng sung sướng gì, vậy mà con nam nó thèm...

Con cái Phương nói gì vậy? – cô Gái mắng chị – Rõ hết khôn thì đồn ra đại!

XVI

Tôi còn một cô nữa, là cô Mỹ.

Cô Mỹ đi lấy chồng xa, cách làng quê nửa ngày đi bộ, qua một con sông lớn là sông Hồng. Khác hẳn cô Thiệp về tính cách, cô Mỹ là người không bao giờ trông đợi bất cứ điều gì ở người khác, cho dù là người thân. Bà hết sức tự tin về niềm tin ở bản thân ấy toát ra ngoài, rõ ràng và mạnh mẽ đến nỗi nó buộc mọi người kính nể.

– Cô Gái trọng cô Mỹ là vì chùng cô Mỹ giàu. Cô Thiệp nói như vậy, nhưng tôi không tin cô Thiệp đúng trong nhận xét này..

Cô Gái trọng cô Mỹ trước hết ở cốt cách của bà em nổi tiếng đáo đả để không chỉ riêng trong họ ngoài làng mà cả ở quê chồng. Bà quyết đoán như một vị tướng, nói gì làm nấy, đồng thời lại tháo vát, nhanh nhẹn như một người đàn ông thông minh. Người ta nể bà là phải.

Thỉnh thoảng bà cũng lên tỉnh thăm các ông anh, ông em của bà. Nhưng cách bà tới thăm những người ruột thịt hoàn toàn không giống cô Gái. Bà không lên để thanh tra, để kiểm soát, bà chẳng tự cho mình quyền phán xét ai, và cũng chẳng quan tâm đến chuyện người ta nhìn mình thế nào. Bà thăm anh em đúng với nghĩa của sự thăm, vui mừng vì được ruỗi ra khỏi trăm công ngàn việc bám níu bà, không cho bà được nhàn rỗi lấy vài ngày.

Nhưng đến nhà anh em, bà đâu có nghỉ ngơi. Vừa bước vào nhà người thân, thí dụ như nhà tôi, bà lập tức phát hiện vô số cái không ưng ý : nhà cửa không ngăn nắp, mạng nhện chằng đây đó, bếp đầy mỡ hóng, sân nhiều rêu, rãnh nước không thoát... Bà cởi áo ngoài, vớ lấy chổi, lấy dao, sửa chỗ này, đắp chỗ nọ, cho kỳ ngôi nhà sạch bong từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài. Được như thế, bà yên tâm ra về, mặt mũi và trong lòng thư thái, không hề nghĩ rằng cái sự nghỉ ngơi của mình đã làm lộn tung phèo nếp sống bình thường ở nhà ông em. Không ai giận bà về chuyện đó. Trái lại mọi người đều

cảm thấy vui vẻ khi nhìn bà hò hét đầy tớ và cùng với họ làm những việc không người khách nào làm.

Tôi thích tính cô Mỹ.

Mỗi lần lên tỉnh, bà thể nào cũng mang theo gạo lúc và men. ở mỗi nhà bà đến thăm, bà chế tạo món quà độc đáo của mình cho các cháu. Rượu nếp của bà tuyệt vời – hạt nếp mẩy và mọng, nước rượu nếp ngọt ơ là ngọt.

– Hàng rượu nếp, các cháu ạ, họ ép lấy cái nước bán riêng, vậy nên hạt nó dẹp chứ không mọng, xác mà không ngon – bà giải thích cho các cháu – Mình làm mình ăn, không pha thêm đường vào nước cái, không đổ thêm nước cho nhiều rượu lên, nên ngọt rượu đúng cách thật. Vậy đấy, các cháu ạ.

Các cháu ăn hàng bát chiết yêu rượu nếp, mặt đỏ như vang, ngứa lung tung khắp người. Bà vừa gãi cho các cháu vừa cười hì hì, khoái trá với hiệu quả mà món quà bà đem lại. Chưa ở được với các cháu nhà này ít ngày, bà đã chạy tới với các cháu nhà khác. Chỉ ở Hà nội trong nửa tháng, bà đã kịp đi thăm vài chục nhà họ hàng. Tưởng chừng lúc nào cũng hối hả, tất bật như thế, nhưng hối hả, tất bật một cách thoải mái, nhẹ nhàng, với nụ cười và những câu nói đùa không bao giờ ngớt. Bà yêu chúng tôi cũng theo cách riêng của bà, không vồ vập thái quá, nhưng rất chân tình. Một chút tình yêu của bà đối với chúng tôi còn hơn rất nhiều tình yêu của cô Gái.

Bà trở về nhà bố mẹ cũng không giống cô Thiệp. Bà không gọi cổng mà luôn ngón tay qua khe giữa hai cánh cửa, đẩy dần cái then khỏi hõng, rồi đi những bước nhanh nhẹn vào trong sân, hai thúng quà bánh nghễ nghện trên đầu Nhắc hai cái thúng xuống, chào chị xong bà đã ra cầu ao rửa chân, tiện thể lấy cây sào chọc mấy quả khế mang vào nhà ngồi ăn trong khi cô Gái ngồi thưởng thức món quà của bà em. Vừa ăn khế bà vừa nhận xét về cái hàng rào bị xiêu rồi chạy xuống bếp lấy nắm lạt rắc nước, đã lúi húi bên hàng rào buộc lại. Trong nháy mắt bà đã sang chào cô Oanh, cô Nhất, cô Nhung và bác Hai Thực, đã phân chia xong quà cho cả ba nhà.

Khi cô Gái than phiền với bà về tính nết ngỗ nghịch của tôi, bà cười hà hà, nheo cả hai mắt lại rồi ôm lấy tôi:

- Sao mà ông nghịch ra quỷ vậy ông? Ông tắm ao phải cẩn thận kẻo lại chết đuối như bố ông ngày xưa đấy nhé. Giọng bà trong và ngọt ngào, ngân dài như hát, vẫn mang những âm sắc đặc biệt giọng nói quê tôi, nhưng không lạnh lẽo như ở cô Gái, không ảo não như ở cô Thiệp.

- Cô dẫn tích bố cháu chết đuối đi, cô.

- Lúc bố cháu lên sáu lên bảy ấy, bố cháu với bác Trác mới rủ nhau đi tắm ngoài ao trước kia kia. - bà vui vẻ dẫn tích - Bác Trác thấy em chìm lỉm sợ quá, cứ ửng ngất chạy về nhà. May có người đang vớt bè thấy lúc xuống hai anh em mà lên chỉ mỗi bác Trác, họ mới tri hô lên. Vớt được bố cháu thì người đã tím ngắt, cầm bằng chết rồi.

- Có còn thờ tí nào nữa đâu. - cô Gái kể thêm - Bà mới điên lên nhé, cậu út của bà mà, bà cứng nhất nhà đấy, vậy là bà cứ giằng mà ra, cơ mà cả nhà túm chặt, không cho ra, bà la hét mấ cũng không cho ra.

- Tại sao cả nhà không cho bà ra với bố cháu, hả cô?

- Là vì thế vậy: người chết đuối vớt lên, cứ thấy bố mẹ hay là anh em, tức thì hộc máu ra chết hẳn, không còn cách nào cứu được nữa, lạ vậy. Người ta mới vác ngược bố cháu lên chạy vùng quanh xóm cho đến khi ộc được nước ra, lúc ấy họ mới đặt xuống giữa đường, gọi các bà đi chợ lại, các bà lấy váy quạt vào mặt bố cháu mãi mới tỉnh.

- Khai chết!

Tôi chun mũi lại, hình dung ra bố tôi nằm đấy, một thằng bé, còn nhỏ hơn tôi nữa, và những người đàn bà phanh váy ra mà quạt thốc vào mặt.

Cô Gái tiếp lời cô Mỹ:

- Rồi bà mới xoa dầu cù là khắp người, đốt lửa bốn bên sưởi cho nóng lại. Nhờ ơn Chúa, bố cháu sống. Bác Trác bị ông nện

cho một trận thừa sống thiếu chết. Rồi ông cúng vào nhà thờ đúng một trăm bạc lạp để tạ ơn thánh quan thầy, tức là Đức Mẹ làng ta. Bà cấm tiệt cả hai anh em: chớ có mà bước chân ra cầu ao lần nữa.

Cô Gái kể nghiêm trang. Cô Mỹ vừa kể vừa cười. Câu chuyện kể lại là để răn đe tôi, nhưng cô vẫn cười, như thể trong sự việc xảy ra cho bố tôi không có bóng dáng cái chết.

Bố ông nói vậy chứ cứng đầu cứng cổ nhất hạng đấy – bà lắc tôi bằng vòng tay ôm chặt, đung đưa – Ai đời mới mười sáu tuổi đã dám một mình đi rải truyền đơn bên tỉnh Thái Bình. Người ta bắt được, tống vào nhà pha, cô phải đánh đường qua đò Bồng Tiên đội gạo sang cho bố ông đấy Nhìn thấy cô, bố ông nhe răng ra cười, chả có biết hãì là gì suấ. Bây giờ lại ở nhà pha nữa, mấy lần rồi chưa chán! Cô Gái đã nín lặng câu chuyện ấy. Bà không thích nói tới nó. Cô Gái vừa yêu bố tôi lại vừa ghét ông: bà yêu người em trai út, ghét tên "cộng sản vô thần", tên hội kín làm ô nhục thanh danh một gia đình đạo gốc. Bà biết rằng cha xứ tránh nói tới ông em út của bà không phải vì ông không biết điều đó, mà vì ông tôn trọng danh tiếng của gia đình, tôn trọng dòng họ ngoan đạo của bà.

Cô Mỹ không tỏ thái độ khó chịu với bố tôi. Trọng bà đã vững chắc một tình yêu với ông em trai út, một niềm tin không chuyển, rằng ông là người có trái tim tốt, ông không làm điều xấu. Còn việc ông là cộng sản hay không là cộng sản, đối với bà không thành vấn đề. Vả lại, cả cô Gái và cô Mỹ, cả bác Hai Thực uyên bác cũng như rất nhiều người khác nữa trong làng, hết thảy đều chẳng hiểu cộng sản là gì. Người ta coi cộng sản cũng như một thứ cái nát, mà những người có học nói cho họ biết rằng họ cần phải sợ. Có chị Liễu trong nhà, cô Gái một hôm hứng lên quyết định xuống thăm cô Mỹ.

Gọi là xuống vì làng chồng cô Mỹ ở phía biển. Tôi được đi cùng, cô Gái không dám để tôi ở nhà, lỡ xảy chuyện gì, bố mẹ tôi sẽ trách bà. Còn tôi thì bất cứ chuyện đi nào ra khỏi làng

đều thú vị, dù là đi ra chợ Cổ Lễ cách làng tôi hai cây số. Huống hồ, tôi được đến với cô Mỹ.

Hai cô cháu tôi ra đi từ sáng sớm khi cỏ còn đọng sương. Sương đọng trên cỏ không thi vị như người ta thường tả trong sách. Nó làm bàn chân nhớp nháp, nhột và ngứa. Từ khi về làng, tôi không còn dùng đến dép. ở làng tôi, dép là vật trang sức chứ không phải cái để bảo vệ bàn chân. Ông lý lên huyện cũng đi đất, dép cặp nách, tới khi vào hầu quan mới xỏ chân vào. Cô Gái chỉ đi guốc vào buổi tối sau khi rửa chân lên giường.

Tôi tung tăng bước theo cô, vừa đi vừa nghênh trời nghênh đất. Trước mắt tôi, hai bên đường là những cù lao màu xanh thẫm của làng nằm giữa màu xanh nhạt mênh mông của lúa. Những con chiên chiên chao đi chao lại sát đất rồi biến mất trong biển lúa.

– Mùa năm nay rồi khá đấy? – Cô Gái nói.

Như mọi người ở vùng tôi, cô Gái rất gần gũi với cây lúa. Phong cảnh không mấy gợi cảm đối với cô. Nhưng cây lúa, cái cây đem lại cái ăn hàng ngày, sức khỏe của nó, hình hài của nó tác động tới cô tôi rất nhiều. Tôi chỉ hiểu được điều đó khi chính tôi cầm những đé mạ non xuống ruộng, chính tôi phải lo lắng tới sự vui đầy của nồi cơm. Tới gần trưa, cô cháu tôi mới tới bến đò Trà Thượng. Tôi kêu mỗi chân và kêu đói. Cô Gái mua mấy tấm bánh tẻ ở cái quán bên đường rẽ xuống bến rồi hai cô cháu bóc bánh ăn dưới chân một cây đa già. Cây đa có rất nhiều rễ lớn xù xì, cong queo. Chúng bò lổm ngổm trên mặt đất, rồi trườn xuống vệ sông, chui xuống nước. Dưới chân chúng tôi sông Hồng đục ngầu chảy cuồn cuộn và bên kia sông, con đò nan không người trắng lên màu ngà trong nắng trưa. Con đò điểm một chấm sáng lên nền nâu non tươi tắn của đất bồi. Nắng làm cho không khí ở xa run rẩy. Những hàng tre, những mái tranh và cả tháp nhà thờ bên kia sông cũng rung rinh khe khẽ, tưởng chừng chúng nhẹ bổng đi trong nắng. Sóng vỗ oàm oạp vào những rễ đa chằng chịt nơi

mép nước, như thể muốn làm bật tung gốc đa to, bằng công việc kiên trì, không phút giây ngơi nghỉ. Nhưng cây đa không chịu ngã, nó đã đứng ở đây khi con đê chưa lở tới rễ nó, và nó sẽ còn ở lâu bên sông này.

Tôi rơi vào nhà cô Mỹ như rơi vào một thế giới sống động ồn ào không lúc nào ngớt. Ba cái khung cửi của cô Mỹ ầm ỉ bằng ba chục khung cửi của cô Gái. Đó là loại khung cửi máy dùng để dệt vải khổ rộng, hồi ấy vải vuông đã bắt đầu mất giá, với những cái thoi lớn bị đánh qua phải qua trái liên hồi, kêu chan chát, bằng giây giặt. Hai cái cối xay thóc cũng to hơn hẳn cái cối của cô Gái, hai cối giã cũng vậy. Người làm chạy lăng xăng, bằm bèo cho lợn, xay giã, dệt vải, đun nấu, cười nói ồn ào. Khi cần gọi ai đó, bác Mỹ, chồng của cô tôi, liền cất cao giọng:

- Gia nhân đâu?

Gia nhân dạ ran, y như trong rạp hát. Họ chạy ào ào từ dưới bếp lên nhà trên, rồi lại ào ào chạy xuống sau khi đã nhận một mệnh lệnh nhiều khi chẳng cần tới một người. Cô Gái dẫn tôi vào chào bác. Ông ngồi trên sập, quần áo trắng bộp, bộ râu ba chòm rung rung theo câu nói, gật đầu chào bà chị vợ. Tiếp đó là cuộc thăm vấn nhất thiết phải có ở nhà quê khi họ hàng gặp nhau: bố mẹ cháu có khỏe không? chị Tường thế nào, vẫn đi lễ hàng ngày đấy chứ? các bác các chú trên Hà Hội vẫn bằng an cả đấy chứ? ông trịnh trọng gật gật đầu sau mỗi câu trả lời của tôi, tay phải mân mê vuốt mấy sợi râu thưa. Ông luôn lầm lẫn tên các cháu:

- Cái Khanh rồi đến cái Phương hay cái Phương rồi mới đến cái Khanh? à, ra vậy, Phương rồi mới đến Khanh, Phương rồi Khanh.

Cô Mỹ tôi nắm giữ mọi quyền hành trong nhà, nhưng đối với ông, bà tỏ ra kính nể lắm. Người ta nói rằng bà làm thế để tôn ông lên, chứ thật ra ông không hề biết trong nhà mình có mấy cọc bạc hoa xòe, đi đâu xa ông phải xin tiền của bà. Cô Gái phản đối nhận định đó, cô bảo "Khôn ngoan cũng thể đàn bà.

Dẫu rằng khờ dại cũng là đàn ông" và bà tôn trọng ông em rể theo cách của bà em gái.

Ông em rể làm chưởng bạ, một chức sắc không to bao nhiêu trong làng, trông nom việc địa bạ, nhưng dưới mắt cô Gái tôi đó là một danh giá đáng được kính nể. Ông chưởng bạ thì cố phình to mình cho xứng với cái nhìn của những người thân, ông cử động chậm chạp cho thành đường bệ, ít lời như một vĩ nhân, bắt người đối thoại với ông phải hướng mắt mình tới khoảng giữa của ba chòm râu thưa chờ đợi một tiếng nói quyết định. Người đối thoại với ông thường là người bán ruộng. Ở quê, người bán ruộng bao giờ cũng là người nghèo gặp vận bất, nếu không chẳng bao giờ người dân cày lại chịu rời mảnh ruộng của mình. Thỉnh thoảng cũng có người giàu bán ruộng, nhưng đó là trường hợp hãn hữu, khi có một nhà giàu mới nổi muốn chuộc lại số ruộng của cha ông buộc lòng phải bán đi trong cơn túng quẫn, hoặc hứng chí mua thêm một số thửa mới cốt để được bằng vai với các chủ ruộng lớn. Nói chủ ruộng lớn là nói theo kích thước địa phương, chứ ở làng tôi cũng như ở làng bác Mỹ người giàu lắm cũng chỉ có chừng hơn chục mẫu, mà là mẫu ta. Bác Mỹ tôi, nói cho đúng, cũng là người rành công việc Bao giờ ông cũng gây khó dễ chút ít cho người bán trước đã :

- Thửa này, theo địa bạ, đúng ba sào bảy thước.
- Ông sai gia nhân trải bản đồ ruộng đất ra trước mặt khách, trên sập sau khi gọi "Gia nhân đâu rõ to, rõ nghiêm, làm khách giật mình
- Tại sao trong văn tự viết có ba sào?
- Thưa ông, thửa này từ đời cụ con để lại, chỉ có ba sào - người bán hết hoảng kêu lên, mắt chòng chọc nhìn vào mặt ông chưởng bạ, người sẽ xác nhận cuộc mua bán, người sẽ tăng hoặc giảm tiền thuế phải đóng.
- Tôi cứ ở bản đồ.
- Thưa ông, ông xét cho...

- Ông rõ đại, đại quá? - Ông chường bạ lắc đầu, vẫy người thanh niên đi cùng với người bán ruộng lại gần bằng những ngón tay để móng dài - Anh kia, lại đây? Con ông, hả? Để anh ta xem có đúng không nào? Đúng chứ? Gì thì gì chứ đã ghi vào địa bạ rồi, đã có mực đen giấy trắng rồi, thì không có chạy vào đâu được nữa. Bản đồ làm từ hồi đặc điền năm nào, rành rành đây này, khốn nỗi người ta tham cứ lấn qua lấn lại mới ra sai.

- Thưa ông, ông dạy đúng lắm, người nọ lấn người kia mới ra thế...

- Vậy thì ông phải đòi lại, cho đúng thước đúng tấc của mình.

- Khốn nỗi, họ đâu có chịu, thưa ông.

- Cứ bảo họ đến tôi, tôi sẽ cho đo lại, tôi sẽ giúp ông làm cho ra nhẽ. Còn của ông, văn tự phải làm lại. Giá phỏng tôi cứ chứng bậy, thửa này còn ba sào thì ông thiệt - bậy thước đất vậy là mất không. Lại nữa, giấy tờ là giấy tờ, không thể cứ mình mà được. Người sai được, nhưng giấy quyết không được sai, hiểu chưa?

- Nhưng người mua đo rồi, thưa ông, có nói theo địa bạ họ cũng không nghe.

- Họ cũng đại. Một tấc đất cũng tấc vàng, các cụ nói cấm có sai. Thuế văn tự có tăng thật, nhưng mình được lợi. Cả người mua lẫn người bán đều lợi, nếu sau này họ bán đi thì cũng vưỡn cứ là ba sào bậy thước. Ông phải nghe tôi, cứ chiếu địa bạ mà đòi lấy bậy thước nữa.

Người bán dường như được soi sáng:

- Dạ, ông dạy chí phải, con hiểu ra rồi.

- Vậy làm lại cái văn tự này rồi đưa lại cho tôi.

- Tức thị con cứ đòi thêm tiền bậy thước nữa?

- Đòi chứ. Cứ theo địa bạ mà đòi, tôi đã bảo rồi. Nhưng việc mua bán là của đôi bên, tôi không biết, không đây.

- Con cứ nói ông dạy thế...

- Phải. Nếu họ chỉ định giá ba sào thôi thì bảo họ lại tôi. Ai mua đấy nhỉ?

- Dạ, có viết trong văn tự, bà Hai Giáp ở chợ Cầu đấy.

- Tưởng ai, văn tự ghi Nguyễn Thị Tèo, tôi quên khuấy tên con gái của bà ấy. Vậy nhá, làm lại, đưa tôi. Tức thị, cứ bảo bà Hai lại ông?

- Phải.

Người mua đến, cũng sừng sốt kêu trời, cũng kiên nhẫn nghe ông chường bạ giảng giải, rồi xuýt xoa khen ông dạy phải. Việc mua bán thành, cả hai bên đều thấy mình mang ơn ông chường bạ, ông chường bạ hài lòng nhận lễ. Họ biết rằng nếu vì bầy thước đất hoặc mười thước đất nọ mà xảy ra đánh nhau ngoài đồng thì thế nào ông trương tuần cũng nhảy vào, rồi ông phó lý chạy tới, ông lý trưởng gọi lại phân xử, ông chường bạ đem thước ra đo. Đã lâm vào kiện tụng rồi thì tất phải sắm lễ mang đến nhà các bậc chức sắc, mỗi bên đều có những người cầu bầu riêng của mình, và lễ không chỉ có một lần mà xong. Cứ thế cho tới khi cả hai bên mệt mỏi tính chuyện giảng hòa, bởi vì đến lúc ấy họ mới cảm thấy cái sự thua thiệt do kiện tụng lớn đến thế nào! Có hai bên thật nhưng không phải bên nguyên bên bị mà là bên ăn lễ và bên mất lễ.

Tôi hay ngồi châu rìa, tôi nghe được đủ thứ chuyện trong một vụ. Y như thể tôi được xem một vở kịch không có sân khấu, giờ trước tôi theo dõi các diễn viên đang diễn, giờ sau tôi đã được chứng kiến họ đằng sau các cánh gà vô hình, nơi các đạo diễn và diễn viên bàn luận về vở kịch.

Bác Mỹ không thích các anh tôi, con của bác, được ngồi cùng bác, nhưng không hiểu sao ông lại cho phép tôi được ngồi bên ông trong khi ông làm việc. Có lẽ, ông yêu tôi cũng nên, có điều chẳng bao giờ ông bộc lộ tình cảm đó. Vả lại dù có yêu tôi ông cũng không yêu ngang bằng những con mèo cưng của ông. Chúng bao giờ cũng nằm la liệt trên sập chung quanh ông, những con mèo béo múp múp đủ loại tam thể, nhị

thế, đen và mướt. Ông yêu đàn mèo bằng một tình yêu kỳ lạ, dường như chúng là những sinh vật đáng quý nhất trên đời. Được nuông chiều, những con mèo lười biếng hết sức, chúng không bắt chuột, suốt ngày chỉ quanh quẩn bên chủ, nằm trên đùi ông khi ông tiếp khách, đến bữa cơm thì kêu ồm ồm chung quanh ông. Ông gắp cho chúng những khúc cá ngon, trộn cơm gạo tám thơm (quê ông có thứ gạo tám thơm nổi tiếng, trong nhà nấu, ngoài ngõ thấy mùi, dẻo và ngon hơn bất cứ thứ gạo nào mà tôi được ăn). Nhìn những con mèo của ông ăn, thú thật, hồi đó tôi quết nước bọt.

Về mặt riết róng, cô Mỹ nổi tiếng trong họ dễ chỉ thua có cô Gái. Bà giàu có, nhưng không bao giờ để xống một xu Một xu ra khỏi hầu bao của bà phải trở về dặt theo vài trinh. Cơm cho người làm, bà dọn thứ thức ăn mặn chát, mặn đến mức một con tôm giảo kho có thể ăn với cơm từ đầu bữa chí cuối, người giỏi ăn mặn lắm cũng chỉ có thể dùng làm thức ăn cho một bát. Tuy nhiên, cơm thì ăn tha hồ, bà không bao giờ để người làm đói. Tôi đã được ăn những bữa cơm dọn cho người làm của bà, bởi vì những đứa cháu xuống chơi với bà, nếu thích đi gặt hoặc đi cấy cùng với người làm, thì phải ăn sớm cùng với họ, mà người làm thì ăn cơm sáng từ lúc còn tối đất; dưới ánh sáng ngọn đèn hoa kỳ. Bữa trưa sẽ được các chị tôi gánh ra đồng, bữa tối họ mới lại ăn ở nhà, cũng vào lúc nhọ mặt người. ở vùng quê chúng tôi hồi ấy không có lệ ngày làm việc tám tiếng. Người ta làm cùng với mặt trời và đi ngủ cùng với mặt trời.

Cô Gái trọng ông em rể đến nỗi khi cô Mỹ đi làm cùng với thợ thì cô Gái cũng dậy sớm đi làm, ăn cùng mâm với thợ cấy chẳng hạn, cũng với con tôm kho mặn ấy, mặc dầu bà là khách. Ông bà Mỹ cũng coi đó là chuyện thường tình, không hề quan tâm, không hề cản bà đi làm và không nằn nì mời bà dùng cơm cùng ông. Các ông em ruột ở trên tỉnh thì khác hẳn, cả ông em rể ở Bắc Giang cũng vậy, mọi người đều trọng vọng bà, chèo kéo mời mọc bà. Tôi đã tưởng cô Gái phải tự ái,

phải giận ông em rể và bà em gái, nhưng bà không giận, tuyệt nhiên không.

Đã nói đến bác tôi, tôi không thể không nhắc tới cái hắt hơi nổi tiếng của ông. Đang ngồi im lặng, ra chiều suy nghĩ, bỗng ông thần ra, mắt mở to nhìn về phía trước như theo dõi vật gì, rồi bất thành linh một tiếng sấm vang dậy trong ngôi nhà gạch. Những con gà la đà kiếm ăn ở chân tường cảm đầu chạy thục mạng, người khách vừa tới cổng giật bản mình, dừng lại; lũ chim sẻ đậu trên mái ngói đang cãi nhau ỏm tỏi vội bay vụt lên, hoảng hốt đến cực điểm, những cái khung cửa ngừng dật, cối xay thóc ngừng quay, mọi người trong nhà ngừng tay làm việc chờ cái hắt hơi kế tiếp. Nó đến sau chừng một phút, với cường độ kém hơn nhưng cũng đủ âm vang cả nhà. Sau đó mọi sự trở lại bình thường – những con mèo tỉnh giấc vờn nhau, người khách sửa lại khăn xếp, cụp ô lại, vào nhà, đàn chim sẻ lại sà xuống mái, tiếp tục cuộc cãi vã bỏ dờ, đàn gà lại bới rác, hai cái khung cửa lại kẽo kẹt, cối xay lại ù ù. Người trong xóm đánh thức nhau mỗi buổi sáng:

– Dậy, dậy? ông bạ Mỹ hắt hơi rồi?

Mọi người đều hắt hơi, nhưng không ai có thể hắt hơi to như bác Mỹ tôi, lại càng không ai hắt hơi đúng giờ đúng giấc như ông. Cả xóm không cần dùng đến đồng hồ. Tôi đã nghe thấy tiếng hắt hơi của ông cách cả một xóm, nghĩa là độ vài trăm mét. Anh Lịch, con bác, còn bắt được tiếng hắt hơi của bố cách cả nửa cây số. Đang đi chơi với tôi, anh dừng lại đột ngột:

– Đến bữa rồi, chạy mau về ăn cơm.

Tiếng hắt hơi của bác rể tôi sống lâu hơn ông rất nhiều.

Mấy chục năm sau ở trong làng người ta còn nhắc tới cái tiếng hắt hơi kỳ lạ ấy và những sự tích liên quan với nó.

XVII

Cô Mỹ nói với cô Gái:

– Chị cho cháu ở lại mấy ngày, em cho nó xuống bể. Cho nó đi chơi một thí, cho rộng tầm con mắt.

Bể đây tức là biển, gọi theo cách người quê tôi. Quê chồng cô Mỹ cách biển không xa. Nếu đi thuyền theo một con ngòi, mà người ta gọi phóng đại lên là sông, thời mất đúng một đêm. Khi có nước ròng đi còn mau hơn. Tôi thường theo anh Lịch ra bơi ở con ngòi này, nước đục ngầu phù sa và hai bên bờ chi chít lỗ cáy. Cá biển, tôm biển ngược con ngòi này lên chợ Cầu (chợ làng bác Mỹ) vẫn còn tươi. Nhìn những mẹt hải sản ê hề – những con cá thu béo lẳn, những con cá chim to bè nằm chen lẫn với những con cá khoai trong như thạch, những đồng tôm từ dưới thuyền đổ lên ngồn ngộn, cùng với những con mực trắng và không biết bao nhiêu loại cá loại tôm khác làm tôi hoa mắt. Tôi hình dung một biển giàu có, hào phóng với con người ở đó người ta không bao giờ coi một xâu cá rô ron là một niềm vui không bao giờ cảm thấy hạnh phúc nằm trong một bát canh sung nấu với vài con mương nhép.

– Xuống bể, tớ với mình đi tắm, khoái lắm – anh Lịch nói với tôi.

– Hai đứa không được đi tắm một mình – cô Mỹ ra lệnh – Đi đâu phải có người nhớ.

Người nhớ mà chúng tôi có trách nhiệm vâng lời là một ông lái buôn nổi đất, một ông hàng nổi. Ông cất hàng ở các lò xa, mãi gần tỉnh lỵ, bán hàng ở các chợ biển. Hết hàng ông quay về làm chuyến khác. Con đường ông đi, bằng chiếc thuyền gỗ cũ kỹ đã vá víu nhiều chỗ, chạy qua nhà cô tôi. Tôi phải chờ đợi cả tuần lễ mới gặp ông. Đó là một người đàn ông đã đứng tuổi, tóc đã lốm đốm sợi bạc, ít nói, cử chỉ chậm chạp nhưng chắc chắn. Ông cho thuyền đi bằng cách lao con sào xuống nước rồi tì vai vào đầu sào, cúi đầu xuống mà đi rất chậm từ mũi xuống lái. Không bao giờ ông lao sào hai lần.

Ông hàng nổi tới, ăn bữa cơm mời ở nhà cô tôi, lẳng lẳng nghe lời cô tôi dặn dò rồi dẫn chúng tôi ra sông. Ở đó ông kẹp chúng tôi mỗi đứa một bên nách bước xuống tấm ván bắc chênh vênh, và thả chúng tôi xuống thế giới nổi niêu và tiểu sành của ông.

Thuyền của chúng tôi đi giữa hai bên đồng lúa ngút tầm mắt, thỉnh thoảng lại gặp một thôn xóm sầm uất với những cây cầu tre bắc ngang. Mùa nước dâng, mũi thuyền không chui qua được những cây luồng bắc giữa cầu, ông lái phải dừng thuyền, bà vợ nhảy lên bờ, nhắc một đầu luồng lên, thuyền qua rồi lại nhảy xuống. Công việc nhắc cây luồng ấy rất thú vị đối với chúng tôi bởi cái sự được nhảy lên nhảy xuống chứ không phải ngồi bó gối cả ngày dưới thuyền, nên chúng tôi tình nguyện làm thay bà vợ cũng ít lời của ông. Lúc đầu ông hàng nổi còn sợ chúng tôi ngã xuống ngòi, nhưng thấy chúng tôi nhanh nhẹn và nhảy nhót nhẹ nhàng như những con khỉ con, ông bằng lòng. Ở đoạn đường đông làng mạc, ông cho phép chúng tôi đi bộ song song với thuyền.

Đi bộ cũng thích lắm. Chúng tôi gặp không biết bao nhiêu cái lạ mắt. Những người đàn ông mình trần trụi da đỏ như đồng hun, choãi hai chân, người ngựa hằn về phía sau, chăm chú bện những sợi chão rất lớn một đầu cột vào cọc lim. Khi cuộn lại những sợi dây đã bện xong vào hai thanh gỗ bắt chéo, hai tay họ đánh vòng đuối nhau như múa. Những người đàn bà chẻ những nan cốt mỏng tang như giấy. Những tấm cốt phơi mình trên cỏ trắng lên một màu trắng ngà, trông xa như một con đường nhỏ, sạch và đẹp kỳ lạ, chạy dài từ đầu xóm tới cuối xóm. Những cô gái se tơ để dệt lưới quay về về những cái sa đặc biệt không giống các loại sa tơ khác. Các cô nhích từng bước một, tay không lúc nào ngừng quay, cùng với những hàng sợi song hành mỗi lúc một xoắn. Tiếng sáo diều đi theo chúng tôi ở mọi đoạn đường, những cánh diều nâu và đen không ngừng chao đi chao lại nô rồn với nhau trên bầu trời xanh ngắt. Diều lên rộn ràng nhất vào lúc trời chiều. Sáo vùng này đặc biệt đông đúc và nhiều loại, nhưng phần lớn

là sáo ro, thứ sáo phổ cập trong trẻ nghèo. Cũng có những điều lớn hơn mang sáo bộ, tức là ba bốn sáo hoặc nhiều hơn trên một giá. Thành thử, tiếng sáo vi vu không tắt tới tận khuya. Khi trời tối hẳn, ông hàng nồi mời chúng tôi xuống thuyền ăn cơm.

Ông không chống sào nữa mà ngồi bên tay lái, cánh tay trái hờ hững đặt lên trên thanh gỗ đã lên nước bóng nhẫy. Bên trên chúng tôi là bầu trời sâu thẳm, lấp lánh sao. Bữa cơm nhà thuyền gồm cá được trong ngòi, rau mua chợ bên đường, tất cả đều tươi, rất ngon miệng. Nhà thuyền không có chạn để thức ăn, người nhà thuyền không ăn món nào để lưu cữu. Ăn xong thì sắm tối. Ông hàng nồi thấy cần phải làm vui cho chúng tôi, ông sợ chúng tôi buồn:

– Các cậu có biết cách người ta nhìn trời xem sao mà biết được nước lên nước xuống hay không? Sao thì ở tí tấp trên kia, vậy mà nhìn nó lại biết con nước dưới đất, mới lạ. Các cậu nhìn lên kia, đấy, có thấy sao con vịt không?

– Đâu, con vịt đâu?

– Làm gì có con vịt. Là những ông sao kia kìa, đấy! Có giống con vịt không?

– Cháu chả thấy giống, có phải mấy ông sao gần nhau thành cái đường cong cong kia không, ông? – tôi chỉ tay, hỏi.

– Đúng đấy. Gọi là con vịt là do mình hình ra như vậy, là nói nó ang áng như vậy thôi, chứ đâu nó có giống con vịt thật. – Ông nói chậm, như thể khó nhọc vì tính ít nói của mình – Vậy, các cậu ạ, bao giờ cái đầu con vịt áp với sông Ngân, thức thị cái dải sao chi chít sang sáng kia kìa, như hôm nay, là nước lên. Nước lên thì vịt phải vào gần bờ môi kiếm được con tôm con tép. Nước mà xuống, sông cạn thì cái đầu nó xa ra khỏi dải Ngân hà, tựa nó phải kiếm cái ăn ở giữa sông. Nhìn quen, có quen ngày cũng biết được hôm nay mấy con nước.

– Con nước là con gì hả ông?

Ông giảng giải cho tôi thế nào là con nước. Giọng đều đều ông kể như lần giở từng trang sách. Giống bác Hai Thực, ông có một cuốn sách thú vị về bầu trời, về những chòm sao, những ngày nước lên nước xuống, những quầng những tán của trăng, từ đó ông có thể biết trước thời tiết và nhiều cái khác nữa.

- Tôi buồn nổi thế vậy đã lâu lắm. - Ông nhẩn nha kể về nghề mình, mắt ưu tư nhìn về phía mũi thuyền - Mà chỉ độc buồn nổi thôi, không buồn giống gì khác. Đi buồn, ai chả bảo để lấy lãi, phải không nào? Vậy mà không phải thế cả đâu. Tôi khác, tôi đi buồn là vì cái tính tôi thích đi đây đi đó, các cậu ạ. Ngồi một chỗ cuồng căng lắm. Lại nữa, tôi mê cái nghề gôm này. Cậu Thư tính tò mò, cậu mà được xem cậu cũng mê luôn. Tài lắm kia, cậu ạ. Từ hòn đất người ta vạt đi vạt lại cho thật nhuyễn, thật mịn, thật dẻo, đưa lên bàn xoay, thoát cái hòn đất đã thành vại thành chĩnh, thành nổi thành chum. Bà nhà tinh lắm, đồ có bịt được mắt bà. Gõ vào cái nổi một tiếng, nhiều là hai tiếng, bà phân biệt ngay tốt xấu. Cái tiếng nổi, nghe được nó phải là giỏi. Có nhiều khi đun vại bận mới biết nổi có vết nứt. Xem nổi cũng như xem tướng con người ta, y vậy. Chọn đúng cái nổi, dùng cả đời người không hỏng. Chọn sai, non thì dễ bục, già thì dễ rạn, phí tiền thì ít, bực mình thì nhiều. Bà nhà mà cả cũng riết róng phải biết, nhưng tôi biết, bà mà cả cho phải phép, ai mua mà không cả, nhưng bà biết tôi buồn toàn loại tốt, giá có nhỉnh hơn hàng khác thật, cơ mà đáng đồng tiền. Lại nữa, biết cách dùng thì nổi đất chẳng kém gì nổi đồng, có khi còn hơn. Nấu cơm gạo tám mà nấu nổi đồng thì bì thế nào được với nổi đất, văng chày của nó nhai đã ròn thì chớ mà còn dẻo để là ngon, ăn đến đâu khoái đến đó. Rim cá cũng phải nổi đất mới hay...

Ông say sưa với câu chuyện nổi của mình. Gió biển vuốt ve chúng tôi. Chúng tôi ngủ lúc nào không biết.

Gần sáng, ông hàng nổi đánh thức chúng tôi dậy. Đàng lái bập bùng ánh lửa, bà hàng nổi nấu cơm sáng.

Tôi nằm vắt mình qua mạn thuyền, vục nước lên rửa mặt. Những giọt nước rơi xuống cháy lên những đốm lửa xanh lục. Tôi té nước – hàng loạt đốm lửa như vậy lại hiện lên trong nước đêm, bên cạnh những vì sao bị vỡ vụn. Trò chơi cuốn hút tôi. Nhưng những đốm lửa nhạt dần. Chúng mất hẳn khi nước sông đã sóng sánh trong ánh bình minh nhợt nhạt. Cũng lúc đó tôi nghe thấy một âm thanh kỳ lạ, tưởng chừng rất nhiều thôn xóm quanh chúng tôi thức dậy cùng một lúc và đang hối hả xay thóc. Tôi quay mặt lại hỏi ông hàng nồi.

– Cái gì vậy ông?

– Bể đấy?

Ông nói, giọng tự hào như khoe một vật quý, của riêng mình.

Lát sau, tiếng âm ì to dần lên, nghe trong đó như có tiếng cả một đàn chó lớn gầm gừ.

– Bể nó kêu, hả ông? – tôi hỏi.

– Không phải, sóng đấy!

Anh Lịch tôi vẫn ngủ say sau khi chuyển chỗ. Anh ngủ nhiều. Những người ngủ nhiều thường ngủ qua mất nhiều điều thú vị.

Những vì sao cuối cùng đã tắt ngấm trong màu xanh mỗi lúc một sáng thêm. Những đám mây lớn bùng cháy trên bầu trời và ở đôi nơi, chúng giống như những mảng xà cừ khổng lồ. Gió biển mát đến rùng mình. Sương đêm làm cho ván thuyền sẫm lại. Ngoài tiếng biển ra, không còn tiếng gì khác.

Thuyền của ông hàng nồi cập bến chợ biển. Sau khi gánh nồi lên cho vợ bán, ông dẫn chúng tôi ra gặp biển.

Trước mặt tôi, qua những mô đất và cồn cát lơ thơ cỏ gai, đột khởi một bức tường vĩ đại màu hung đỏ, trên đó giăng hàng loạt dải bông tơ màu trắng.

– Bể này gọi là bể Bạch Long, – Ông hàng nồi giới thiệu – vì sóng nhiều, trông tựa vảy một con rồng trắng. Cậu thấy có giống không?

Tôi có trí tưởng tượng nghèo nàn, tôi không thấy con rồng trắng ở đâu.

Anh Lịch không có ý kiến. Nói chung, anh ít quan tâm tới mọi cái. Lớn hơn tôi một hoặc hai tuổi, anh biết nhiều hơn tôi, nhưng đối với cái gì anh cũng dửng dưng, không có gì làm anh chú ý, cũng chẳng có gì làm anh ngạc nhiên, y như thể anh đang sống lần thứ hai trên mặt đất.

Càng đến gần biển thì bức tường càng thấp xuống, nằm nghiêng nghiêng như một đồng chiêm bao la ngập nước không thấy đâu bờ bến. Tôi lặng đi trước cảnh tượng hùng vĩ. Những cảm xúc hỗn độn, không có tên, tràn ngập tâm hồn bé bỏng của tôi. Trong lòng tôi mang mang nỗi bồi hồi của sự chờ đợi một cái gì, cái gì ấy sẽ đến với tôi, không phải ngay hôm nay hay ngày mai, nhưng nó sẽ đến, nhất định sẽ đến. Dường như biển đang nói với tôi lời tiên đoán về cuộc đời tôi, mà tôi thì lại không hiểu.

Tôi cởi quần áo, đi những bước rụt rè về phía những con sóng đang chạy đuổi nhau vào bờ. Biển giang cánh tay mát rượi đón tôi vào lòng, vuốt ve tôi, tung tôi lên rồi nghịch ngợm đưa tôi ra xa.

– Vào ngay, chết giờ? – anh Lịch hét lên.

Từ trên bờ, ông hàng nổi cứ để nguyên quần áo hấp tấp chạy xuống. Tôi nhìn thấy ông đứng đưa trên mặt nước biển đúng vào lúc một con sóng lớn ập tới, đẩy tôi ngã xuống rồi cắp lấy tôi mang đi. Tôi ướt một lúc mấy ngậm nước chát, sặc sụa.

Ông hàng nổi đã túm được tóc tôi, rồi quắp lấy tôi, giằng tôi ra khỏi tay biển và đưa tôi lên bờ. Tôi lử lả ngồi bệt trên cát. Ông hàng nổi cởi quần áo cho tôi, vắt kiệt nước rồi bắt tôi mặc vào. Vừa làm việc đó ông vừa căn dặn:

– Đã bảo cậu không được tắm, mà cậu cứ tắm. Lại còn giỡn sóng nữa chứ. May mà tôi vớt kịp...

Cuộc gặp gỡ không êm dịu với biển, tuy nhiên, không làm tôi sợ nó. Ngược lại, cuộc gặp gỡ ấy đã đem lại cho tôi một tình

yêu suốt cuộc đời đối với biển, cũng như với những khoảng không bao la.

Nhưng cuộc gặp gỡ với biển đồng thời cũng làm tan vỡ trong tôi hình dung về cuộc sống no đủ và sung sướng ở những người sống bên biển.

Chúng tôi theo thuyền của ông hàng nồi đi tới bốn năm chợ biển. ở đâu cũng tôm cá ê hề, đủ loại, nhưng ở đâu tôi cũng gặp những con người rách rưới, với nét mặt cam chịu, ủ ê, chẳng khác gì ở quê tôi.

- Cái số con người ta nó vậy. - Ông hàng nồi trả lời khi tôi hỏi - Người số sướng thì vẫn sướng, người số khổ thì vẫn khổ ở đây cũng khối người giàu đấy, cậu ạ. Người nghèo đi biển kiếm được con tôm con cá về phải bán ngay tại bãi cho người giàu. Họ trường vốn mà, cậu. Đã giàu lại càng giàu thêm. Còn người nghèo thì làm sao giàu lên được khi vớ được cái gì cũng phải bán tống bán tháo ngay để đóng gạo. Biển lặng thì chớ, biển động mấy ngày liền là đói. Lại còn cái tang ra khơi rồi gặp bão, khối người không về... ở ven biển, những người đàn bà chít khăn trắng cũng nhiều chẳng kém gì ở quê tôi. Thì ra, biển cũng chẳng hào phóng. Để giành giật miếng ăn từ lòng biển, cũng như từ lòng rừng, người ta phải trả giá không thấp, có khi bằng cả tính mạng.

Ngày cuối cùng trong chuyến đi biển của tôi, tôi đã thấy biển trong cơn thịnh nộ. Những đợt sóng cao như những bức tường thành khổng lồ dâng lên ở chân trời. Sóng đập vào bờ làm thành những tiếng nổ rền. Tôi chỉ dám đứng từ xa mà nhìn. Bầu trời thấp và nhiều mây, những đám mây xám, cau có, ảm đạm; chúng biến dạng nhanh chóng với những đường viền rách rưới.

Anh Lịch kéo tôi về ngôi nhà tranh nhỏ bé, nơi chúng tôi ngủ đỗ. Ông lái không để cho chúng tôi ở dưới thuyền trong cơn bão. Con thuyền đã hết hàng vật vã trên mặt nước xám đục. Nó được cột chặt bằng mấy sợi dây chèo lớn. Ông hàng nồi vẫn chưa yên tâm. Chốc chốc ông lại chạy ra xem con thuyền

của mình, lo lắng cho nó như thể nó là một sinh vật yếu đuối, cần được ông che chở. – Nước lên quá thể. – Ông chủ nhà ngồi xếp bằng tròn trên phản, đưa con chốc đầu ngủ nghẹo trong lòng, ngao ngán nhìn ra ngoài trời, nơi hàng tre xơ xác vẫy mình, rạp hẳn xuống đất – Cứ thế này thì chẳng còn nê muối nào nguyên vẹn, cơ khổ.

– Năm nay bão sớm. – Ông hàng nôi nói.

– Mà dữ quá. – Ông chủ nhà nói thêm.

– Thật vậy – Ông hàng nôi đồng ý – Quái, ai đi ngoài kia thế đang cơn bão?

– Có cái kho tạm mới cất bị bung vách, mấy người đi kiếm hạt muối đấy. Gặp Tây Đoan thì chết.

– Chúng nó ác quá. Người làm ra muối mà mang vài năm về cũng bắt, cũng đánh.

– Vậy đấy, chẳng bao giờ hết khổ đâu. Tối đến, tôi ngồi đọc kinh với nhà chủ. Gió rú rít bên ngoài ngôi nhà chốt chặt mọi cửa.

"Lạy Chúa tôi, tôi ở dưới vực sâu...", tiếng đọc kinh đều đều, buồn bã đắm chìm trong tiếng gió. Trong bóng đêm, biển vẫn lồng lộn, gào thét.

XVIII

Một tai họa khủng khiếp bất ngờ giáng xuống cô Gái. Tôi đang lúi húi vót nan cho cái lồng bẫy chim khuyen ở thềm thì nghe trong buồng, cô tôi kêu thất thanh:

– Giêsu?

Tôi quăng dao, chạy vào. Cô tôi ngồi bệt trên giường, mặt méo xệch, miệng muốn kêu gì mà không kêu được, chỉ động đậy hàm dưới. Trong bóng tối, tôi thấy mặt bà bệch ra, nhợt nhạt.

– Cô ơi cô làm sao vậy cô?

Tôi chồm lên giường, ôm chầm lấy bà. Cô tôi nhìn tôi ngỡ ngàng, như thể bà không nhận ra tôi. Rồi trấn tĩnh lại được bà bỗng cuống quýt xua xua hai tay:

– Ra, ra ngay ngoài kia!

Tôi sợ hãi lùi dần ra phía cửa buồng, mắt không rời bộ mặt đau đớn, kinh hoàng và ngây dại của cô tôi.

– Cô ốm hay làm sao, cô?

Cô tôi gắng gượng đứng lên, lập cập bước xuống đất, lảng lảng đẩy tôi ra, khép chặt cửa buồng lại.

Tôi đứng sững bên ngoài, nghe tiếng cô Gái dấm ngực thùm thụp, tiếng khóc nghẹn ngào, tiếng kêu xuýt xoa của người bị đau:

– Giêsu! Giêsu? Giêsu?

Không suy nghĩ, tôi lao sang cô Oanh. Tôi không sang gọi cô Nhung bởi tôi biết tính cách mềm nhũn của cô. Cô Nhung sẽ hốt hoảng cùng kêu tên Chúa nhiều lần với cô Gái, nhưng làm điều gì hơn thế cho cô Gái thì cô chịu. Cô Oanh hối hả sang ngay. Nhung hối hả thì hối hả, bà cũng còn phải xoa chút dầu Nhị Thiên Đường lên mũi đã.

Đó là thói quen cố hữu của bà, mỗi khi ra khỏi nhà bà phải xoa dầu và choàng khăn.

Tôi chạy về trước, đập cửa buồng báo cho cô Gái biết cô Oanh sắp sang. Bà kêu Giêsu một lần nữa rồi quát ra:

– Thằng quỉ, ai bảo mày gọi cô sang! Ai bảo?

Cô Oanh đã lật đật sang tới nơi.

– Lạy Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, bà làm sao vậy?

– Em bị cảm xoàng thôi mà. – cô Gái đáp vọng từ trong buồng ra – Cháu nó thấy em rên, nó hãi...

– Nó bảo có lẽ bà ngã hay là trúng phong... Không việc gì hả?

– Thưa chị, không. Em vừa xoa dầu, người chỉ ngây ngấy rét.

– Phải xoa cả hai bàn chân nữa. Để tôi hái nắm lá cho bà xông.

Chị cho em một nắm. Cái giống cảm mạo thế này, xông được cái là nhẹ liền.

– Bảo cháu đun nước cho cô.

– Thưa chị, vâng.

– Mài ít quế Thanh ra mà uống. Nhà còn không hay để tôi mang sang cho. Quế cũng hay đáo để.

– Thưa chị, vâng.

Cô Oanh về. Lát sau, bà gọi tôi sang lấy lá xông. Bà hỏi kỹ tôi có thật tôi nghe cô Gái khóc không, còn việc cô tôi kêu Chúa liên hồi bà không quan tâm. Ở làng tôi khi bị chó đuổi người ta cũng kêu tên Chúa.

– Lạ nhỉ, cảm thì việc gì mà khóc? – cô Oanh thắc mắc.

Tôi mang nắm lá về, đang định xuống bếp để cho vào nồi nước thì cô Gái ló ra ngoài cửa buồng:

– Vào đây!

Tôi len lét bước vào. Tôi sợ cô tôi sẽ trị tội tôi về chuyện lấu tấu sang gọi cô Oanh, bà vẫn thường rửa tội là đồ "nhanh

nhàu đoảng, thật thà hư. Nhưng cái phất trần vẫn treo ở nhà ngoài, tôi không thấy bà cầm nó trong tay.

– Cháu vào đây! – cô Gái nghẹn ngào bảo tôi – Vào đây, cháu. Ngồi xuống đây với cô. Cháu nhìn xem này, mối xông hết mất rồi!

Trong bóng tối mờ mờ, tôi nhìn thấy đồng giấy bạc tung tóe trên giường. Khi tay tôi đụng vào những tờ giấy, chúng vụn ra. Từ đồng giấy xông lên mùi giấy bạc mới quen thuộc và mùi đất ẩm. Tôi đã biết sức mạnh tàn phá của những con vật bé nhỏ tưởng chừng hiền lành này. Chúng đã ăn ruỗng nhiều chỗ trong ngôi nhà ông bà tôi, còn dữ hơn cả mọt, bởi vì chúng phá phách với tốc độ vô cùng kinh khủng. Hôm nay, bức vách còn nguyên vẹn, không để ý mai đã bị đục ruỗng. Cô Gái cẩn thận kê bốn chân hòm gian lên bốn cái bát canh loại lớn đổ đầy nước. Một miếng giẻ rơi xuống đã thấm hết nước trong bát, làm thành cái cầu cho mối leo lên.

Cô Gái như người mất trí, hai tay bà quờ quạng trên những tờ giấy tan nát:

– Cô mất hết rồi, cháu ơi? Cô đã giành dụm bao nhiêu lâu mới được từng đây, mà hết...

Tôi chẳng biết làm gì hơn, tôi ôm lấy bà cô tội nghiệp của tôi, lấy bàn tay bé bỏng vuốt trên lưng bà, trên cánh tay xương xẩu của bà.

– Cô chết mất, cháu ạ. Lạy Chúa tôi, sao người để con khốn khổ thế vậy? Con làm gì nên tội, lạy Thánh Mẫu Đồng Trinh? Tiền này bác Linh, bác Thông, bác Trác, bố cháu gửi cho cô đấy, tiền của cô dành dụm bao nhiêu năm đây, để cô trông nom nhà cửa đây, vậy mà nước lũ đổ ra sông ráo, cháu ơi!

Bà vừa kể lể vừa lẩn thẩn chấp những đồng bạc rách lại với nhau rồi tuyệt vọng quăng chúng xuống đất. Dưới chân giường chẳng mấy chốc trắng xóa giấy bạc nát.

– Mà cô dành dụm cho ai? Để cho chúng mày chứ còn để cho ai, mày với lại thằng Hiếu, chỉ có hai đứa là yêu cô, muốn ở

với cô. Cô nghĩ, chúng mày lớn lên đã có tiền đây tu bổ cửa nhà, giữ lấy mảnh đất tổ tiên, Lạy Chúa tôi, sao Người không rước con đi mà lại để con đến nông nỗi này? Sao Người ác với con làm vậy?

Bà đâm ra nói nhảm. Trong cơn đau, bà oán cả Chúa mà bà dốc lòng thờ phượng. Tôi vượt lưng bà, nghĩ rằng nếu tôi có phép lạ, tôi sẽ làm ra một đồng tiền mới to hơn nữa để bà thôi đau đớn. Tôi không chịu được bất cứ nỗi đau đớn nào mà tôi phải chứng kiến, dù nó phải hay nó trái.

- Công của cô bao nhiêu năm trời thành công dã tràng, bà tiếp tục kể lể - rồi cô cháu mình đến đi ăn mày, cháu ơi? Thế là hết, hết sạch, sao mà tôi khổ khổ thế vậy? Tôi buông cô Gái, nhanh nhẹn chui vào trong hòm gian. Không, bà không thể hết sạch được, bà còn cả một gói lớn bạc hoa xòe rất cứng đối với răng của những con mối tệt hại, bà còn nhiều thứ nữa mà chúng chưa kịp đụng đến. Đồng bạc mối xông đã làm cho bà quần trí.

Tôi lục tung hòm gian, quăng ra ngoài những công trình phá hoại khác của lũ mối mà bà chưa biết: lá cờ thêu hình Đức Mẹ ẵm Đức Chúa Giêsu Hài Đồng, bức màn gió bằng vải hoa, mấy chiếc áo dài cô tôi ít dùng tới và mấy cái quần lĩnh mới may. Cô Gái đỡ lấy chúng, soi về phía cửa sổ để nhìn cho rõ hơn những vết mối ăn lỗ chỗ, những mảng thủng lớn, rồi tàn nhẫn quẳng xuống đất, kể cả Đức mẹ bị vỡ ngực và Đức Chúa Giêsu chỉ còn nửa mặt. Nhưng lũ mối mới hoành hành bên trái hòm, đúng như tôi dự đoán. Chúng chưa kịp phá nát những gì xếp ở bên phải. Tôi chuyển ra cho cô tôi những bộ quần áo nguyên vẹn của ông bà tôi, của cô tôi. Đến khi tôi bốc cả gói bạc hoa xòe chỉ bị mối xông mấy lần vải bọc đưa cho bà thì bà tỉnh hẳn lại:

- Lạy Chúa tôi lòng lành chẳng cùng! - bà kêu lên, mừng rỡ - May, còn được chỗ này!

Thì ra đúng là cô tôi không nghĩ đến độ cứng không rằng động vật nào có thể gặm nổi của kim loại. Bà đứng lên, thò

hắn đầu vào trong hòm gian, cổ vũ tôi tiếp tục cuộc khảo sát. Hóa ra, lũ mối chưa đục đến một bọc giấy bạc năm đồng. Chui ra ngoài, tôi phát hiện thêm là số bạc hào đã tan nát hết, nhưng số bạc giấy một đồng còn nhiều tờ có thể cứu vãn – mỗi chỉ ăn lẹm một số tờ ở rìa, có tờ bị đứt đôi thì lại đứt rất ngọt, có thể dán khéo lại mà người ta không biết. Cô tôi tỉnh hẳn người, bà vớ lấy những tờ giấy bạc bị thương chạy đến bên cửa sổ để soạn lại, thỉnh thoảng lại reo lên khe khẽ:

– Tờ này còn nguyên, cháu ạ! Tờ này thủng một tí, mà không sao, tiêu được.

– Xấp này chỉ bị mối ăn mấy tờ ngoài, bên trong không việc gì

– Lúc này, cô thấy toàn bạc bị xông với đất mùn, cô tưởng hết sạch rồi, cháu ạ, may quá là may? Lạy Chúa tôi lòng lành chẳng cùng!

– Để cháu dán lại cho cô – tôi nói cho bà vui thêm – Dán được khối đấy, cô ạ!

– Cháu dán lại cho cô ná, chịu khó rồi cô cho một hào mua sâu bà Cơ.

Cô Gái ngọt ngào nói với tôi. Nhưng rồi bà chợt nhớ ra tôi đang ngồi trước hàng xấp dày giấy một đồng, trong đó có những tờ hầu như nguyên vẹn, bà vội chạy đến bên tôi, gạt tôi ra:

– Cứ để đấy, cô soạn. Ra ngoài kia chơi, lúc nào cô gọi thì hãy vào. Mà này, chớ có nói với ai ná, chớ đấy!

Tôi bước ra. Cô Gái hấp tấp cài then cửa. Tôi ra vườn, trèo lên cây khế, bứt vài quả. Tôi nhai những quả khế chua lòm và ngắm nghía mấy con vành khuyên đang chuyền trong hàng rào dâm bụt. Ở sâu trong vườn sau, con báo cô kêu ri ri. Tôi đã thấy nó xòe cánh ra vẫy vẫy, miệng há to, đúng là một con chim non, chờ những con chim sâu bé nhỏ mớm mồi cho nó. Tôi ghét con chim ăn bóm này đến nỗi cứ thấy nó ở đâu là tôi ném, thậm chí còn dùng súng cao su bắn nó.

Nhưng hôm nay, tôi mặc. Tôi đang bận với nỗi buồn của tôi. Tôi đã thật lòng thương cô tôi, muốn an ủi bà, muốn giúp bà, vậy mà bà lại ngờ vực tôi sẽ lấy cắp tiền của bà, nếu để tôi ở lại với đồng tiền trước mặt. Thì ra người có của bao giờ cũng nhìn thấy trong kẻ nghèo một tên ăn cắp. Chuông trưa báo mười hai giờ được một lúc lâu tôi mới nghe tiếng cô tôi gọi. Chắc bà sức nhớ ra tôi chưa ăn cơm, mà gạo thì lại để trong buồng.

– Cháu nấu cơm ăn đi. Cô hôm nay thế nào ấy, chẳng muốn ăn gì ráo – bà bảo tôi.

– Cháu cũng không muốn ăn. – tôi uể oải đáp.

– Sao không ăn?

– Cháu đầy bụng.

Tôi lại ra vườn sau, trèo lên cây sung. Tôi cảm thấy đói khi cô tôi nhắc bữa. May, mấy quả sung tôi khứa gặp mưa đã nở và chín. Sung khứa ăn ngọt hơn hẳn sung chín tự nhiên, lại không có bọ. Trong quả sung thường, mỗi khi bữa ra phải thổi hết bọ mới ăn được. Mà bọ nhiều lắm, những con côn trùng tí xíu lớn lên ở trong đó, được ra ngoài trời là bay liền. Về sau này, tôi mới biết quả sung chính là hoa của cây sung, nhưng tôi vẫn ngờ ngờ – khoa học giải thích thế thật, nhưng rõ nó là quả kia mà.

Gần tối, cô Gái mới bước ra khỏi buồng. Nét mặt đã trở lại bình thường, nhưng bà gầy rộc đi như sau một cơn bệnh nặng. Bữa chiều rất đạm bạc. Nhà chẳng còn thức ăn, tôi không đi câu, chỉ có mỗi mớ rau muống luộc tú hù và nước mắm cáy.

– Cô đắng miệng quá! – cô Gái uể oải nhai trệu trạo – Cháu ăn nhiều đi.

– Mất nhiều không, cô?

– Cũng khờ.

– Còn may, cô nhỉ?

- Nhưng vẫn tiếc đứt ruột, mồ hôi nước mắt của mình, cháu ạ. Cô dặn rồi, chớ có nói với ai, nghe không?

- Vâng.

Đột nhiên, bà rưng rưng nước mắt.

- Cô có một mình, nghĩ cực quá.

Tôi cũng thấy nao nao. Tôi cũng có một mình, như bà. Mai cô soạn những tờ nát ra, cháu dán lại cho cô, cô

- Ừ, cháu giúp cô với.

Sáng hôm sau, tôi nghỉ học, ngồi nhà dán tiền cho cô. Anh Cu Nhớn vừa lò dò sang, bà đã quát:

- Đã lại rủ em đi câu hả? Về ngay, tao cấm tiệt. Bé đi câu, nhớn đi hầu, già đi làm khách nợ.

Bác Hai Thực nghe tiếng, quát vọng sang:

- Thằng Nhớn, về? Không nghe cô nói đấy hử? Từ giờ, tao cấm mày không được bước chân sang bên ấy nữa.

- Thì thầy vừa sai con... - anh Cu Nhớn cãi lại.

- Tao có sai mày sang nom cô ốm khỏe ra sao. Tao không sang được vì chưng tao cũng ốm, mới phải bảo mày. Cô đã cấm mày thì tao cũng cấm luôn, rõ chưa?

Cô Gái biết sai, lặng ngắt.

Cả ngày tôi cặm cụi dán tiền cho cô. Vì số tiền bị hư quá nhiều, đành phải hi sinh một số tờ để bổ sung vào chỗ thiếu của tờ khác. Công việc kéo dài, tôi cấp sách đến trường một buổi, một buổi xin nghỉ ở nhà dán tiền cho cô. Ngồi cặm cặm một mình, buồn quá, thỉnh thoảng tôi vút đấy, chạy sang với anh Cu Nhớn. Bác Hai Thực không đuổi tôi, nhưng anh Cu Nhớn nhất định không bước sang sân nhà tôi nữa:

- Tôi đã buộc chỉ cổ tay rồi.

Anh giơ cổ tay cho tôi xem. Anh đã buộc thật, bằng một sợi chỉ tơ chập ba.

Bác Hai Thực không buộc chỉ cổ tay, nhưng ông quyết không nhắc tới bà em đánh đá.

Những vụ đụng độ như vậy thỉnh thoảng lại xảy ra giữa những người cháu đã già cùng chung một ông bà. Những người chết dần hòa họ với nhau trong những ngày giỗ, tức là những tối đọc kinh cầu hồn. Họ nhớ lại cái gia đình lớn đã chia năm xẻ bảy, quên đi nỗi bực tức hôm nào, lại chạy đi chạy lại với nhau, xin nhau tí lửa, vay nhau nhúm muối và thăm hỏi nhau như cũ. Thường thì người ta giận nhau không lâu. Sợ chỉ nơi cổ tay anh Cu Nhớn chưa đứt thì nỗi giận cũng đã tiêu tan.

Chị Liễu phải đi những chợ xa đong gạo đong cám bằng những đồng tiền mối xông đã được tôi vá lại. Không thể đong ở chợ làng, bởi vì nếu phát hiện đồng tiền vá, người ta sẽ đến tận nhà tôi đòi đổi lại. Cô Gái cũng đi chợ, bỏ cả bán thuốc. Những khách hàng quen thuốc, tín nhiệm thuốc của bà, phải mò vào tận nhà để mua.

Những đồng tiền vá được tiêu vào lúc tinh mơ, khi chợ vừa họp, hoàn toàn trót lọt, chẳng bị ai phát hiện. Cô tôi mừng ra mặt. Công việc dán vá cũng thu hút tôi – những con mối càng gặm giấy oái oăm bao nhiêu thì tôi lại càng phải nghĩ ra cách chữa tinh vi bấy nhiêu. Chưa một bài thủ công nào ở trường được tôi làm một cách cẩn thận đến như thế. Mỗi tờ giấy bạc dán xong lại như mới, tôi khoái trá chạy vào khoe với cô tôi:

– Một đồng nữa, cô nhá!

Bà giơ lên xem, bà sờ, bà ngửi, rồi xếp nó vào chỗ giấy bạc sẽ được tổng đi cho nhanh:

– Khéo lắm!

Nếp sống bỗng nhiên đổi khác trong nhà chúng tôi làm cho cô Oanh. Cô Nhất, cô Nhung và vợ chồng bác Hai Thực chú ý. Nhưng mọi người chỉ xầm xì bàn tán, đặt ra nhiều giả thuyết, nhưng không ai đoán ra việc gì đang xảy ra trong ngôi nhà cô Gái. Tôi và chị Liễu chỉ cười xòa đáp lại những lời hỏi han thóc mách.

Cái kim ở trong bọc đã lòi ra hết sức tình cờ. Một người bán đồ xanh ngoài chợ Lẽ, nhưng lại là người làng, sau buổi chợ đã phát hiện ra tờ giấy bạc vá với những đường rách ngoằn ngoèo được gắn lại rất tinh vi. Đó là một người đàn bà dữ tợn và chua ngoa. Chị Liễu đã phải kêu tên Chúa mà thề, bà ta cũng cứ vẫn khẳng khẳng một mực rằng đồng năm hào đó là của chị, không của ai khác. Đáng lẽ cứ mặc kệ cuộc cãi vã muốn đến đâu thì đến, cô Gái chột dạ vội vã mang một đồng khác ra đổi. Đáng lẽ phải đổi cho bà ta một đồng mới thì không sao, nhưng cái tính thích giữ tiền mới đã hại cô tôi, bà đưa cho người bán đồ một đồng mới xông khác, sạch sẽ hơn, mới chỉ ăn lẹm một chút ngoài rìa. Người đàn bà khảo sát tờ giấy một lát, tin chắc rằng tờ này tiêu được, miễn cưỡng nhận nó và ngúng nguẩy ra về.

Hôm sau tin đồn về bà Gái lấm tiền đến nỗi tiền của bà bị mối xông lan khắp làng. Chỗ nào có ba người gặp nhau, chỗ ấy người ta nói tới bà Gái. Đó là một sự kiện ghê gớm, đang được loan truyền cho nhau, người ta thổi phồng nó lên đến mức số tiền bị mối xông tới hàng nghìn.

Cô tôi rụng rời chân tay.

Chị Liễu tự tìm đến người đàn bà chua ngoa nọ, nhận mình sơ ý đã đưa cho bà ta đồng năm hào mới xông đó, nhưng là tiền chị nhận từ khách hàng đong gạo của chị. Người đàn bà chối bai bãi, không nhận mình đã tung tin đồn nọ. Bà ta cũng kêu tên Chúa mà thề. Tất nhiên, Chúa biết bà ta đã phạm tội làm chứng dối, nhưng Chúa sẽ tha cho bà khi bà xưng tội, còn cái tin đồn tai hại đó thì giá bà ta có muốn thu về cũng không được nữa rồi. Tin đồn một khi đã ra đời, có cuộc sống riêng của nó. Như một đứa con trưởng thành đã rời nhà cha mẹ, nó ở ngoài vòng quản lý của bà ta, giờ đây nó nhởn nhơ rong chơi trong làng, rẽ vào từng nhà, làm vui cho những cuộc ngồi lê đôi mách.

– Giêsu, ai ngờ bà Gái mà lấm của làm vậy!

Cả một hòm gian đầy ắp, người ta bảo thế.

- Thế mới là: ki ca ki cóp cho cốp nó tha.

- Mỗi chứ đâu phải cốp.

Mỗi còn dữ hơn cốp, nó biết chỗ có tiền nó đến. Chứ như nhà tôi thì nó chịu, gặm cái gì?

Gặm gỗ chứ còn gặm gì nữa. Thôi đi, đến lúc ông lằm tiền thì mỗi nó cũng chẳng tha đâu.

Đến lúc ấy thì tôi nuôi mỗi ấy chứ. Chỉ tội là không có lúc ấy thôi, gọi là đến tết.

- Bà Gái rõ khổ, ăn thì độc rau lang chấm mắm cáy, bóp mồm bóp miệng. Chính mắt tôi trông thấy mà. Hôm ấy tôi vào mua thuốc, bà ấy vội lấy cái lồng bàn che đi, khốn lồng bàn rách, trong mâm có gì nom tở mồn một, tội nghiệp!

- Tôi nghiệp gì, đáng đời?

- Giêsu, sao mà ông độc miệng làm vậy!

- Có tội nghiệp là tội nghiệp mấy ông em chở của về cho chị, tiếc đứt ruột.

- Còn dành dụm mỗi còn xông. Chuyến này cả nhà ấy sạt nghiệp?

Những lời bình luận ấy đến tai tôi, làm tôi giận dữ. Tôi căm ghét cái thói đời khoái trá trước nỗi đau của người khác. Nó giống cái khoái trá của con chó dữ với dòng bọt mép sùi ra sau khi cắn rách tai con chó già ốm yếu không còn sức đánh trả và chẳng động gì tới nó, đơn giản chỉ vì con chó trẻ ngứa mắt và ngứa răng. Tôi thương cô Gái của tôi, trong lòng, tôi đứng về phía bà.

Cô tôi không dám ra khỏi nhà. Bà phát ốm thật sự. Bất cứ tiếng động mạnh nào cũng làm bà giật mình. Tôi bỏ mọi việc, trông nom cô, nấu cháo cho bà, bóp dầu cho bà, tóm lại tôi không rời bà nửa bước. Tôi kể lại cho bà nghe những lời đồn đại làm bà sợ hãi, nhưng lại khẳng khẳng bắt tôi phải thu lượm chúng cho bà. Đến khi tôi thuật lại cho bà biết rằng trong làng có kẻ nói rằng cần phải trình quan huyện việc này,

vì bà đã phạm tội phá hoại tờ giấy bạc của nhà nước, mà tội này được ghi rành rành bằng chữ Tây trên mỗi tờ giấy bạc, thì bà không chịu nổi nữa. Cô tôi gục xuống, hai tay ôm lấy đầu, mái tóc bạc xơ tung, bà thét lên:

– Giêsu!

Bác Hai Thục nghe tiếng thét vội chạy sang, quên cả dép. Cô Oanh, cô Nhất, cô Nhung, chị Phượng, anh Cu Nhớn, Cu Bé chạy sang hết. Mọi người cuống cuống chung quanh cô Gái, xoa dầu, đốt chấu than đặt dưới gầm giường. Cô Gái mặc cho mọi người muốn làm gì thì làm, bà chỉ một mực rên rĩ:

– Giêsu! Giêsu?

Trong mấy ngày, cả ba nhà cuống cuống, xốn xang, rầu rĩ, lo lắng cho cô Gái, tức tối với những lời đồn thổi bần thỉu của bọn thói mồm.

Vụ mối xông tiền của cô Gái chỉ tắt sau khi cha xứ lên tòa giảng mắng nhiếc con chiên một trận nên thân về tội huyền truyền những lời đồn đại vô căn cứ. Bằng các điển tích rút trong Kinh Thánh, cha nhấn mạnh rằng sự ăn không nói có, sự không thấy tận mắt mà nói theo người khác là phạm mười điều răn của Đức Chúa trời, là tội trọng, đáng sa Hỏa Ngục.

Những quả quít đầu mùa, những chai rượu bách nhật và những gói bánh quế của cô tôi đã mất đi không vô ích.

XIX

Trong làng, còn có một nhà mà tôi hay lui tới, tuy chẳng phải họ hàng, là nhà ông Nhiêu Tuất. Nhiêu là một danh vị nhỏ bé, có thể mua bằng tiền, mà không nhiều. Danh vị này cho người được mang nó quyền ngồi một chỗ, cũng nhỏ bé, gọi là chiếu dưới, khi làng họp. Nhiêu được miễn sưu thuế, miễn phu phen tạp dịch. Để mua nhiều, ngày xưa phải có một số tuổi đáng kính, nhưng về sau, danh vị này được bán nhiều, nên làng tôi có vô số anh nhiều. Ông nhiều Tuất đâu như trước cũng là tay chân của ông tôi. Nghĩa tay chân này rộng, hiểu thế nào cũng được, là người nhà, đàn em, hoặc người giúp việc thân cận. Chỉ biết những ngày giỗ ngày tết, cô tôi thế nào cũng mời ông nhiều Tuất.

Nghe kể lại thì ông tôi có nhiều tay chân lắm, trong số đó có cả một tên cướp, sau trở thành người nhà chúng tôi, là chú Mưu. Chuyện kể rằng chú Mưu đi ăn cướp, phá cổng vào nhà tôi không nổi, lại bị tuần đinh đuổi đánh bị thương, nằm ngất trong ruộng lúa bên đường. Ông tôi hôm ấy đi cất thuốc ở chợ Lẽ về khuya, nghe tiếng rên, mới rẽ xuống xem, rồi cũng chú về nhà phục thuốc. Trong nhà biết đó là tên cướp, nhưng ông tôi không cho đi cáo quan, chăm sóc cho tới khi lành. Khi hiểu rằng mình được cứu sống bởi tay người mà mình tới nhà ăn cướp, chú Mưu xin ở lại làm con nuôi, gọi chữ là nghĩa tử. Chú ở nhà tôi tới khi ông bà tôi khuất núi mới trở về quê lập nghiệp.

Ông nhiều Tuất gần bằng tuổi cô Gái, tóc bạc trắng, tóc búi củ hành, đã nghễnh ngãng. Ông là một trong số ít người trong làng còn giữ lại lối chào thuở xưa. Khi gặp ai, ông chấp ngang hai bàn tay lại (chứ không chấp dọc như các bà đi lễ chùa) và đưa lên ngực rồi hạ xuống một chút, gặp người đáng kính trọng hoặc để tỏ lòng kính trọng ông cũng chấp tay như vậy, nhưng đưa hai tay chấp cao lên tới ngang vai rồi từ đó hạ xuống chéo sang bên phải chấm xương hông. Vái như thế gọi là vái dài. Bây giờ, nhìn lên sân khấu thấy người ta đóng trò

xưa mà vái nhau theo cách lễ chùa, tôi lại nhớ tới lối chào dân tộc đã mất.

Tôi đặc biệt quý ông nhiều Tuất bởi lẽ ông là người an ủi tôi nhiều nhất kể từ khi tôi về quê. Ông tới nhà, ngồi ngoài thềm nói chuyện với cô Gái, Nhìn thấy tôi, ông hỏi cô Gái:

- Con ông Tư, phải không bà?

- Nó đấy.

Ông đứng lên, chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Hôm nào bà rảnh, cậu theo bà sang tôi chơi.

Cô Gái chẳng bao giờ rảnh. Tôi hỏi đường anh Cu Nhớn rồi tự tới nhà ông. Tự nhiên, tôi thấy có cảm tình với ông già đã còng lưng, nhưng có đôi mắt hiền từ và giọng nói ấm áp

Ông nhiều Tuất ở xóm dưới, cũng gần. Nhà ông nhỏ, cột soan, mái rạ, vách trát nhưng sạch sẽ. Lối đi từ cổng vào hai bên trồng tóc tiên. Trước nhà là một cái ao nhỏ gầy bèo cái trong một vòng dây muống lưu cữu. Thấy tôi đến, ông đang lúi húi đan rổ liền đứng lên và vái một cái dài.

Tôi đỏ ửng mặt, lúng túng chào ông. Ông đặt tay lên vai tôi, nhìn sâu vào mắt tôi:

- Tôi biết rồi, cậu ạ.

- Ông bảo gì cơ?

- Tôi biết ông Tư ở nhà pha. - Ông nói bằng giọng đơn giản điều cô Gái giấu giếm - Cậu đừng buồn.

- Cháu không buồn.

- Vậy là phải. Cậu ngồi xuống đây, chỗ này này, tôi kể chuyện cậu nghe.

Trong nhà ông im ắng. Lúc đó tôi chưa biết ông chỉ có một mình.

- Tôi biết ông Tư là cộng sản lâu rồi. Ông nói bằng giọng buồn buồn - Tôi chẳng hiểu cộng sản là cái gì, tôi là người không có học. Cơ mà tôi cứ ở ông Tư. Ông là người tốt mà

ông theo cộng sản thì cộng sản tốt. Vừa nãy tôi vái cậu là tôi vái vọng ông Tư đấy. Tôi nhớ ông lắm.

Ông lặng im một lát. Hình như ông suy nghĩ về điều gì đó, rất hệ trọng.

– Nghe nói cộng sản bây giờ đông. Tây bỏ tù bao nhiêu cũng không xiết. Tôi mà còn trẻ như ông Tư khéo tôi cũng theo cộng sản.

Tôi chẳng biết nói gì. Những lời ấm áp về bố tôi làm tôi cảm động.

– Đời bây giờ khổ quá là khổ! – Ông nói.

Sau vài lần đến chơi, tôi bạo dạn hơn. Tôi xin phép được câu ở ao nhà ông.

Ông bằng lòng ngay, nhưng chỉ cho tôi câu một mình, không được đi với anh Cu Nhớn. Ông rất nghèo, con cá giếc trong cái ao nhỏ cũng được coi như con gà ở nhà khác. Vả lại, tiếng sát cá của anh Cu Nhớn không phải chỉ một xóm tôi biết.

Khi tôi đến câu, ông đưa võng kéo kẹt trong ngôi nhà vắng, thỉnh thoảng mới trở dậy lọc xọc một tiếng thuốc lào. Khi tôi trở về, ông nhắc cái giỏ, nhìn sâu qua hom, có vẻ ông muốn đếm số cá tôi câu được. Ao nhà ông không nhiều cá, toàn loại rô cù, mà chúng thì rất thận trọng. Cô Gái rất sợ những con cá rô cù. Nằm trong giỏ khô, cá rô cù sống cả ngày không cần chút nước nào mà vẫn khỏe, sợ ý là bị chúng nẻ cho sưng tay. Để bọ cá rô cù ra, cô Gái phải lấy sống dao đập vỡ đầu chúng rồi mới dám đánh vẩy. Hôm nào cá không cắn, ông nhiều Tuất ra ngồi bên cạnh tôi cả buổi, nhưng chẳng nói gì.

Cô Gái nói rằng ông nhiều Tuất dạo này đã không còn thật tính, nghĩa là ông đã trở thành dở hơi, cảm hấp theo cách nói bây giờ. Cũng có hôm, ông rất vui vẻ kể cho tôi nghe đủ thứ chuyện – chuyện làng, chuyện xóm, chuyện đời xưa. Có điều, chẳng bao giờ ông nói đến sự tích các thánh, như thường thấy ở những người có tuổi trong làng, những người này thường đua nhau khoe cái sự rành lẽ đạo của mình. Ông cũng chẳng

mấy khi nhắc tới Chúa, chẳng bao giờ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ. Nhưng ông vẫn đi nhà thờ, đều đặn xưng tội chịu lễ. Tôi đồ rằng giữa ông và chúa có điều gì không bằng lòng nhau, nhưng giấu ngấm.

- Chúa thì phải công bằng, Chúa mà không công bằng thì không phải là Chúa! - Ông nhiều Tuất nói bâng quơ, nhân một câu chuyện nào đấy - Mà lẽ công bằng trên đời này khó lắm thay?

Ông có một người con trai duy nhất, nhưng anh ta ở bên Tây. Trong làng tôi, chẳng mấy ai biết nước Tây ở đâu, người ta nói bên Tây với ý nghĩa xa lắm lắm, không hàm khái niệm địa lý.

- Cái thằng con nhà nhiều Tuất châu này chẳng thấy gửi gì cho bố, quân bất hiếu bất mục - cô Gái thủng thủng nói chuyện với cô Nhung - Không biết ông lão lấy gì ăn? Đào, giờ sinh voi giờ sinh cỏ, rồi khắc sống được tất chị ạ!

- Khốn ông ta già quá rồi.

- Kể cũng cực, em nghiệm thấy già ăn còn khỏe hơn lúc trẻ, khốn nạn vậy.

Cô Nhung ăn rất khỏe. Bác Hai Thực gái bao giờ cũng ngồi đầu nồi, chia cơm cho mọi người theo tiêu chuẩn đã được im lặng thỏa thuận hoặc im lặng chấp nhận. Cơm xong, cô Nhung còn ăn thêm được vài chùm sung xanh. Ông nhiều Tuất ăn gì, tôi không biết. Chẳng bao giờ tôi thấy ông thổi nấu. Có thể, ông nấu cơm một lần vào sáng sớm rồi ăn cả ngày.

Một hôm, ông nhiều rụt rè nhờ tôi đánh hộ cái giấy, tức là viết thư cho con ông:

- Cậu giúp tôi thí. Trước tôi vẫn phải nhờ cậu Mân bên xóm Đông, giờ cậu ấy lên tỉnh học rồi... Chẳng hiểu ra làm sao, cả năm nay bật tin anh ấy, tôi nóng ruột.

Cái việc viết thư hộ này tôi thỉnh thoảng vẫn phải làm. Làng tôi có quá ít người biết chữ. Ai đỗ Sơ học yếu lược cũng đã

được coi là người có chữ nghĩa. Người có bằng Tiểu học có thể coi mình là trí thức rồi. Người nhờ tôi đánh cái giấy phần nhiều là các bà. Họ kể kể con cà con kê từ chuyện thằng cu bị chốc đầu, cái hôm ngã sái tay, con lợn nái bị đóng dấu cho tới cái ao bị thối và đám cá mè bị chết ngạt. Những bức thư như thế làm tôi ngán. Nó mở đầu bằng công thức muôn thuở "Nay tôi có mấy nhờ gửi ra cho nhà nó. Nhà nó được bằng an trong tay Chúa thời tôi mừng. Còn về phần mẹ con tôi ở nhà, ơn Chúa, vườn được như thường...".

- Tôi đồ rằng bạn trước, cậu Mân viết điều gì, làm cho anh ấy nhà tôi giận tôi... - Ông nhiều Tuất bần khoản - Chứ không thì tại sao anh ấy chẳng đánh giấy về?

Tôi không biết rằng lúc ấy chiến tranh thế giới đã lan ra khắp các lục địa, trên các đại dương, đến cả những tàu buôn cũng bị đánh chìm, tất nhiên những bao thư cũng chìm theo. Trong làng tôi chỉ có một tờ báo là tờ Đông Pháp, mỗi ngày một số, gửi về nhà ông Hội Dục để cháu đích tôn của ông đọc cho ông nghe. Bác Hai Thực thỉnh thoảng cũng mượn được về nhà vài số. Ông đọc và gật gù "Cái thằng Đức dữ ra quỷ, mà thằng Nhật cũng chẳng khờ, bên Ý Đại Lợi khi không lại mọc mũi sủi tăm ra cái anh Mút-xô-li-ni, theo voi Hít Le hít bã mía. Thống chế Tưởng Giới Thạch sợ Thiên Hoàng vãi đá, Nhật nó đánh thật chứ nó bỡn à, cứ gọi là phen này vỡ mặt". Đây là ông nói với những ông bạn cùng tuổi chứ không phải nói với tôi.

Tôi thương ông nhiều Tuất. Tôi biết ông buồn nhiều trong cuộc sống một thân một mình. Nghe người ta kể thì hồi còn trẻ ông chật vật lắm mới lấy được vợ, vì nghèo. Vợ ông là một cô gái đẹp trong vùng. Có rất nhiều người hỏi cô nhưng cô không ưng ai. Đến khi quá lứa mới bằng lòng lấy anh nhiều. Cô có chồng rồi, đàn ông trong làng vẫn còn mắt la mà yếm, đùa cợt lẳng lơ. Anh chồng ghen rất dữ, cô vợ thì ai chọc ghẹo gì cũng mặc. Anh chồng chẳng biết nghe ai dùng dùng kéo vợ lên làm ăn trên tỉnh, rồi lên tận Hà Nội. Cô vợ đánh răng trắng, mặc quần lĩnh (đến hồi ấy đàn bà làng tôi còn nhuộm răng đen, mặc váy), thế rồi bắt đầu nhìn anh chồng

nghèo bằng cặp mắt rẻ rúng. Từ rẻ rúng đến chê bai chỉ là một bước. Cô chê anh không biết làm ăn, khố rách hoàn khố rách. Bây giờ ve vẩy quanh cô là các thầy cai, thầy đội, thầy ký. Có người đánh tiếng đưa cô về làm lẽ, cho cô một nóc nhà riêng. Hai vợ chồng cãi lộn, trước thảnh thoảng, sau hàng ngày. Rồi cô vợ bỏ đi, để lại cho anh chồng một thằng bé ghẻ kệnh ghẻ càng, bụng ỏng. Anh chồng ngậm mối hận, ôm con về làng. Bố mẹ vợ đã chết theo nhau trong một trận dịch tả, nếu không họ sẽ khốn khổ với anh ta. Trong làng, chuyện đó thường xảy ra, cha mẹ vợ hứng chịu hậu quả mà người con gái lấy chồng gây ra. Người ta mặc, chẳng ai can. Từ đó anh Tuất đi làm thuê, làm canh điền, làm nhiều nghề linh tinh khác, nhưng không bao giờ giàu lên. Giàu hay nghèo có số, người ta nói, nhưng không ai ham làm giàu bằng anh Tuất. Anh nhìn thấy trong sự giàu có niềm kiêu hãnh với người vợ bội bạc, cách trả thù quân tử đối với cô ta. Chỉ có đứa con là lớn mau, tính nết điên điên khùng khùng. Có kẻ độc miệng nói rằng nó cũng chẳng phải con anh Tuất.

– Tôi có mỗi mình nó. – Ông nhiều Tuất nói – Tính nó không được như người ta, có khi nó giận tôi thật, chả là tôi dặn cậu Mân nhắc nó cho tôi rằng chớ có tin con vợ dâm...

– Ông cứ đọc cho cháu viết.

– Tôi biết viết gì. Cậu viết thay tôi đi, nói tôi chầu này yếu lắm rồi, chân tay đã run, lại đau ở ngang thắt lưng, trước chỉ chục viên thuốc của bà Gái là dứt, nhưng bây giờ uống mãi rồi vẫn cứ ngâm ngấm. Cậu nhắc anh ấy gửi cho tôi ít tiền để sửa nhà, cái nhà trước sau rồi cũng là của anh ấy, tôi chẳng ở được bao lâu nữa...

Ông nhiều Tuất kể rất nhiều cho tôi nghe những điều ông muốn nói với người con trai ở tít tắp nơi nào và có lẽ đã quên mất người cha già yếu.

Tôi đã mất ba buổi chiều cặm cụi để viết cho xong bức thư. Trong thư tôi tả thêm thất cảnh rách nát của ngôi nhà, những đóa tóc tiên màu hoa đào ở lối vào, cái ao nhỏ và những con

cá rô hiếm hoi, cây khế trong vườn (nó đã già lắm, gốc nó xù xì to bằng người lực lưỡng) quả rụng đầy dưới chân, tôi nhắc anh về sâu bà Cơ (anh không thể không ăn sâu bà Cơ như bất kỳ ai trong làng đã có lúc là trẻ con) và lời hỏi thăm của bà (mà tôi bịa ra), tôi kể chuyện những con mọt nghiêng gổ đêm khi ông già thức giấc vì nhức nhối chân tay, chúng làm cho ông buồn nẫu ruột khi nghĩ đến con trai, nỗi lo lắng của ông không được gặp anh lần nữa. Ông nhiều Tuất chảy nước mắt lặng lẽ khi nghe tôi đọc bức thư. Ông không trách tôi viết dài hơn những gì ông nhờ tôi. Cô Gái cũng được nghe bức thư. Bà xúc động ra mặt. Tôi nắn nót chép địa chỉ của con ông từ một phong bì Pháp. Ông run run dán bức thư tôi đưa.

- Cảm ơn cậu. - Ông nói, giọng đổi khác.

- Ông đưa ra trạm Thần Lộ mà gửi. Mua cái tem dán vào là anh ấy khắc nhận được. - cô Gái nói - Nhận được giấy của bố, thế nào anh ấy cũng giả nhờ, máu đào đâu phải là nước lã.

- Có vậy - Ông Nhiều Tuất gật đầu - Tôi đi ngay bây giờ.

Tôi đưa ông ra cổng. Ông đứng lại, móc túi lấy ra một đồng năm xu bằng kẽm, dúi vào tay tôi:

- Cậu cầm lấy mua sâu.

Tôi nhất định chối từ, nhưng ông cương quyết nhét sâu vào túi tôi:

- Cậu cầm lấy cho tôi bằng lòng.

Tôi đành nhận.

Sau đó là những ngày chờ đợi dài đằng dặc. Phải nói rằng tôi chờ bức thư trả lời của anh lính thợ nôn nóng chẳng kém gì ông nhiều. Thậm chí, tôi tránh đến câu cá ở ao nhà ông. Tôi sợ nhìn thấy nỗi sốt ruột của ông.

Bác Hai Thực nói rằng chiến tranh ngày một lan rộng, hàng hóa của Pháp cũng còn không gửi sang Đông Dương được nữa, nói gì thư. Bác biết được những tin tức đó qua tờ Đông Pháp. Tôi biết được nhờ nghe lỏm chuyện của bác. ở trường

học, thầy giáo treo trên tường ảnh một ông già Pháp với bộ ria mép rậm trên khuôn mặt béo tốt. Thầy kẻ lên tường những chữ in bằng mực tàu "Cần lao - Gia đình - Tổ quốc", dưới bức ảnh có in chữ đề "Thống chế Pétain". Từ trên huyện, người ta gửi về những bức tranh cổ động gồm các tranh nhỏ đủ cho một truyện "Đại úy Đỗ Hữu Vị", "Hai Bà Trưng". Đại úy Đỗ Hữu Vị là người Việt Nam đăng lính Pháp, lái máy bay đánh nhau với Đức, chết cho mẫu quốc. Bà Trưng "quê ở châu Phong, giận người Tô Định thù chồng chẳng quên" đánh nhau với quân Tàu, chết cho nước Việt. Có lẽ vì sự gắn bó của hai nước mà người ta in những bức tranh ấy. Tôi hiểu: người ta nói dối. Bố mẹ tôi sẽ nói khác về chuyện này.

Ông nhiều Tuất héo hắt đi trông thấy. Bác Hai Thực nghe ai nói kể rằng ông hầu như chẳng mấy khi ăn cơm. Ăn cơm thì phải thổi, mà trên mái nhà ông không có khói. Hình như thỉnh thoảng ông mới nấu nướng một lần. Hình như ông không còn tiền đóng gạo. Hình như ông chỉ ăn sung xanh và thỉnh thoảng một bữa tróc giông. Cô Gái sai tôi mang sang nhà ông một rá gạo. Ông nhận và cảm ơn, nhưng không thấy sang chơi. Phải đến bốn tháng sau đó ông phu trạm Thần Lộ mới mang tới cho ông nhiều Tuất bức thư mong đợi. Kèm theo là một ngân phiếu hai chục đồng, một số tiền khá lớn đối với túi tiền của người nhà quê. Ông nhiều Tuất chống gậy đi khắp làng để khoe lá thư. Ông cúng vào nhà xứ năm đồng để mua nến. Có lẽ ông muốn chuộc lỗi với Chúa mà ông dám oán trách hoặc tệ hơn, dám nguyền rủa. Đó là tôi nghĩ vậy. Người làng khen ông sốt sắng sự đạo. Cô Gái lại càng khen.

Tất nhiên, tôi phải là người được đọc lá thư đầu tiên. Bức thư dài bốn trang, trong đó người con trai kể lể nỗi niềm thương nhớ đối với cha. Tôi đồ rằng anh ta cũng nhờ ai viết hộ. Nét chữ trong thư quá đẹp đối với một người lính thợ kèm theo thư là một bưu ảnh in hình một nhà thờ đồ sộ và cổ kính với đám đông đi lại tấp nập trên quảng trường trước mặt, chắc hẳn trong ngày lễ trọng.

Tôi thậm ghen với con trai ông nhiều Tuất. Hắn anh đã tới đây đã đi lại trước nhà thờ này, giữa những người xa lạ kia. Chỉ riêng điều đó thôi cũng đã thú vị biết bao nhiêu. Tôi còn đến xem bức bưu ảnh nhiều lần, nó được đặt trên bàn thờ nhà ông nhiều Tuất, và trong tôi bắt đầu nổi nhớ mơ hồ những phương xa tôi chưa từng gặp, những vùng đất tôi chưa từng đến, nơi cái gì cũng khác với quê tôi – từ ngọn cỏ, mặt trời hay ánh trăng khuya.

Về sau này tôi mới biết đó là Nhà thờ Đức Bà ở Pa-ri.

Cả thế giới biết đến nhà thờ này, không phải vì nó to hơn hay đẹp hơn các nhà thờ khác, không phải vì nơi đây đã xảy ra một sự kiện lịch sử lớn lao nào, mà đơn giản chỉ vì Vích-to Huy-gô đã nói đến nó, đã chọn nó làm tụ điểm cho cuộc gặp gỡ bi kịch của những nhân vật Huy-gô.

Sự biết ơn của ông nhiều Tuất làm phiền tôi. Ông khoe với cả làng về tác dụng bức thư tôi viết. Thế là những người đàn bà có chồng làm ăn trên tỉnh hay ở mạn ngược liền chạy đến với tôi. Ông nhiều nghĩ rằng họ sẽ biết cảm ơn tôi như ông đã cảm ơn tôi mỗi lần họ nhờ tôi viết. Nhưng dù cho họ có rộng rãi trả tôi cả một hào tôi cũng chẳng bao giờ viết được cho họ một bức thư như tôi đã viết cho ông.

XX

Anh Cu Nhớn mặt tái mét chạy ra cầu ao, ngồi thụp xuống bên tôi. Tôi đang rửa bèo cho lợn.

- Chú Khóa sắp chết rồi. - anh hỏn hển thì thào.

- Ai bảo anh thế?

- Chú Bồng. Chú ấy bảo tôi về nói với cô Gái.

Có nên báo tin ấy với cô tôi không nhỉ? Cô Gái đi cất thuốc. Bây giờ có dễ cô đang ở một hiệu thuốc bắc nào đó trên chợ Lẽ. Từ nhà tới đó đi nhanh cũng mất hơn nửa giờ. Hơn nữa, chắc gì cô đã cho cái tin ấy là quan trọng. Có khi bà còn mắng tôi cũng nên.

Tôi mang rổ bèo về, trút vào nồi cám đang sôi sùng sục trên bếp. Gì thì gì, cũng phải xong bữa cám cho lợn đã. Nếu tôi bỏ đói con lợn, bà sẽ mắng tôi, đó là cái chắc. Chú Khóa, tính theo họ, là em của cô tôi. Họ thế nào, tôi cũng chẳng biết. Tôi hình dung họ tộc như một cái cây. Bắt đầu từ một rễ cái cắm vào lòng đất, chẳng bao lâu sau đã có hàng chùm rễ con và trên thân cây lớn dần những cành lá cứ tiếp tục mọc thêm. Chú Khóa tôi là một cái cành con nào đấy trong đám cành lá xúm xuê của dòng họ. Chú tới nhà tôi, rụt rè và ngượng ngập.

- Cảm ơn chú tới thăm chị. - cô Gái nói, giọng nước lã - Lâu không thấy chú. Nghe đâu châu này chú làm ăn cũng khấm khá, phải không?

- Làm gì có khấm khá, chị. - chú Khóa giã nẩy - Em cũng chẳng biết rồi sống thế nào đây.

- Đào, dễ người ta chết cả. Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trề.

- Thưa chị, có vậy, tất cả đều do một ý Chúa.

- Chú đừng đổ cho Chúa, chúa dạy mọi người phải làm lụng mà sống, chớ có há miệng chờ măn-na.

- Thưa chị, vâng.

- Ý chú định làm gì.
- Dạ, còn để xem. Em tính về đây nhờ chị.
- Chị thì giúp gì được chú.
- Chị cho em ở đây với chị. Rồi em kiếm việc, làm thuê.
- Tay chân học trò thế kia, chú làm được gì? Ai thuê? Dạ, em không nề hà gì, có việc là làm. Người ta thuê làm gì làm nấy. Đã tính xuống biển, nhưng suy đi nghĩ lại, em về đây ở đây dù sao cũng còn có chị chỉ bảo.

Cuộc đối thoại rời rạc không kéo dài. Cô Gái thẳng người lên, đầu ngẩng cao, đi xuống bếp.

Chú dọn một chỗ mà nằm dưới nhà ngang. - Bà nói. Chú Khóa thở phào, líu ríu bước vào nhà (từ khi tới, chú đứng ngoài cửa), mang theo cái tay nải nâu có nhiều mụn vá. Chú hạ cái giường bỏ không lâu ngày xuống, đặt giát lên, lấy manh chiếu rách trải lên trên giát, thế là đã có chỗ ngủ.

Tôi hỏi cô Gái xem chú Khóa họ hàng với chúng tôi như thế nào, cô xì một tiếng:

- Kể thì dài lắm, mà mày cũng chẳng hiểu. Hắn ta có họ, nhưng xa, mày phải gọi bằng chú.

Khi cô Gái gọi ai bằng hắn ta, nghĩa là cô không ưa người đó. Tại sao cô không ưa thì cho tới nay tôi vẫn không hiểu. Giải thích dễ nhất là nói chú Khóa nghèo. Nhưng đối với người nghèo, cô Gái có hóm thật, nhưng cũng không đến nỗi ghét bỏ như đối với chú Khóa, cái sự ghét được gọi là "tát nước đổ đi". Sở dĩ cô Gái phải chịu đựng chú Khóa, là bởi tại trong làng ai cũng biết chú có họ, đối xử với người máu mủ quá đáng sẽ bị chê cười.

Chú Khóa có một cái tên, nhưng hình như mọi người quên cái tên ấy, quen miệng gọi bằng danh hiệu. Đó là thứ danh hiệu kỳ cục nhất, tức cười nhất của một thời gian đã qua. Bất kể ai đã học chữ thánh hiền, từng vác lều chõng đi thi, bất kể thi hương hay thi hội, đều được gọi là anh khóa. Nếu cả đời

người đó toàn thi trượt, cho tới già anh vẫn được vinh dự mang cái danh hiệu của người học trò đi thi – anh khóa, ông khóa, cụ khóa. Tôi viết chú Khóa với chữ K viết hoa là bởi vì chính tôi cũng không biết tên thật của chú là gì mọi người gọi thế thì tôi gọi theo.

Theo lời đề nghị của chú Khóa, cô Gái cho chú ăn cơm cùng. "Em xin hầu chị tiền gạo, còn thức ăn em xin", chú nói vậy. Cô Gái hăm hứ, không ra gặt, không ra lác, nhưng tới bữa cô bảo tôi đong thêm gạo, dọn thêm cái bát đôi đũa cho chú. Chú ăn ý tứ, không bao giờ đụng đũa đụng bát, không nhai nhóp nhép, tóm lại chú cố không gây một tiếng động nào có thể gây ra sự chú ý của cô Gái, chú ngồi đấy mà như không.

Khi nghĩ tới người học trò thời xưa, bao giờ tôi cũng hình dung ra chú Khóa, mặc dầu khi tôi gặp, chú đã ngoài bốn chục tuổi. Người mảnh khảnh, nước da trắng xanh, đôi tay dài, cái lưng dài, gương mặt nho nhã, mắt đậm suy tư – đó là hình ảnh chú Khóa. Hình ảnh này gắn liền với câu ca dao xưa:

Ai ơi đừng lấy học trò

Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm

Ở với cô Gái, sáng sớm chú thức dậy sớm, cặp nón ra ngồi ở chợ ở góc chợ có một cái điểm dành cho người kiếm việc làm tụi tập. Người thuê cứ ra đấy, cần bao nhiêu người thuê bấy nhiêu. Những người thợ công nhật được đưa về nhà, cơm sáng đã thổi, ăn xong họ ra đồng làm cho tới trưa, cơm trưa ăn tại chỗ, rồi làm cho tới sẩm tối thì lĩnh công rồi về nơi trọ ăn bữa tối. Khi công việc đồng áng đã vắng (nhiều việc nhất là vụ gặt), cái điểm giữa chợ vắng tanh, chỉ có vài người chờ người thuê đánh đồng rơm, lợp nhà hoặc những việc linh tinh khác. Nhưng vào tháng ba ngày tám, kể cả những việc linh tinh cũng không có nữa.

Chú Khóa trở nên thất nghiệp. Tuy vậy, chú cũng cứ dậy sớm, cứ đi đâu đó rồi trở về vào buổi chiều. Chú không còn cả tiền gạo để đưa cho cô Gái và thế là bát cơm chú ăn trở nên rất cay đắng. Cô gái mặt nặng chịch, đưa bát cơm cho chú mà

như quăng vào mặt chú, kèm theo những lời bóng gió chì chiết. – Tôi không hiểu sao chú không lấy vợ để vợ nó nuôi, cứ ở vậy để thân làm tội đời?

Chú cười méo mó:

– Chị tính, ai người ta lấy em.

– Ừ, mà cũng phải, người ta lấy chồng thì cũng cốt để trông cậy vào chồng, chứ lấy chú nó trông cậy vào cái gì?

– Chẳng lẽ lấy chồng về để ngắm. Họa may có cái Chấm nó lấy chú.

Chấm là cô gái dở điên dở dại, xấu xí nhất làng. Cô ta thường ra ngồi bắt rận ở sân nhà thờ. Quần áo rách rưới hở hang để lộ nước da đen đũi cóc cáy, cô ta nhe răng cười vô duyên có với người qua lại, thỉnh thoảng hứng lên thì nghêu ngao hát. Cha mẹ không còn, cô sống bằng lòng thương của người làng. Đối với cả làng, không trừ trẻ con, cô chỉ là cái Chấm. Không ai gọi cô là chị Chấm hay cô Chấm bao giờ.

Chú Khóa rơm rớm nước mắt, quay đi. Tôi bối rối trước giọt nước mắt của chú. Nói chung, tôi thường bối rối trước nước mắt người lớn.

– Chú giận cô Gái lắm nhỉ? – tôi hỏi, khi chỉ còn hai chú cháu với nhau.

– Giận gì, cô bực bội trong lòng cô nói vậy thôi. Chứ cô không ghét bỏ gì chú đâu, chú biết.

Tôi ngạc nhiên. Chẳng lẽ chú ngần ấy tuổi đầu mà không biết người ta ghét mình?

– Với lại thời buổi khó khăn, cô cũng vất vả lắm, chú chẳng đỡ được cô thì chớ, lại còn báo hại cô.

– Chú đói lắm không?

– Không, chú ăn thế là vừa, ăn nhiều nó quen dạ đi, cháu ạ.

Chú nói dối, tôi biết, người không đói chẳng dại gì ăn hàng chùm sung xanh. Sung xanh chát xít, ăn vào cứ tắc ở cổ họng.

Tôi lén lấy gạo của cô Gái dú cho chú khi chú cắp nón đi làm. Nếu không có ai thuê, chú Khóa có thể vơ mấy cái lá mà đốt, rang gạo trong một mảnh nồi vỡ, cũng đỡ đói lòng. Nồi vỡ thì ở bụi tre nào cũng có. Lúc đầu, chú nhất định từ chối, nhưng rồi cái đói đã thắng niềm kiêu hãnh sĩ phu, chú tránh nhìn mắt tôi, giắt gói gạo vào cặp quần.

– Bây giờ kiến giả nhất phận, chú phải tìm cách nào sống, chị cũng chả giúp chú được. – cô Gái nói trong một bữa cơm tối, sau hai tháng chú Khóa không đóng tiền cho bà – Thóc gạo châu này kém quá sức lẽ mình.

Hôm sau chú Khóa vẫn về ngủ, nhưng không ăn bữa tối nữa. Chú ăn ở đâu, tôi không biết. Chú về muộn, có khi hai cô cháu tôi đọc kinh xong, đã đi ngủ, chú mới về. Tôi cũng không quần chú lắm, mà nói chung, chẳng đứa trẻ nào trong xóm ba nhà thân thiết với chú. Chú không biết đi câu, không biết uốn lưỡi câu, không biết vót cần câu đã thế lại không biết kể chuyện. Nếu chúng tôi năn nỉ bắt kể, chú đặng háng hồi lâu rồi mới bắt đầu cất giọng khàn khàn kể những câu chuyện khô khan đầy điển tích, giải thích điển tích này chú lại vấp phải điển tích kia và câu chuyện cứ lan man mãi, làm cho chính chú cũng thấy nó đáng ngán. Lúc ấy chú đỏ mặt lên, hay nói cho đúng hơn, mặt chú giống như cách khi người ta đỏ mặt, bởi vì nó không có đủ máu để mà đỏ. Chú cười ngượng ngịu, hẹn khi khác kể tiếp. Chúng tôi cũng ngán luôn đoạn tiếp, chẳng bắt chú trả nợ nữa.

Tội nghiệp, chú Khóa tôi đã khổ còn cô đơn. Chú thuộc loại người ra đời để sống một mình. Chú chẳng hợp được với ai, không thích ứng được với môi trường nào ở đâu chú cũng là người lạ, làm việc gì cũng trật ý người khác. Nhưng lòng chú trong sáng, chú vô tư, chú chẳng làm hại ai, chú cũng chẳng biết đến cách lấy lòng người khác nữa, đừng nói đến biết cách nịnh. So với cô Thiệp chú còn nghèo hơn, nhưng cô Thiệp tuy vậy còn biết cách sống với đời hơn chú. Tuy nhiên, chú đã không sai lầm khi chọn cô Gái để nhờ vả. Bên cô Oanh, chú không thể nhờ được, vì lẽ cô Oanh chỉ là người quản gia của

ông em giàu có, chứ cô không có quyền hành gì trong nhà. Nhà bác Hai Thực thì quá nghèo để có thể cư mang một người em họ gần, chưa nói tới người em họ xa. Về tuổi tác, cô Gái nhiều hơn cả, thế tất cô là người duy nhất trong đám các ông anh bà chị họ có nhiều liên hệ nhất với một chi đã đi xa, một cành đua xa nhất trong cây dòng họ. Những người kia chỉ nghe dẫn tích mới biết họ hàng, vì vậy trong quan hệ cũng lỏng lẻo, hững hờ.

Cô Gái cũng chẳng phải quá xấu đối với chú Khóa. Hà tiện là bản tính của cô, hơn nữa cô không chịu được người không biết làm, không làm được việc gì. Nết hậu đậu của chú Khóa làm cô ngứa mắt. Bằng chứng về chuyện cô cũng thương chú Khóa là bà biết việc tôi lấy gạo cho chú, nhưng không nói gì. Bà nhắc tôi:

– Lấy rá úp miệng chum cho cô, kéo chuột mò mất nhiều gạo lắm rồi.

Chuột mò thì để lại cứt chuột. Tôi lấy không để lại gì. Tinh như cô Gái thì cô phải biết. Ở nhà còn chị Liễu, nhưng chỉ mình tôi được phép vào buồng bà lấy gạo. Cái cách nói của cô Gái phải hiểu thế này: cô biết, nhưng thôi, cho chú ấy một ít thì được, cho nhiều thì liệu hồn.

Chú Khóa ngày một yếu đi. Cô Nhung bảo chú:

– Đói thì ăn rau má, chớ ăn quấy ăn quá, sinh bệnh.

– Thưa chị, vâng – chú Khóa đáp.

Những buổi chợ, nhà vắng cô Gái, chú lần về, mang theo một bó tương rau má.

Chú mang ra ao, rửa rất kỹ, xin chị Liễu mấy hạt muối rồi ngồi nhai trệu trạo.

Đôi bận, chú lân la sang chơi bác Hai Thực, nhân tiện cả nhà đang ăn hạt sắn rang, chú cũng ăn cùng. Bác Hai Thực gái rất hồ hởi mời ai chưa biết nếm thử món hạt sắn rang của bác, nhưng khi chú Khóa ăn thực thà như người trong nhà bác, lại không phải một lần, thì bác cũng không thích.

Rồi băng đi một dạo, chú không về nhà nữa. Cô Gái cũng chẳng hỏi đến. Tôi cũng quên chú luôn. Dạo ấy, tôi mãi chơi diều. Đó là thú chơi truyền thống của cả làng, không trừ nhà nào. Ông tôi cũng là một tay chơi diều cự phách. Gác trên mái nhà ngang là một bộ khung diều cực lớn, dài cả hai gian nhà. Bên trên nóc hòm gian của cô Gái còn một cái sáo đại, to bằng bắp đùi người lớn. Thời gian đã phủ một lớp bụi dày trên lớp sơn then của nó. Nhân một hôm dọn dẹp nhà cửa tôi đã mang cái sáo ra lau chùi. Bình thường, tôi cầm cái sáo trong tay dang ngang mà chạy thật lực thì sáo kêu, kể cả các sáo lớn, nhưng với cái sáo này thì dù chạy nhanh tới mấy, dù có đứng tại chỗ mà quay tít người để tạo ra gió mạnh thổi vào họng sáo, nó cũng chỉ phát ra một tiếng thở dài trầm trầm, như thể nó nuối tiếc những ngày vang bóng xa xưa, khi còn được nghe nghẹn trên hai cánh diều đại mà bay lượn trên trời cao. Cô Gái nói tên nó là sáo công, nghĩa là khi nó hát, tiếng của nó to và vang xa, tựa tiếng công vậy. Cô Gái cũng kể lại rằng để đưa sáo công lên phải có một cái diều to, sải cánh dài trên ba gian nhà và chỉ có thể thả thử diều này trong cơn bão nhẹ với hàng chục người đưa và nhử trên cánh đồng trống. Dây diều phải làm bằng chấu gai ngâm, mềm nhưng cực dai, cột chặt vào gốc cây lớn. Bà kể say sưa đến nỗi tôi hình dung ra cô tôi ngày trước – một đứa con gái nhỏ nháy chân sáo theo người lớn ra đồng, trong gió lớn làm bay tung mái tóc, hờn hờ chờ phút cánh diều khổng lồ bay lên những tầng mây u ám. Một hôm tôi gặp chú đứng ở sân đình làng, miệng ngậm cây tằm. Chú gầy ghê gớm, hai má hóp sâu, mắt trũng. Tôi chào chú, hỏi thăm chú giờ ở đâu. Chú cười, răng vàng khè:

– Chú ở ngay đây. Rồi đến chơi với chú.

Chú chỉ cho tôi cái chái của nhà đờn. Lối vào che bằng manh chiếu rách. Tôi ít khi bước vào nhà đờn. Không khí lạnh lẽo ở đây, những con rồng chỉ có đầu không có mình kê trên niêng, nước sơn đã tróc cùng với vàng thếp, mùi mốc và mùi đất ẩm làm tôi nghĩ tới những người đã nằm trên đờn này đi khỏi nhà họ và không bao giờ trở về.

Người trông nhà đôn là một ông mỗ làng, chú Bổng. Chú Bổng người tầm thước, chắc nịch, ít nói. Không rõ chú từ đâu tới, người ta chỉ biết tới chú khi chú cầm cái mỗ trong tay, tối tối đi lang thang trong làng, cao giọng "Triệt quan viên... làng nước...". Không ai gọi chú bằng ông bao giờ, mỗ thì có thể gọi bằng chú, dù người gọi là trẻ con hay người lớn. Chú Bổng thoát tiên ở một chái nhà đôn, sau dựng một túp lều bên cạnh đấy, cũng với khoảnh vườn rau, vài con gà bới, một con chó gầy. Mãi về sau này, mới có một người đàn bà về làm bạn với chú Bổng và chú cũng có những đứa con khỏe mạnh. Trước đó, chú ở một mình, các cô gái làng dù nghèo mấ, xấu mấ cũng không chịu lấy mỗ.

Có nghĩa là chú Khóa tôi đã được chú Bổng cho ở nhờ chái nhà đôn. Nhà đôn là lãnh địa của mỗ, không được chú Bổng chấp thuận chú Khóa không thể ở đấy được. Chú Khóa rủ tôi vào chơi nhà chú. Tôi lắc đầu, thoái thác. Manh chiếu rách để lộ một lỗ thủng vào một cái hang tối mò. Tôi không thích vào đó. Tôi từ biệt chú, chạy một mạch về nhà.

Cho lợn ăn xong, tôi rủ anh Cu Nhớn:

- Ta ra nom chú Khóa đi?

- Chú ra trước, tôi nhấc mấy cái cần câu thả rồi ra sau.

Tôi biết, anh không muốn đi cùng tôi, mang tiếng rủ rê.

Cần câu thả, bao giờ anh chả nhấc vào sáng sớm. Tôi không thích câu bằng cần câu thả. Không thể nào gọi là câu được khi chỉ dùng một mảnh tre vót quấy quá dài bằng ba gang tay cắm chặt vào đất bờ ao, với sợi dây câu to đùng và cái lưới câu thô kệch có ngạnh mắc khéo vào lưng một con săn sắt sao cho nó vẫn sống. Săn sắt thường bắt cá chuối con, cho nên cá chuối mẹ đi chặn con (một đàn con lúc nhúc màu lửa bao giờ cũng quây tụ thành một hình tròn như cái mẹt gọi là đàn rỗng rỗng) thấy săn sắt đâu là xông tới tiêu diệt. Thế là nó bị lừa, chết vì con cá săn sắt móc vào lưới câu của anh Cu Nhớn.

Tôi lách qua manh chiếu rách bước vào nhà chú Khóa.

Chú nằm trên ổ lót rơm và lá chuối khô, mặt quay ra cửa. Dường như còn nhận ra tôi, chú mấp máy cặp môi mỏng thâm xì dán chặt vào xương hàm, nhưng không còn phát ra tiếng. Tôi ngồi xuống bên cạnh chú:

– Cháu đây, chú ốm hả chú?

Một lần nữa, cặp môi lại mấp máy không có tiếng. Đôi con ngươi trắng đục nằm sâu trong hố mắt đảo lia đảo lịa, nhưng không rời tôi.

– Chú ốm thế nào? – tôi hỏi lại.

Cái đầu đã mất hết thịt, tóc bết vào da và rất thưa, khế gật. Chú hiểu câu hỏi, nhưng không trả lời được nữa.

– Cô Gái đi chợ Lẽ. Cô về, cháu bảo cô lại nhá?

Cái đầu lắc.

– Chú ăn cháo được không? Cháu về lấy gạo nấu cho chú bát cháo nhá?

Cái đầu gật.

Tôi phóng một lèo về nhà, xúc một bát gạo gói vào lá khoai, phóng ra. Chú Khóa vẫn nằm đó, mắt nhắm. Có lẽ chú ngủ. Tôi nhìn quanh. Bốn bức tường ám khói đen ngòm trong bóng tối mờ mờ. Chung quanh ổ vương vãi những mẫu xương trắng. Trong một góc còn nhiều xương hơn, những khúc dài, khúc ngắn với củ xương ở chỗ khớp, không biết là xương trâu hay xương lợn. Quang cảnh làm tôi rùng mình. Nhất là ở giữa quang cảnh đó lại là một hình người khô đét bất động trong bộ quần áo vá bốt mùi khăng khảnh. Tôi tìm thấy mấy viên gạch đen thui thay cho ba ông đầu rau và cái nồi sứt miệng. Tôi bỏ gạo vào, chạy ra ao đình vo qua cho nước mấp mé chỗ sứt rồi đặt lên bếp, nhúm lửa. Khói rơm và lá làm cay mắt. Chú Khóa cựa quậy, rồi đôi mắt mở ra.

– Cháu nấu cháo đây. – tôi nói.

– Ừ.

Lần này tôi mới nghe chú đáp, tiếng nói yếu và thoảng qua như gió.

- Cháo suông thôi, nhà chả còn gì sất.

- Ừ

- Cháu nấu chú ăn rồi cháu chạy lên chợ Lẽ gọi cô Gái.

- Đừng.

- Cô về lấy thuốc cho chú uống chứ.

- Không.

Lửa đã cháy to. Mùi khói át đi mùi khai và khẳm. Hơi ấm của lửa làm cho chú Khóa tôi tỉnh lại.

- Cha.

- Chú bảo gì?

- Cha.

Chú Khóa nhắc lại, nhưng tôi không hiểu.

Có ai đó bước vào, ngồi xuống bên tôi. Trong ánh lửa, tôi nhìn thấy anh Cận. Anh là anh tôi, tính theo họ, nhưng già hơn bố tôi, thấp tè, đôi mắt toét lúc nào cũng đầy nử. Anh làm nghề hoạn lợn và các thứ nghề linh tinh khác mà nhà nông cần đến. Cô Gái thường gọi anh đến, khi thì sửa cho bà cái chuồng gà, đánh hộ đồng rơm, khi thì thay một bức vách bị mọt. Anh không bao giờ lấy tiền công của cô Gái, cô dọn cơm thì anh ăn, chắc anh nghĩ cháu không được phép lấy tiền trả công của cô. Họ hàng để làm gì, nếu còn tính toán sòng phẳng với nhau như vậy. Thành thử, cô Gái gọi anh đến nhiều thì anh thiệt nhiều, nhưng nếu cô đã gọi thì thể nào anh cũng đến. Tôi không thấy anh Cận đánh bạn với chú Khóa bao giờ và ngạc nhiên thấy anh tới.

- Chú thế nào? - anh hỏi khẽ.

- Chú mệt lắm, em nấu cháo cho chú.

Anh thở dài, gạt tôi ra rồi ngồi vào chỗ của tôi, chăm chăm nhìn ngọn lửa lem lem liếm lên hông nôi.

- Cha...

Chú Khóa rên khe khẽ.

- Chú muốn gì? - anh Cận ghé sát vào mặt chú Khóa.

- Cha... - chú Khóa mấp má môi, giọng run run.

Cháu hiểu rồi. - anh Cận nói - Cha đang thăm kẻ liệt ở họ ông thánh Vi-xăn-tê. Cháu cho chú ăn cháo rồi cháu đi rước cha đến rửa tội cho chú, chú cứ nằm yên.

Chú Khóa lại gật đầu. Một người nữa bước vào. Đó là chú Bổng. Chú Bổng ngồi xuống bên anh Cận.

- Sao rồi?

- Vưỡn vậy. Tỉnh hơn được một thí.

- Khó lắm.

- Chúa sinh ra, Chúa lại rước về.

- Ai chả vậy.

- Gọi là sinh lão bệnh tử, chẳng trước thì sau.

-Có thể.

Chú Khóa nằm im lìm. Không biết chú có nghe thấy mọi người nói gì không, nhưng chú không động đậy.

Tôi chạy về báo cho bác Hai Thực biết sự thể. Bác gọi anh Cu Nhớn:

- Mà đi nom chú Khóa thí.

- Thừa thầy, vâng.

Chúng tôi lại chạy ra đình. Vừa chạy, anh Cu Nhớn vừa hỏi:

- Nom chú ấy có hãỉ lắm không?

- Không. Nhưng vừa nãy sao anh bảo đi sau rồi không ra?

- Tôi hãỉ người chết lắm.

- Chú còn sống mà.

- Sắp sinh thì rồi, chú Bổng nói vậy.

- Bậy. Chú bảo em nấu cháo chú ăn đấy.

Gần tới đình, chúng tôi đứng sững lại. Từ trong nhà đờn vẳng ra một tiếng gọi thống thiết:

- Giêsu...u...u! Hãy cứu lấy linh hồn Giu-se...e...e...!

Tiếng gọi lặp đi lặp lại theo một nhịp đều đặn với cách quãng rất ngắn. Nghe tiếng gọi âm u đó tôi nổi da gà.

- Chú Khóa chết rồi? - anh Cu Nhớn, mặt nhợt ra, nói - Tôi về đây.

- Hai chúng mình vào rồi cùng về.

- Chụ thôi. Chú có vào thì vào một mình.

Anh bỏ mặc tôi lưỡng lự, quay người đi thẳng. Tôi nhìn thấy chú Bổng từ trong bước ra.

- Chú Bổng, chú Khóa sao rồi?

- Ông Khóa á? Sắp đi.

- Đi đâu?

- Chết chứ còn đi đâu? Cậu vào với ông thí. Ông Cận ở trong ấy.

Anh Cận đang đứng trước lối vào, hai tay giơ lên trời thành hình chữ V:

- Giêsu... u... u...? Hãy cứu lấy linh hồn Giu-se... e... e...!

Vậy mà tôi không nhận ra tiếng anh Cận. Bình thường anh ít nói, khi nói thì nhỏ nhẹ, nhát gừng. Nhìn thấy tôi, anh nói vội vã:

- Ông sắp đi? Chú vào ngay đi để chú cháu được thấy nhau trong giờ lâm tử.

Anh nói bằng giọng trang nghiêm, với lời nói trang nghiêm, làm tôi không còn cách nào khác là nghe lời. Vén mạnh chiếu rách lên, tôi nhìn thấy chú Khóa cởi phanh áo, hai tay quờ quạng trên ngực. Đầu ngật về đằng sau, toàn thân rướn lên từng đợt, chú thở dốc, miệng há to như muốn đớp lấy những

ngụm không khí hiếm hoi. Cùng với hơi thở khó nhọc, ngực chú giật nảy, cái bụng lép dán chặt xuống chiếu phập phồng. Khi cúc áo đã mở toang tôi mới thấy chú Khóa gầy quá như thế, những cái xương sườn cụt như muốn chọc thủng làn da mỏng và cái bản ra ngoài. Tôi đứng lặng trước người hấp hối. Ông chẳng nhìn ra tôi nữa. Trong hai hố mắt chỉ còn toàn lòng trắng nhày nhụa. Một bát cháo đổ lênh láng bên cạnh.

Tôi lúi dúi cho tới khi chạm vào manh chiếu che lối vào ở đó tôi quay ngoắt lại ù té chạy thẳng. Tiếng gọi Chúa đến rước linh hồn chú Khóa tội nghiệp của anh Cận đuổi theo tôi.

Chú Khóa tội nghiệp qua đời, không đợi được cha xứ. Không ai nói chú chết vì bệnh gì, mà nói chung, thời bấy giờ ít ai nói tới cái chết có kèm theo lời giải thích về nguyên nhân. Một con người qua đời, có vậy thôi.

Sau cái chết của chú mấy tháng, một hôm ông mỗ làng rẽ vào nhà bác Hai Thực xin ngụm nước mưa, bác Hai Thực hỏi chuyện những ngày cuối cùng của chú Khóa thì ông mỗ trả lời:

– Ông Khóa nhà ta cứ cuối buổi chợ lại đi mót xương. Xương dùng vào việc xương, chẳng ai vất đi sát, nói mót là nói vậy, cho ông Khóa đỡ tủi, chứ người ta thương ông Khóa thì người ta cho. Khốn nạn, nhiều khi thịt ế, xương đã ôi rồi ông mới tha về nhà, nấu nướng qua quít rồi ăn, ông bảo không sinh bệnh sao được. Có khi còn để lại đến hôm sau nữa. Mấy phần thịt ở chợ cũng tẻ, thương người ta thì cho thứ tươi đàn này thứ ôi, thứ bỏ cũng cho, chẳng trách ông Khóa bị.

Tới lúc ấy tôi mới giải đáp được câu hỏi cứ quanh quẩn trong đầu: tại sao nơi chú Khóa lại lẩm xương khô như vậy?

Cô Gái đưa cho anh Cận một đồng để làm bữa cho người đi cùng với anh chôn chú Khóa. Anh Cận mua rượu thịt ăn với chú Bồng. Tối hôm ấy hai người đưa chú ra đồng. Chú Khóa không phải người giàu có để phải chôn bằng quan tài cũng chẳng phải quàn lại đến hôm sau đợi họ hàng đến viếng. Anh Cận mang đĩa trầu vào trình ông lý một tiếng là xong.

Chú Khóa được bó lại trong tấm chiếu mới và sạch sẽ, do anh Cận mang tới. Thừng thì sẵn của nhà chú Bổng. Đám tang gồm có bốn người, hai người khiêng và hai người đi đưa Dưới cái đòn ổng là chú Khóa bó gọn trong cái chiếu.

Anh Cận đi trước chú Bổng đi sau. Cả hai người lặc lè khiêng chú Khóa. Anh Cận phàn nàn rằng người chết nào cũng thế, đều nặng hơn lúc còn sống. Đi sau cùng là tôi và cô Gái. Lúc đầu cô định không đi, nhưng sau bà đổi ý. Trời đổ mưa lâm thâm. Đường trơn, thành thử anh Cận và chú Bổng phải bấu ngón, đi rất chậm. Tôi cầm bó đuốc, giơ cao trên đầu để soi đường. Anh Cận cũng cầm một bó, nhưng vì mãi khiêng, nửa đường đã để tắt. Lửa đuốc soi tỏ đôi chân gầy guộc của chú Khóa thò ra ngoài chiếu, rung rung. Cô Gái thỉnh thoảng lại làm dấu thánh và lầm rầm cầu nguyện. Những giọt mưa lớn rơi vào đuốc kêu xèo xèo. Chó ở các nhà ven đường sủa râm ran.

Hôm sau, cô Gái mang hai đồng vào nhà xứ để xin một lễ Mi-sa mồ cầu cho linh hồn chú Khóa.

XXI

Không hiểu cái số tôi nó ra làm sao, mà hể tôi rơi vào tay ai thì y như rằng người đó ngựa ngáy, muốn túm chặt tôi để nhào nặn lại theo ý họ.

Cô Gái là người đầu tiên thực hiện ý muốn đó mạnh mẽ hơn cả. Bà ra sức nặn tôi từ một tên nhóc vô thần thành một con chiên ngoan. Có thể nghĩ rằng vì yêu tôi nên bà mới khổ công làm việc đó. Khổ công, bởi tôi rất khó nặn. Tôi là cục đất sét tồi, vừa nặn xong tay là nó biến dạng. Nhưng cũng có thể nghĩ rằng bà làm thế là do bản năng của kẻ cuồng tín, bản năng này bộc lộ trong khát vọng tròng vào cổ đồng loại niềm tin của họ, bắt đồng loại tin cái mà họ tin, sùng bái cái mà họ sùng bái. Kẻ cuồng tín không bao giờ chấp nhận sự tồn tại của những tư tưởng ngoài tín điều của họ, họ nổi xung khi nghe một ý kiến chống, họ tàn nhẫn đê bẹp kẻ nghĩ khác họ. Cũng có thể trong cô tôi có cả hai thứ nói trên lẫn lộn với nhau, có điều bà đã thất bại trong ý muốn của bà, còn tôi thì cũng chẳng giành được thắng lợi đầy đủ – dấu ấn của một cái gì đó, nhang nhác của cô tôi, còn lại rất sâu trong tôi. Tôi cũng tin ở tình yêu có gốc gác từ thói quen. Tôi không tin cô Gái yêu tôi ngay khi tôi từ thành phố trở về quê nội, tôi đã nói như vậy, và điều đó là sự thật. Nhưng ba năm sống với nhau, trong ngôi nhà một cô một cháu, bà đã quen với tôi đến nỗi bất thành linh phải chia tay với tôi, bà òa khóc. Tôi cũng chảy nước mắt, thút thít như khi tôi tử thân; tôi cảm thấy thiếu bà. Cảm giác thiếu vắng ùa vào trong tôi, làm cho tôi cảm thấy vô cùng trống trải, mặc dầu bên cạnh tôi có bố, có mẹ, có các em.

Những ngày đầu tiên trở về nhà mình, trở về thành phố, tôi cứ băng khuâng như thể trong tôi có cái gì không ổn.

Mẹ tôi ngạc nhiên:

– Con nhớ cô Gái à?

Tôi đáp vâng, nhưng tôi biết rằng không phải. Tôi nhớ một cái gì đó lớn hơn.

Hà Nội dường như đổi khác. Những người phu nhà rượu (công nhân nhà máy rượu) có vẻ gầy yếu đi, nhếch nhác thêm. Những chiếc xe nhà binh chở lính Nhật phóng nhanh trên đường, tung bụi vào các nhà cùng với giọng hát ông ổng. Ở phố tôi xuất hiện mấy gia đình Nhật, người ta nói rằng đó là những người Nhật làm thư ký cho mấy hãng buôn ở Đông Kinh sang. Khi những sĩ quan Nhật, kiếm dài chịu bên hông đi ngang, lũ trẻ phố tôi chạy theo, chìa tay nhao nhao xin thuốc lá:

-Ta-ba-cô! Ta-ba-cô.

Các sĩ quan Nhật không cho trẻ con thuốc lá mà cho những cuốn sách tranh mỏng, in hình núi Phú sĩ và phong cảnh Phù Tang. Họ dạy trẻ con cảm ơn:

- A-ri-ga-tô gô-da-i-ma-sừ-ạ!

Ba năm liền ở với cô Gái đã biến tôi thành một đứa trẻ nhà quê hoàn toàn. Tôi cảm thấy Hà Nội xa lạ. Hà Nội lạnh nhạt đối với tôi. So với người làng tôi, người Hà Nội lúc nào cũng tất bật, cũng hối hả, mặt người nào người nấy ngơ ngác, hốt hải.

Mẹ tôi thuê xe đưa tôi lên phố Hàng Bài, vào hiệu giày quen, mua cho tôi đôi dép. Bác phu xe già vừa húng hắng ho vào lòng bàn tay vừa kéo rất chậm. Đôi chân gầy guộc thò ra ngoài hai ống quần cụt dài quá đầu gối trong khung còng xe thấp thoáng tới lui như chạy tại chỗ. Ông chủ hiệu giày xỏ vào đôi chân đen đũi của tôi đôi dép thơm nức mùi da thuộc. Đôi dép ấy, tôi đánh mất luôn trong hôm sau khi đi chơi cùng các bạn ra nhật đá phấn ở bến Phà Đen. Tôi tháo dép ra chạy bộ - đôi dép thành phố đã kẹp làm chân tôi phồng lên ở vài chỗ. Mẹ tôi tiếc của, nhưng không đánh tôi mà chỉ thở dài:

- Khốn khổ, thằng bé bây giờ quen đi đất mất rồi.

Chỉ đến tối, trước khi vào màn tôi mới chịu rửa chân để xỏ vào đôi guốc mộc. Mẹ tôi than phiền da tôi đen nhẻm, tóc tôi cứng như rễ tre. Trước khi đi ngủ chị Tường rủ tôi đọc kinh cùng với chị. Mẹ tôi nhìn tôi, thở dài.

Chủ nhật, tôi đi lễ sớm cùng với chị Tường ở nhà thờ Hàm Long. Quỳ gối trước bàn thờ Chúa trong ánh sáng điện rực rỡ, tôi nghe tiếng chuông gióng giả mà nhớ về cái gác chuông nhà thờ quê tôi. Tôi thấy gác chuông nhà thờ làng tôi đẹp hơn nhiều, đồ sộ hơn nhiều, uy nghi hơn nhiều. Nó hơn hẳn cả về dàn chuông so với nhà thờ này, là nhà thờ tỉnh.

Trước mắt tôi hiện lên gác chuông nhà thân thuộc của làng tôi. Từ xa đã có thể thấy nó sừng sững in những nét như cắt trên nền trời bên trên màu xanh đậm của những lũy tre. Trên nóc gác chuông, ngay dưới chân thánh giá là một tổ quạ. Mỗi lần những cái chuông gióng giả kêu lên là đôi vợ chồng quạ bực tức quạ cánh bay lên cao tìm chỗ đỗ, đợi cho đến tiếng chuông dứt mới bay về. Lũ trẻ chúng tôi thường leo lên gác chuông, nằm lăn ra trên sàn gỗ sạch sẽ của nó mà ngủ trong gió lộng. Khi ông bố mù lần từng bước lên tới tầng thứ hai của gác chuông, nơi lủng lẳng sợi chảo kéo, chúng tôi ùa dậy kéo giúp bố. Chúng tôi đeo vào dây chuông, lủng lẳng như một chùm quả. Sợi dây hạ xuống rồi dăng lên vài lần thì lưỡi của quả chuông lớn nhất mới đung đợc vào thành chuông gây nên một tiếng dài và nhẹ của đồng thau. Sau đó đến lượt những quả chuông nhỏ kê u lên yếu ớt, rồi gần như cùng một lúc cả dàn chuông thức giấc. Chúng bắt đầu ca hát, giọng chung mỗi lúc một lớn, một hay. Tôi đánh đu trên sợi chảo mềm, say sưa với hòa âm vang dội của dàn chuông, mắt ngược lên không rời những quả chuông đung đưa nhẹ nhàng, mỗi lúc mỗi nhanh thêm. Rồi đến khi cả dàn chuông ca hết giọng thì những quả chuông vui mừng đu bổng lên, chúng như muốn bứt ra khỏi giá treo để bay theo tiếng của chính mình.

Chúng tôi không bao giờ kéo chuông chầu. Vào giờ đó mọi gia đình đang ăn hoặc vừa ăn xong bữa tối. Bố phải kéo một

mình. Ông đã già lắm, lại hay ốm vặt. Bõ phải đánh vật với sợi dây chấu hồi lâu, chuông cái mới kêu: chuông con còn phải sau một lúc. Hồi chuông uể oải, ném những tiếng ngân run rẩy, dài và yếu, vào không gian màu tím, vào bóng tối từ đàng tây đàng lê lét vật áo đen của nó trùm lên mặt đất.

Bố tôi trở về cũng khác lạ. Ông ít nói hẳn, trên trán xuất hiện những nét nhăn. Nhà tôi cũng vắng khách hơn hẳn những năm xưa. Ông hỏi tôi chuyện nhà quê, nghe tôi nói mắt bố tôi trong phúc chốc trở nên ướt, ông nói:

- Thế đấy, con ạ, cái nghèo làm cho người ta thành tàn nhẫn đối với nhau. Con đã về quê nhà mình rồi, con đã thấy Mà làng mình không phải làng nghèo.

- Cô Gái không nghèo đâu bố ạ.

- Nhưng cô lúc nào cũng sợ trở thành nghèo. Mọi người đều sợ như cô : sau một vụ cháy là trắng tay, thêm một năm mất mùa nữa là đói. Con có nhìn thấy đám cháy nào chưa?

Tôi đã nhìn thấy. Ở quê tôi, cháy nhà là chuyện thường. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng bớ làng nước, cháy, cháy, tiếng trống ngũ liên thúc ầm ầm. Khói đặc bốc lên cuộn cuộn, có khi nhìn thấy cả lưỡi lửa liếm lên trời. Sau đám cháy, chỉ còn những nền nhà đỏ gạch, những đống than âm ỉ, và những người mất hồn lang thang trên nền nhà của mình tìm kiếm cái gì đó không ai biết.

Tôi nghe thấy tiếng trống thúc suốt ngày và đêm không lúc nào dứt, tiếng trống gọi dân đình đi hộ đê, phòng lụt, tiếng bớ làng đuổi cướp.

- Người dân quê, con ạ, chỉ nhìn thấy cái đói, cái nghèo ở đàng trước. Họ không dám chờ đợi cái may mắn, bởi vì nó hiếm hoi như số độc đắc. Làng ta sắp gặt chưa?

- Sắp bố ạ.

- Lạy trời cho được mùa.

Bố tôi thường nói lạy trời khi biểu lộ điều rất mong muốn, mặc dầu ông không tin cả Chúa Giêsu lẫn Phật Thích Ca.

Khi mẹ tôi về làng đón tôi, cô Gái đang mài dao chẻ lạt. Khắp làng, người ta hối hả đánh trâu cho liềm, bện chảo đập lúa, giặt nong nia, phơi cút. Mùa gặt sẽ vui lắm đây! Khắp cánh đồng sẽ vang lên những câu hát ví, những tràng cười ròn rã của các cô thợ gặt và những chiếc đòn xóc sẽ cho những ôm lúa chín vàng ruộm nháy nhót trên đường làng, hào phóng rắc xuống những hạt mảy chịu nặng không còn bám nổi vào bông cho lũ gà đói ăn những ngày giáp hạt được ăn giả bữa đến căng diều. Trăng sẽ soi sáng mọi sân trong những đêm đập lúa. Thóc bắn ra rào rào từ cái cối đá lổ úp sắp, mỗi lúc một phủ kín thêm cái sân sạch bong làm vàng thêm màu của trăng. Trăng sẽ soi bóng trong mỗi bát chè tươi nghi ngút khói như một vầng trăng khác hẳn, chỉ có trong cổ tích. Nếu còn ở nhà tôi sẽ được kéo đá lăn cùng với anh Cu Nhón và chị Phương, chị Liễu, lúc nào mệt thì cứ việc nằm lăn ra trên nệm lúa đang trở thành rơm tươi ngát. Sau đó thế nào chúng tôi cũng bị rậm chúng tôi gãi lung tung, gãi đến sướt da rồi nháy tùm xuống ao khi trời đã khuya để tận hưởng cái mát lạnh của nó.

Có ai, trong vụ mùa này sẽ cảm thấy thiếu vắng tôi? Buổi tối, Hà Nội trở nên ảm đạm bởi ánh điện phòng thủ. Đèn phòng thủ là đèn trong chao nhỏ, tỏa một vòng sáng yếu ớt xuống mặt đường. Lũ châu chấu ngoại thành bay vào, xà xuống vòng tròn đó và bị người phố tôi ra vồ bắt, ngắt cổ vặt cánh bỏ vào chảo rang. Châu chấu rang ăn bùi, người phố tôi gọi nó là món tôm bay. Năm đó, tôi ăn châu chấu lần đầu. Mấy năm trước tôi không thấy người phố tôi bắt cào cào và châu chấu để rang lên làm thức ăn. Bữa cơm nhà tôi thêm một món mới nữa, ngoài châu chấu rang, là món rau muống sống chấm bỗng rượu mắm tôm. Bỗng rượu là bã thải của nhà máy rượu, một thứ bùn chua chua nồng nồng chảy theo đường ống từ trong nhà máy chảy ra, đổ vào các xe bò có quây nửa đan. Người ta chở bỗng rượu ra ngoại thành để bán cho các nhà

nuôi lợn. Tôi ăn rau muống chấm bỗng rượu và nhớ tới chị Liễu ăn cháo cám.

Mẹ tôi nấu cháo chim bồ câu và bung vào buồng cho bác Cả. Bác gầy và xanh sau cuộc vượt ngục vất vả từ Sơn La về. Căn buồng dành cho bác chỉ có bố mẹ tôi và chị Tường bước vào. Trong đó còn có một máy thu thanh với một cái mắt thần xanh biếc rất đẹp. Đêm đêm tiếng máy thì thào vẳng vào trong giấc ngủ của tôi.

Bố tôi gầy đi. Ông vắng nhà nhiều hơn. Mẹ tôi cũng đi nhiều, phó mặc chúng tôi cho chị Tường. Những người bạn bố mẹ tôi chỉ đi thoáng qua, dưới những bộ dạng khác, khi là nhà sư đi khuyên giáo, khi là ông lang được mời tới thăm bệnh. Mọi người đều có vẻ bận rộn, hối hả.

Ở trường học, trong các lớp vẫn còn treo ảnh thống chế Pê-tanh. Chúng tôi được phát không những cuốn sách "Thống chế Pê-tanh đã dạy", giấy trắng tinh in rất đẹp. Người Nhật ở phố tôi cho chúng tôi những cuốn sách học vỡ lòng tiếng Nhật bằng chữ la-tinh. Bên cạnh những câu "Cần lao - Gia đình - Tổ quốc" được kẻ la liệt trên tường xuất hiện những khẩu hiệu "Á Châu của người Châu á", "Khối Đại Đông á vạn tuế. Học sinh hát "Mà-rê-san, nụ voa-là..? " Ở trường ở nhà tập hát bài vỡ lòng tiếng Nhật "à ư ế ô... Ná ni nữ nê nổ...". Nhiều người bán hàng ở chợ biết cảm ơn theo cách Nhật "A-ri-ga-tô-gô-da-i-ma-xu". Thanh niên huýt sáo vang đường "Bài ca á-tế-á".

Bố mẹ tôi tằm tằm cười nhìn những hiện tượng ấy và tất tả đi làm công việc của mình.

Bác Cả đã bình phục. Bố mẹ tôi sắm cho bác áo the thâm, quần trúc bầu trắng, Ô lục soạn, giày Gia Định. Mặc vào bác trở thành một ông lý ra tỉnh. Chúng tôi được dặn phải gọi bác bằng bác Cả Hà Đông. Bác Cả Hà Đông đi đứng lù đù, ăn nói từ tốn, ra đường vài ngày rồi biến mất, thỉnh thoảng mới quay lại.

Chị Liễu ở nhà quê lên, mang theo quà của cô Gái. Bà dạo này yếu, ngại đi xa, ngại tàu xe. Nhưng cái chính là bà phải ở lại giữ nhà. Chung quanh làng tôi luôn xảy ra những đám cướp lớn, trong làng cũng đã có hai nhà giàu bị cướp. Cướp giả làm người đi đong thóc, vào đến tận nhà mới chịt cổ chủ khảo cửa, khi ra chúng lấy lưới giáo búp đa cắm vào sào gậy rơm, bắt hồng đi đàng hoàng qua các xóm mà không ai dám đuổi.

Ở Hà Nội lan tràn tin đồn về vụ quân Nhật chặt tay những tên ăn cắp, mổ bụng những con ngựa chết vì ăn phải cám trộn mùn cưa và nhét kẻ bán cám giả vào trong đem chôn. Người Pháp ít khi ra đường. Họ đi len lét, mắt nhìn xuống đất. ở các ngã tư, lính Nhật đứng lững lơ, không gác mà cũng không ra không gác. Người ta nói đó là chúng đứng canh chừng để giữ trật tự. Lính Nhật tập ném lựu đạn ở những khúc hè rộng và vắng. Khi tập đâm lê, chúng hò hét om xòm. Tiếng hô từ cổ họng nghe hoang dã, rùng rợn. Một cách mơ hồ, tôi cảm thấy thời gian đang đi những bước gấp. Những sự kiện xảy ra trong thế giới người lớn cũng dồn dập, tôi biết được qua những câu chuyện của người lớn.

Bố tôi mang về một bản đồ thế giới. Tối tối bác Cả cùng bố mẹ tôi cúi xuống tấm bản đồ ấy, chăm chú dò tìm trên những đường nét ngoằn ngoèo của nó diễn biến chiến sự ở những phương trời xa, như thể việc xảy ra trên đất nước mình.

Một buổi sáng, bố tôi viết mấy chữ rất nhỏ vào một mảnh giấy cũng rất nhỏ rồi vo viên lại, nhét vào một đầu bánh mì rồi đưa cho tôi:

- Con biết nhà bác Ba chú?
- Con đến một lần với bố rồi.
- Con nhớ đường không?
- Con nhớ.

Con cầm cái bánh mì vừa đi vừa ăn sao cho đến nhà bác thì còn lại mẩu này, đưa cho bác. Đây là việc quan trọng, con hiểu không?

- Con hiểu.

Nếu đến nhà bác mà thấy trong nhà có mật thám đến bắt bác thì con làm thế nào?

- Con sẽ nhai miếng bánh và nuốt đi.

Bố tôi xoa đầu tôi:

- Thế thì được. Con đi ngay đi.

Tôi hiểu đó là việc gấp. Trước đó mười phút có một người tới tìm bố tôi, đưa cho bố tôi vật gì đó rồi đi ngay. Tôi vào trong nhà lấy cái khăn ra. Vừa đi vừa đánh khăn là cách che mắt bọn mật thám tốt nhất. Thế là cái khăn lăn trước, tôi chạy theo sau, vừa chạy vừa ăn bánh mì. Hồi ấy người ta bán loại bánh mì dài bằng cái thước kẻ, tròn bằng cái độn tóc của các bà. Chiến tranh, bánh mì làm bằng bột gạo nhưng cũng tròn và thơm. Tôi thích ăn thứ bánh mì này, nó phảng phất hương vị sâu bà Cơ.

Tôi rất quý bác Ba. Ông là một người cao lớn, lộ ngọc, cử chỉ vụng về, nhưng rất vui tính. Có thời gian ông đã ở nhà tôi. Ông chơi đùa với chúng tôi thoải mái ngang hàng, hệt như một đứa trẻ con to xác. Ông không biết cách gọt cam hay gọt khoai như cách chúng tôi gọt mà gọt ngược lại, từ nhìn trái và từ ngoài vào trong. Mẹ tôi thì thầm với tôi rằng bác Ba quen gọt như thế bởi vì bác ở bên Tây quá lâu

- Người Tây họ cũng gọt như vậy hả mẹ?

- Họ gọt vậy.

- Thế là gọt ngược, mẹ nhỉ?

- Nếu họ thấy mình gọt, họ cũng bảo là mình gọt ngược.

- Ngược là ngược mà xuôi là xuôi chứ.

- Bao giờ con lớn lên, con sẽ hiểu được rằng không phải tất cả mọi người đều giống nhau, con sẽ phải công nhận cái mình cho là ngược có khi lại là xuôi đối với người khác

Không thể nói chuyện với người lớn. Khi nào người không trả lời được thì thế nào họ cũng hứa sẽ cho mình hiểu khi nào mình lớn lên. Mà trẻ con thì cảm thấy mình lớn lên rất chậm.

Mãi suy nghĩ, tôi không nhìn thấy một thằng bé, lớn hơn tôi một đầu, chặn ngang đường. Tôi nhận ra nó. Thằng này cầm đầu lũ trẻ con Thọ Lão, thường phá đám chúng tôi khi chúng tôi chơi ở quanh chùa Hai Bà. Nó con nhà nghèo, cắc lắc và hung tợn. Trông thấy lũ trẻ Thọ Lão, chúng tôi tránh từ xa. Nhưng lần này tôi nhìn thấy nó thì đã muộn.

Hai chân dạng, tay chống nạnh khuỳnh khuỳnh, nó hất hàm:

– Ê, thằng kia, đi đâu?

Tôi nhũn nhặn tránh nó, lạng qua một bên để đuổi theo cái khăng đã hết đà lăn chiêng bên gốc cây. Nhưng nó đã dịch sang, chặn tôi lại.

Tôi nhìn vào mặt nó, nặn ra một nụ cười.

– Tránh cho người ta đi nào – tôi nói.

– Nộp mãi lộ rồi cho đi. – nó nói.

Thằng này sẽ không tha mình đâu, tôi nghĩ. Mẹ tôi dạy: "Không được sợ bất cứ cái gì, không được sợ bất cứ kẻ nào. sợ tức là thua ngay từ đầu, con sẽ không làm nổi việc gì hết".

– Mãi lộ cái gì, tránh ra!

Tiếng quát tự nó bật ra, không phải tôi cố ý.

Thằng bé quắc mắt lên. Nó lao luôn vào tôi. Tôi ngã ngửa. Nó chồm tới, giật ngay cái bánh.

Tôi hét lên, nhào tới giật lại. Nó giữ cái bánh rất chặt.

Tôi ghé luôn miệng, cắn cho nó một cái thật đau vào tay.

Nó hét lên vì đau, buông rơi miếng bánh mì xuống đất. Tôi vồ lấy, khư khư giữ chặt.

Cái cắn vào tay làm cho thằng bé điên cuồng. Nó lại xông tới, dấm thẳng vào mặt tôi. Trời đất tối xầm lại nhưng tôi vẫn giữ chắc mẩu bánh mì.

Đúng lúc đó, những người lớn đi qua chạy tới, can hai đứa chúng tôi ra. Mặt nó đỏ gay, miệng thở hổn hển. Tôi loạng choạng nhặt lấy cái khăn đi tiếp. Đuổi theo sau tôi là tiếng chửi rủa tục tằn và lời hứa sẽ trả hận.

Bác Ba mở cửa khi nghe tôi gọi. Ông ngạc nhiên nhìn bộ mặt nhem nhuốc, thâm tím của tôi, rồi cuống quýt lôi tôi vào nhà lấy cồn rửa vết thương cho tôi. Tôi không chịu, đưa ngay cho ông mẫu bánh mì và nói cho ông biết bố tôi bảo ông phải đọc ngay.

May, tôi biết làm thế nào nếu không giặt lại được cái bánh, nếu cái thằng kia trời đánh kia lại ngoạm mất mẫu đầu có viên giấy bố tôi nhét vào? Bác Ba đọc xong, bình thản châm diêm đốt mẫu giấy rồi lấy khăn lau mặt cho tôi. Sau đó ông dắt tôi ra ngoài cửa, hai bác cháu đi bộ một quãng. Ông gọi xe tay đi Khâm Thiên. Tôi đi bộ về nhà. Bố tôi đợi tôi. Nhìn thấy tôi, bố tôi còn sững sốt hơn bác Ba. Nghe tôi kể chuyện xong, bố lấy cồn rửa vết thương ở đầu cho tôi, bôi thuốc và thay quần áo cho tôi. Ông lặng lẽ làm những việc đó, không nói với tôi một câu.

Tôi đọc thấy trong mắt bố nỗi buồn nhưng không hiểu vì sao bố buồn, vì tôi bị đánh đau, vì vết toạc trên đầu khi bị ngã máu rớt xuống áo mà tôi không biết, hay vì tôi không biết tự vệ cho xứng đáng. Tôi leo lên giường, ngủ thiếp.

Tôi nghe thấy tiếng của bác Cả lọt vào trong giấc ngủ của tôi:

– Nó còn nhỏ quá. không nên đưa nó vào những công việc người lớn.

Nó cũng không đến nỗi nhỏ quá đâu – bố tôi cãi – Tôi không muốn thế, nhưng nó phải bắt đầu đi thì vừa.

– Nhà em nói đúng đấy, anh ạ. – mẹ tôi nói chêm vào – ở đất nước ta, lũ trẻ không thể chờ tới lớn mới làm những việc mà ở nơi khác người lớn làm.

– Nhưng, dù sao thì cũng tội quá. – giọng bác Cả bùi ngùi – Tuổi chúng nó là tuổi ăn tuổi chơi.

Tôi nghe thấy tiếng bác Cả cười khe khẽ. Rồi tiếng bước chân của ba người rời giường tôi.

- Tin tức hôm nay thế nào, anh Cả? - tiếng mẹ tôi hỏi. Bọn Đức tiến chậm chạp. Hồng quân bắt đầu phản công trên một số mặt trận, còn bên này bọn Nhật đang lúng túng ở Trung Quốc... Anh bỏ bản đồ xuống đây.

Tôi biết, không cần mở mắt, là ba người lại chụm đầu trên tấm bản đồ thế giới, mấy ngón tay trở lại dò dẫm tìm những địa danh chiến sự mà các đài phát thanh Đồng Minh vừa thông báo ban đêm.

Tôi nằm nghe những tiếng thì thào của người lớn, chợt nhận ra rằng vận mệnh đất nước tôi và cái thế giới chằng chịt nhiều màu được vẽ trong bản đồ kia gắn bó với nhau thật là chặt chẽ.

Hết.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Notes

[←1]

Luy-xi-phe (Lucifer), trong thiên văn là tên của sao Mai, trong Thiên Chúa là tên dùng để chỉ một thiên thần phạm tội bị Chúa trừng phạt, cho xuống Địa Ngục làm quỷ, là tên thường được gán cho Sa-tăng (Satan).

Table of Contents

Miền Thơ Ấu

LỜI NÓI ĐẦU

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

Notes